CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA

<u>Quy mô:</u> Sản xuất giày dép các loại và chi tiết của giày dép công suất 50.000.000 đôi sản phẩm/năm; sản xuất, gia công nguyên phụ liệu giày công suất 5.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 25.000.000 mét sản phẩm/năm)

<u>Địa điểm:</u> KCN Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA

Digitally signed by CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA
DN: C=VN, S=Đồng Nai, L="KCN Nhơn Trạch 1, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam", O=CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA, CN=CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3601019917, E=nguyentrang448866@gmail.com
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.03.23 13:08:56+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.1

Đồng Nai, tháng 03 năm 2026

CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA

Quy mô: Sản xuất giày dép các loại và chi tiết của giày dép công suất 50.000.000 đôi sản phẩm/năm; sản xuất, gia công nguyên phụ liệu giày công suất 5.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 25.000.000 mét sản phẩm/năm)

Địa điểm: KCN Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3601019... C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA TỈNH ĐỒNG NAI

CHO MYUNG HWAN

MỤC LỤC

MỤC LỤC i

DANH MỤC BẢNG BIỂU v

DANH MỤC HÌNH vii

CHƯƠNG 1 THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 9

1.1. Tên chủ cơ sở 9

1.1.1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH E.Z Sports Vina 9

1.1.2. Tóm tắt thông tin quá trình hoạt động của cơ sở 9

1.2. Tên cơ sở 11

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở 13

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở 13

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở 13

1.3.3. Danh mục máy móc, thiết bị 27

1.3.4. Sản phẩm của cơ sở 29

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu 30

1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, hoá chất 30

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện 33

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước 34

1.5. Các hạng mục công trình và các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở 36

1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở 36

1.5.2. Các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở 37

1.6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở 38

1.6.1. Vị trí địa lý của cơ sở 38

1.6.2. Vốn đầu tư của cơ sở 39

1.6.3. Nhu cầu sử dụng lao động 39

CHƯƠNG 2 SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 40

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 40

2.1.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia 40

2.1.2. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 40
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường 45
2.2.2. Sự phù hợp của dự án đối với nguồn tiếp nhận nước thải 47
2.2.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với nguồn tiếp nhận khí thải 48
CHƯƠNG 3 KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 49
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải..... 49
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa 49
3.1.2. Thu gom và xử lý nước thải 50
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải..... 67
3.2.1. Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở..... 67
3.2.2. Bụi từ công đoạn sản xuất tại cơ sở 68
3.2.3. Mùi nhựa, khí thải chứa VOC từ công đoạn gia nhiệt 73
3.2.4. Hơi dung môi, hơi hóa chất từ công đoạn quét nước xử lý, quét keo, dán đế, sấy keo 74
3.2.5. Mùi hôi từ khu vực tập kết rác thải 76
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường..... 76
3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt..... 76
3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường..... 78
3.3.3. Chất thải nguy hại 79
3.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung..... 82
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu nhiệt thừa 83
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải 84
3.6.1. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải 84
3.6.2. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với khí thải 87
3.6.3. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với chất thải rắn..... 89
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác 89
3.7.1. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ 89
3.7.2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nguyên, nhiên liệu, hóa chất..... 93
3.7.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất..... 100

3.7.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động 101
3.7.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn điện 101
3.7.6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn giao thông 102
CHƯƠNG 4 NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 103
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 103
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải 103
4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa 103
4.1.3. Dòng nước thải 103
4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải 103
4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: 104
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 105
4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải 105
4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải 105
4.2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 105
4.2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải. 105
4.2.5. Phương thức xả khí thải 105
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 106
4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung 106
4.3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung 106
CHƯƠNG 5 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 107
5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường 107
5.1.1. Tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện 107
5.1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường (kèm theo các văn bản báo cáo trong Phụ lục) của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền 107
5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải 107
5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải 109
5.4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải) 111

5.5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất) 111

5.6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải 111

5.7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở 112

CHƯƠNG 6 KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 113

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải 113

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm 113

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải 113

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật 114

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 114

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải 115

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở 115

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm 115

CHƯƠNG 7 CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 117

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Công suất sản xuất của dự án 13
Bảng 1.2. Danh mục máy móc, thiết bị hiện hữu tại cơ sở 27
Bảng 1.3. Danh mục máy móc, thiết bị khi nâng công suất 28
Bảng 1.4. Sản phẩm và sản lượng sản xuất của dự án 29
Bảng 1.5. Nhu cầu nguyên, vật liệu phục vụ cho sản xuất 30
Bảng 1.6. Đặc tính của các loại nguyện vật liệu, dung môi, hóa chất sử dụng 31
Bảng 1.7. Lượng điện tiêu thụ dự kiến khi tăng công suất tối đa 33
Bảng 1.8. Lượng nước sử dụng tại Nhà máy hiện hữu (m^3/tháng) 34
Bảng 1.9. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước và lượng nước thải của cơ sở 35
Bảng 1.10. Các hạng mục công trình tại cơ sở 36
Bảng 1.11. Tổng hợp các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở 37
Bảng 1.12. anh giới tiếp giáp của cơ sở 38
Bảng 1.13. Tọa độ các điểm ranh giới khu đất của nhà máy 38
Bảng 2.1. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của KCN Nhơn Trạch 1 46
Bảng 3.1. Số lượng và thể tích của các bể tự hoại tại cơ sở 55
Bảng 3.2. Thống kê các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m^3/ngày.đêm 59
Bảng 3.3. Danh mục máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m^3/ngày.đêm 59
Bảng 3.4. Thống kê hoá chất sử dụng cho hệ thống hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m^3/ngày.đêm 66
Bảng 3.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận áp dụng đối với nước thải sau xử lý tại cơ sở 67
Bảng 3.6. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý bụi từ công đoạn nạp liệu, phối trộn 72
Bảng 3.7. Thông số kỹ thuật của hệ thống khí thải hơi dung môi 76
Bảng 3.8. Khối lượng và chủng loại của chất thải rắn công nghiệp thông thường 78
Bảng 3.9. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy khi hoạt động với công suất tối đa (ước tính) 79
Bảng 3.10. Xử lý sự cố hệ thống bơm chìm 85
Bảng 3.11. Xử lý sự cố hệ thống xử lý nước thải 85

Bảng 3.12. Sự cố và khắc phục các sự cố trong vận hành hệ thống xử lý khí thải 88

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải 104

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải..... 105

Bảng 4.3. Giới hạn áp dụng tiếng ồn..... 106

Bảng 4.4. Giới hạn áp dụng độ rung..... 106

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải tại hố ga đấu nối năm 2024 108

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải tại hố ga đấu nối năm 2025 108

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc khí thải năm 2024 110

Bảng 5.4. Kết quả quan trắc khí thải năm 2025 110

Bảng 6.1. Kế hoạch chi tiết về vị trí, thông số, tần suất lấy mẫu dự kiến trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình, thiết bị xử lý khí thải..... 114

Bảng 6.2. Kinh phí quan trắc chất lượng môi trường hàng năm..... 115

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình công nghệ sản xuất tấm nguyên phụ liệu ngành giày (tấm nệm lót, mút vải xốp,…) 14
Hình 1.2. Nguyên liệu vải, mút xốp hoặc lưới polyester 14
Hình 1.3 Máy cán keo để ghép các tấm với nhau theo đơn đặt hàng 15
Hình 1.4. Máy cán keo để ghép các tấm với nhau theo đơn đặt hàng 15
Hình 1.5. Máy gia nhiệt bằng điện để kết dính keo với các tấm cần ép 16
Hình 1.6. Sản phẩm hoàn thiện và được cuộn đóng gói nhập kho 16
Hình 1.7. Quy trình sản xuất đế giày (đế trong midsole) 17
Hình 1.8. Nguyên liệu hạt nhựa 18
Hình 1.9. Máy trộn hạt nhựa 18
Hình 1.10. Hạt nhựa sau khi được gia nhiệt qua máy đùn 19
Hình 1.11. Máy cán thành tấm 20
Hình 1.12. Máy lạng để lạng mỏng theo tỷ lệ định sẵn và đơn đặt hàng 20
Hình 1.13. Cắt thành tấm 21
Hình 1.14. Tùy từng sản phẩm sẽ có tấm dày tấm mỏng khác nhau 21
Hình 1.15. Cắt tấm EVA được cắt thành đế giày 22
Hình 1.16. Bồn rửa đế sau khi cắt để loại bỏ bụi bẩn 22
Hình 1.17. Công đoạn dán keo và sấy khô đế và các chi tiết 23
Hình 1.18. Máy sấy khô sau khi dán đế và các chi tiết 23
Hình 1.19. Công đoạn kiểm tra và đóng gói thành phẩm 24
Hình 1.20. Quy trình sản xuất đế ngoài (Outsole) 24
Hình 1.21. Quy trình xử lý đế giày 26
Hình 1.22. Hình ảnh các sản phẩm của dự án 30
Hình 1.23. Vị trí của nhà máy trên bản đồ vệ tinh 39
Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa tại cơ sở 49
Hình 3.2. Hố ga đấu nối nước mưa với KCN Nhơn Trạch 1 tại cơ sở 50
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom, xử lý và xả nước thải tại cơ sở 51
Hình 3.4. Hình ảnh hố ga đấu nối nước thải với KCN Nhơn Trạch 1 52

Hình 3.5. Sơ đồ cấu bể tự hoại 03 ngăn 53
Hình 3.6. Sơ đồ hoạt động của bể tự hoại 05 ngăn..... 54
Hình 3.7. Sơ đồ công nghệ hệ thống XLNT công suất 50 m^3/ngày.đêm 57
Hình 3.8. Hình ảnh của hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m^3/ngày.đêm 66
Hình 3.9. Hệ thống thu bụi của máy mài..... 69
Hình 3.10. Sơ đồ quy trình công nghệ thu hồi bụi bằng hệ thống lọc bụi Cyclone – túi vải 70
Hình 3.11. Một số hình ảnh hệ thống xử lý bụi của nhà máy 72
Hình 3.12. Sơ đồ công nghệ xử lý hơi dung môi, hơi hóa chất..... 75
Hình 3.13. Hình ảnh thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại nhà máy 77
Hình 3.14. Hình ảnh khu vực lưu giữ chất thải nguy hại 82
Hình 3.15. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ 92
Hình 3.16. Quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất 100

CHƯƠNG 1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

1.1.1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH E.Z Sports Vina

- Địa chỉ văn phòng: KCN Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông Cho Myung Hwan

  + Chức vụ: Tổng Giám đốc

  + Điện thoại: 0251 3560 841

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 3601019917, đăng ký lần đầu ngày 17/6/2008, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 28/8/2025 của Sở Tài Chính tỉnh Đồng Nai cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3228042704, chứng nhận lần đầu ngày 17/06/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 9 ngày 16/8/2024 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp.

1.1.2. Tóm tắt thông tin quá trình hoạt động của cơ sở

Công ty TNHH E.Z Sports Vina là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư Hàn Quốc, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601019917 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 17/6/2008 và điều chỉnh lần thứ 4 ngày 29/7/2020. Trụ sở chính của Công ty đặt tại đường số 6B, KCN Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Cơ sở đã được Ban quản lý các KCN Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 3228042704, chứng nhận lần đầu ngày 17/06/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 9 ngày 16/8/2024. Từ khi đi vào hoạt động đến nay, Công ty đã được cấp các hồ sơ môi trường như sau:

- Năm 2008: Công ty được được Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch cấp giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 31/GXN.UBND ngày 29/8/2008 cho dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất bao bì carton và nguyên phụ liệu ngành giày công suất 2.000.000 sản phẩm/năm" tại địa điểm 1 (diện tích 15.000 m^2 – thực hiện trên diện tích đất được thuê với Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO theo Hợp đồng thuê lại đất số 112/CT-ĐT ngày 14/7/2008).

- Năm 2014: Công ty được Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường tại Thông báo số 88/TB-UBND ngày 17/4/2014 cho dự án "Mở rộng và nâng công suất nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu giày (miếng lót đế giày), quy mô từ 1.000.000 sản phẩm/năm lên 5.000.000 sản phẩm/năm" tại địa điểm 1 (diện tích 15.000 m^2 – thực hiện trên diện tích đất được thuê với Công ty

TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO theo Hợp đồng thuê lại đất số 112/CT-ĐT ngày 14/7/2008).

- Năm 2018: Công ty được Ban Quản lý các KCN Đồng Nai phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 327/QĐ-KCNĐN ngày 05/12/2018 cho dự án "Nhà máy sản xuất đế giày và các bộ phận của giày với quy mô 40.000.000 đôi sản phẩm/năm; sản xuất tấm nguyên phụ liệu ngành giày làm từ vải, nhựa, giấy với quy mô 25.000.000 mét sản phẩm/năm" tại địa điểm 1 (diện tích 15.000 m^2 – thực hiện trên diện tích đất được thuê với Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO theo Hợp đồng thuê lại đất số 112/CT-ĐT ngày 14/7/2008).

- Năm 2022: Do nhu cầu của thị trường về các sản phẩm giày dép ngày càng tăng và công suất của nhà máy hiện hữu không đáp ứng được nhu cầu đó nên nhà máy đã mở rộng thêm nhà xưởng tại địa điểm 2 (thuê nhà xưởng số 6 của Công ty TNHH Hwaseung Vina theo Hợp đồng thuê nhà xưởng số 3112/2022/HĐTX/EZSPORTS-HWASEUNG VINA ngày 31/12/2022). Đối với dự án này Công ty đã thực hiện Đăng ký môi trường và đã được UBND xã Phú Hội tiếp nhận đăng ký môi trường tại Văn bản số 93/UBND ngày 12/5/2025 cho dự án "Sản xuất giày dép các loại và chi tiết của giày dép quy mô 20.000.000 đôi sản phẩm/năm".

Theo giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 9 ngày 16/8/2024 thì mục tiêu sản xuất của Công ty là:

- Sản xuất bao bì carton từ nguyên liệu giấy công suất 1.000.000 sản phẩm/năm.

- Sản xuất, gia công nguyên phụ liệu giày công suất 5.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 25.000.000 mét sản phẩm/năm).

- Sản xuất giày dép các loại và chi tiết của giày dép công suất 70.000.000 đôi sản phẩm/năm (trong đó: tại địa điểm 1 sản xuất với công suất 50.000.000 đôi sản phẩm/năm và tại địa điểm 2 sản xuất với công suất 20.000.000 đôi sản phẩm/năm).

- Sản xuất các sản phẩm may (nón, mũ, giỏ xách, túi xách, vali, áo-găng tay thể thao các loại) công suất 1.990.000 sản phẩm/năm.

Tuy nhiên, theo khả năng sản xuất hiện tại, tổng công suất 2 nhà máy tại 2 địa điểm chỉ đáp ứng khả năng sản xuất giày dép các loại và chi tiết của giày dép công suất 70.000.000 đôi sản phẩm/năm (trong đó tại địa điểm 1 sản xuất với công suất 50.000.000 đôi sản phẩm/năm và tại địa điểm 2 sản xuất với công suất 20.000.000 đôi sản phẩm/năm); sản xuất, gia công nguyên phụ liệu giày công suất 5.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 25.000.000 mét sản phẩm/năm). Đối với mục tiêu sản xuất bao bì carton đến nay Công ty vẫn chưa triển khai thực hiện, do đó trong phạm vi báo cáo đề xuất cấp GPMT này không bao gồm đề xuất cấp phép đối với quy trình sản xuất sản phẩm bao bì carton. Ngoài ra, trong tương lai nếu có nhu cầu sản xuất các sản phẩm còn lại theo giấy chứng nhận đầu tư

(sản xuất bao bì carton từ nguyên liệu giấy; sản xuất các sản phẩm may (nón, mũ, giỏ xách, túi xách, vali, áo-găng tay thể thao các loại) thì Công ty sẽ tiến hành lập lại giấy phép môi trường trình cơ quan chức năng để được thẩm định cấp phép đúng theo quy định hiện hành.

Nhằm tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường và đáp ứng được nhu cầu của khách hàng trong tương lai, Công ty TNHH E.Z Sports Vina tiến hành lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho dự án: "*Nhà máy sản xuất giày dép các loại và chi tiết của giày dép công suất 50.000.000 đôi sản phẩm/năm; sản xuất, gia công nguyên phụ liệu giày công suất 5.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 25.000.000 mét sản phẩm/năm)*" tại địa điểm 1 với công suất sản xuất của dự án cụ thể như sau:

- Nhà máy tại địa điểm 1: đường số 6B, KCN Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (nhà xưởng số 1 và nhà xưởng số 2).

- Sản xuất giày dép các loại và chi tiết của giày dép công suất 50.000.000 đôi sản phẩm/năm.

- Sản xuất, gia công nguyên phụ liệu giày công suất 5.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 25.000.000 mét sản phẩm/năm).

Dựa trên các mục tiêu sản xuất của dự án thuộc ngành công nghiệp có vốn đầu tư là 107.597.940.000 (Một trăm lẻ bảy tỷ, năm trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng). Như vậy, theo khoản 3 Điều 11 Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024, dự án công nghiệp có vốn đầu tư dưới 120 tỷ đồng thuộc nhóm C.

Theo mục số thứ tự 2, mục II, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: "Dự án có cấu phần xây dựng không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có phát sinh nước thải, bụi, khí thải phải được xử lý hoặc có phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải" thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Nội dung và trình tự các bước thực hiện báo cáo được tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật về môi trường và hướng dẫn của Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.2. Tên cơ sở: Công ty TNHH E.Z Sports Vina

- Quy mô: "Nhà máy sản xuất giày dép các loại và chi tiết của giày dép công suất 50.000.000 đôi sản phẩm/năm; sản xuất, gia công nguyên phụ liệu giày công suất 5.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 25.000.000 mét sản phẩm/năm)".

- Địa điểm cơ sở: Địa điểm 1: Nhà xưởng số 1 và nhà xưởng số 2 – Đường số 6B, KCN Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư: Ban Quản lý các KCN Đồng Nai, Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, các giấy phép môi trường thành phần:

+ Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 31/GXN.UBND ngày 29/8/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch của dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất bao bì carton và nguyên phụ liệu ngành giày công suất 2.000.000 sản phẩm/năm".

+ Thông báo số 88/TB-UBND ngày 17/4/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án "Mở rộng và nâng công suất nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu giày (miếng lót đế giày), quy mô từ 1.000.000 sản phẩm/năm lên 5.000.000 sản phẩm/năm của Công ty TNHH E.Z Sports Vina.

+ Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường số 327/QĐ-KCNĐN ngày 05/12/2018 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai của dự án "Nhà máy sản xuất đế giày và các bộ phận của giày với quy mô 40.000.000 đôi sản phẩm/năm; sản xuất tấm nguyên phụ liệu ngành giày làm từ vải, nhựa, giấy với quy mô 25.000.000 mét sản phẩm/năm" của Công ty TNHH E.Z Sports Vina tại KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 140/SĐK-CCBVMT ngày 23/5/2014 của Chi cục Bảo vệ môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp.

- Quy mô của cơ sở theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công: Cơ sở thuộc nhóm C với tổng mức đầu tư là 107.597.940.000 (Một trăm lẻ bảy tỷ, năm trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi nghìn) đồng (theo quy định tại khoản 3, Điều 11 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024).

- Yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Cơ sở không thuộc đối tượng có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công nguyên phụ liệu giày; sản xuất giày dép các loại và chi tiết của giày dép.

- Phân nhóm dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Dự án thuộc nhóm III (căn cứ theo số thứ tự 2, Phụ lục V – ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025).

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Công suất của cơ sở khi đi vào hoạt động ổn định được thống kê chi tiết như sau:

Bảng 1.1. Công suất sản xuất của dự án

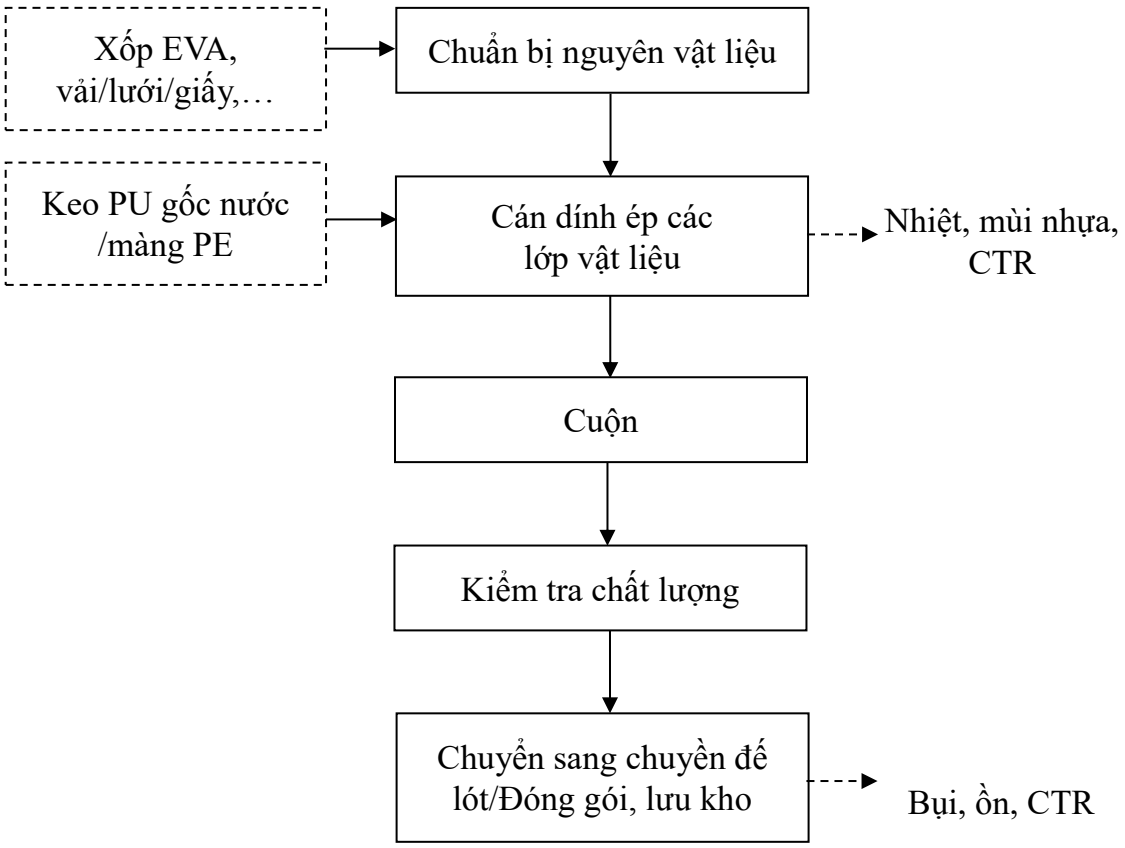
STT	Sản phẩm	Công suất sản xuất			
		Theo Bản cam kết BVMT số 31/GXN. UBND ngày 29/8/2008	**Theo Bản cam kết BVMT số 88/TB-UBND ngày 17/4/2014**	**Theo Báo cáo ĐTM số 327/QĐ-KCNĐN ngày 05/12/2018**	**Theo báo cáo đề xuất GPMT**
1	Bao bì carton từ nguyên liệu giấy	1.000.000 sản phẩm/năm	-	-	-
2	Nguyên phụ liệu giày	1.000.000 sản phẩm/năm	5.000.000 sản phẩm/năm	25.000.000 mét sản phẩm/năm	5.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 25.000.000 mét sản phẩm/năm)
3	Giày dép các loại và chi tiết của giày dép *(Tên gọi hồ sơ cũ: Đế giày và các bộ phận của giày)*	-	-	40.000.000 đôi sản phẩm/năm	50.000.000 đôi sản phẩm/năm

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

a. Quy trình công nghệ sản xuất, gia công nguyên phụ liệu giày

Quy trình công nghệ sản xuất tấm nguyên phụ liệu ngành giày (tấm nệm lót, mút vải xốp,…):



Hình 1.1. Quy trình công nghệ sản xuất tấm nguyên phụ liệu ngành giày (tấm nệm lót, mút vải xốp,…)

• ***Thuyết minh quy trình sản xuất:***

Nguyên liệu nhập về gồm: các cuộn mút xốp EVA, vải hoặc lưới polyester,… sẽ được cán dính lại với nhau bằng keo hoặc màng PE bằng máy cán. Tùy theo đơn hàng mà các lớp cán này có thể là vải/lưới – keo/PE – mút xốp/lưới.



Hình 1.2. Nguyên liệu vải, mút xốp hoặc lưới polyester

Đầu tiên, công nhân gắn nguyên liệu lên trục quay của máy cán, nếu là quy trình cán keo thì công nhân sẽ đổ keo lên máng của máy dán keo (keo sử dụng là keo PU gốc nước), nếu là quy trình cán màng PE thì công nhân sẽ gắn các tấm màng PE lên trục cán để bắt đầu quá trình cán độ 110 –180^{o}C. Tại máy cán sẽ gia nhiệt ép dính cố định các lớp vải/lưới – keo – mút/vải/lưới lại với nhau nhiệt độ 80 –130^{o}C (gia nhiệt bằng điện), sau đó cuộn thành các cuộn tròn, được kiểm tra chất lượng. Những tấm (cuộn) vật liệu đạt tiêu chuẩn sẽ chuyển sang công đoạn đóng gói và lưu kho sau đó xuất trả lại kho vật tư Hwaseung hoặc xuất cho các xưởng sản xuất của Hwaseung.



Hình 1.3 Máy cán keo để ghép các tấm với nhau theo đơn đặt hàng

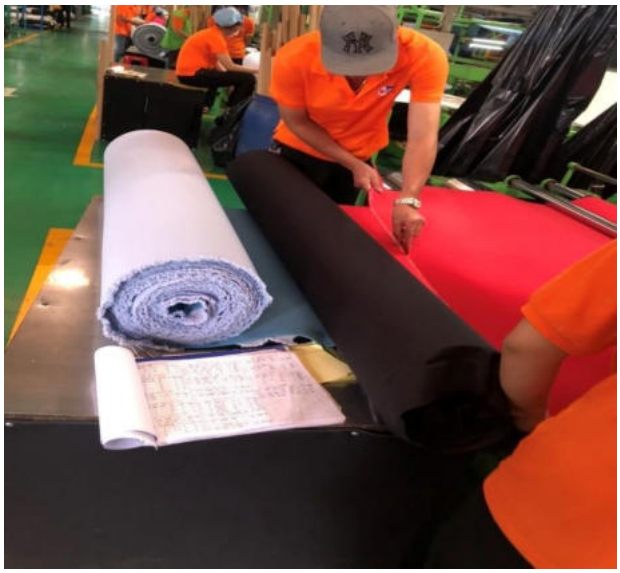


Hình 1.4. Máy cán keo để ghép các tấm với nhau theo đơn đặt hàng



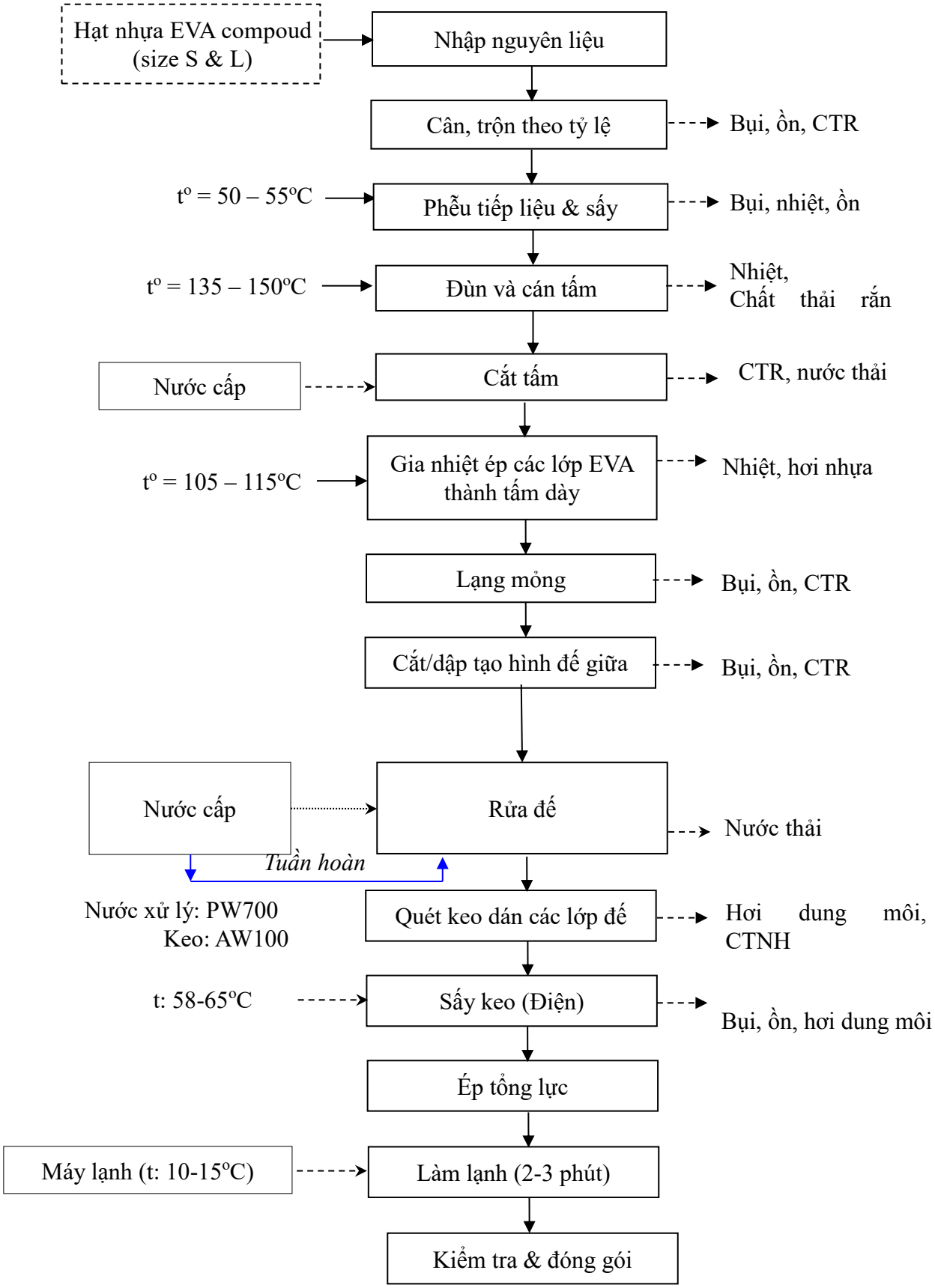


Hình 1.5. Máy gia nhiệt bằng điện để kết dính keo với các tấm cần ép

Hình 1.6. Sản phẩm hoàn thiện và được cuộn đóng gói nhập kho

b. Quy trình sản xuất đế giày (đế trong midsole)



Hình 1.7. Quy trình sản xuất đế giày (đế trong midsole)

• ***Thuyết minh quy trình sản xuất:***

Nguyên liệu đầu vào gồm các loại hạt nhựa EVA compound (size S và L) được nhập về và lưu trữ trong kho chứa nguyên liệu (công ty tuyệt đối không nhập các loại nhựa tái chế từ bên ngoài Công ty để cung cấp cho quá trình sản xuất), cân điện tử theo tỷ lệ và cho vào các máy nhào trộn để trộn đều. Tại máy trộn được thiết kế hệ thống thùng trộn quay quanh trục cố định, hoạt động nhào lộn làm cho các loại nguyên liệu trộn đồng nhất nhờ lực ma sát giữa nguyên vật liệu và thành thùng. Vật liệu sẽ được nhào lộn và va đập vào những cánh phụ, thành thùng chứa tạo nên hỗn hợp được trộn đều. Máy trộn với thùng trộn kín được thiết kế có cổng xả và nạp liệu thiết kế với thiết bị khóa an toàn, do vậy bụi không phát tán ra môi trường xung quanh.



Hình 1.8. Nguyên liệu hạt nhựa



Hình 1.9. Máy trộn hạt nhựa

Hạt nhựa EVA sau khi trộn và được hút vào phễu tiếp liệu của máy đùn. Tại đây, nguyên liệu sẽ được sấy khô ở nhiệt độ từ 50 – 60^{o}C để loại trừ hoàn toàn độ ẩm của nguyên liệu trong vòng 10 phút (bằng hệ thống cấp nhiệt sử dụng điện). Nguyên liệu sau khi được sấy khô, được chuyển qua hệ thống đùn trục vít, máy đùn trục vít quay với tốc độ 120 vòng

phút chuyển tiếp hạt nhựa từ phễu đến trục vít truyền dẫn, tại đây hạt nhựa được gia nhiệt với nhiệt độ tăng dần theo chiều dài của trục vít. Bắt đầu từ điểm rơi của hạt nhựa trên phễu xuống cho đến điểm được ép ra phôi, tại đây hạt nhựa sẽ được đun nóng dần dần đến 135 – 150^{o}C và bị nóng chảy (hạt nhựa chỉ nóng chảy dần không xảy ra nguy cơ quá nóng có thể gây phá vỡ liên kiết trong polyme).

Khi hạt nhựa nóng chảy dần trong khoảng cách giữa các răng của trục vít và phía trong nòng cảo, vì kích thước của trục vít có đường kính lớn dần theo đường đi của hạt nhựa (đường kính trong của nòng cảo không thay đổi) nên càng tiến về phía cuối của trục vít thì hạt nhựa càng bị ép, sau đó được nóng chảy hoàn toàn. Đó là giai đoạn nóng chảy của hạt nhựa trong quy trình hoạt động của máy đùn từ hạt nhựa EVA.

Khi hạt nhựa được nóng chảy và đã loại sạch không khí thì được ép đến khuôn qua nhiều tấm lưới xếp sát nhau bằng kim loại, số tấm lưới nhiều ít khác nhau phụ thuộc vào độ dày của những lỗ nhỏ trên lưới, những tấm lưới đó sẽ lọc hết những hạt nhựa chưa nóng chảy. Sau khi được lọc sạch cặn, khối nhựa nóng sẽ chạy vào khuôn hình chữ T để dàn đều lượng nhựa được đưa vào mỗi trục.

Nhựa nóng chảy qua khuôn chữ T, được đưa vào các trục cán tạo tấm mỏng để định hình sản phẩm về kích thước lớn nhỏ, và độ dày mỏng của tấm. Tấm EVA tạo thành sẽ được cắt theo khổ quy định và để nguội trong không khí.



Hình 1.10. Hạt nhựa sau khi được gia nhiệt qua máy đùn



Hình 1.11. Máy cán thành tấm

Các tấm EVA mỏng được cân điện tử theo tỷ lệ và cho vào máy ép các tấm EVA mỏng lại với nhau thành tấm dày. Sau đó các tấm này sẽ được đưa sang máy lạng để lạng mỏng theo kích thước quy định và chuyển sang máy cắt/dập để cắt tạo hình đế giữa và các chi tiết của đế, để nguội trong không khí để ổn định đế. Tại công đoạn cắt tấm EVA theo kích thước của đơn đặt hàng, Công ty dùng máy cắt bằng nước dưới dạng tia nước để cắt tấm EVA. Nước được phun dưới dạng tia nên không phát sinh bụi trong quá trình cắt, lượng nước sử dụng không nhiều, khoảng 1m^3/ngày. Khu vực cắt được bao quanh bằng gờ tránh nước chảy ra ngoài nhà xưởng. Lượng nước thải trong quá trình cắt theo đường ống thu gom đấu ra hệ thống thu gom nước thải của Công ty.



Hình 1.12. Máy lạng để lạng mỏng theo tỷ lệ định sẵn và đơn đặt hàng



Hình 1.13. Cắt thành tấm



Hình 1.14. Tùy từng sản phẩm sẽ có tấm dày tấm mỏng khác nhau



Hình 1.15. Cắt tấm EVA được cắt thành đế giày

Các tấm EVA sau khi cắt thành đế trong (Midsole) sẽ được đưa đến hệ thống bồn rửa, tại đây đế sẽ được rửa sạch khỏi bụi bẩn bám lên trong quá trình cắt. Quá trình rửa chỉ sử dụng nước ấm, không sử dụng bất kỳ hóa chất nào, nước rửa đế được sử dụng tuần hoàn. Lượng nước trong hệ thống máy rửa sau mỗi ngày làm việc sẽ được thay nước mới một lần, lưu lượng khoảng 2 m^3/ngày. Đế sau khi rửa sẽ được đưa đến công đoạn sấy khô.



Hình 1.16. Bồn rửa đế sau khi cắt để loại bỏ bụi bẩn

Đế và các chi tiết của đế sau khi sấy khô hoàn thiện sẽ chuyển sang chuyền dán keo, sấy khô keo để dán cố định đế và các chi tiết đế cùng với đế ngoài (được sản xuất tại địa điểm 2) lại với nhau (2-3 lớp đế). Tại công đoạn dán keo, Công ty sử dụng keo gốc nước,

hơi dung môi phát sinh rất ít, tại mỗi chuyền dán keo, sấy khô keo được gắn các chụp hút, thu gom hơi khí thoát ra theo ống thoát khí thải.

Sản phẩm tiếp tục đưa vào máy ép tổng lực để ép cố định các lớp đế, sau đó đưa vào máy làm lạnh ở nhiệt độ 10-15^{o}C trong thời gian từ 2-3 phút. Đế thành phẩm được kiểm tra, đóng gói và xuất hàng.



Hình 1.17. Công đoạn dán keo và sấy khô đế và các chi tiết

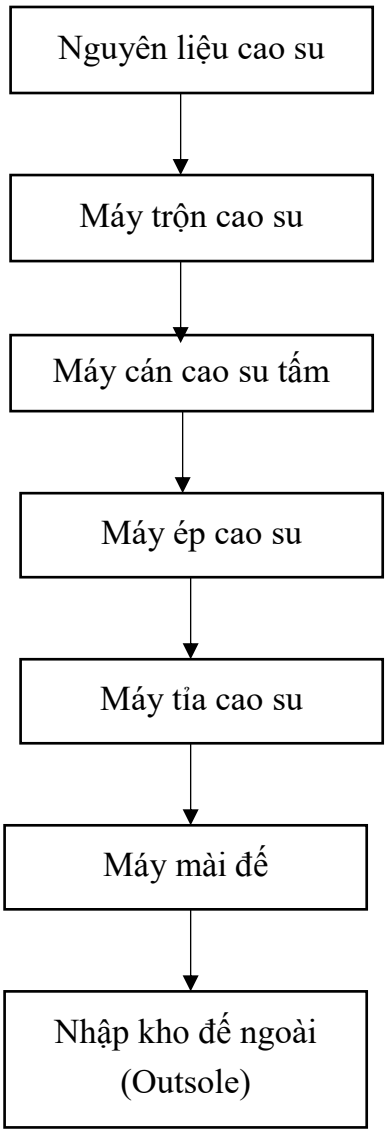


Hình 1.18. Máy sấy khô sau khi dán đế và các chi tiết



Hình 1.19. Công đoạn kiểm tra và đóng gói thành phẩm

c. Quy trình sản xuất đế ngoài (Outsole)



Hình 1.20. Quy trình sản xuất đế ngoài (Outsole)

• ***Thuyết minh quy trình công nghệ:***

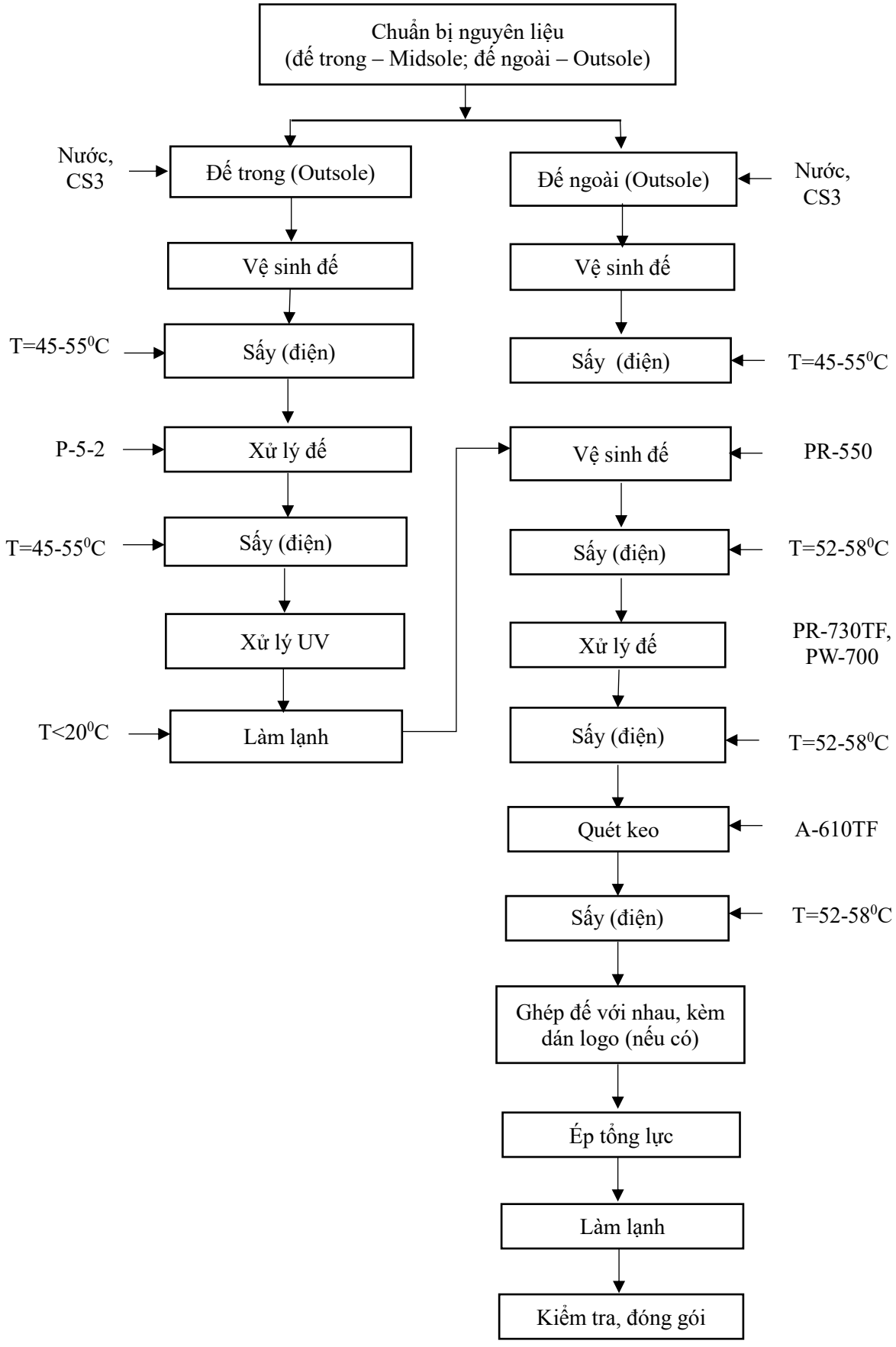
Nguyên liệu đầu vào (chủ yếu là cao su, phụ gia) được được nhập về và lưu trữ trong kho chứa nguyên liệu (Công ty tuyệt đối không nhập các loại nguyên liệu tái chế từ bên ngoài Công ty để cung cấp cho quá trình sản xuất). Đầu tiên, các nguyên liệu này được đến cân định lượng để cân theo tỷ trọng tương ứng đối với từng loại nguyên vật liệu đã được định sẵn theo tỷ lệ chuẩn chất lượng của sản phẩm, các nguyên liệu này theo băng tải tự động chuyển đến Hệ thống nạp liệu & phối trộn (Kneader).

Nguyên vật liệu sau khi trộn sẽ xả vào phễu xuống trục cán tại máy Calendar (luyện kín) để cán nóng chảy đều hỗn hợp Calendar (luyện kín) là quá trình cán nóng chảy các nguyên liệu và trộn đều vào nhau thành hỗn hợp khối nhựa dẻo đồng nhất (ở nhiệt độ $t^o_{\text{nóng chảy}}$ = 150 – 165^{o}C). Tùy theo yêu cầu của sản phẩm, hỗn hợp sẽ được bổ sung chất tạo màu thích hợp và cán lần 1 để trộn đều màu theo yêu cầu của khách hàng (ở nhiệt độ $t^o_{\text{nóng chảy}}$= 125 – 130^{o}C). Sau khi cán màu, hỗn hợp được đưa sang máy kéo 2 trục (18 in/22 in) để cán lần 2 thành miếng mỏng ở nhiệt độ $t^o_{\text{nóng chảy}}$= 125 – 130^{o}C và cắt mét (theo khổ quy định). Sau khi cắt, hỗn hợp được đưa sang phòng lạnh nhằm làm nguội trong 4h để ổn định sản phẩm trước khi đưa sang công đoạn cán lưu huỳnh.

Tại đây, sản phẩm sẽ được cán đều với 1 lượng lưu huỳnh theo tỷ lệ nhất định để tiến hành lưu hóa. Quá trình lưu hóa tạo ra những cầu nối phân tử (S/S) giữa các phân tử polyme hình sợi của cao su, giúp sản phẩm có tính đàn hồi tốt hơn, bền và lâu mòn hơn. Sản phẩm khi lưu hóa sẽ được cắt, đưa sang bộ phận kiểm nghiệm lưu hóa để kiểm tra quá trình lưu hóa rồi đưa sang phòng lạnh trong 4h để ổn định sản phẩm trước khi thực hiện các công đoạn tiếp theo. Tấm NVL sau khi đã lưu hóa được chuyển sang máy cán và cắt tấm cao su.

Các tấm cao su sau đó được đưa sang máy cắt/dập để cắt theo kích thước tiêu chuẩn, sau đó đưa sang máy ép (Pressing) khuôn định hình đế (nhiệt độ ép: 150 -165^{o}C, máy ép vận hành bằng điện) hoặc ép cố định tem lên tấm outsole. Đế outsole sau khi ép sẽ được cắt tỉa biên, rìa đế và đưa sang bộ phận kiểm tra chất lượng (công nhân kiểm tra chất lượng bằng cảm quan và bằng máy đo lường, không thử nghiệm bằng hóa chất trong phòng thí nghiệm), đóng gói, lưu kho và xuất hàng.

d. Quy trình xử lý đế giày



Hình 1.21. Quy trình xử lý đế giày

• ***Thuyết minh quy trình gia công đế giày:***

Nguyên liệu đầu vào là các đế trong (Midsole), đế ngoài (Outsole) được nhập về từ các đơn vị cung cấp sẽ được đưa sang các bước chuẩn bị như sau:

- Công đoạn xử lý UV:

+ Các đế trong (midsole): đế giày sẽ được công nhân dùng cọ quét hoá chất làm sạch bề mặt đế, để làm sạch bề mặt và tạo độ nhám cho dễ dính keo (hóa chất gốc dầu dễ bay hơi). Đế sau khi vệ sinh sẽ được đưa vào máy sấy để sấy khô ở nhiệt độ 45-55^{o}C (máy sấy vận hành bằng điện). Sau đó tiếp tục quét hoá chất xử lý lên mặt sau của đế và qua máy chiếu UV 45-55^{o}C (máy UV vận hành bằng điện), nhằm mục đích xử lý ổn định bề mặt dính keo của đế. Sau đó qua máy làm lạnh để ổn định đế không bị co rút. Tiếp theo, đế giày sẽ theo băng tải chuyển qua công đoạn ghép đế.

+ Các đế ngoài (outsole): đế giày sẽ được công nhân dùng cọ quét hoá chất làm sạch bề mặt đế để làm sạch bề mặt và tạo độ nhám để dễ dính keo (hóa chất gốc dầu dễ bay hơi). Đế sau khi vệ sinh sẽ được đưa vào máy sấy để sấy khô ở nhiệt độ 45-55^{o}C (máy sấy vận hành bằng điện). Tiếp theo, đế giày sẽ theo băng tải chuyển qua công đoạn ghép đế.

- Công đoạn Stockfit:

Sau khi hoàn thành các bước chuẩn bị, các lớp đế giày (midsole & outsole) sẽ được vệ sinh bề mặt một lần nữa bằng hoá chất, sau đó qua máy sấy làm khô bề mặt, tiếp theo đế được xử lý bằng hoá chất nhằm mục đích keo dính tốt hơn, sau đó công nhân dán keo (keo sử dụng là keo PU gốc nước) để ghép dính 02 lớp đế lại với nhau (công đoạn này quan trọng nhất quyết định thành phẩm đạt chất lượng yêu cầu hay không, có bị sự cố: hở keo, lệch mí, lem keo,…) và đồng thời ở giai đoạn này sẽ thực hiện thêm dán logo (nếu có). Tiếp theo cho đế vào máy ép tổng lực 4 chiều để ép đính chặt cố định các lớp đế, sau đó chuyển qua công đoạn làm mát bằng khí nén. Sản phẩm cuối cùng được kiểm tra, đóng gói và lưu kho chờ xuất cho khách hàng.

1.3.3. Danh mục máy móc, thiết bị

Danh mục máy móc, thiết bị của phục vụ cho hoạt động sản xuất đã được lắp đặt tại cơ sở, thể hiện tại bảng sau:

Bảng 1.2. Danh mục máy móc, thiết bị hiện hữu tại cơ sở

Stt	Máy móc, thiết bị	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng
1	Máy phủ keo sticker (Máy Stick)	Hàn Quốc	Cái	1	Tốt
2	Máy cán ép keo nước (Happo)	Hàn Quốc	Cái	3	Tốt

Stt	Máy móc, thiết bị	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng
3	Máy cán ép film keo nhiệt (Hotmelt – Optim)	Hàn Quốc	Cái	1	Tốt
4	Máy cán trộn (Mixing Roll) 18 inch	Hàn Quốc	Cái	2	Tốt
5	Máy nhào trộn 75 lít	Hàn Quốc	Cái	1	Tốt
6	Băng tải vận chuyển máy cán trộn (thang nâng)	Hàn Quốc	Cái	2	Tốt
7	Máy ép EVA 1500 tấn (Sponge Press)	Hàn Quốc	Cái	3	Tốt
8	Lò hơi điện	Hàn Quốc	Cái	4	Tốt
9	Máy gia nhiệt dầu 60KW – 300°C (Oil Temperature Control Machine)	Hàn Quốc	Cái	1	Tốt
10	Máy cán/Calendar 12 inch	Hàn Quốc	Cái	2	Tốt
11	Quạt hút công nghiệp 15HP	Hàn Quốc	Cái	1	Tốt
12	Máy may 1 kim (may bàn)	Hàn Quốc	Cái	1	Tốt
13	Máy cán trộn 22 inch	Hàn Quốc	Cái	1	Tốt
14	Máy cán tấm (Sheeting Calendar Machine)	Hàn Quốc	Cái	1	Tốt
15	Máy cấp liệu có hệ thống bôi trơn tự động (bên may)	Hàn Quốc	Cái	1	Tốt
16	Tháp giải nhiệt 50RT	Hàn Quốc	Cái	1	Tốt
17	Máy cắt liệu	Hàn Quốc	Cái	1	Tốt
18	Máy cuốn liệu	Hàn Quốc	Cái	1	Tốt

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)

Khi nâng công suất, cơ sở mượn thêm 53 máy móc, thiết bị từ Công ty TNHH Hwaseung Vina, cụ thể như bảng sau:

Bảng 1.3. Danh mục máy móc, thiết bị khi nâng công suất

Stt	Máy móc, thiết bị	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng
1	Máy ép dán keo nhiệt JYF-02G (2.1KW, gia nhiệt dầu)	Hàn Quốc	Cái	2	Tốt
2	Máy cán màng 2 trục (Double Drum Laminating) KT-WE-1800B	Hàn Quốc	Cái	2	Tốt
3	Hệ thống lọc bụi tĩnh điện 100HP (Electric Precipitator)	Hàn Quốc	Cái	1	Tốt
4	Máy hút bụi công nghiệp FQ-810B	Hàn Quốc	Cái	1	Tốt

Stt	Máy móc, thiết bị	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Tình trạng
5	Máy cắt đế giày CF-25/30T	Hàn Quốc	Cái	3	Tốt
6	Máy cắt thủy lực CF-25/30T	Hàn Quốc	Cái	5	Tốt
7	Máy mài / máy đánh bóng	Hàn Quốc	Cái	3	Tốt
8	Máy mài 2 đầu CF-1120A	Hàn Quốc	Cái	3	Tốt
9	Bồn làm lạnh inox 2 ngăn (chilled double groove tank)	Hàn Quốc	Cái	5	Tốt
10	Máy sấy tia UV PH-688 (sấy khô giày)	Hàn Quốc	Cái	1	Tốt
11	Băng tải bôi keo (Stockfitting Cement Conveyor)	Hàn Quốc	Cái	4	Tốt
12	Máy ép dán đế viền thủy lực (Hydraulic Walled Sole Attaching Machine)	Hàn Quốc	Cái	7	Tốt
13	Máy trộn keo công nghiệp	Hàn Quốc	Cái	10	Tốt
14	Máy làm lạnh (Cooling Machine)	Hàn Quốc	Cái	1	Tốt
15	Băng tải sấy nhiệt khô FQ-101A	Hàn Quốc	Cái	2	Tốt
16	Máy ép dán đế thủy lực (công đoạn stockfit)	Hàn Quốc	Cái	3	Tốt

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)

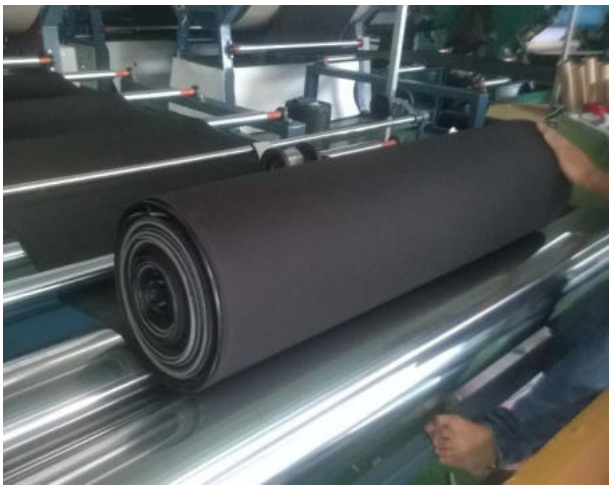
1.3.4. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của Công ty là giày dép các loại và chi tiết của giày dép công suất; các nguyên phụ liệu giày. Sản lượng sản xuất được thể hiện chi tiết ở bảng sau:

Bảng 1.4. Sản phẩm và sản lượng sản xuất của dự án

STT	Sản phẩm	Sản lượng hiện nay	Công suất dự kiến sau khi được cấp GPMT
1	Sản xuất, gia công nguyên phụ liệu giày	5.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 25.000.000 mét sản phẩm/năm	5.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 25.000.000 mét sản phẩm/năm)
2	Sản xuất giày dép các loại và chi tiết của giày dép *(Tên gọi hồ sơ cũ: sản xuất đế giày và các bộ phận của giày)*	40.000.000	50.000.000 đôi sản phẩm/năm

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)





Hình sản phẩm nguyên phụ liệu giày





Hình sản phẩm các loại đế giày

Hình 1.22. Hình ảnh các sản phẩm của dự án

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu

1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu, hoá chất

Bảng 1.5. Nhu cầu nguyên, vật liệu phục vụ cho sản xuất

STT	Nguyên liệu	Đơn vị tính	Lượng sử dụng/năm	
			Hiện tại	Khi hoạt động công suất tối đa
1	Cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	Tấn	1.943	2.332
2	Nhựa EVA nguyên sinh	Kg	1.490	1.788
3	Chất tạo màu các loại	Kg	194.296	233.155
4	Lưu huỳnh (dạng hạt)	kg	97.148	116.578
5	Vải, da	Kg	27.000	32.400
6	Tấm mút xốp	Kg	8.000	9.600
7	Winmel, film	Kg	1.500	1.800

STT	Nguyên liệu	Đơn vị tính	Lượng sử dụng/năm	
			Hiện tại	Khi hoạt động công suất tối đa
8	Giấy Stick	Kg	1.800	2.160
9	Keo, hoá chất sử dụng	Tấn	2.252	2.702
10	Bao bì đóng gói	Kg	109.480	131.376
11	Đế trong IP	Tấn	2.160	2.592
12	Đế ngoài	Tấn	5.195	6.234
13	Than hoạt tính (HTXL khí thải)	kg	50	50
14	Dinh dưỡng (HTXL nước thải)	kg	50	50
13	NaOH (HTXL nước thải)	kg	720	720

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)

Ghi chú: Số liệu thống kê hiện tại dựa trên số liệu sản xuất từ tháng 01/2025 đến tháng 12/2025.

Bảng 1.6. Đặc tính của các loại nguyện vật liệu, dung môi, hóa chất sử dụng

Tên hóa học	Thành phần hóa học	Công dụng	Số CAS	Hàm lượng %
WA-1C	Polyurethane Resin; nước	Keo PU tổng hợp gốc nước	39378-01-3	45 ~ 50 50 ~ 55
HRF 2000	Acetic acid ethyl ester (EA) Polyisocynate	Chất đông cứng	141-78-6 1431-54-5	55 ~ 65 35 ~ 45
PW-700V	Acetone nước		67-64-1 7732-18-7	40 ~ 50 40 ~ 50
LOCTITE AQUACE W-08	Acetone 2-Methyl-1,2-benzisothiazol-3(2H)-one Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone	Keo dán	67-64-1 2527-66-4 55965-84-9	0,1 ~ 1 < 10 < 0,01
LOCTITE BONDACE 6700-2	Acetone Ethyacetate Butanone	Keo dán	67-64-1 141-78-6 78-93-3	10 ~ 30 30 ~ 60 30 ~ 60
LOCTITE BONDACE P-5-2	Butanone Methylcyclohexane Ethylacetate 2-methoxy-1-methylethyl acetate	Chất xử lý	78-93-3 108-87-2 141-78-6 108-65-6 2082-81-7	30 ~ 60 30 ~ 60 10 ~ 30 0,1 ~ 1 0,1 ~ 1

Tên hóa học	Thành phần hóa học	Công dụng	Số CAS	Hàm lượng %
	Tetramethylene dimethacrylate 2-Hydroxyethyl methacrylate Orthophosphoric acid		868-77-9 7664-38-2	
LOCTITE AQUACE ARF-40	Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, methoxypoly(ethylene glycol)-blocked Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, polyethylene-polypropylene glycol mono-Bu ether-blocked Ethylacetate	Chất đóng rắn	160994-68-3 125252-47-3 141-78-6	60 ~ 90 10 ~ 30 10 ~ 30
LOCTITE BONDACE 232HF-2	Acetone Ethylacetate Butanone Methylcyclohexane	Chất xử lý	67-64-1 141-78-6 78-93-3 108-87-2	1 ~ 10 30 ~ 60 30 ~ 60 1 ~ 10
LOCTITE BONDACE ARF-2000	Ethylacetate 2,4-Toluene diisocyanate, homopolymer Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer		141-78-6 26006-20-2 28182-81-2	30 ~ 60 10 ~ 30 10 ~ 30

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)

- Nhựa EVA (Etylen Vinyl axetat): $-(CH_2-CH_2)_x(CH_2-CHOCOCH_3)_y$

EVA là tên gọi của một loại nhựa được viết tắt từ tên gọi tiếng Anh là Ethylene Vinyl axetate Copolymer, là sản phẩm đồng trùng hợp của etylen với vinyl axetat. EVA mềm dẻo ở nhiệt độ thấp, bền xé, trong suốt, dễ gắn và dán ở nhiệt độ thấp, có khả năng phối trộn với lượng lớn các chất độn. Có đặc tính như sau:

+ Do có tính linh hoạt nên ở nhiệt độ thấp nó có độ dẻo dai và mềm mại.

+ Nhẹ, trong suốt, có khả năng chịu lực.

+ Trọng lượng thấp, tính kinh tế cao.

+ Tính chất cơ học của EVA phụ thuộc vào hàm lượng nhóm vinyl axetat trong EVA: Khi hàm lượng vinyl axetat tăng mức độ kết dính của EVA giảm, tính dẻo, dai, đàn hồi và khả năng hòa tan trong các dung môi tăng nhưng độ bền với nước, muối và một số môi trường khác giảm.

- MEK (Methyl Ethyl Ketone hay 2-Butanone)-C_4H_8O: là chất lỏng không màu, có mùi aceton, rất dễ cháy và hơi. Gây kích ứng đường hô hấp, mắt và đường tiêu hóa, dễ gây bỏng nặng cho da. có thể gây suy nhược hệ thống thần kinh trung ương.

- MCH (Methyl clyclo hexane) – C_7H_{14}: là chất lỏng không màu, có mùi nhẹ, dễ cháy. Gây kích ứng đường hô hấp và có thể gây kích ứng da khi tiếp túc.

- Acetone - C_3H_6O: là chất lỏng không màu, trong với mùi hắc đặc trưng. Aceton gây kích ứng mắt khi tiếp túc, gây kích ứng đường hô hấp nếu hít phải và kích ứng đường tiêu hóa khi nuốt phải; có thể gây kích ứng da, có thể có hại nếu hấp thụ qua da,có thể gây ra nhạy cảm khi tiếp xúc với da.

- Toluene: là chất lỏng không màu, có thể cháy được, độ nhớt thấp, có mùi thơm giống benzene. Toluen gây kích thích mắt khi tiếp xúc, nhưng không ảnh hưởng đến màng mắt; tiếp xúc với da thường xuyên và lâu dài có thể bị kích thích và viêm da. Đối với hệ hô hấp, nếu hàm lượng bay hơi cao (lớn khoảng 1.000 ppm) gây kích thích mắt và cơ quan hô hấp, có thể gây đau đầu, ngủ gật, vô thức, ảnh hưởng đến trung tâm thần kin

- Keo PU (Polyurethane): thành phần chính là Polyurethane độ bám dính tốt, bền uốn tốt, độ cứng cao, hàm lượng rắn cao. Có thể gây kích ứng với da khi tiếp xúc; nếu nuốt phải có khả năng gây kích ứng, buồn nôn, ung nhọt, tiêu chảy.

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn cung cấp điện phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất của dự án được lấy từ lưới điện lực Quốc gia. Việc cung cấp điện do Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai thực hiện thông qua đơn vị hạ tầng để cung cấp.

Mục đích sử dụng: Lượng điện năng tiêu thụ trong quá trình hoạt động của Công ty bao gồm lượng điện cung cấp cho các dây chuyền sản xuất, chiếu sáng nhà xưởng; điện cung cấp cho các hoạt động văn phòng, nhu cầu của nhân viên; điện chiếu sáng xung quanh; điện dùng cho các nhu cầu khác…

Điện năng tiêu thụ hàng tháng của cơ sở được trình bày chi tiết trong bảng sau:

Bảng 1.7. Lượng điện tiêu thụ dự kiến khi tăng công suất tối đa

STT	Tháng	Lượng điện sử dụng tại cơ sở (kwh/tháng)	
		Hiện tại	Dự kiến công suất tối đa
1	Tháng 10/2025	255.677	306.812
2	Tháng 11/2025	242.204	290.645
3	Tháng 12/2025	248.872	298.646
Trung bình tháng (kwh/tháng)		**248.918**	**298.701**
Trung bình ngày (kwh/ngày)		**9.574**	**11.489**

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)

1.4.3. Nhu cầu sử dụng nước

• Lượng nước cấp sử dụng

Nguồn cung cấp: Sử dụng nước sạch đã qua xử lý từ trạm cấp nước của KCN Nhơn Trạch 1. KCN Nhơn Trạch 1 sẽ cấp nước sạch đã qua xử lý cho Công ty để phục vụ mục đích sinh hoạt và sản xuất của nhà máy.

Lượng nước cấp sử dụng cho các hoạt động sau:

- Nước cấp cho mục đích sinh hoạt.
- Nước cấp cho sản xuất:
  + Nước cấp cho công đoạn rửa đế giày;
  + Nước cấp cho máy giải nhiệt, làm mát;
  + Nước vệ sinh nhà xưởng.
- Nước cấp cho tưới cây, rửa đường.

Tổng lượng nước sử dụng của nhà máy tính trung bình từ tháng 01/2025 – 12/2025 *(Căn cứ vào hoá đơn tiền nước từ tháng 01/2025 – 12/2025)* tại cơ sở như sau:

Bảng 1.8. Lượng nước sử dụng tại Nhà máy hiện hữu (m^3/tháng)

STT	Tháng	Lượng nước sử dụng tại Nhà máy hiện hữu (m^3/tháng)
1	Tháng 01/2025	213
2	Tháng 02/2025	773
3	Tháng 03/2025	317
4	Tháng 04/2025	1.003
5	Tháng 05/2025	1.498
6	Tháng 06/2025	2.257
7	Tháng 07/2025	2.819
8	Tháng 08/2025	1.068
9	Tháng 09/2025	1.682
10	Tháng 10/2025	1.299
11	Tháng 11/2025	123
12	Tháng 12/2025	137
Trung bình tháng (m^3/tháng)		**1.099**
Trung bình ngày (m^3/ngày)		**42,3**

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)

Hiện nay cơ sở đang hoạt động ổn định, dựa vào hoạt động sử dụng nước thực tế kết hợp với tính toán theo các tiêu chuẩn về sử dụng nước sinh hoạt, tưới cây ta ước lượng được lượng nước sử dụng cho các mục đích sinh hoạt, sản xuất, tưới cây khi nhà máy hoạt động với công suất tối đa chi tiết như bảng sau:

Bảng 1.9. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước và lượng nước thải của cơ sở

STT	Mục đích sử dụng	Lưu lượng (m^3/ngày)	
		Hiện hữu	Khi đạt công suất thiết kế (*)
I	***Nước cấp cho sinh hoạt***	***27,3***	***33,75***
1	Nước cấp cho sinh hoạt	27,3	33,75
2	Nước cấp cho nhà ăn	0	0
II	***Nước cấp cho sản xuất***	***6***	***7***
3	Lau sàn văn phòng, nhà xưởng	1	1
4	Nước cấp cho công đoạn rửa đế giày, làm mát máy giải nhiệt	5	6
III	***Nước tưới cây***	***9***	***9***
Tổng cộng		**42,3**	**49,75**

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)

• ***Ghi chú:***

- *Nước cấp cho sinh hoạt:*

Nước cấp cho mục đích sinh hoạt gồm nước cấp cho nhu cầu vệ sinh cá nhân, số lượng lao động khi hoạt động với công suất tối đa là khoảng: 300 người. Theo tiêu chuẩn TCXDVN 13606:2023 của Bộ xây dựng về cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế, lượng nước sử dụng 45 lít/người/ca với hệ số không điều hòa k = 2,5). Dự án sử dụng 300 lao động làm việc 1 ca/ngày:

Q_{sh} = 2,5 × 45 lít/người/ca × 300 người = 33.750 lít/ngày ≈ 33,75m^3/ngày

- *Nước cấp cho nhà ăn:*

Dự án không tổ chức bếp ăn tập thể tại chỗ, mà sử dụng suất ăn công nghiệp đặt từ các đơn vị cung cấp bên ngoài. Do đó, không phát sinh nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động nấu ăn.

- *Nước cấp cho sản xuất:*

+ Nước vệ sinh nhà xưởng: thực hiện vệ sinh quét dọn, lau chùi nhà xưởng vào cuối ngày làm việc trung bình : $Q_{vs\text{-}nx}$= 1 m^3/ngày.

+ Nước cấp châm bổ sung cho quá trình giải nhiệt máy móc thiết bị, rửa đế được tuần hoàn tái sử dụng sau khi qua tháp giải nhiệt, nước châm bổ sung cho lượng thất thoát do bay hơi trung bình khoảng : Q_{GN} = 5 m^3/ngày.

- *Nước cấp cho cây xanh (Qt):*

Diện tích đất quy hoạch cho cây xanh trong khuôn viên của toàn nhà máy là 3.005m^2. Chỉ tiêu cấp nước cho hoạt động tưới tiêu của dự án cho một lần tưới là 3 lít/m^2 (Theo bảng 3.3 - TCXDVN 13606:2023). Tổng nhu cầu sử dụng nước phục vụ tưới cây:

Q_{min} = 3 lít/m^2/lần × 3.005 m^2 = 9.015 lít/ngày lấy tương đương 9 m^3/ngày.

- *Nước PCCC:*

Lượng nước sử dụng PCCC: Cơ sở xây dựng bể chứa nước PCCC dung tích 150 m^3. Lượng nước chứa trong bể chứa nước PCCC chiếm 90% dung tích bể. Do đó, lượng nước PCCC khoảng 135 m^3.

1.5. Các hạng mục công trình và các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở

1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

Chi tiết các hạng mục công trình đã được hoàn thành xây dựng tại cơ sở như sau:

Bảng 1.10. Các hạng mục công trình tại cơ sở

STT	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Tỉ lệ (%)
1	Nhà xưởng sản xuất 1	3.000	20
2	Nhà xưởng sản xuất 2	3.500	23,33
3	Nhà văn phòng	204	1,36
4	Khu phụ trợ (bao gồm kho chứa rác, khu vực xử lý bụi, khu vực xưởng cơ khí, hệ thống xử lý nước thải, nhà vệ sinh) và kho chứa hàng và thành phẩm	1.170	7,8
6	Nhà bảo vệ	26	0,173
7	Bể nước ngầm (150 m^3)	(36)	-
8	Cây xanh, thảm bỏ	3.005	20,03
9	Đường nội bộ, sân bãi	4.095	27,307
Tổng cộng		**15.000**	**100**

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)

• Các hạng mục công trình phụ trợ:

- Hệ thống giao thông:

Hệ thống đường giao thông nội bộ trong khu nhà xưởng đã được xây dựng và bê tông hóa bằng phẳng, nối liền các nhà xưởng và các công trình phụ trợ nên sẽ phục vụ cho các hoạt động sản xuất của dự án đầu tư.

- *Hệ thống thông tin liên lạc:*

Hệ thống thông tin liên lạc tại khu vực hiện nay đã được tỉnh đầu tư xây dựng, tạo sự phát triển nhanh chóng trong thời gian qua, có thể liên hệ bằng fax, điện thoại truyền dẫn số.v.v... tự động hoá 2 chiều theo Tiêu chuẩn Quốc tế.

- *Hệ thống cấp điện:*

Nguồn điện cung cấp cho hoạt động của dự án đầu tư là điện lưới quốc gia thông qua đường dây trung thế chạy qua khu vực. Điện sẽ được hạ thế qua trạm biến áp của dự án đầu tư để phù hợp với các loại máy móc hoạt động trong dự án đầu tư.

Toàn bộ hệ thống điện trong khu nhà xưởng đã được lắp đặt hoàn chỉnh rất thuận lợi cho quá trình hoạt động sản xuất.

- *Hệ thống cấp nước:*

Dự án đầu tư sử dụng nguồn nước chung do KCN Nhơn Trạch 1 cung cấp nước tới chân hàng rào doanh nghiệp, thông qua hệ thống cấp nước chạy dọc theo các tuyến đường của Khu công nghiệp.

Hiện tại, hệ thống đường ống cấp nước vào nhà xưởng đã được xây dựng hoàn chỉnh. Công ty đang sử dụng nguồn nước này để phục vụ cho hoạt động sinh hoạt và sản xuất của nhà máy.

1.5.2. Các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở

Các công trình bảo vệ môi trường tại cơ sở được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 1.11. Tổng hợp các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở

STT	Hạng mục	Thống số kỹ thuật
1	Hệ thống xử lý nước thải	Lắp đặt 01 hệ thống xử lý nước thải cho toàn nhà máy tại địa điểm 1 công suất 50 m^3/ngày.đêm.
2	Hệ thống xử lý bụi từ quá trình nạp liệu, phối trộn nguyên liệu	- Lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi từ công đoạn nạp liệu, phối trộn nguyên liệu công suất 60.000 m^3/h. - Ngoài ra tại mỗi máy mài tại nhà máy được trang bị hệ thống thu gom bụi tại chỗ.
3	Hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi hóa chất	Lắp đặt 01 hệ thống thu gom và xử lý hơi dung môi ứng với các chuyền dán đế, sấy đế giày công suất 20.000 m^3/giờ.
4	Bể tự hoại	04 bể tự hoại với tổng thể tích 314 m^3.

STT	Hạng mục	Thống số kỹ thuật
5	Khu vực lưu giữ chất thải	- Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: diện tích 64 m^2. - Khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: diện tích 15 m^2. - Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: diện tích 28 m^2.

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)

1.6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.6.1. Vị trí địa lý của cơ sở

Cơ sở *"Nhà máy sản xuất giày dép các loại và chi tiết của giày dép công suất 50.000.000 đôi sản phẩm/năm; sản xuất, gia công nguyên phụ liệu giày công suất 5.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 25.000.000 mét sản phẩm/năm)"* được triển khai tại Nhà xưởng số 1 và nhà xưởng số 2 – đường số 6B, KCN Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai có diện tích 15.000 m^2. Khu đất thực hiện dự án được Công ty thuê lại từ Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO theo Hợp đồng thuê đất số 112/CT-ĐT ngày 14/7/2008.

Bảng 1.12. anh giới tiếp giáp của cơ sở

STT	Ranh giới tiếp giáp	Vị trí tiếp giáp
1	Phía Bắc	Giáp Công ty TNHH Hwaseung Vina
2	Phía Tây	Giáp đường số 6B của KCN Nhơn Trạch 1
3	Phía Nam	Giáp với Công ty TNHH Phospin Việt Nam
4	Phía Đông	Giáp Công ty TNHH Hwaseung Vina

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)

Tọa độ các điểm khống chế và sơ đồ mô tả vị trí nhà máy tại được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.13. Tọa độ các điểm ranh giới khu đất của nhà máy

Số hiệu mốc	Tọa độ VN 2000	
	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)
1	1187199.59	408327.70
2	1187227.27	408458.89
3	1187120.43	408482.66
4	1187094.80	408356.46

Ghi chú: Tọa độ lấy theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trục $107^0 45'$, múi chiếu 3^o tỉnh Đồng Nai.



Hình 1.23. Vị trí của nhà máy trên bản đồ vệ tinh

1.6.2. Vốn đầu tư của cơ sở

Tổng vốn đầu tư của dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 3228042704, chứng nhận lần đầu ngày 17/6/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 9 ngày 16/8/2024 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp là: 107.597.940.000 (Bằng chữ: Một trăm lẻ bảy tỷ, năm trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi nghìn) đồng Việt Nam, tương đương 4.600.000 (Bằng chữ: Bốn triệu, sáu trăm nghìn) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là: 12.982.940.000 (Bằng chữ: Mười hai tỷ, chín trăm tám mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi nghìn) đồng Việt Nam, tương đương 600.000 (Bằng chữ: Sáu trăm nghìn) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 13,04% tổng vốn đầu tư.

1.6.3. Nhu cầu sử dụng lao động

Nhu cầu sử dụng lao động hiện tại tại cơ sở là 250 lao động. Dự kiến sau khi nâng công suất sẽ sử dụng 300 lao động khi hệ thống hoạt động tối đa. Thời gian làm việc của mỗi lao động tại cơ sở là 8 tiếng/ca, 26 ngày/tháng và tối đa là 300 ngày/năm.

Lao động làm việc trong dự án được lựa chọn chủ yếu là lực lượng lao động phổ thông người địa phương. Thu nhập của người lao động được trả theo hình thức lương tháng. Công ty TNHH E.Z Sports Vina luôn tuân thủ các chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động theo đúng quy định của Nhà nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

CHƯƠNG 2
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

2.1.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, dự án phù hợp với mục tiêu của quy hoạch: chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, phát triển theo hướng kinh tế tuần hoàn. Dự án phù hợp với nhiệm vụ về bảo vệ môi trường: cải tạo công nghệ xử lý chất thải theo phân vùng môi trường, tổ chức phân loại chất thải rắn tại nguồn, thực hiện biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải.

Theo Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/09/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, quan điểm chỉ đạo là khuyến kích phát triển kinh tế phù hợp với đặc tính sinh thái của từng vùng, ít chất thải, cac-bon thấp, hướng tới nền kinh tế xanh. Tầm nhìn của chiến lược đến năm 2030 ngăn chặn đẩy lùi xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường, hình thành các điều kiện cơ bản cho nền kinh tế xanh, ít chất thải, cacbon thấp vì sự thịnh vượng và phát triển bền vững đất nước.

2.1.2. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

a. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch tỉnh

Theo Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, dự án sản xuất giày dép các loại và chi tiết của giày dép, sản xuất, gia công nguyên phụ liệu giày phù hợp với hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn của tỉnh.

b. Sự phù hợp của cơ sở với phân vùng môi trường

Hiện tại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06/09/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Về quy hoạch xây dựng: tỉnh Đồng Nai ban hành Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 23/5/2014 duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn

đến năm 2050. Dự án nằm trong khu vực đã được quy hoạch theo Quyết định số 3366/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 do Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp.

c. Sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch của KCN Nhơn Trạch 1

Dự án có vị trí KCN Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai là phù hợp với Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

"Nhà máy sản xuất giày dép các loại và chi tiết của giày dép công suất 50.000.000 đôi sản phẩm/năm; sản xuất, gia công nguyên phụ liệu giày công suất 5.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 25.000.000 mét sản phẩm/năm)" của Công ty TNHH E.Z Sports Vina (địa điểm 1) nằm trong KCN Nhơn Trạch 1 do Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO làm chủ đầu tư thuộc xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai với diện tích đất quy hoạch 426,49 ha.

Về quy định pháp luật bảo vệ môi trường: KCN Nhơn Trạch 1 đã có đầy đủ các pháp lý về bảo vệ môi trường theo quy định, là Giấy phép môi trường số 169/GPMT-BTNMT ngày 30/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép cho Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO, địa chỉ đường Tôn Đức Thắng, Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

d. Ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Nhơn Trạch 1

Ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Nhơn Trạch 1 bao gồm:

+ Sản xuất, sửa chữa container, rơ móc.

+ Sản xuất, lắp ráp xe máy, ô tô.

+ Chế tạo máy móc, thiết bị công cụ.

+ Chế tạo và sửa chữa cơ khí, cán thép.

+ Sản xuất đồ gỗ gia dụng, vật liệu xây dựng hoặc công nghiệp.

+ Sản xuất các sản phẩm từ cao su và plastic (trừ chế biến mủ cao su).

+ Sản xuất các sản phẩm nhựa.

+ Sản xuất vali túi xách, yên đệm và các loại tương tự.

+ Sản xuất hàng mỹ nghệ.

+ Sản xuất thủy tinh, gốm sứ và các sản phẩm phi kim loại.

+ Sản xuất kim loại và các sản phẩm từ kim loại, sản xuất đồ kim hoàn các chi tiết liên quan.

+ Sản xuất dụng cụ thể dục thể thao.

+ Sản xuất đồ chơi.

+ Sản xuất sứ vệ sinh.

+ Sản xuất bóng đèn, phích nước.

+ Sản xuất các thiết bị, sản phẩm chữa cháy.

+ Sản xuất, chế biến thực phẩm.

+ Đồ uống không cồn.

+ Kho chứa phân bón.

+ Kho chứa hóa chất.

+ Kho chứa thuốc bảo vệ thực vật.

+ Sản xuất các trang thiết bị điện, điện tử.

+ Sản xuất linh kiện điện, điện tử.

+ Sản xuất điện từ, máy vi tính, sản phẩm quang học.

+ Sản xuất bê tông nhựa nóng.

+ Gạch men.

+ Dệt, sợi.

+ May quần áo.

+ May giày, sản xuất văn phòng phẩm.

+ Sản xuất bao bì giấy và các sản phẩm từ giấy.

+ Sản xuất bao bì carton, sản xuất nhôm định hình, sản xuất dây, cáp điện.

+ Sản xuất chế biến gỗ.

+ Sản xuất dăm gỗ.

+ Sản xuất ván ép.

+ Sản xuất dược phẩm, thuốc thú y.

+ Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.

+ Sản xuất thuốc lá điếu.

+ Chế biến nguyên liệu thuốc lá.

+ Sản xuất săm lốp ô tô các loại.

+ Sản xuất mực in, vật liệu ngành in.

+ Cơ sở in ấn các loại.

+ Cơ sở sản xuất khí CO_2, chiết nạp hóa lỏng, khí công nghiệp.

+ Cơ sở kinh doanh, chiết xuất, đóng gói dầu nhớt, dầu nhờn.

+ Cửa hàng kinh doanh xăng, dầu (DO).

+ Sản xuất ắc quy, pin.

+ Sản xuất hơi nước, sửa chữa và bảo dưỡng nồi hơi.

+ Sản xuất giày, dép và các phụ kiện.

+ Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt.

+ Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu.

+ Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất.

+ In, sao chép bản ghi các loại.

+ Cho thuê kho bãi, nhà xưởng xây sẵn.

+ Sản xuất điện mặt trời (hệ thống điện mặt trời mái nhà).

Vị trí dự án nằm trong khu đất dành cho đất xây dựng các xí nghiệp của KCN Nhơn Trạch 1 với ngành nghề "Sản xuất giày, dép và các phụ kiện", phù hợp với danh mục ngành nghề thu hút đầu tư vào KCN Nhơn Trạch 1. Như vậy, cho thấy vị trí thực hiện dự án phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường của tỉnh Đồng Nai nói chung và phân khu chức năng của KCN Nhơn Trạch 1 nói riêng.

Ngoài ra, dự án phù hợp với hệ thống pháp luật của nhà nước, cụ thể như sau:

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sử đổi sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ban hành ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày

10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Thông tư 09/2026/TT-BNNMT ban hành ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025.

Công ty đã được cấp các quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, các giấy phép môi trường thành phần:

- Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 31/GXN.UBND ngày 29/8/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch của dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất bao bì carton và nguyên phụ liệu ngành giày công suất 2.000.000 sản phẩm/năm".

- Thông báo số 88/TB-UBND ngày 17/4/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án "Mở rộng và nâng công suất nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu giày (miếng lót đế giày), quy mô từ 1.000.000 sản phẩm/năm lên 5.000.000 sản phẩm/năm của Công ty TNHH E.Z Sports Vina.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường số 327/QĐ-KCNĐN ngày 05/12/2018 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai của dự án "Nhà máy sản xuất đế giày và các bộ phận của giày với quy mô 40.000.000 đôi sản phẩm/năm; sản xuất tấm nguyên phụ liệu ngành giày làm từ vải, nhựa, giấy với quy mô 25.000.000 mét sản phẩm/năm" của Công ty TNHH E.Z Sports Vina tại KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Do đó, địa điểm thực hiện của Công ty TNHH E.Z Sports Vina hoàn toàn phù hợp với phân khu chức năng của KCN và các nhóm ngành nghề được phép đầu tư tại KCN theo Giấy phép môi trường của KCN Nhơn Trạch 1 đã được phê duyệt.

e. Mối quan hệ của cơ sở đối với các yếu tố xung quanh

• Nguồn cung cấp nguyên liệu, vận chuyển tiêu thụ sản phẩm

Dự án nằm tại KCN Nhơn Trạch 1, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Khu vực này có vị trí địa lý khá thuận tiện cả giao thông thủy, đường bộ và hàng không do trên các tuyến đường huyết mạch hiện hữu lẫn đang được xây dựng hoặc quy hoạch như Quốc lộ 1A kết nối với Tp. HCM với các tỉnh miền Tây, Quốc lộ 51 hướng đến cụm Cảng Cái Mép – Thị Vải, đường cao tốc HCM - Long Thành - Dầu Giây kết nối với Tp. HCM, gần cảng Cát Lái, cảng Cái Mép, rất gần sân bay Quốc tế Long Thành... và nằm trong khu vực có nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại Đồng Nai, Bình Dương, Tp. HCM... Do đó, vị trí

dự án thuận lợi để cung cấp nguyên vật liệu và vận chuyển tiêu thụ sản phẩm từ KCN Nhơn Trạch 1 đến các tỉnh lân cận.

• Dự án hạ tầng của KCN

Hiện nay, KCN Nhơn Trạch 1 đã hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng KCN: phân lô, các đường giao thông đi lại, có hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt, có đường điện, cấp nước sinh hoạt đảm bảo cung cấp cho hoạt động của dự án. Ngoài ra, khu vực KCN có sông Thị Vải đảm bảo tiếp nhận được nước thải, nước mưa của toàn KCN.

• Quy hoạch khác

Xung quanh dự án chủ yếu là các nhà máy, Công ty sản xuất trong KCN nên trong quá trình đi vào hoạt động của dự án sẽ có tác động qua lại chủ yếu do bụi và khí thải của các nhà máy.

Hệ thống cơ sở hạ tầng của KCN Nhơn Trạch 1 được thiết kế phù hợp với điều kiện môi trường tự nhiên của tỉnh Đồng Nai. Tất cả các dịch vụ cần thiết khác cho sự phát triển công nghiệp đã được đầu tư đầy đủ.

Nguồn cung cấp điện, cấp nước và thông tin liên lạc cho dự án được đảm bảo. Nguồn cung cấp điện cho Công ty từ Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai cung cấp; nguồn cung cấp nước được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch cung cấp.

Các công trình dịch vụ môi trường như hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom và xử lý nước thải được xây dựng hoàn thiện.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Nước thải sinh hoạt và sản xuất của các nhà máy trong KCN Nhơn Trạch 1 sau khi xử lý qua hệ thống xử lý cục bộ đảm bảo đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch 1 sẽ được đấu nối và thải ra đường cống thoát nước thải của KCN để thu gom về nhà máy XLNT tập trung của KCN Nhơn Trạch 1.

Nhà máy XLNT tập trung của KCN Nhơn Trạch 1 tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (K_q = 0,9 và K_f = 0,9) trước khi thải vào rạch Bà Ký và chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thị Vải.

Đối với các doanh nghiệp không có nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt sau khi xử lý qua các bể tự hoại xây dựng tại từng nhà máy được dẫn theo đường cống thoát chung chảy về nhà máy XLNT tập trung của KCN.

Nguồn tiếp nhận nước thải cuối cùng của KCN Nhơn Trạch 1 là sông Thị Vải.

a. Hiện trạng xử lý và thoát nước thải của KCN Nhơn Trạch 1

Hạ tầng cơ sở, các hệ thống thoát nước mưa, nước thải, hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN – nơi tiếp nhận nước thải của dự án đã được xây dựng hoàn hiện, đáp ứng đủ điều kiện khi dự án đi vào hoạt động ổn định, cụ thể:

- Hạ tầng KCN đã xây dựng và vận hành 02 mô đun xử lý nước thải tập trung. Cụ thể quy mô công suất như sau:

+ Mô đun XLNT tập trung số 1: công suất 6.000 m^3/ngày.đêm.

+ Mô đun XLNT tập trung số 2: công suất 4.000 m^3/ngày.đêm.

- Hoạt động xả thải của Mô đun XLNT tập trung (số 1 và số 2) KCN Nhơn Trạch 1 đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 169/GPMT-BTNMT ngày 30/5/2023.

- Quy trình xử lý nước thải của KCN Nhơn Trạch 1 như sau:

• Công trình xử lý nước thải số 01 (mô đun 01):

Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Bể lắng cát (mương) → Bể lắng sơ cấp → Bể gom → Nước thải sau lắng sơ bộ → Bể điều hòa (T01) → Bể thiếu khí (B04-A/B, B05-A/B) → Bể hiếu khí MBBR (B05-C/D, B06-A/B/C/D) → Bể lắng sinh học (B07-A/B, B11-A/B) → Bể khử trùng (B13).

Công suất thiết kế: 6.000 m^3/ngày (24 giờ).

• Công trình xử lý nước thải số 02 (mô đun 02):

Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Bể lắng cát (mương) → Bể lắng sơ cấp → Bể gom → Nước thải sau lắng sơ bộ → Bể điều hòa (TK01) → Bể thiếu khí (TK02) → Bể hiếu khí MBBR (TK03-A/B) → Bể trung gian (TK04) → Bể lắng sinh học (TK05) → Bể keo tụ (TK06) → Bể tạo bông (TK07) → Bể lắng hóa lý (TK08) → Bể khử trùng (B13) → Nguồn tiếp nhận.

Công suất thiết kế: 4.000 m^3/ngày (24 giờ).

• Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch 1:

Ngưỡng kiểm soát chất lượng nước thải sau xử lý của các dự án trong KCN Nhơn Trạch 1 trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN được trình bày tại bảng sau:

Bảng 2.1. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của KCN Nhơn Trạch 1

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	^oC	45
2	pH	-	6 - 8
3	Màu sắc (ở pH = 7)	**Pt-Co**	300
4	Mùi	**-**	Không khó chịu
5	BOD_5	**mgO_2/l**	300

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
6	COD	**mgO_2/l**	500
7	TSS	**mg/l**	200
8	Tổng Phốt pho	**mg/l**	8
9	Tổng Nitơ	**mg/l**	60
10	Amoni (tính theo Nitơ)	**mg/l**	15
11	Xianua	**mg/l**	0,1
12	Asen	**mg/l**	0,1
13	Thủy ngân	**mg/l**	0,01
14	Cadimi	**mg/l**	0,01
15	Chì	**mg/l**	0,5
16	Crom (VI)	**mg/l**	0,1
17	Crom (III)	**mg/l**	1
18	Đồng	**mg/l**	5
19	Kẽm	**mg/l**	5
20	Mangan	**mg/l**	5
21	Niken	**mg/l**	0,5
22	Sắt	**mg/l**	10
23	Thiếc	**mg/l**	5
24	Clorua	**mg/l**	500
25	Florua	**mg/l**	15
26	Phenol	**mg/l**	1
27	Sunfua	**mg/l**	1
28	Tổng dầu mỡ khoáng	**mg/l**	5
29	Hóa chất bảo vệ thực vật lân hữu cơ	**mg/l**	1
30	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	**mg/l**	0,1
31	Tổng PCB	**mg/l**	0,01
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

2.2.2. Sự phù hợp của dự án đối với nguồn tiếp nhận nước thải

Công ty đặt tại KCN Nhơn Trạch 1 nên nước thải từ nhà máy sẽ được Công ty thu gom và xử lý trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN, sau đó

dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Nhơn Trạch 1 để xử lý trước khi thải ra rạch Bà Ký và ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thị Vải. Nước thải của Nhà máy XLNT KCN Nhơn Trạch 1 đã xử lý đạt tiêu chuẩn/Quy chuẩn Việt Nam về môi trường trước khi thải ra nguồn tiếp nhận nên mức độ ảnh hưởng đến môi trường nước mặt là không đáng kể.

2.2.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với nguồn tiếp nhận khí thải

Nhà máy được tọa lạc tại KCN Nhơn Trạch 1, khí thải phát sinh từ các cơ sở/nhà máy trong KCN phải được thu gom và xử lý đạt giới hạn tiếp nhận của môi trường theo QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT.

CHƯƠNG 3
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở được thu gom tách riêng với hệ thống thu gom thoát nước thải. Nước mưa sau khi được thu gom sẽ được dẫn vào hệ thống thoát nước nội bộ của xưởng sau đó được đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa tập trung của KCN. Nước mưa từ mái nhà theo hệ thống ống uPVC D150 mm chảy xuống hệ thống mương thoát nước mưa nội bộ của nhà máy.

Toàn bộ nước mưa chảy tràn trên bề mặt nhà máy được thu gom qua miệng thu sau đó dẫn vào hố ga. Tuyến thoát nước mưa nội bộ của nhà máy được trang bị cống bê tông cốt thép Ø400mm, Ø600mm và hố ga dọc tuyến. Nước mưa sau khi được thu gom sẽ theo hệ thống thoát nước mưa của cơ sở đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN Nhơn Trạch 1.

Thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống thoát nước mưa gồm:

+ Kết cấu: cống bê tông cốt thép.

+ Đường kính: Ø400mm, Ø600mm.

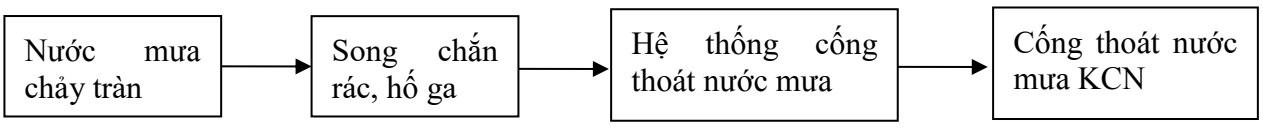
+ Chiều dài: 600m.

Ngoài ra, Công ty có bố trí công nhân quét dọn, thu gom vệ sinh hàng ngày để hạn chế các chất bẩn có trên mặt bằng cơ sở nhằm giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước cũng như tạo môi trường sạch sẽ. Đối với lượng chất rắn lắng tại các hố ga như: đất cát, rác… được định kỳ nạo vét, thu gom, xử lý theo quy định để tránh tắc nghẽn cống thoát nước mưa.

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng hoàn toàn với hệ thống thu gom, thoát nước thải, có lắp đặt hố ga, song chắn rác. Đấu nối về hệ thống thoát nước mưa chung của KCN tại 01 vị trí trên đường số 6B (tại hố ga M61-1) *(Theo biên bản đấu nối nước mưa, nước thải số 30/CV-BQL ngày 08/06/2021 – Đính kèm phụ lục)*.

Quy trình vận hành tại từng điểm thoát nước: tự chảy vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Nhơn Trạch 1.

• ***Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa:***



Hình 3.1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa tại cơ sở

Với các tính toán thiết kế thu gom nước mưa mà cơ sở đã thực hiện hoàn toàn có khả năng thu gom toàn bộ lưu lượng nước mưa này. Thực tế là từ khi đi vào hoạt động đến nay, không xảy ra tình trạng ngập úng tại khuôn viên cơ sở.





Hình 3.2. Hố ga đấu nối nước mưa với KCN Nhơn Trạch 1 tại cơ sở

3.1.2. Thu gom và xử lý nước thải

Tổng lượng nước thải phát sinh của dự án như sau:

Stt	Nước thải phát sinh	Lượng nước thải (m^3/ngày)		Phương án thu gom, xử lý
		Hiện tại	Dự kiến công suất tối đa	
1	Nước thải sinh hoạt	27,3	33,75	Nước thải phát sinh được đưa về hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 50 m^3/ngày (tại địa điểm 1) để xử lý.
2	Nước thải sản xuất	5	5,8	
2.1	*Lau sàn nhà xưởng*	*1*	*1*	
2.2	*Nước giải nhiệt và rửa đế*	*4*	*4,8*	
Tổng		**32,3**	**39,55**	

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)

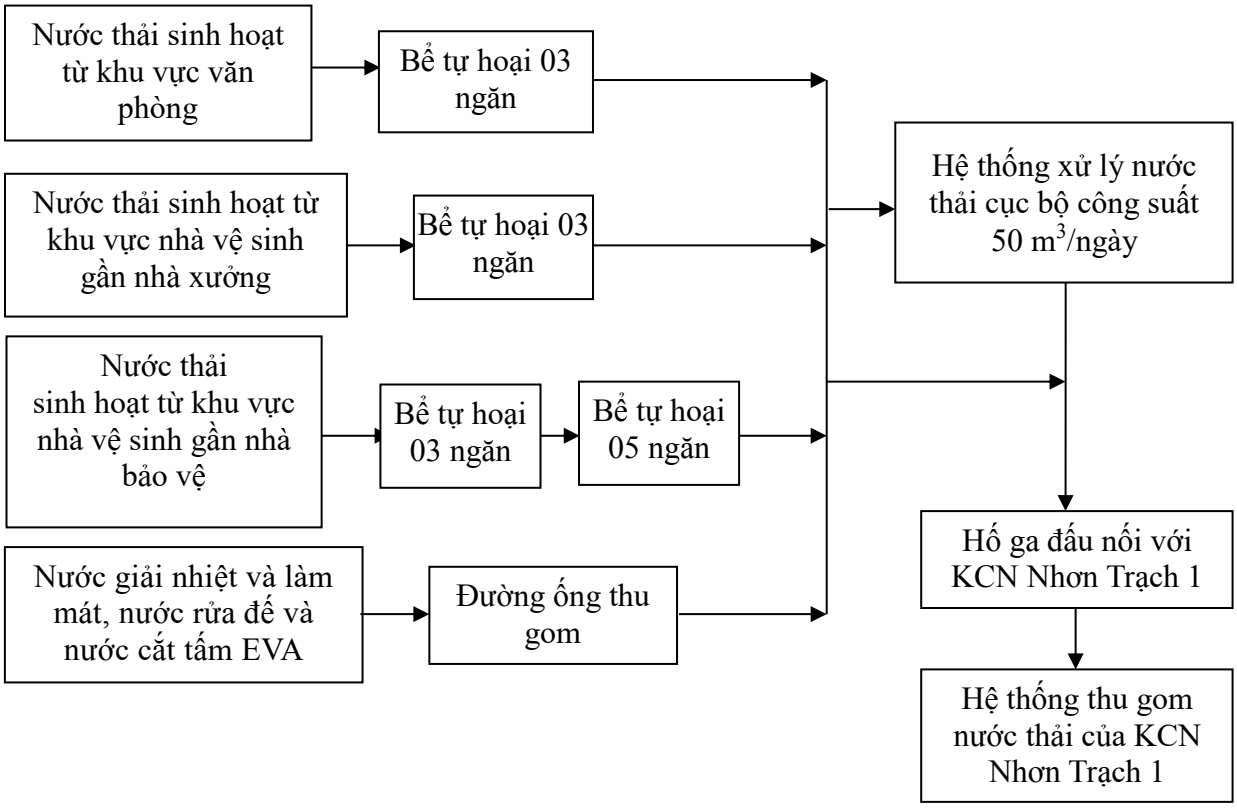
Ghi chú:

- Nước thải sinh hoạt tính bằng 100% nước cấp sử dụng.

- Nước thải sản xuất tính bằng 80% nước cấp sử dụng.

3.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, thoát nước thải tại cơ sở

a. Sơ đồ thu gom, xử lý và xả nước thải



Hình 3.3. Sơ đồ thu gom, xử lý và xả nước thải tại cơ sở

- ***Thuyết minh sơ đồ:***

Công trình thu gom nước thải của cơ sở như sau:

- Nước thải từ nhà vệ sinh tại khu vực văn phòng: được thu gom bằng ống uPVC Ø114mm dẫn về xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 50 m^3/ngày.đêm → Xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN → Sau đó nước thải được dẫn theo đường ống BTCT Ø300 mm, độ dốc i = 0,5% vào điểm đấu nối với hệ thống thoát nước thải chung của KCN Nhơn Trạch 1 tại 01 điểm đấu nối nằm trên đường số 6B của KCN Nhơn Trạch 1 theo phương thức tự chảy.

- Nước thải từ nhà vệ sinh tại khu vực vệ sinh gần nhà xưởng: được thu gom bằng ống uPVC Ø114mm dẫn về xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 50 m^3/ngày.đêm → Xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN → Sau đó nước thải được dẫn theo đường ống BTCT Ø300 mm, độ dốc i = 0,5% vào điểm đấu nối với hệ thống thoát nước thải chung của KCN Nhơn Trạch 1 tại 01 điểm đấu nối nằm trên đường số 6B của KCN Nhơn Trạch 1 theo phương thức tự chảy.

- Nước thải từ nhà vệ sinh tại khu vực vệ sinh gần nhà bảo vệ: được thu gom bằng ống uPVC Ø114mm dẫn về xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 03 ngăn → Xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 50 m^3/ngày.đêm → Xử lý

đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN → Sau đó nước thải được dẫn theo đường ống BTCT Ø300 mm, độ dốc i = 0,5% vào điểm đấu nối với hệ thống thoát nước thải chung của KCN Nhơn Trạch 1 tại 01 điểm đấu nối nằm trên đường số 6B của KCN Nhơn Trạch 1 theo phương thức tự chảy.

- Nước thải từ quá trình giải nhiệt, làm mát máy móc thiết bị; nước thải rửa đế và nước thải từ cắt tấm EVA: được thu gom bằng ống uPVC Ø110mm → Hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 50 m^3/ngày.đêm → Xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN → Sau đó nước thải được dẫn theo đường ống BTCT Ø300 mm, độ dốc i = 0,5% vào điểm đấu nối với hệ thống thoát nước thải chung của KCN Nhơn Trạch 1 tại 01 điểm đấu nối nằm trên đường số 6B của KCN Nhơn Trạch 1 theo phương thức tự chảy.

=> Toàn bộ nước thải phát sinh từ cơ sở, sau khi được xử lý cục bộ, sẽ được đấu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 tại một điểm đấu nối trên đường số 6B (tọa độ: X = 1.187.562; Y = 410.920). Từ đây, nước thải được dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận là sông Thị Vải.




Hình 3.4. Hình ảnh hố ga đấu nối nước thải với KCN Nhơn Trạch 1

b. Điểm xả thải nước sau xử lý tại cơ sở

- Vị trí đấu nối: Hố ga thoát nước thải của KCN Nhơn Trạch 1 trên đường số 6B. Toạ độ vị trí đấu nối: X = 1.187.562; Y = 410.920 *(theo hệ toạ độ VN 2000, kinh tuyến 107°45', múi chiếu 3°)*. Vị trí đấu nối nước thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại điểm a, b, khoản 3, Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

- Số lượng vị trí đấu nối: 01 vị trí.

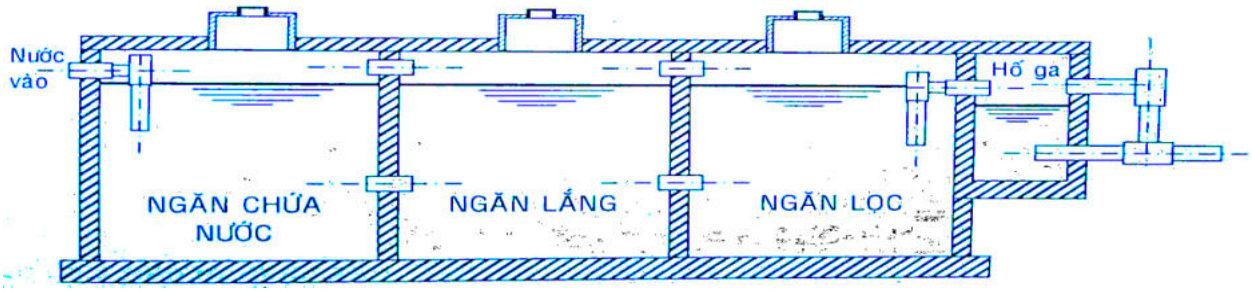
- Cống thoát nước thải của KCN được xây lắp là cống bê tông ly tâm đặt ở trục chính dọc và chính ngang theo dạng xương cá, các tuyến ống nhánh từ các nhà máy ra nối

vào cống chính trên trục chính rồi chảy về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch 1. Nước thải hoàn toàn tự chảy.

3.1.2.2. Công trình xử lý nước thải tại cơ sở

c. Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn

Bể tự hoại với 3 ngăn xử lý là ngăn chứa nước vào, ngăn lắng và ngăn lọc. Cặn được giữ lại trong ngăn chứa từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của hệ vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan. Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn đầu là lên men axit, các chất khí tạo ra trong quá trình phân giải CH_4,CO_2, H_2S... Bùn cặn đã phân hủy trong bể tự hoại được lấy ra định kỳ, mỗi lần lấy phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men lại trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn. Nước thải được lưu trong ngăn lắng một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài ống dẫn, ra hố ga trước khi chảy vào hệ thống thoát nước thải của công ty. Bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy kị khí.



1 - Ống dẫn nước thải vào bể; 2 - Ống thông hơi;
3 - Nắp thăm (để hút cặn); 4 - Ngăn định lượng xả nước thải.

Hình 3.5. Sơ đồ cấu bể tự hoại 03 ngăn

Phần cặn được lưu lại phân hủy kỵ khí trong bể, phần nước theo hệ thống thoát nước đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải cục bộ 50 m^3/ngày tại cơ sở. Ngoài ra, một số biện pháp sau đây sẽ được thực hiện:

- Không để rơi vãi dung môi hữu cơ, xăng dầu, xà phòng... xuống bể tự hoại. Các chất này làm thay đổi môi trường sống của các vi sinh vật, do đó giảm hiệu quả xử lý của bể tự hoại. Biện pháp này sẽ giúp giảm bớt nồng độ các chất hữu cơ, chất rắn lơ lửng trong nước thải.

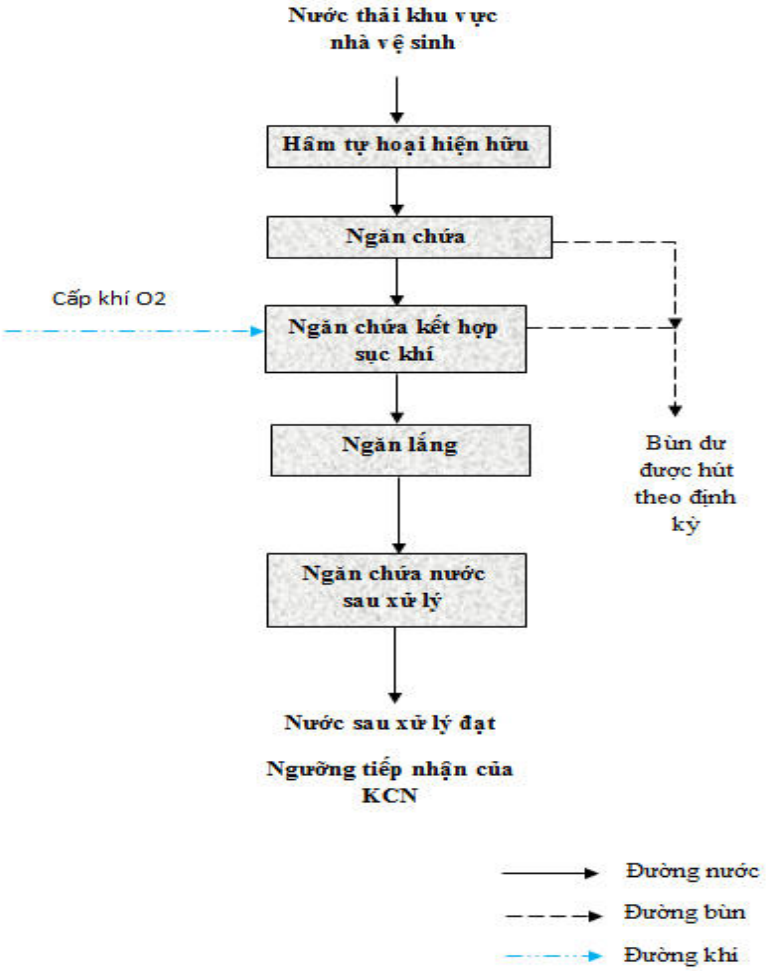
- Lượng bùn dư sau thời gian lưu thích hợp sẽ thuê xe hút chuyên dùng (xe hút hầm cầu), là một giải pháp đơn giản, dễ quản lý nhưng hiệu quả xử lý tương đối cao.

d. Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 05 ngăn

Do nhà vệ sinh gần nhà bảo vệ có thể tích nhỏ, do đó cơ sở đã cải tạo, xây dựng thêm 01 bể tự hoại 5 ngăn với thể tích 60 m^3 để thu gom và xử lý sơ bộ nước thải phát sinh

tại khu nhà vệ sinh này trước khi thu gom chung về hệ thống xử lý nước thải cục bộ 50 m^3/ngày.

• ***Sơ đồ quy trình bể tự hoại 5 ngăn thể tích 60 m^3:***



Hình 3.6. Sơ đồ hoạt động của bể tự hoại 05 ngăn

• ***Thuyết minh quy trình công nghệ:***

Nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà vệ sinh gần nhà bảo vệ được thu gom về bể hầm tự hoại 03 ngăn và sau đó đưa về hầm tự hoại cải tiến có sục khí. Tại đây các chất hữu cơ được phân hủy một cách triệt để, tại ngăn chứa các hợp chất hữu cơ và hợp chất chứa nito sẽ tiếp tục được xử lý bằng vi sinh vật kỵ khí, sau đó nước được đưa qua ngăn chứa kết hợp sục khí để tiếp tục xử lý và loại bỏ các hợp chất chứa nito, sau đó bùn được lắng tại ngăn lắng và nước chảy ra hố ga thoát nước vào hệ thống xử lý nước thải cục bộ 50 m^3/ngày.

- Hầm tự hoại 03 ngăn:

Hầm tự hoại có tác dụng điều hòa lưu lượng và xử lý sơ bộ để giảm nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải. Do lưu lượng và tính chất của nước thải thay đổi theo thời gian nên việc điều hòa nước thải là cần thiết.

Từ hầm tự hoại 03 ngăn, nước thải được tự chảy về ngăn lắng của hầm tự hoại cải tiến.

- Ngăn chứa (T01):

Ngăn chứa T01 được thiết kế để khử BOD, COD, Photpho và Nitơ trong nước thải.

Các hợp chất hữu cơ trong nước thải (BOD,COD) sẽ được các vi sinh vật hấp thụ để chuyển hóa thành sinh khối mới đồng thời sản sinh ra khí CO_2, CH_4 sau quá trình chuyển hóa. Trong khi đó, TN được loại bỏ bằng quá trình Nitrat hóa và khử Nitrat theo phương trình phản ứng sinh học sau:

Nitrat hóa: $NH_4 + 2O_2 + 2HCO_3^- \rightarrow NO_3^- + 2CO_2 + 3H_2O$ (1)

Khử Nitrat: Organics + $NO_3^- \rightarrow N_2$ (gas) + $CO_2 + H_2O + OH^-$ (2)

Theo phương trình trên có thể thấy rằng, trong điều kiện hiếu khí các vi sinh vật sẽ chuyển hóa NH^{4+} thành NO_{3-} và trong điều kiện thiếu khí NO_{3-} sẽ được chuyển hóa thành khí N_2.

Tại ngăn lắng tăng thời gian xử lý kỵ khí làm giảm nguồn ô nhiễm do đó tăng hiệu suất xử lý khử Photpho, Nitơ, BOD, COD trong nước thải.

- Ngăn chứa kết hợp sục khí (T02):

Tại ngăn T02, máy thổi khí và ống phân phối khí được lắp đặt để cung cấp oxy cho các vi sinh vật hiếu khí, đảm bảo nồng độ oxy hoà tan DO > 2 mg/l. Tại bể sinh học hiếu khí bùn sinh học được được trộn lẫn với nước thải để thực hiện quá trình nitrat hóa các hợp chất hữu cơ chứa nito trong nước thải, đồng thời xử lý giảm thiểu các chất ô nhiễm có trong nước thải. Bùn tại đây được hút định kỳ 4 tháng/lần (dựa theo lượng COD, BOD trong nước thải).

- Ngăn lắng bùn:

Nước sau khi xử lý sinh học tại bể sinh học hiếu khí được lắng tại ngăn lắng và bùn được tuần hoàn lại bể sinh học hiếu khí thông qua vách nghiêng thiết kế về bể sinh học hiếu khí. Bùn dư được hút định kỳ 4 – 6 tháng/lần.

- Ngăn chứa nước trong (T03):

Nước thải sau khi được tách bùn được đưa vào ngăn chứa nước trong, tại đây tăng thời gian lưu và lắng những cặn khó lắng. Nước thải sau khi lắng được chảy vào hệ thống xử lý nước thải cục bộ 50 m^3/ngày.

Bảng 3.1. Số lượng và thể tích của các bể tự hoại tại cơ sở

STT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô xây dựng
1	Bể tự hoại 03 ngăn đặt tại khu vực nhà vệ sinh khu văn phòng	m^3	32

STT	Hạng mục	Đơn vị	Quy mô xây dựng
2	Bể tự hoại 03 ngăn đặt tại khu vực nhà vệ sinh gần nhà xưởng	m^3	210
3	Bể tự hoại 03 ngăn đặt tại khu vực nhà vệ sinh gần nhà bảo vệ	m^3	12
4	Bể tự hoại 05 ngăn cải tiến (gần nhà bảo vệ)	m^3	60
Tổng		**m^3**	**314**

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)

e. Công nghệ hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 50 m^3/ngày.đêm tại cơ sở

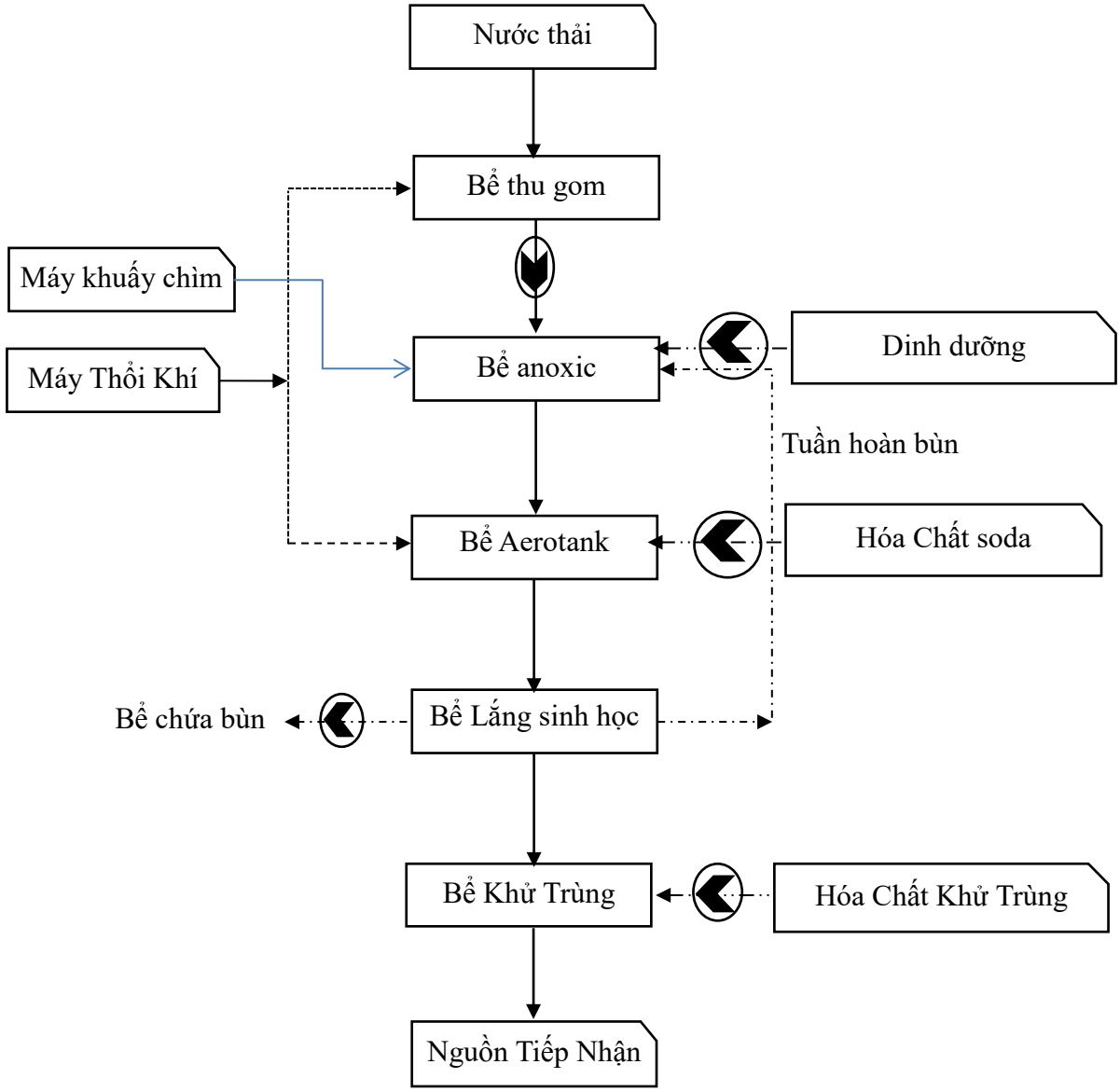
Nước thải phát sinh tại nhà máy tại cơ sở có 02 loại bao gồm nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân viên (bao gồm nước từ nhà vệ sinh, từ khu vực rửa tay) và nước thải sản xuất (từ quá trình giải nhiệt, làm mát máy móc thiết bị; nước thải rửa đế và nước thải từ cắt tấm EVA). Đối với nước thải sinh hoạt sẽ được đưa qua bể tự hoại cùng với nước thải sản xuất sẽ được đưa về hệ thống xử lý nước thải cục bộ tại để xử lý trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Nhơn Trạch 1.

- Công suất xử ly nước thải cục bộ tại cơ sở: 50 m^3/ngày.đêm.

- Công nghệ xử lý bằng phương pháp xử lý sinh học hiếu khí có công đoạn Anoxic nhằm giảm thiểu thông số nitơ, đảm bảo an toàn cho hệ thống.

Nước thải sau xử lý tại cơ sở đảm bảo đạt Tiêu chuẩn đấu nối của KCN Nhơn Trạch 1 trước khi đấu nối về Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch 1 tại 01 hố ga đấu nối trên đường số số 6B. Tại đây nước thải sẽ được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (K_q = 0,9 và K_f = 0,9) trước khi chảy vào rạch Bà Ký và chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thị Vải.

• ***Sơ đồ dây chuyền công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m^3/ngày.đêm:***



Hình 3.7. Sơ đồ công nghệ hệ thống XLNT công suất 50 m^3/ngày.đêm

• ***Thuyết minh công nghệ xử lý:***

Bể điều hòa (T2):

Nhiệm vụ: điều hòa lưu lượng và ổn định nồng độ nước thải. Lưu lượng và nồng độ nước thải phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như: thời gian thải, lưu lượng thải cũng như tải trọng chất bẩn có trong nước thải.

Bể Anoxic (T3):

Quá trình khử nitơ (denitrification) từ nitrate NO_3^- thành nitơ dạng khí N_2 được thực hiện nhằm đạt chỉ tiêu cho phép của nitơ. Quá trình sinh học khử nitơ liên quan đến quá trình oxy hóa sinh học của nhiều cơ chất hữu cơ trong nước thải sử dụng nitrate hoặc nitrite như chất nhận điện tử thay vì dùng oxy, trong điều kiện không có DO hoặc dưới nồng độ DO giới hạn. Phản ứng diễn ra như sau:

$$C_{10}H_{19}O_3N + 10NO_3^- \rightarrow 5N_2\uparrow + 10CO_2 + 3H_2O + NH_3 + 100H^-$$

Phản ứng rút gọn như sau: $NO_3^- \rightarrow NO_2^- \rightarrow N_2\uparrow$

Quá trình chuyển hóa này được thực hiện bởi vi khuẩn khử nitrate chiếm khoảng 10-80% khối lượng vi khuẩn (bùn). Tốc độ khử nitơ đặc biệt dao động 0,04 đến 0,42 g N-NO_3^-/g MLVSS/ngày, tỉ lệ F/M càng cao tốc độ càng lớn.

Để khử nitrat hiệu quả tại bể xử lý thiếu khí (Anoxic) có lắp đặt máy khuấy trộn chìm nhằm đảm bảo nước thải luôn được khuấy trộn.

Bể sinh học hiếu khí (T4):

Bể xử lý sinh học hiếu khí là công trình đơn vị xử lý những chất hữu cơ dễ bị phân huỷ sinh học. Khi bể hoạt động ổn định, mật độ vi sinh vật (bùn hoạt tính hiếu khí) rất cao, nhờ vậy mà hiệu quả xử lý cũng tăng lên đáp ứng được sự thay thông số nồng độ hoặc lưu lượng nước thải đầu vào.

Cơ chế hoạt động của bể sinh học hiếu khí:

Các vi khuẩn hiện diện trong nước thải tồn tại ở dạng lơ lửng. Vi sinh vật tồn tại trong hệ thống bùn hoạt tính bao gồm Pseudomonas, Zoogloea, Achromobacter, Flacobacterium, Nocardia, Bdellovibrio, Mycobacterium, và hai loại vi khuẩn nitrate hóa Nitrosomonas và Nitrobacter.

Sơ đồ động học quá trình xử lý:

Vì trong nước thải sinh hoạt hàm lượng amoni (NH_4^+) rất cao nên để xử lý amoni (NH_4^+) hiệu quả trong dây truyền ***công*** nghệ nhất thiết phải có quá trình xử lý sinh học thiếu khí (Anoxic) và quá trình xử lý sinh học hiếu khí (Aeroten).

$$NH_4^+ + 2O_2 \rightarrow NO_3^- + 2H^+ + H_2O$$

Để đảm bảo hiệu quả của quá trình xử lý. Nồng độ oxy hòa tan của nước thải trong bể Aeroten cần được luôn luôn duy trì ở giá trị 2 mg/l bằng hệ thống phân phối khí và máy thổi khí.

Ghi chú: Để tăng hiệu quả xử lý (khử nitrat) của quá trình xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học, nước thải trong bể aeroten sẽ được tuần hoàn về bể Anoxic.

Nước sau khi ra khỏi bể sinh học hiếu khí sẽ tự chảy theo sự chênh lệch cao độ sang bể lắng để tiếp tục quá trình xử lý.

Bể lắng (T5):

Bằng cơ chế của quá trình lắng trọng lực bể lắng có nhiệm vụ tách cặn vi sinh từ bể xử lý sinh học hiếu khí mang sang. Bùn lắng ở đáy ngăn lắng sẽ được bơm bùn bơm tuần hoàn về bể xử lý sinh học hiếu khí để bổ sung lượng bùn theo nước đi qua ngăn lắng. Phần bùn dư sẽ được chuyển định kỳ về ngăn chứa bùn. Còn nước trong trên mặt bể lắng sẽ chảy tràn sang bể điều hòa. Trong trường hợp nồng độ ô nhiễm bể điều hòa tăng lên làm quá

trình vi sinh sau chưa kịp đáp ứng thì ta tiến hành bơm bùn bể lắng về bể điều hòa nhằm xử lý sơ bộ trước.

Nước có chứa bông bùn vi sinh vào bể lắng sẽ di chuyển theo chiều từ dưới lên theo các tấm lắng lamen, trong quá trình di chuyển các cặn lắng (bùn vi sinh) sẽ va chạm vào nhau và bám vào bề mặt tấm lắng lamen. Khi các bông bùn kết dính với nhau trên bề mặt tấm lắng lamen đủ nặng và thắng được lực đẩy của dòng nước đang di chuyển lên thì bông bùn sẽ trượt xuống theo chiều ngược lại và rơi xuống đáy bể lắng (hay hố thu cặn), từ đó theo chu kỳ được bơm bùn bơm tuần hoàn về bể xử lý hiếu khí, phần bùn dư sẽ bơm về bể chứa bùn.

Bể khử trùng (T6):

Phần nước trong sau bể lắng sẽ tự chảy qua bể khử trùng trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

NaOCl (javen)/ $Ca(OCl)_2$ là chất khử trùng được sử dụng phổ biến do hiệu quả diệt khuẩn cao và giá thành tương đối rẻ.

Quá trình khử trùng nước xảy ra qua 2 giai đoạn: đầu tiên chất khử trùng khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh vật sau đó phản ứng với men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến vi sinh vật bị tiêu diệt.

- ***Thông số kỹ thuật cơ bản của hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m^3/ngày.đêm***

Bảng 3.2. Thống kê các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m^3/ngày.đêm

STT	Hạng mục	Số lượng	Kích thước	Vật liệu
1	Bể thu gom	01	L × R × H = 1m × 1m × 1,6m	BTCT
2	Bể Anoxic	01	L × D = 2,2m × 2,5m	Composite
3	Bể Aerotank	01	L × D = 3m × 2,5m	Composit
4	Bể lắng sinh học	01	L × D = 1,7m × 2,5m	Composit
5	Bể khử trùng	01	L × D = 1,1m × 1,25m	Composit
6	Bể chứa bùn	01	L × D = 1,1m × 1,25m	Composit

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)

Bảng 3.3. Danh mục máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m^3/ngày.đêm

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
A	CỤM MODULE HỢP KHỐI		
1	- Bể xử lý nước thải. - Kích thước: L × D = 8m × 2,5m.	module	01

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
	- Vật liệu: Composite dày 10 ly. - Bao gồm bể anoxic, bể aerotank, bể lắng, bể khử trùng, bể chứa bùn.		
B	PHẦN THIẾT BỊ		
I	BỂ THU GOM		
1	- Cánh bơm: Bơm cánh xoáy. - Chức năng: Bơm nước thải. - Thông số kỹ thuật: + Cột áp: H = 6 m. + Lưu lượng: Q = 2 – 4 m^3/h. + Điện áp: 380V/50Hz/0,4kW. - Xuất xứ: Taiwan.	bể	01
2	- Hệ thống phao mực nước. - Dạng phao chìm. - Xuất xứ: Ý.	cái	01
II	BỂ THU GOM		
1	- Kích thước: L x R x H = 1m x 1m x 1,6m. - Vật liệu: BTCT.	hệ	01
III	BỂ ANOXIC		
1	- Bơm xáo trộn chìm. - Kiểu/loại: Chìm. - Thông số kỹ thuật: + Điện áp: 3pha/380V/50Hz/1HP. + Vật liệu: Thân inox – cánh. - Xuất xứ: Taiwan.	cái	02
2	- Bơm định lượng dinh dưỡng. - Công suất 20l/h. - Xuất xứ: Taiwan.	bộ	02
IV	BỂ AEROTANK		
1	- Cung cấp: Máy thổi khí. - Thông số kỹ thuật: + Cột áp: H = 3,5m. + Điện áp: 380V/50Hz/4kW. - Xuất xứ: China.	cái	02
2	- Hệ thống phân phối khí: + Dạng: bọt mịn. - Thông số kỹ thuật: + Đường kính: 9'. + Vật liệu khung: PP.	hệ	01

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng
	- Xuất xứ: Taiwan.		
3	- Hệ thống men vi sinh xử lý hiếu khí. - Xuất xứ: USA.	hệ	01
V	BỂ LẮNG SINH HỌC		
1	- Hệ thống ống lắng trung tâm. - Kích thước: D x H = 0,6m x 1,8m. - Vật liệu composite.	hệ	01
2	- Hệ thống máng thu nước tấm chắn bùn. - Vật liệu: composite. - Xuất xứ: Việt Nam.	hệ	01
3	- Cung cấp: Bơm bùn. - Kiểu/loại: Bơm chìm. - Chức năng: Bơm nước. - Thông số kỹ thuật: + Cột áp: H = 4 - 5 m. + Lưu lượng: Q = 5 – 8 m^3/h. + Điện áp: 380V/50Hz/0,4kW. - Xuất xứ: Taiwan.	cái	02
4	Hệ thống thu ván nổi tự động	hệ	01
VI	BỂ KHỬ TRÙNG		
1	- Cung cấp: Bơm định lượng. - Chức năng: Bơm hóa chất. - Thông số kỹ thuật: + Lưu lượng: Q = 20 l/h. + Áp suất: 0,35 kg/cm^2. + Xuất xứ: Taiwan.	cái	01
2	- Bồn hóa chất. + Kiểu/Loại: Bồn tròn đứng. - Thông số kỹ thuật: + Thể tích bồn: V = 500 lít. + Vật liệu: Nhựa. + Xuất xứ: Việt Nam.	cái	03

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)

• Quy trình vận hành Hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m^3/ngày.đêm:

Kiểm tra hệ thống trước khi vận hành:

- Kiểm tra xem các van cô lập sau bơm đã được mở theo đúng yêu cầu.

- Kiểm tra van (chặn, một chiều) đã lắp đặt và tình trạng hoạt động đúng chưa. Trạng thái đóng hoặc mở của van phải theo kết quả cân chỉnh đã duyệt cho cả hệ thống đường ống.

- Kiểm tra tủ điện điều khiển bơm:

+ Kiểm tra các đèn hiển thị trạng thái nguồn điện vào (incoming) & ra (outgoing) có sáng đèn không? kiểm tra xem điện áp có ổn định hay không?

+ Kiểm tra các rơ-le bảo vệ chạm đất có bị Trip hay không? Nếu có, nhấn nút Reset.

+ Kiểm tra tổng quát không hư hỏng vật lý cho tủ.

+ Mở bên trong tủ kiểm tra tổng quát để phát hiện hư hỏng.

+ Kiểm tra nguồn điện cấp đến tủ bơm.

+ Ở chế độ Auto (mở công tắc qua bên phải): bơm, motor, máy khuấy trộn sẽ vận hành theo chương trình đã được cài đặt sẵn, thiết bị sẽ hoạt động theo phao tính hiệu mực nước, timer thời gian chuyển đổi các bơm.

+ Ở chế độ Manual (mở công tắc qua trái): Các thiết bị sẽ được điều khiển bởi người vận hành tại tủ điều khiển (không phụ thuộc vào TIMER THỜI GIAN). Chế độ manual dùng khi muốn kiểm tra thiết bị có còn hoạt động hay bị sự cố không hoặc để chủ động bơm cạn mực nước tới mức mong muốn để kiểm tra thiết bị khác.

+ Ở chế độ Off (công tắc nằm ở giữa): Các thiết bị sẽ không hoạt động ở cả chế độ Auto hay Manual. Chế độ off dùng tắt hẳn thiết bị để có thể kiểm tra hay bảo trì sữa chữa khi có sự cố hoặc dùng tắt các thiết bị không dùng hoặc chưa dùng đến công vận hành.

+ Mỗi thiết bị sẽ có 2 đèn báo: Đèn xanh (nằm dưới) báo thiết bị hoạt động hay không hoạt động, nếu đèn sáng thì thiết bị đang hoạt động. Nếu đèn không sáng thì thiết bị không hoạt động có thể nó đang thời gian nghĩ theo timer hoặc công tắc đang vị trí off; Đèn vàng (nằm trên) báo hiệu thiết bị bị lỗi hay không. Nếu đèn vàng sáng thì thiết bị bị lỗi cần kiểm tra lại thiết bị (xem dòng điện có mất pha, xem thiết bị có vướng rác, xem thiết bị còn nhớt hay không, thiết bị bị nóng ko,..).

Quy trình vận hành hệ thống:

- Đóng MCCB tổng trong tủ phân phối chính của hệ thống.

- Kiểm tra đèn báo pha, có đủ số pha (3 pha) không. Nếu không sáng đủ 3 đèn phải kiểm tra đèn báo bị cháy không. Nếu đèn báo hoạt đồng bình thường thì cần kiểm tra xem dây cấp nguồn cho tủ bị lỗi ở đâu để khắc phục trước khi vận hành thiết bị.

- Kiểm tra nối đất an toàn và cách điện của thiết bị.

- Dùng đồng hồ Vôn kiểm tra tình trạng đủ điện áp của nguồn điện.

- Khi các điều kiện trên đã đáp ứng được yêu cầu thì tiến hành đóng MCCB tổng trong tủ điều khiển. Đóng lần lượt các MCB trong tủ cấp nguồn động lực 3 pha cho các thiết bị dùng điện trong hệ thống.

Quy trình vận hành hằng ngày:

• Bước 1: Kiểm tra chế độ hoạt động của hệ thống

+ Kiểm tra hệ thống điện xem nguồn cấp vào đủ 3 pha hay không, có thiết bị nào báo lỗi hay không.

+ Kiểm tra chế độ hoạt động của các máy móc (bơm, máy thổi khí,…) . Xem các công tắc có để ở chế độ Auto không (lưu ý 02 bơm điều hòa và 02 bơm khử trùng không được tắt, nếu 02 bơm đều bị hư cần phải kiếm bơm tạm khác thay vào).

+ Kiểm tra xem hóa chất trong các bồn còn hay hết, nếu hết thì phải chuẩn bị pha hóa chất và pha hóa chất như hướng dẫn trên.

Bước 2: Kiểm tra hiệu quả xử lý của hệ thống

+ Hàng ngày ta có thể kiểm tra một cách sơ bộ chất lượng của nước thải bằng trực quan và thủ công, khi đó ta cũng có thể đánh giá được phần nào chất lượng nước thải và hiệu quả xử lý của quá trình.

Kiểm tra chất lượng nước thải đầu vào tại bể điều hòa:

- Kiểm tra lưu lượng nước thải vào hệ thống xử lý hàng ngày. Kiểm tra các thông số trung bình hàng ngày vào trạm gồm: pH, SS, nhiệt độ.

- Xem màu sắc của nước thải (đen hay nâu nhạt), nước thải nâu nhạt thì bình thường nhưng nước thải màu đen cần kiểm tra lại nguồn nước đầu vào xem có nguồn nước thải lạ vào hệ thống không.

- Nước thải có nhiều cặn hay không? Cặn lơ lửng hay dễ lắng? nếu nước thải nhiều cặn quá phải kiểm tra bể phốt, nếu bể phốt đầy phải tiến hành hút phân trong bể chứa.

- Xem nước thải có mùi hôi hay không? Nếu có mùi hôi bất thường phải kiểm tra lại nguồn nước đầu vào xem có nguồn nước thải lạ vào hệ thống không.

+ Nếu pH < 6 phải bổ sung soda để nâng pH, trước tiên cho 5kg vôi xuống bể điều hòa, sục khí trong vòng 1h rồi lấy mẫu kiểm tra nếu pH còn thấp <6 thì tiếp tục cho thêm 10kg soda xuống rồi tiếp tục kiểm tra theo dõi như trên.

+ Xem nhiệt độ nước có nóng >500C không. Nếu nóng >500C thì cần kiểm tra lại nguồn nước đầu vào xem có nguồn nước lạ nào chảy vào hệ thống không.

+ Lưu ý: nếu nhiệt độ hoặc pH vượt qua ngưỡng quy định phải ngừng bơm điều hòa kiểm tra và điều chỉnh lại đến khi pH và nhiệt độ nằm ngưỡng thích hợp thì chạy lại hệ thống.

Kiểm tra bùn tại bể xử lý sinh học hiếu khí:

- Xem màu sắc của bùn? Nếu bùn có màu vàng nâu thì bùn tốt còn bùn có màu nâu đen thì bùn xấu.

- Xem có nhiều bọt trắng xuất hiện trong bể xử lý sinh học hiếu khí hay không? Nếu bọt trắng xuất hiện ít thì quá trình ổn định còn nếu bọt trắng xuất hiện quá nhiều phủ đầy bề mặt bể thì quá trình đang bị sốc tải cần phải điều chỉnh lại chế độ vận hành. Kiểm tra nguồn nước bể điều hòa xem có bất thường không.

- Kiểm tra xem tại bể xử lý sinh học hiếu khí có phát sinh mùi hôi hay không? Nếu có mùi hôi bất thường vì vi sinh bị sốc tải chết gây mùi hôi thì xem xét lại nồng đọ ô nhiễm bể điều hòa, gửi mẫu phân tích nước bể điều hòa để tìm rỏ nguyên nhân khắc phục.

Kiểm tra khả năng lắng của bùn:

- Lấy cốc thủy tinh hoặc nhựa trong để lấy mẫu bùn hoạt tính trong bể xử lý sinh học và để lắng trong vòng 30 phút. Nếu lượng bùn lắng ở đáy cốc đạt khoảng 20-50% thể tích của cốc là đạt. Nếu lượng bùn lắng chiếm trên 50% thể tích cốc thì cần phải kiểm tra lại quá trình, tiến hành bơm về bể chứa bùn (bể chứa bùn cần theo dõi hằng quý 3 tháng /lần để đánh giá hiện trạng). Nếu bể chứa đầy bùn phải tiến hành thuê đơn vị ngoài vào hút bỏ định kì. Nếu lượng bùn ở đáy cốc <10% thể tích của cốc thì cần kiểm tra lại bơm bùn tuần hoàn xem hoạt động ổn định không, nếu tất cả bình thường mà lượng vi sinh quá ít cần bổ xung thêm bùn đệm và dinh dưỡng cho hệ vi sinh.

- Cần phải duy trì các thông số trong bể xử lý hiếu khí như sau:

+ DO: 1,5 - 2 mg/l.

+ pH: 6,5 - 8,5.

+ Nhiệt độ: t = 25 - 350C

+ Duy trì MLSS trong bể xử lý hiếu khí trong khoảng: 2.000 ÷ 4.000 mg/L.

<u>Lưu ý:</u>

Nếu lưu lượng nước thải hằng ngày khoảng 30-50% lưu lượng thiết kế ban đầu thì phải châm thêm dinh dưỡng hằng ngày (châm 15kg mật rỉ đường/ngày) và bổ xung thêm 02 can men vi sinh gốc Microbe-Lift N1 hoặc 2 lít methanol/ngày vào đầu bể sinh học thiếu khí Anoxic để duy trì sự ổn định cho hệ vệ sinh.

Nếu lưu lượng nước thải hằng ngày khoảng 70-100% lưu lượng thiết kế ban đầu thì phải châm thêm dinh dưỡng hằng ngày (châm 1-2 lít methanol/ ngày) và bổ xung thêm can

men vi sinh gốc Microbe-Lift N1 vào đầu bể sinh học thiếu khí Anoxic để duy trì sự ổn định cho hệ vệ sinh.

Do tính chất nước thải sinh hoạt 80<BOD<180, không đủ dinh dưỡng cho vi sinh hoạt động ổn định nên cần bổ xung dinh dưỡng và men vi sinh định kỳ 6 tháng.

Kiểm tra chất lượng nước tại bể lắng sinh học:

- Kiểm tra hàm lượng cặn lơ lửng và độ trong của nước: xem nước có trong hay không, có vẫn cặn hay không?

- Nếu bùn bể lắng bị nổi phải tiến hành kiểm tra bơm bùn tuần hoàn và motor gạt bùn có hoạt động ổn định không rồi cân chỉnh lại cho thích hợp. Hằng ngày lấy vòi nước cấp xịt rửa trên bề mặt bể lắng cho bùn chìm xuống đáy để bơm tuần hoàn lại hệ thống hoặc bơm bỏ.

- Thường xuyên vệ sinh bể lắng tránh tình trạng bùn nổi nhiều. Nếu MLSS > 4.000 mg/l thì phải bơm bỏ bùn duy trì MLSS trong bể xử lý hiếu khí trong khoảng: 2.000 ÷ 4.000 mg/L.

Kiểm tra chất lượng nước tại bể khử trùng:

Kiểm tra mùi của nước, xem nước có mùi chlorine hay không. Nếu nước có mùi thì phải điều chỉnh lại hàm lượng hóa chất cho phù hợp.

Bước 3: Kiểm soát van bùn hoàn lưu các bể

Bước 4: Công tác lập sổ theo dõi và báo cáo

Vì hệ thống xử lý nước thải gồm nhiều thiết bị, có nhiều thông số cần theo dõi sát sao trong hệ thống xử lý, nên việc lập sổ theo dõi quá trình vận hành là hết sức cần thiết. Người vận hành có chuyên môn môi trường để vận hành theo dỏi hệ thống cho ổn định, đánh giá kiểm tra hệ thống theo bản checklist dưới đây

Để hệ thống vận hành ổn định và ít gặp rủi ro sự cố nên có đội ngũ vận hành chuyên nghiệp hiểu rỏ về môi trường vận hành hệ thống.

Kiểm tra theo ngày trong tuần:

- Do đặc tính của nước thải sinh hoạt là ổn định, hoạt động 24/24 h và không có sự dao động thất thường nên công tác lấy mẫu sẽ tiến hành:

- Các thông số cần kiểm tra:

+ Nước thải đầu vào tại bể điều hòa: pH, TSS, Amoni, Nitrat.

+ Ngăn cuối của bể hiếu khí: MLSS, SVI.

+ Máng tràn của bể lắng sinh học: TSS, nồng độ bùn lắng của lắng 2 hay bùn tuần hoàn vào hệ thống bể hiếu khí sinh học.

+ Nước ra tại điểm cuối của bê khử trùng: SS, Amoni, Nitrat.

- Nếu trạm không trang bị phòng thí nghiệm thì sẽ lấy mẫu thường xuyên hằng ngày tại các bể điều hòa, sinh học hiếu khí, bể khử trùng để quan sát cảm quan xem màu sắc, độ cặn và pH, nếu thấy bất thường phải gửi mẫu phân tích để tìm nguyên nhân.

- Kiểm tra vệ sinh song chắn rác tránh trường hợp rác đầy song chắn tràn rác ra ngoài ảnh hưởng đến thiết bị.

- Kiểm tra các van khóa, van một chiều,… xem có nghẹt rác không để vệ sinh kịp thời tránh ảnh hưởng đến lưu lượng cũng như hiệu quả xử lý.

- Kiểm tra các thiết bị xem có bị xì nhớt, thiếu nhớt, có tiếng kêu lạ để kịp thời bổ xung khắc phục.

Bảng 3.4. Thống kê hoá chất sử dụng cho hệ thống hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m^3/ngày.đêm

Stt	Tên hóa chất	Khối lượng (kg/tháng)
1	Clorin hoặc Javen (10%)	100
2	Methanol hoặc mật rỉ đường	50

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)

• Một số hình ảnh của hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m^3/ngày.đêm:




Hình 3.8. Hình ảnh của hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m^3/ngày.đêm

f. Yêu cầu, quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý tại cơ sở

Nước thải sau xử lý đấu nối về hệ thống thu gom nước thải của KCN Nhơn Trạch 1. Tiêu chuẩn tiếp nhận áp dụng đối với nước thải sau xử lý được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 3.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận áp dụng đối với nước thải sau xử lý tại cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 – 8	06 tháng/lần
2	Độ màu	Pt-Co	300	
3	TSS	mg/l	200	
4	BOD_5	mg/l	300	
5	COD	mg/l	500	
6	Tổng Nitơ	mg/l	60	
7	Tổng Phốt pho	mg/l	8	
8	Amoni	mg/l	15	
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	

g. Các thiết bị, hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được bổ sung theo quy định tại Khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022) thì cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục nước thải.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở

Về vấn đề ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông vận tải, nhà máy sẽ áp dụng các biện pháp thích hợp để hạn chế tối đa nguồn ô nhiễm trên gồm:

- Kho bãi, đường giao thông nội bộ trong khuôn viên dự án được làm nền bê tông và được vệ sinh thường xuyên.

- Phun nước đường giao thông nội bộ, sân bãi (nơi xe cộ hay hoạt động) trong thời gian mùa khô kéo dài.

- Quy định cho các phương tiện giao thông không được chở quá trọng tải quy định.

- Bảo dưỡng phương tiện theo đúng định kỳ.

- Không để xe nổ máy lâu trong khu vực khi chờ bốc hàng hoặc đổ hàng.

- Bê tông hóa các tuyến đường giao thông bên trong Công ty, thường xuyên vệ sinh các tuyến đường.

Các biện pháp trên sẽ làm giảm thiểu ô nhiễm không khí bởi các tác nhân như khói bụi, khí thải, bụi do lưu thông, tiếng ồn động cơ và tai nạn giao thông do chất lượng xe được bảo dưỡng thường xuyên.

3.2.2. Bụi từ công đoạn sản xuất tại cơ sở

3.2.2.1. Đối với bụi phát sinh từ quá trình cắt/dập nguyên liệu (vải/mút xốp, tấm EVA)

Trong quá trình cắt/dập nguyên liệu (vải/mút xốp, tấm EVA) có phát sinh bụi, tuy nhiên lượng bụi này có kích thước nhỏ và phát sinh không đáng kể. Để khống chế lượng bụi phát sinh tại khu vực này, cơ sở thực hiện các biện pháp như sau:

- Thường xuyên cho người quét dọn, thu gom lượng nhựa/vải thừa và các loại bụi trên sàn.

- Trang bị khẩu trang và các bảo hộ lao động cần thiết khác cho công nhân trong quá trình sản xuất.

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động trong quá trình sản xuất.

- Bên cạnh đó, để khống chế lượng bụi có thể rơi lắng trên sàn nhà xưởng, cơ sở trang bị các máy hút bụi nhỏ để thu gom toàn bộ lượng bụi phát tán trong khu vực xưởng sản xuất.

3.2.2.2. Đối với bụi phát sinh từ công đoạn mài đế

Bụi phát sinh trong quy trình sản xuất của nhà máy chủ yếu từ quá trình mài đế trong (Midsole) và mài đế ngoài (Outsole). Tuy nhiên, lượng bụi này chỉ phát sinh xung quanh khu vực máy mài, tải lượng nhỏ và không có khả năng phát tán đi xa, nên ít gây ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh, nhưng có khả năng ảnh hưởng đến công nhân làm việc trực tiếp tại khu vực này. Công ty đặc biệt quan tâm đến vấn đề này nhằm tránh ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động như bố trí máy móc hợp lý, nhà xưởng thông thoáng, bố trí quạt công nghiệp, khẩu trang cho người lao động. Ngoài ra, Công ty sử dụng máy móc thiết bị tiên tiến tại mỗi máy có trang bị hộp thu bụi như hình minh họa.




Hình 3.9. Hệ thống thu bụi của máy mài

Tại cơ sở sử dụng tổng cộng 9 máy mài vì vậy có 9 ống thu bụi đi kèm máy mài. Máy thu hồi bụi được bố trí tại vị trí mỗi máy mài để thu hồi bụi phát sinh với tần suất hút liên tục trong khi vận hành. Các bụi này sẽ được thu gom và đưa về khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường của nhà máy, sau đó giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom, mang đi xử lý theo đúng quy định.

Ngoài ra, để giảm thiểu và khống chế lượng bụi phát sinh tại khu vực mài, cơ sở sẽ áp dụng thêm các biện pháp sau:

- Nhà xưởng được xây dựng cao, thông thoáng với thiết kế thuận lợi cho quá trình lưu thông khí tự nhiên, tăng cường lắp đặt quạt công nghiệp làm mát cục bộ, quạt thông gió trong nhà xưởng nhằm tăng cường khả năng phát tán khí thải ra môi trường.

- Lắp đặt các hệ thống quạt hút cưỡng bức và quạt công nghiệp tại khu vực đặt các máy đùn thổi màng để tăng cường lưu thông không khí, thông thoáng môi trường lao động, tránh tình trạng tích tụ khí gây sự cố cháy nổ.

- Trang bị kính, khẩu trang (loại lớp lọc than hoạt tính) và các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân: găng tay, mắt kính, quần áo bảo hộ lao động cho công nhân, đồng thời có kế hoạch kiểm tra việc mang bảo hộ lao động của công nhân khi làm việc, tránh trường hợp có trang bị đầy đủ bảo hộ lao động mà không sử dụng.

- Kho bãi, xưởng sản xuất đã được Công ty làm nền bê tông và thường xuyên được vệ sinh, tránh phát sinh bụi trong quá trình hoạt động sản xuất và phát tán bụi ra ngoài môi trường.

- Cơ giới hóa sản xuất, tránh lao động gắng sức phải hít thở nhiều bụi và khí thải xâm nhập vào phổi tăng lên.

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nhằm giảm thiểu phát sinh bụi, khí thải trong quá trình hoạt động.

- Vệ sinh thường xuyên khu vực sản xuất để trách tích tụ bụi trong thời gian dài: thực hiện vệ sinh quét dọn nhà xưởng bằng phương pháp thủ công và máy hút bụi nhỏ vào cuối mỗi ca sản xuất.

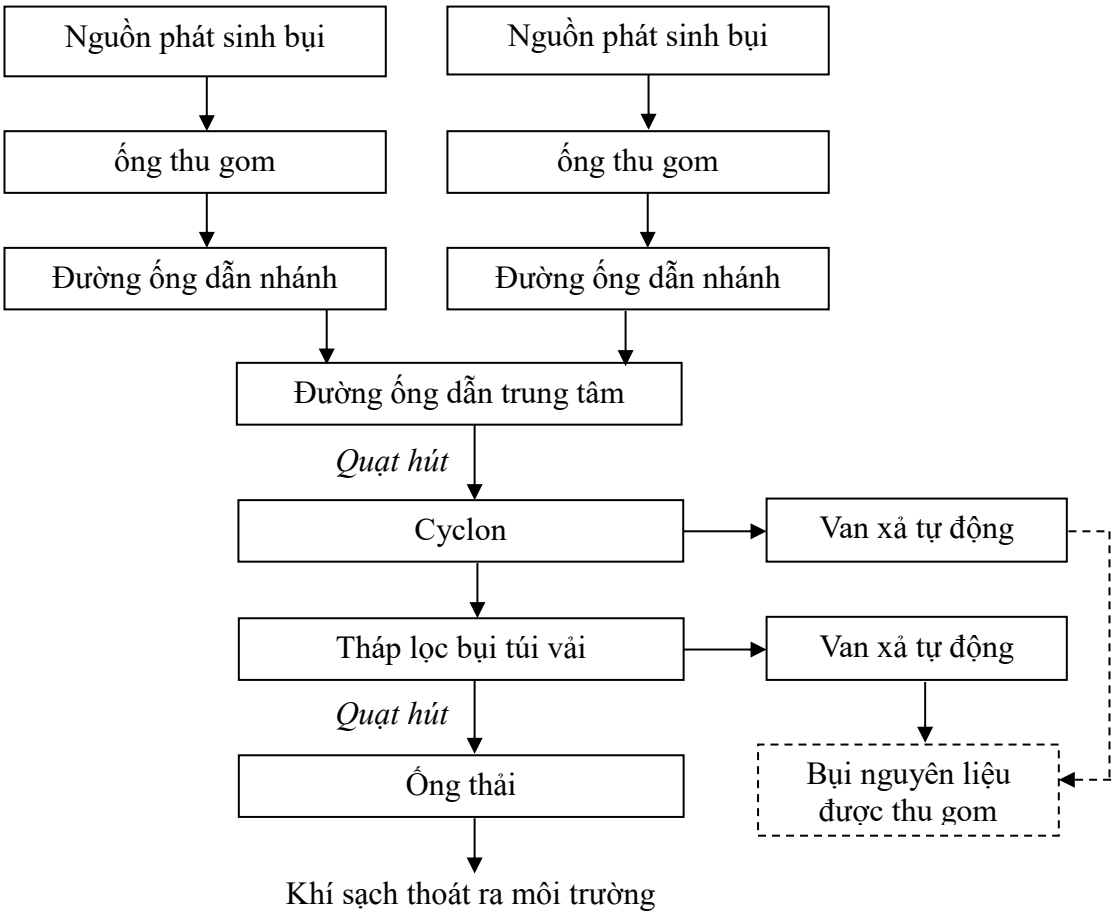
- Bố trí công nhân thường xuyên vệ sinh, quét dọn, thu gom rác trong khuôn viên nhà máy.

- Hạn chế tốc độ xe trong khu vực dự án để giảm lượng bụi trong không khí. Duy trì cây xanh, sân đường nội bộ để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.

- Sử dụng các xe vận chuyển đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường để hạn chế khí thải trong quá trình lưu thông.

3.2.2.3. Đối với bụi phát sinh từ công đoạn nạp liệu, phối trộn

Quá trình nạp liệu vào phễu tiếp nhận của máy luyện cán sẽ phát tán bụi tác động người tiếp xúc trực tiếp đến công nhân làm việc tại công đoạn này. Cơ sở đặc biệt quan tâm đến vấn đề này nên nhằm tránh ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, cơ sở đã đầu tư 01 hệ thống chụp hút thu hồi bụi ngay tại phễu nạp liệu, tiếp liệu của máy trộn liệu với quy trình công nghệ như sau:

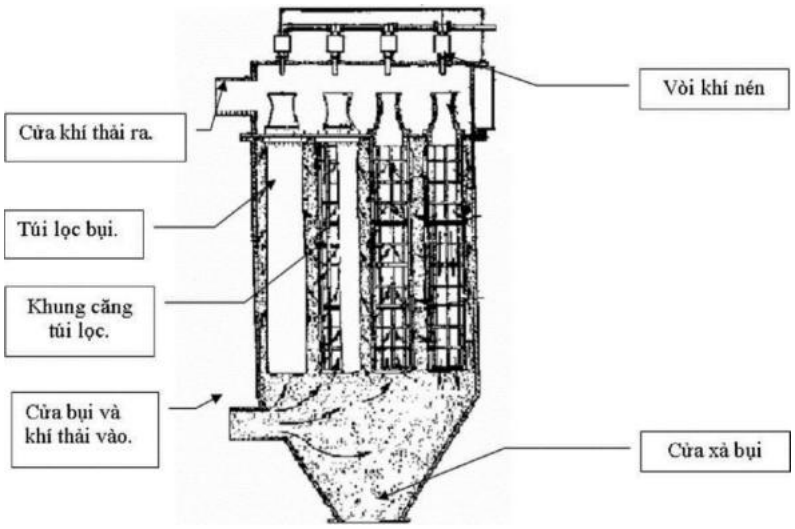


Hình 3.10. Sơ đồ quy trình công nghệ thu hồi bụi bằng hệ thống lọc bụi Cyclone – túi vải

• ***Thuyết minh quy trình công nghệ:***

Tại các nguồn phát sinh bụi đều lắp đặt chụp hút bụi đồng bộ đi kèm với ống nhánh, các ống nhánh được nối với ống dẫn bụi trung tâm đưa về cyclone thu hồi bụi. Cyclone là thiết bị thu hồi bụi trong đó hình thành lực ly tâm để tách bụi ra khỏi không khí. Không khí mang bụi được đưa vào phần trên của cyclone bằng một ống lắp theo phương tiếp tuyến với vỏ ngoài hình trụ của cyclone. Nhờ thế dòng không khí sẽ có chuyển động xoắn ốc bên trong vỏ hình trụ và hạ dần về phía dưới. Khi gặp phần đáy hình phễu, dòng không khí bị đẩy ngược trở lên, trong khi đó nó vẫn giữ chuyển động xoắn ốc và thoát ra ngoài. Trong quá trình chuyển động xoắn ốc, các hạt bụi chịu tác dụng của lực ly tâm làm cho chúng có xu hướng tiến dần về phía vỏ hình trụ hoặc đáy hình phễu chạm vào thành thiết bị và rơi xuống dưới. Ở đáy phễu của cyclone có lắp van để xả bụi vào thùng chứa. Tại đây, bụi bẩn có trọng lượng được giữ lại, dòng không khí lẫn các hạt bụi có kích thước nhỏ theo ống dẫn sau khi ra khỏi cyclone sẽ được dẫn qua hệ thống lọc túi vải, với hiệu suất xử lý lớn hơn 98%, hệ thống lọc túi vải sẽ loại bỏ gần như phần lớn các loại bụi phát sinh trong khí thải.

Hệ thống lọc túi vải được thiết kế bao gồm nhiều ngăn lọc, mỗi ngăn chứa nhiều túi vải, mỗi ngăn hoạt động theo phương thức bán liên tục. Thời gian giũ bụi của từng ngăn được khống chế sao cho túi vải luôn trong tình trạng tối ưu. Cụ thể hoạt động của một ngăn lọc như hình vẽ sau:



Bụi và khí thải được dẫn vào hệ thống lọc túi qua cửa vào, hướng từ ngoài vào trong mỗi túi vải, bụi sẽ được giữ lại bên ngoài. Sau một thời gian do bụi bám đầy trên bề mặt túi vải, áp lực không khí qua bề mặt túi vải sẽ tăng lên. Khung căng túi lọc giúp cố định và định hình túi vải trong quá trình lọc. Khí sạch từ trong túi vải sẽ theo cửa ra và được dẫn ra ngoài ống khói theo quạt hút. Để giảm sự tăng áp lực bề mặt túi vải, cũng như duy trì sự ổn định quá trình lọc, hệ thống khí nén được thổi vào mỗi túi để giũ bụi ra khỏi túi vải, bụi được thu ở cửa xả bụi nằm dưới đáy tháp. Dưới đáy tháp có lắp val xả tự động để thu hồi bụi định kỳ, luôn ở trạng thái đóng.

Hiệu quả xử lý: Khí thải sau xử lý đảm bảo đạt theo tiêu chuẩn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, K_p = 0,8, K_v = 0,8).

Bảng 3.6. Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý bụi từ công đoạn nạp liệu, phối trộn

Stt	Thiết bị	Số lượng	Đặc tính
1	Chụp hút	03	Kích thước: - Chụp 1: D x W = 1,0 m x 1,4 m. - Chụp 2: D x W = 0,95 m x 1,2 m. - Chụp 3: D x W = 0,95 m x 1,2 m.
2	Hệ thống đường ống dẫn	01	- Có 14 ống nhánh mềm D100 – D150mm dẫn về 03 ống nhánh D = 400 mm, sau đó đưa về 01 ống dẫn trung tâm D = 600 mm và D=800 mm. - Vật liệu: Thép CT3.
3	Cyclone lọc bụi	01	- Kích thước 01 nguyên đôi cyclon: D x H = 2.000 mm x 4.200 mm. - Vật liệu: thép CT3.
4	Quạt hút	01	- Lưu lượng mỗi cái: 60.000 m^3/h. - Công suất quạt: 380V, 56kW
5	Tháp lọc bụi	01	- Kích thước thùng lọc: 2.460 mm x 4.870 mm x 5.300mm - Kích thước túi lọc D150 mm
6	Túi vải	112	- Túi vải vật liệu sợi tổng hợp. - Hiệu suất lọc: 90 - 95%
7	Ống thoát khí	01	- Đường kính: Ø1.000mm. - Chiều cao: H = 9-10 m.

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)





Hình 3.11. Một số hình ảnh hệ thống xử lý bụi của nhà máy

3.2.3. Mùi nhựa, khí thải chứa VOC từ công đoạn gia nhiệt

Tại công đoạn đùn và cán tấm (gia nhiệt ở nhiệt độ từ 135 - 150^{o}C), các hạt nhựa EVA sẽ nóng chảy ở dạng dẻo dễ nén ép đồng thời có thể phát sinh khí thải là các hợp chất hữu cơ dạng khí. Tuy nhiên, các công đoạn đùn nhựa, cán tấm, ép các tấm nhựa được thực hiện bằng máy móc công nghệ hiện đại với các công đoạn liên tục khép kín và liên kết với nhau từ khâu nhập liệu hạt nhựa đến hoàn thành sản phẩm nhựa (từ công đoạn cấp nhiệt sấy, làm nóng chảy và đùn ép nhựa, cán tấm, ép tấm) nên hạn chế tối đa việc phát sinh khí thải ra môi trường. Quá trình gia nhiệt sử dụng điện nên không phát sinh khí thải từ nhiên liệu đốt. Tại máy đùn, cán tấm (ở nhiệt độ từ 135 - 150^{o}C), máy ép các lớp EVA (ở nhiệt độ từ 105 - 115^{o}C) các hạt/tấm nhựa EVA sẽ nóng chảy ở dạng dẻo dễ nén ép, chưa xảy ra phân hủy liên kết phân tử hóa học của nhựa tạo thành khí thải là hợp chất hữu cơ hydrocacbon dạng khí. Bên cạnh đó, quá trình gia nhiệt nhựa được cơ sở sử dụng dây chuyền công nghệ hiện đại với hệ xy lanh đùn nhựa và khuôn kín với hệ thống chiller giải nhiệt nên hạn chế hơi nóng thoát ra ngoài môi trường làm việc. Ngoài ra, các công đoạn sản xuất tự động và liên kết với nhau từ khâu nhập liệu hạt nhựa đến hoàn thành sản phẩm nhựa (từ công đoạn trộn, hút nạp liệu, cấp nhiệt sấy, làm nóng chảy nhựa và đùn cán tấm EVA), hạn chế tối đa việc phát sinh khí thải ra môi trường.

Bên cạnh đó, dự án cũng cần thực hiện các biện pháp thông thoáng nhà xưởng, phát tán khí thải phù hợp, tránh tích tụ trong thời gian dài làm tăng nồng độ khí thải trong không khí, có thể gây cháy nổ cũng như ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động. Công ty áp dụng các biện pháp như sau:

- Nhà xưởng được xây dựng cao, thông thoáng với thiết kế thuận lợi cho quá trình lưu thông khí tự nhiên, tăng cường lắp đặt quạt công nghiệp làm mát cục bộ, quạt thông gió trong nhà xưởng nhằm tăng cường khả năng phát tán khí thải ra môi trường. Khi dự án triển khai, Công ty sẽ lắp đặt tăng cường bổ sung hệ thống các quạt hút cưỡng bức và quạt công nghiệp tại khu vực đặt các máy đùn, ép, cán tấm để tăng cường lưu thông không khí, thông thoáng môi trường lao động, tránh tình trạng tích tụ khí gây sự cố cháy nổ.

- Lên phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ trong toàn Công ty.

- Trang bị kính, khẩu trang (loại lớp lọc than hoạt tính) và các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân: găng tay, mắt kính, quần áo bảo hộ lao động cho công nhân, đồng thời có kế hoạch kiểm tra việc mang bảo hộ lao động của công nhân khi làm việc, tránh trường hợp có trang bị đầy đủ bảo hộ lao động mà không sử dụng.

- Kho bãi, xưởng sản xuất đã được Công ty làm nền bê tông và thường xuyên được vệ sinh, tránh phát sinh bụi trong quá trình hoạt động sản xuất và phát tán bụi ra ngoài môi trường.

- Cơ giới hóa sản xuất, tránh lao động gắng sức phải hít thở nhiều bụi và khí thải xâm nhập vào phổi tăng lên.

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nhằm giảm thiểu phát sinh bụi, khí thải trong quá trình hoạt động.

- Vệ sinh thường xuyên khu vực sản xuất để trách tích tụ bụi trong thời gian dài: thực hiện vệ sinh quét dọn nhà xưởng bằng phương pháp thủ công và máy hút bụi nhỏ vào cuối mỗi ca sản xuất.

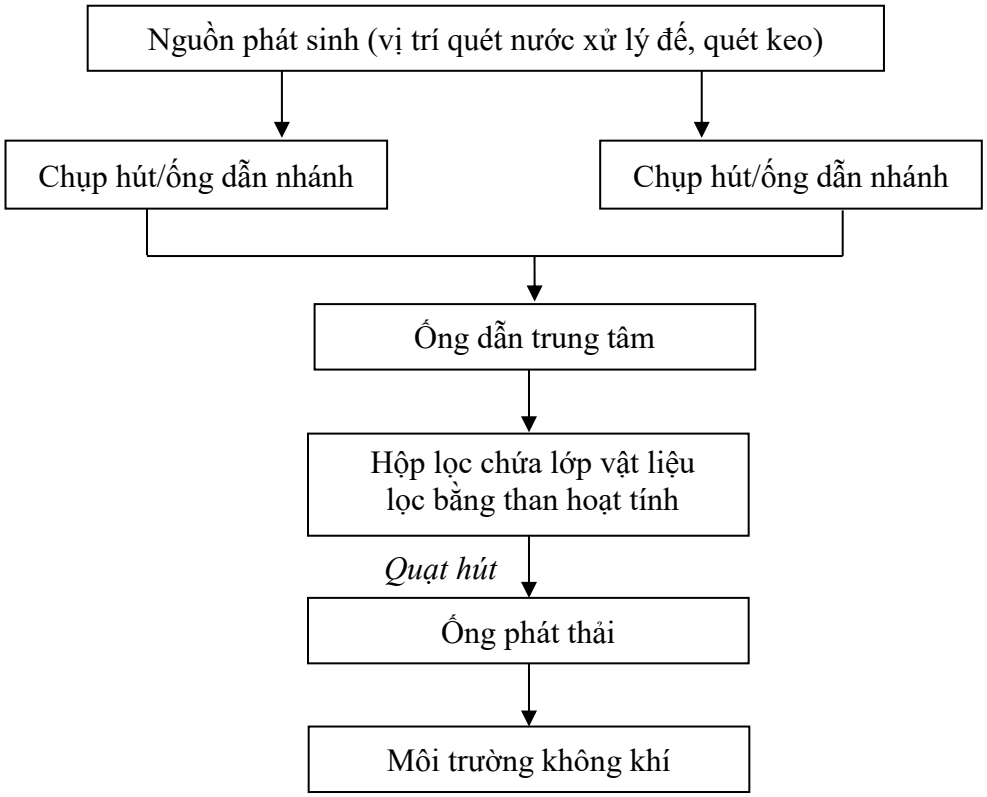
Hệ thống cây xanh, thảm có đã được Công ty TNHH E.Z Sports Vina trồng đảm bảo đạt tỷ lệ tối thiểu 20% tổng diện tích khu đất nhà máy.

3.2.4. Hơi dung môi, hơi hóa chất từ công đoạn quét nước xử lý, quét keo, dán đế, sấy keo

Cơ sở sử dụng chủ yếu loại keo gốc nước để kết dính các lớp đế lại với nhau, dán vải, lưới, giấy lên xốp EVA. Lượng keo polyurecthane gốc nước chiếm gần 50% - 60% lượng keo sử dụng tại nhà máy nên giảm thiểu đáng kể lượng hơi dung môi phát sinh. Đối với keo gốc dung môi, cơ sở chủ yếu sử dụng trong công đoạn quét nước xử lý với thành phần chính là Ethyl acetate, Butanone, Hexane, MCH (methyl clyclo hexane), Acetone sẽ phát sinh trong quá trình hoạt động.

Hơi dung môi hữu cơ phát sinh từ công đoạn quét nước xử lý đế, sấy được thu gom về các cụm xử lý khí thải bằng than hoạt tính để xử lý trước khi thải ra môi trường. Hiện tại, cơ sở đã đầu tư 01 hệ thống xử lý hơi dung môi công suất 20.000 m^3/giờ/hệ thống tại 05 dây chuyền dán đế.

• ***Quy trình xử lý hơi dung môi, hóa chất***



Hình 3.12. Sơ đồ công nghệ xử lý hơi dung môi, hơi hóa chất

• ***Thuyết minh quy trình công nghệ:***

Cơ sở đầu tư lắp đặt các chụp hút tại từng nguồn/khu vực phát sinh hơi dung môi/hóa chất như: công đoạn quét keo/quét sơn, quét dung dịch xử lý đế (làm sạch và bảo vệ đế),… tại các dây chuyền quét sơn/keo, sau đó nối các thiết bị hút này với đường ống hút trung tâm và được dẫn đến thiết bị lọc than hoạt tính.

Nguyên tắc hoạt động của thiết bị lọc là quạt hút sẽ tạo áp suất âm để hút không khí vào chụp hút theo đường ống đến thiết bị lọc. Sau khi qua chụp hút, hợp chất hữu cơ bay hơi sẽ được tiếp xúc với than hoạt tính tại các tấm lọc than hoạt tính. Tại đây hợp chất hữu cơ bay hơi sẽ được giữ lại trong than hoạt tính. Khí sạch thoát ra môi trường qua ống thải.

Tấm lọc than hoạt tính trong giai đoạn đầu có thể hấp phụ được đến 99% hợp chất hữu cơ bay hơi trong dòng khí. Than hoạt tính có thể hấp phụ hợp chất hữu cơ bay hơi với mức tối đa chiếm khoảng 50% trọng lượng của nó. Tuy nhiên hiệu quả hấp phụ sẽ giảm dần do than dần bị bão hòa trong quá trình sử dụng. Định kỳ 6 tháng sẽ thay thế tấm lọc than hoạt tính 01 lần. Tấm lọc than hoạt tính sẽ được thu gom theo chất thải nguy hại của nhà máy.

Lượng than hoạt tính: Định kỳ khoảng 06 tháng/01 lần sẽ thay thế lớp than này, lượng than sử dụng là 200 kg/06 tháng.

Khí thải sau xử lý đảm bảo đạt theo tiêu chuẩn cho phép QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

Ống khói của các hệ thống xử lý hơi dung môi được khoan các lỗ và lắp đặt, gia cố sàn thao tác tại các ống khói theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT (để đảm bảo công tác quan trắc).

Bảng 3.7. Thông số kỹ thuật của hệ thống khí thải hơi dung môi

Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
Hệ thống đường ống thu gom hơi dung môi/ hơi hóa chất	01	- Vật liệu: Kẽm nhúng nóng kết hợp ống thu hơi mềm. - Chụp hút/Ống mềm : D100mm - D150 mm; số lượng: 62 cái. - Ống nhánh: 05 ống nhánh hình trụ tròn có kích thước D = 400 mm. - Ống trung tâm: 01 ống hình trụ tròn có kích thước D = 400 – 600 – 800mm.

3.2.5. Mùi hôi từ khu vực tập kết rác thải

Mùi hôi thường phát sinh nhiều tài khu vực tập kết rác thải sinh hoạt. Để giảm thiểu mùi hôi tại khu vực này, dự án sẽ thực hiện các biện pháp như:

- Sử dụng các thùng chứa rác thải sinh hoạt có nắp đậy, thùng rác sẽ luôn được đậy kín nhằm tránh nước mưa rơi vào, hạn chế sự phân hủy và bốc mùi hôi ra ngoài.

- Cơ sở sẽ hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải sinh hoạt, tiến hành thu gom, định kỳ tránh để rác tại khu vực tập kết lâu ngày gây phân hủy bốc mùi.

- Mùi hôi phát sinh tại kho lưu trữ tạm thời chất thải rắn và chất thải nguy hại chủ yếu phát sinh từ các chất thải nguy hại như giẻ lau nhiễm dầu, dầu thải.

- Để hạn chế mùi hôi từ các loại chất thải này, mỗi loại chất thải sẽ được lưu trữ trong thùng chứa có nắp đậy nhằm hạn chế sự bốc hơi, gây mùi.

- Ngoài ra, các loại chất thải trong khu vực lưu trữ sẽ được sắp xếp gọn gàng, tạo sự thông thoáng cho kho lưu trữ.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Số lượng công nhân viên làm việc tại Nhà máy khi hoạt động với công suất tối đa là 300 người, với lượng phát thải bình quân 1 kg/người/ngày (Theo Quyết định số 2474/QĐ-UBND ngày 10/9/2012 về việc phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể quản lý – xử lý chất thải rắn tỉnh Bình Dương đến năm 2030) thì tổng lượng CTRSH phát sinh trong quá trình hoạt động tại Nhà máy khoảng 300 kg/ngày.

Đối với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, nhà máy đã bố trí các thùng chứa màu xanh có dán nhãn, có nắp đậy (bao gồm: 02 thùng loại 60 lít, 6 thùng loại 120 lít và 04 thùng loại 240 lít) để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các khu vực: nhà ăn, văn phòng, trong xưởng sản xuất, dọc hành lang ngoài xưởng. Cuối ngày làm việc sẽ được tập kết khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt với diện tích 64 m^2.

Ngoài ra, số lượng thùng chứa sẽ được nhà máy điều chỉnh tăng hoặc giảm để bảo đảm theo nhu cầu chứa đầy đủ các chất thải rắn sinh hoạt trong nhà máy.

Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt có kết cấu theo đúng quy định như sau: Kết cấu sàn bê tông cốt thép kín khít, không bị thẩm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải; khu vực được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH TMDV Thành Phát Hưng để thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ về việc thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt không nguy hại, rác thải công nghiệp không nguy hại số 0126-01/2025/HĐKT-TPH ngày 31/12/2026 để vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt phát sinh *(Hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải được đính kèm Phụ lục báo cáo)*.

- Lưu giữ và xử lý:

+ Tần suất thu gom: 01 lần/tuần.

+ Tần suất vận chuyển: 01 lần/tuần.

• Hiệu quả áp dụng các biện pháp thu gom chất thải rắn sinh hoạt:

Đã thu gom, lưu chứa được toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, đưa đi xử lý theo quy định. Tại kho chứa không xảy ra tình trạng ứ đọng, quá tải.





Hình 3.13. Hình ảnh thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại nhà máy

3.3.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất, thành phần chủ yếu là: pallet gỗ, giấy phế liệu, bao nylon phế, sắt, inox, mút xốp, vải thải…

Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh trong năm 2025 (từ tháng 01 – 12/2025) cụ thể như sau:

Bảng 3.8. Khối lượng và chủng loại của chất thải rắn công nghiệp thông thường

STT	Tên chất thải	Số lượng (kg/năm)		Trạng thái	Ký hiệu phân loại
		Hiện tại	Khi hoạt động công suất tối đa		
1	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu	30.442	36.530	Rắn	TT-R
2	Chất thải phải xử lý	37.810	45.372	Rắn	TT-R
Tổng số lượng		**68.252**	**81.902**	**-**	**-**

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina,2026)

Ghi chú: Khối lượng chất thải rắn CNTT phát sinh khi đạt công suất tối đa được tính như sau:

+ *Khối lượng chất thải rắn CNTT phát sinh khi đạt công suất tối đa = Khối lượng chất thải rắn CNTT trong năm 2025 ÷ tỷ lệ công suất sản xuất trong năm 2025 so với công suất tối đa ×100%.*
+ *Trong đó: Tỷ lệ công suất sản xuất trong năm 2025 là 80%.*

Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ chất thải công nghiệp không nguy hại: nhà máy đã bố trí khu vực lưu giữ chất thải rắn công nghiệp không nguy hại với diện tích 15 m^2. Khu vực lưu chứa được mô tả như sau:

- Mái che bằng tôn, nền được đổ bê tông chống thấm.
- Có hệ thống thu gom thoát nước mưa xung quanh.
- Gắn biển cảnh báo theo đúng quy định.
- Các loại chất thải rắn được phân loại, để ngăn nắp, gọn gàng và đúng khu vực quy định.

Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH TMDV Thành Phát Hưng để thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ về việc thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt không nguy hại, rác thải công nghiệp không nguy hại số 0126-01/2025/HĐKT-TPH ngày 31/12/2025 để vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh và Hợp đồng mua bán số 0126-

01/2025/HĐKT-TPH ngày 31/12/2025 về việc mua bán phế liệu *(Hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải được đính kèm Phụ lục báo cáo)*.

• Hiệu quả áp dụng các biện pháp thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Các biện pháp thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường mà nhà máy áp dụng về cơ bản đã thu gom được các loại chất thải rắn thông thường phát sinh tại nhà máy, lưu chứa vào khu vực theo quy định, sau đó các loại chất thải rắn được vận chuyển đi xử lý theo quy định.

3.3.3. Chất thải nguy hại

Chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất của nhà máy bao gồm:

- Keo thải.
- Bóng đèn huỳnh quang thải.
- Bao bì nhiễm các thành phần nguy hại.
- Giẻ lau, bao tay, xốp EVA thải nhiễm các thành phần nguy hại.
- Nhựa nhiễm các thành phần nguy hại.

Chất thải phát sinh từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng máy móc: dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải.

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tính trung bình từ tháng 01/2025 – 12/2025 khoảng 56.140 kg/năm và ước tính khi nhà máy đi vào hoạt động với công suất tối đa như sau:

Bảng 3.9. Danh mục chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy khi hoạt động với công suất tối đa (ước tính)

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)		Ký hiệu phân loại
				Hiện tại	Dự kiến hoạt động với công suất tối đa	
1	Keo thải	Rắn	08 03 01	4.271	5.125	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	331	397	NH
3	Bao bì mềm thải nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	9.014	10.817	KS
4	Nhựa thải nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	8.826	10.591	KS

Stt	Tên chất thải	Trạng thái	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)		Ký hiệu phân loại
				Hiện tại	Dự kiến hoạt động với công suất tối đa	
5	Giẻ lau, bao tay, xốp EVA thải nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 01 02	33.698	40.438	KS
Tổng khối lượng				**50.140**	**67.368**	

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)

Ghi chú: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khi đạt công suất tối đa được tính như sau:

+ *Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khi đạt công suất tối đa = Khối lượng chất thải nguy hại trong năm 2025 ÷ tỷ lệ công suất sản xuất trong năm 2025 so với công suất tối đa ×100%.*
+ *Trong đó: Tỷ lệ công suất sản xuất trong năm 2025 là 80%.*

Chất thải nguy hại phát sinh tại nhà máy được thu gom và phân loại, không để lẫn với chất thải rắn thông thường. Tùy theo thành phần, tính chất và đặc tính mà chất thải nguy hại được lưu chứa trong các thiết bị khác nhau để việc lưu trữ chất thải được an toàn và tránh tình trạng rơi vãi, rò rỉ chất thải:

- Đối với các loại chất thải nguy hại dạng rắn sẽ được chứa trong bao chứa PE, bao vải hoặc thùng chứa.

- Các loại chất thải nguy hại dạng lỏng (dầu nhớt thải,…) sẽ được chứa trong thùng chứa chuyên dụng và được đặt trên các khay pallet chống tràn đổ.

Cơ sở sẽ tuân thủ các yêu cầu về thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chất thải phát sinh được phân loại ngay tại nguồn, tùy thuộc vào tính chất, trạng thái của chất thải để bố trí các thùng chứa hoặc bao bì chuyên dụng sau đó tập kết về kho chứa chất thải nguy hại của Công ty trước khi chuyển giao cho các đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo đúng theo quy định.

Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần môi trường Tân Thiên Nhiên theo hợp đồng số p012/2026/HĐKT/TTN-EZ để thu gom, vận chuyển và xử lý Công ty vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Căn cứ vào chủng loại chất thải phát sinh Công ty đã bố trí đầy đủ khu vực lưu giữ từng loại chất thải, mỗi khu vực lưu giữ Công ty gắn biển ghi chú chủng loại và mã chất thải, trong các bao bì chứa chất thải Công ty dán đầy đủ nhãn cảnh báo, thông tin về chất thải như mã chất thải, tên chất thải, dự án đầu tư phát sinh, ngày đóng gói…

Công ty đã đăng ký Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại và đã được Chi cục bảo vệ Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 140/SĐK-CCBVMT ngày 23/5/2014 (mã số QLCTNH: 75.001267.T).

• ***Thông số kho chứa chất thải nguy hại:***

- Thông số kỹ thuật: Trang bị 01 khu chứa chất thải nguy hại có diện tích 28 m^2, bên trong bố trí các bao chứa, các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy. Số lượng thùng chứa, thiết bị lưu chứa chất thải sẽ được nhà máy điều chỉnh tăng hoặc giảm để bảo đảm theo nhu cầu chứa đầy đủ các chất thải nguy hại phát sinh trong nhà máy.

- Kết cấu khu vực chứa như sau:

+ Nền kho bằng bê tông chống thấm, tường bao, có mái che bằng tôn để nước mưa không xâm nhập, có dán biển cảnh báo và xây gờ chống tràn cao.

+ Trang bị biển dấu hiệu cảnh báo theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

+ Mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm kín khít, không bị thẩm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.

+ Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có thiết bị bình cứu hỏa, nội quy, tiêu lệnh PCCC, theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy thiết kế theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 về chất thải nguy hại - Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa, có vật liệu hấp thụ như cát khô và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

Ngoài ra, Công ty thực hiện chế độ báo cáo công tác quản lý CTNH trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12), báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, lưu trữ với thời hạn 05 năm tất cả các liên chứng từ CTNH đã qua sử dụng, báo cáo quản lý CTNH và các hồ sơ, tài liệu liên quan để cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.




Hình 3.14. Hình ảnh khu vực lưu giữ chất thải nguy hại

3.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn và rung động phát sinh từ dự án chủ yếu ảnh hưởng đến công nhân lao động trong nội bộ sản xuất. Công ty sẽ thực hiện một số biện pháp quản lý nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các ảnh hưởng có thể có của tiếng ồn và rung động tới môi trường và sức khỏe của công nhân trực tiếp sản xuất, cụ thể như sau:

• ***Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn do các phương tiện giao thông:***

Để hạn chế ảnh hưởng đến mức thấp nhất đến sức khỏe của người lao động, trong quá trình hoạt động chủ đầu tư áp dụng thực hiện các biện pháp sau nhằm khống chế tác động của nguồn ô nhiễm này:

- Quy định tốc độ lưu thông của các loại xe bên trong khu vực dự án đối với xe tải chở hàng, xe ô tô chạy khoảng 5 km/h và đối với xe máy tắt máy dẫn bộ khi đi vào khuôn viên nhà máy.

- Không cho các xe nổ máy, bóp còi trong lúc chờ nhận hàng.

- Đặt các biện báo quy định tốc độ lưu thông trong khu vực dự án.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

- Ngoài các xe chuyên chở nguyên vật liệu, sản phẩm và thu gom chất thải, các loại phương tiện đều phải gửi ngoài bãi xe.

• ***Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong khu vực sản xuất:***

Để hạn chế ảnh hưởng đến mức thấp nhất đến sức khỏe của người lao động, trong quá trình hoạt động chủ dự án thực hiện các biện pháp sau nhằm khống chế tác động của nguồn ô nhiễm này như sau:

- Tách riêng khu vực văn phòng và khu vực sản xuất.

- Chủ dự án đầu tư đảm bảo toàn bộ máy móc, thiết bị sẽ được nâng cấp đạt yêu cầu về kỹ thuật trước khi chuyển đến và đưa vào hoạt động sản xuất do đó sẽ hạn chế được phần nào khả năng gây ồn.

- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành.

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn.

- Kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, thiết bị và hiệu chỉnh nếu cần thiết.

- Bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ.

- Biện pháp hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn và độ rung cho công nhân:

- Đối với công nhân làm việc tại các công đoạn có độ ồn cao được trang bị đầy đủ nút bịt tai, bao ốp tai chống ồn.

- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao.

- Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

- Xung quanh các xưởng có bố trí trồng cây xanh để hạn chế tiếng ồn.

Tiếng ồn và độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu phải đạt quy chuẩn cho phép QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 27:2010/BTNMT.

• Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, rung tại hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải:

- Nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải, xử lý khí thải theo đúng quy trình vận hành của hệ thống.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị.

- Gắn thiết bị trên các tấm hoặc giá đỡ giảm rung để ngăn rung động.

- Khi phát hiện tiếng kêu lớn bất thường, cần kiểm tra hiện trạng máy móc và khắc phục nhanh chóng.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu nhiệt thừa

Để hạn chế ảnh hưởng của nhiệt độ cũng như để đảm bảo tốt môi trường cho công nhân làm việc, Công ty đã, đang và sẽ tiếp tục áp dụng áp dụng một số biện pháp sau:

- Bố trí chuyền sản xuất khoa học, hợp lý.

- Khu vực văn phòng làm việc và xưởng sản xuất được trang bị hệ thống điều hòa nhiệt độ kiểm soát nhiệt trong môi trường làm việc.

- Trang bị các trang thiết bị bảo hộ lao động như: găng tay, khẩu trang cho cán bộ công nhân trong các trường hợp cần thiết.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải

3.6.1. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải

• ***Sự cố rò rỉ, tắc nghẽn hệ thống đường ống thoát nước mưa:***

- Hệ thống thoát nước mưa phải có đường cách ly an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

- Sử dụng các nguyên liệu có độ bền cao và chống ăn mòn.

- Định kỳ hàng năm (trước mùa mưa) tiến hành nạo vét các hố ga và đường ống thu gom nước mưa.

- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

• ***Sự cố tràn bể nước thải:***

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

- Thường xuyên kiểm tra và vệ sinh bể nước thải.

- Trường hợp nước thải đổ về bể nhiều và đột ngột thì cho chạy 02 bơm hước thải về bể gom của hệ thống xử lý nước thải, đồng thời đi kiểm tra và tìm nguyên nhân khắc phục.

- Trường hợp thiết bị bơm nước thải bị hư thì thay thế bằng thiết bị khác và đồng thời đem đi sửa chữa.

• ***Sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:***

- Sử dụng các nguyên liệu có độ bền cao và chống ăn mòn.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Những người vận hành hệ thống xử lý nước thải được đào tạo các kiến thức về: an toàn khi vận hành hệ thống xử lý nước thải, cách xử lý các sự cố và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị. Đồng thời lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Tuần hoàn nước thải về bể điều hòa nếu nước thải chưa đạt QCVN.

- Lắp ráp thiết bị hoạt động theo chế độ luân phiên để có thiết bị dự phòng khi cần thiết và hạn chế tối đa việc hỏng thiết bị hệ thống xử lý.

- Giám sát hệ thống xử lý nước thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố.

- Khi xảy ra sự cố, tạm dừng vận hành hệ thống xử lý nước thải. Tiến hành sửa chữa, khắc phục sự cố. Bơm nước thải từ công đoạn gặp sự cố về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

• ***Một số biện pháp ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải như sau:***

Bảng 3.10. Xử lý sự cố hệ thống bơm chìm

Số	Triệu chứng	Nguyên nhân có thể	Cách khắc phục
1	Động cơ không chạy ở chế độ tự động	◆ Công tắc chuyển ở chế độ bằng tay. ◆ Lỗi công tắt phao.	◆ Chuyển công tắc sang chế độ tự động. ◆ Sữa chữa/thay thế công tắc phao.
2	Động cơ không chạy ở chế độ bằng tay	◆ Dây điện kết nối bị đứt. ◆ Nút khởi động bị hỏng.	◆ Kiểm tra đường dây điện. ◆ Sữa chữa hoặc thay thế nút này.
3	Động cơ không chạy ở chế độ bằng tay/tự động	Máy bơm hoặc động cơ không hoạt động: ◆ Cầu dao điện đóng. ◆ Rơle bảo vệ quá dòng tác động. ◆ Rơle phụ bị lỗi. ◆ Đầu tiếp xúc bị lỗi. ◆ Máy biến thế điều khiển bị hỏng.	Kiểm tra nguồn điện: ◆ Bật lại cầu dao điện. ◆ Kiểm tra và khởi động lại. ◆ Sữa chữa/thay thế role. ◆ Sữa chữa/thay thế đầu tiếp xúc. ◆ Sữa chữa máy biến thế.

Bảng 3.11. Xử lý sự cố hệ thống xử lý nước thải

Stt	Triệu Chứng	Nguyên nhân có thể	Cách khắc phục
1	**Sự cố và hướng khắc phục của máy thổi khí**		
1.1	Tiếng ồn khác thường.	- Dây đai không thẳng. - Lỗi do bệ đỡ. - Vật lạ vào bánh răng.	- Đo và chỉnh lại. - Cân chỉnh siết lại bệ đỡ. - Làm sạch bánh răng.
1.2	Máy thổi khí nóng.	- Bị kẹt các khe. - Quá tải.	- Làm sạch và thông các khe - Điều chỉnh mở các van khí.

Stt	Triệu Chứng	Nguyên nhân có thể	Cách khắc phục
1.3	Dòng khí ra ít	- Rò rỉ trên đường ống. Khí thoát ra van an toàn. - Ống giảm ồn bị nghẹt. - Dây đai bị trượt.	- Kiểm tra hàn lại vị trí rò. Chỉnh lại van an toàn. - Thay thế hay làm sạch ống giảm ồn. - Chỉnh căng lại dây đai.
1.4	Dây đai bên ngoài rung.	Mòn dây đai.	Kiểm tra kỹ hay thay mới nếu cần.
1.5	Động cơ máy thổi khí nóng	- Quá tải. - Nguồn điện không ổn định.	- Điều chỉnh áp suất ra. - Cải thiện thiết bị cung cấp điện.
1.6	Dầu chảy	Dầu trong hộp số nhiều.	Chỉnh lại mức dầu.
2	**Bơm định lượng**		
2.1	Lưu lượng thấp	Lỗi do màng.	Thay màng.
2.2	Rò rỉ	Van bi hay lò xo bị lỗi.	Thay van bi hay lò xo.
2.3	Không lên hóa chất	Nghẹt rác ổ bị.	Vệ sinh rác ổ bi.
3	**Bể điều hòa**		
3.1	Nước thải có nhiều cặn.	- Song và lưới tách rác không lược được hết cặn thô. - hầm tự hoại đầy. - Van xã bùn bể lắng về điều hòa bị hở hoặc mất.	- Vệ sinh song và lưới tách rác và xem có chỗ nào bị hỏng hay không. - Thêu đơn vị hút hầm tự hoại. - Kiểm tra van bùn tại bể điều hòa khóa chặt lại.
3.2	Nước thải có mùi hôi vượt quá mức mùi hôi hàng ngày.	Quá trình phân hủy yếm khí xảy ra trong bể điều hòa.	Kiểm tra lại van phân phối khí, mở 30% van khí để khí được phân phối đều trong bể để tránh gây hiện tượng lắng cặn và tạo điều kiện yếm khí trong bể.
4	**Bể hiếu khí**		
4.1	Bùn bị đen và phát sinh mùi.	- Bùn bị phân hủy yếm khí. - Vi sinh bị chết.	- Kiểm tra lại các van phân phối khí, đảm bảo rằng các van mở đều để khí được phân phối đều trong bể. - Kiểm tra nguồn nước tại bể điều hòa (chi tiết tại mục vận hành hằng ngày)

Stt	Triệu Chứng	Nguyên nhân có thể	Cách khắc phục
4.2	Xuất hiện nhiều bọt trắng.	- Nồng độ chất ô nhiễm đầu vào tăng đột ngột. - Tuổi bùn thấp (thời gian lưu bùn nhỏ).	- Kiểm tra gửi mẫu phân tích nước tại bể điều hòa. - Kiểm tra hàm lượng bùn trong bể, xem có duy trì ở nồng độ bình thường hay.
5	**Bể lắng sinh học**		
5.1	Nước thải ra khỏi máng thu nước có nhiều cặn.	- Lưu lượng nước thải tăng lên đột ngột. - Motor gạt bùn và bơm bùn tuần hoàn không hoạt động hoặc gặp sự cố..	- Kiểm tra chế độ phân phối nước vào. - Kiểm tra cân chỉnh lại motor gạt bùn và bơm bùn tuần hoàn..
5.2	Bùn nổi.	Quá trình khử nitrat và phân hủy yếm khí xảy ra tại đáy bể lắng sinh học sinh ra khí N2, CH4, NH3 và sẽ bám vào các bông bùn hoạt tính và kéo theo bùn nổi lên bề mặt..	- Kiểm tra bơm bùn tuần hoàn hoạt động có ổn định để hút bùn tại đáy bể lắng sinh học để tránh gây ra hiện tượng phân hủy yếm khí. Điều chỉnh quá trình xử lý sinh học tại bể hiếu khí để giảm tới mức tối đa hàm lượng chất hữu cơ (COD) vì đây là nguồn dinh dưỡng cung cấp cho quá trình khử nitrat hóa. - Xịt rửa vệ sinh bề mặt bể lắng.
6	**Bể khử trùng**		
6.1	Nước thải vẫn còn vi khuẩn.	Tính chất nước thải đầu vào thay đổi do đó liều lượng hóa chất bình thường không đáp ứng yêu cầu xử lý.	Cần phải kiểm tra để điều chỉnh lại liều lượng hóa chất cho phù hợp với điều kiện đầu vào.

(Nguồn: Công ty TNHH E.Z Sports Vina, 2026)

3.6.2. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với khí thải

Để phòng ngừa, ứng phó các trường hợp gặp sự cố về khí thải từ mức độ dễ xảy ra đến khó xảy ra sẽ được trình bày theo thứ tự xảy ra nhiều hay ít ở bên dưới và tương ứng với các hành động ứng phó, biện pháp thực hiện như sau:

• Hoạt động phòng ngừa và ứng phó sự cố do chất thải của hệ thống xử lý khí thải:

- Sự cố và khắc phục các sự cố trong vận hành hệ thống xử lý khí thải:

Bảng 3.12. Sự cố và khắc phục các sự cố trong vận hành hệ thống xử lý khí thải

Thiết bị	Nội dung hỏng hóc	Nguyên nhân	Biện pháp khắc phục
1. Tủ điện điều khiển	Không hoạt động	- Mất điện. - Cầu chì hỏng. - Bảo vệ pha không hoạt động. - Tiếp điểm công tắc tổng tiếp xúc không tốt.	- Nguồn điện dự phòng. - Thay cầu chì. - Thay mới. - Thay mới.
	Rờle nhiệt bị nhảy	- Giảm áp. - Quá tải. - Bị hư.	- Khởi động lại. - Tăng bơm. - Thay mới.
2. Quạt hút	Quạt hút hoạt động có tiếng ồn bất thường	- Không đủ mỡ bò và nhớt.	- Bơm thêm mỡ bò và nhớt.
	Máy hoạt động mà không đẩy khí	- Máy bị hỏng. - Đường ống bị hỏng.	- Sửa chữa, thay mới.

• Bảo dưỡng định kỳ và bảo trì thường xuyên:

- Kiểm tra hoạt động của quạt, nhiệt độ của động cơ và ổ trục, độ ồn và độ rung của quạt hàng ngày.

- Kiểm tra và điều chỉnh độ căng của đai quạt hàng tuần, và thay thế đai động cơ định kỳ.

• Hướng dẫn thực hành vận hành hệ thống:

- Thực hành các thao tác vận hành hệ thống.

- Thực hành xử lý các tình huống sự cố.

- Yêu cầu đối với cán bộ vận hành trong trường hợp sự cố thường gặp:

+ Phải lập tức báo cáo cấp trên khi có các sự cố xảy ra và tiến hành giải quyết các sự cố. Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì tìm cách báo cáo cho cấp trên để nhận sự chỉ đạo trực tiếp.

+ Liên hệ với đơn vị thiết kế để sữa chữa gấp, thông báo với cơ quan quản lý nhà nước để hướng dẫn khắc phục.

+ Nếu đã thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên mà chưa thể khắc phục sự cố thì được phép xử lý theo hướng ưu tiên: 1- Bảo đảm an toàn về con người; 2- An toàn tài sản; 3- An toàn công việc.

+ Viết báo cáo sự cố và lưu hồ sơ.

3.6.3. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với chất thải rắn

- Sự cố về kho chứa chất thải rắn: Chất thải rắn nếu không được lưu trữ theo quy định có thể bị rò rỉ, tràn đổ hoặc bị cuốn theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm môi trường cho nguồn tiếp nhận. Mặt khác, nếu kho chứa không đảm bảo yêu cầu về phòng chống cháy nổ khi xảy ra sự cố cháy nổ gây tác động lớn đến môi trường, con người và tài sản.

- Phát tán tại chỗ: Do rò rỉ thiết bị chứa, chiết rót... dẫn đến chất thải phát tán ra nền nhà kho chứa với số lượng lớn sẽ phát tán ra môi trường.

- Phát tán cưỡng bức: Do kho chứa có chất dễ cháy, nổ hoặc được xây dựng cạnh các thiết bị có khả năng phát nổ như nồi hơi... trong quá trình sản xuất vô tình gây nổ kho chứa vì một lý do nào đó nêu trên dẫn đến chất thải nguy hại theo sức ép của vụ nổ mà phát tán mạnh ra môi trường xung quanh, không theo diễn biến cố định ảnh hưởng lớn đến tài sản, tính mạng con người cũng như môi trường xung quanh.

• Quy trình ứng phó sự cố môi trường:

Các bước xử lý:

- Bước 1: Báo động.

- Bước 2: Xác định nguồn phát tán, rò rỉ và ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của nhân dân trong vùng.

- Bước 3: Xử lý việc phát tán, tràn đổ chất thải. Trong quá trình thực hiện chú ý công tác cháy nổ, chống điện giật....

- Bước 4: Trong trường hợp vượt quá khả năng, Công ty tiến hành thông báo ngay cho chính quyền địa phương, Ban quản lý các Khu công nghiệp và Sở Tài nguyên và Môi trường, đồng thời cung cấp chi tiết các thông tin liên quan đến sự cố xảy ra.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

3.7.1. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

• Biện pháp phòng cháy:

Nhằm đề phòng và khắc phục các sự cố về cháy nổ và hỏa hoạn có thể xảy ra trong nhà máy, biện pháp về phòng chống và ứng cứu cháy nổ sẽ được áp dụng nghiêm túc và tuân theo quy định về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy của Chính phủ Việt Nam. Để phòng chống các nguyên nhân gây cháy nổ, Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- Tủ điện được đặt nơi riêng biệt, cách ly với khu sản xuất; đường dây điện đều tính dư tải và đi trong các máng dây đảm bảo an toàn cháy nổ, chia ra thành nhiều tủ điện khác nhau và hạn chế sử dụng đồng loạt các motor.

- Gắn trụ chống sét trên mái nhà xưởng và được tiếp đất cẩn thận.

- Triệt để tuân theo các quy định về phòng hoả, chống sét mà Nhà nước đã ban hành.

- Kho chứa vật liệu dễ cháy có bố trí sẵn các dụng cụ chữa cháy, thùng đựng cát khô, bình bọt dập lửa, bể nước và các lối ra phụ.

- Cấm dùng ngọn lửa trần trong môi trường dễ cháy. Không mài các dụng cụ kim loại không để trở thành nguồn phát nhiệt gây cháy nổ, nghiêm cấm việc đốt lửa sưởi ấm, đun nước, nấu ăn trong nhà xưởng.

- Công nhân, thủ kho, bảo vệ cũng được huấn luyện chữa cháy bằng bình xịt.

- Kho bãi chứa vật liệu được sắp xếp hợp lý, thuận tiện, an toàn, đúng theo quy định về PCCC.

- Quy định không được phép hút thuốc lá và ăn uống trong khu vực nhà xưởng.

- Không cho bất kì cá nhân nào mang các vật dụng có khả năng phát sinh lửa vào khu vực đã được quy định, nhất là các khu vực dễ cháy.

- Trang bị hệ thống báo cháy khi có sự cố và chấp hành nghiêm chỉnh những quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy cho khu vực nhà kho.

- Xây dựng các bảng hướng dẫn quy trình nghiêm ngặt trong việc bảo trì, sửa chữa các thiết bị máy móc tại các khu vực sản xuất.

- Trang bị các dụng cụ phòng cháy chữa cháy như: máy bơm, vòi xịt nước, hồ nước dự trữ, cát, bình CO_2, bình bọt hóa chất,… tại khu vực văn phòng và nhà xưởng. Các phương tiện chữa cháy được bố trí phần tán dàn đều tại các phân xưởng rất dễ thấy và dễ lấy.

- Đường nội bộ rộng và vào tận các khu vực nhà xưởng, văn phòng nên khi có sự cố, xe chữa cháy có thể vào tận nơi để khắc phục.

- Bố trí các sơ đồ thoát hiểm tại khu vực mọi người quan sát thấy.

- Hệ thống cấp điện cho nhà máy và hệ thống chiếu sáng bảo vệ được thiết kế độc lập, an toàn, có bộ phận ngắt mạch khi có sự cố chập mạch trên đường dây tải điện.

- Các máy móc, thiết bị có lý lịch kèm theo và được đo đạc theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra các biển báo, biển cấm lửa, nội quy PCCC, phương tiện PCCC.

- Công ty đã lắp đặt hệ thống chống sét tại các điểm cao nhất của nhà xưởng theo quy định số 79/QĐ ngày 02/03/1983 của Bộ Vật Tư. Điện trở tiếp đất xung kích <10 Ω khi điện trở suất của đất < 50.000 Ω/cm^2. Điện trở tiếp đất xung kích >10 Ω khi điện trở của đất > 50.000 Ω/cm^2.

- Thường xuyên nhắc nhở công nhân tuân thủ công tác phòng cháy chữa cháy. Dụng cụ PCCC (bình CO_2, xẻng, thang, gàu, máy bơm nước…) để đúng nơi quy định, không được tự ý di chuyển hoặc lấy sử dụng vào việc khác. Sau khi dập lửa xong phải để dụng cụ vào vị trí cũ và báo ngay cho cán bộ phụ trách kiểm tra.

• ***Quy trình phòng chống và ứng cứu sự cố cháy nổ:***

- Công ty đã thành lập đội xung kích phòng cháy chữa cháy của mình. Đội này sẽ được Công an phòng cháy chữa cháy đào tạo và huấn luyện. Định kỳ thời gian sẽ được ôn luyện và thực tập cứu hoả bộ phận dễ gây cháy nổ.

- Tại các nơi dễ cháy nổ, lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động. Các phương tiện PCCC được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ và luôn ở trong tình trạng sẵn sàng hoạt động.

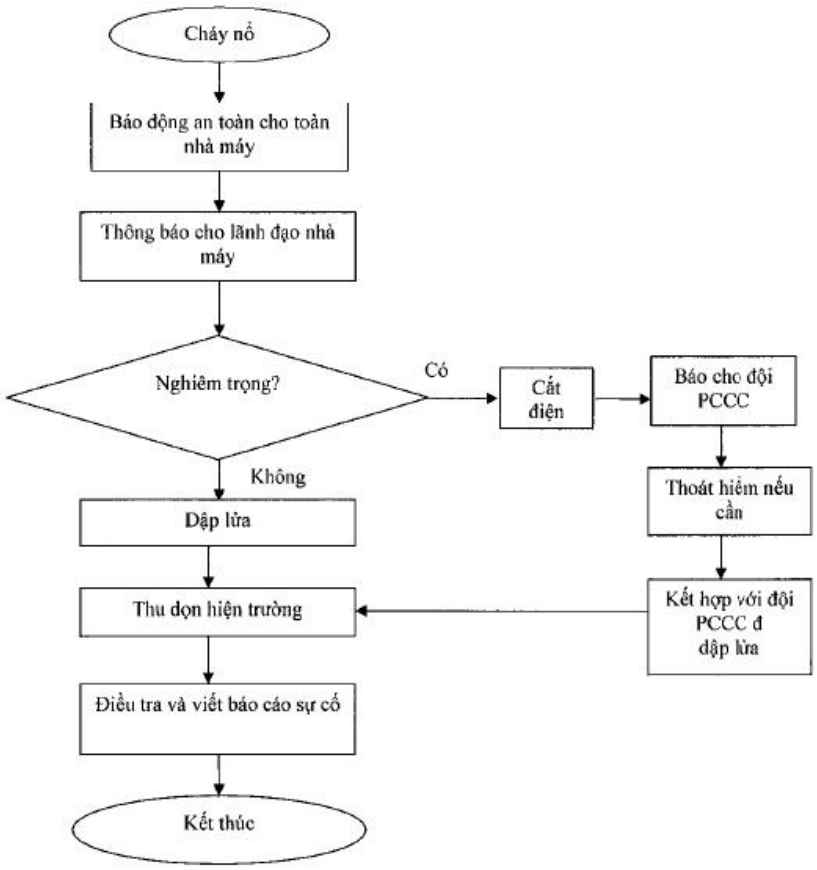
- Các máy móc thiết bị làm việc ở nhiệt độ và áp suất cao đều có hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ.

- Các loại nhiên liệu được lưu giữ trong kho được cách ly, tránh xa nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện. Khoảng cách an toàn giữa các công trình là 12 – 20 m để ô tô cứu hoả có thể tiếp cận dễ dàng.

- Cấm công nhân hút thuốc, mang bật lửa và các dụng cụ phát ra lửa trong khu vực dễ cháy.

- Công ty đã phối hợp với Công an PCCC để xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy cho toàn Công ty, bố trí cho đội xung kích cùng công nhân tập dượt theo các phương án đã lập.

• ***Biện pháp chữa cháy:***



Hình 3.15. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

(1) Dập lửa:

Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại các công trường và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, nước để dập lửa.

(2) Dọn dẹp:

Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

(3) Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm:

Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó chủ đầu tư sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra, Công ty sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục. Hiệu quả của việc áp dụng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường giúp ngăn ngừa, giảm thiểu các thiệt hại về môi trường và kinh tế nếu xảy ra sự cố.

3.7.2. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nguyên, nhiên liệu, hóa chất

• Đảm bảo yêu cầu đối với nhà xưởng, kho chứa:

- Nhà xưởng phải đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, phù hợp với tính chất, quy mô và công nghệ sản xuất, lưu trữ hóa chất.

- Nhà xưởng, kho chứa phải có lối, cửa thoát hiểm. Lối thoát hiểm phải được chỉ dẫn rõ ràng bằng bảng hiệu, đèn báo và được thiết kế thuận lợi cho việc thoát hiểm, cứu hộ, cứu nạn trong trường hợp khẩn cấp.

- Hệ thống thông gió của nhà xưởng, kho chứa phải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về hệ thống thông gió.

- Hệ thống chiếu sáng đảm bảo theo quy định để đáp ứng yêu cầu sản xuất, lưu trữ hóa chất. Thiết bị điện trong nhà xưởng, kho chứa có hóa chất dễ cháy, nổ phải đáp ứng các tiêu chuẩn về phòng, chống cháy, nổ.

- Sàn nhà xưởng, kho chứa hóa chất phải chịu được hóa chất, tải trọng, không gây trơn trượt, có rãnh thu gom và thoát nước tốt.

- Nhà xưởng, kho chứa hóa chất phải có bảng nội quy về an toàn hóa chất, có biển báo nguy hiểm phù hợp với Iĩiức độ nguy hiểm của hóa chất, treo ở nơi dễ thấy. Các biển báo thể hiện các đặc tính nguy hiểm của hóa chất phải có các thông tin: Mã nhận dạng hóa chất; hình đồ cảnh báo, từ cảnh báo, cảnh báo nguy cơ. Trường hợp hóa chất có nhiều đặc tính nguy hiểm khác nhau thì hình đồ cảnh báo phải thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm đó. Tại khu vực sản xuất có hóa chất nguy hiểm phải có bảng hướng dẫn cụ thể về quy trình thao tác an toàn ở vị trí dễ đọc, dễ thấy.

- Nhà xưởng, kho chứa phải có hệ thống thu lôi chống sét hoặc nằm trong khu vực được chống sét an toàn và được định kỳ kiểm tra theo các quy định hiện hành.

- Đối với bồn chứa ngoài trời phải xây đê bao hoặc các biện pháp kỹ thuật khác để đảm bảo hóa chất không thoát ra môi trường khi xảy ra sự cố hóa chất và có biện pháp phòng chống cháy nổ, chống sét.

- Nhà xưởng, kho chứa phải đáp ứng đủ các điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Đối với kho chứa hóa chất của nhà máy nhìn chung đã đáp ứng được các quy định về kho chứa hóa chất, cụ thể như sau:

+ Có lối, cửa thoát hiểm. Lối thoát hiểm được chỉ dẫn rõ ràng bằng bảng hiệu, đèn báo và được thiết kế thuận lợi cho việc thoát hiểm, cứu hộ, cứu nạn trong trường hợp khẩn cấp.

+ Có hệ thống thông gió của nhà xưởng.

+ Hệ thống chiếu sáng đảm bảo quy định đáp ứng các tiêu chuẩn về phòng, chống cháy, nổ.

+ Sàn không gây trơn trượt, có rãnh thu gom và thoát nước tốt.

+ Kho chứa có hệ thống thu lôi chống sét.

+ Kho chứa đáp ứng đủ các điều kiện về phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn và vệ sinh lao động theo quy định.

• Đảm bảo yêu cầu về dự án đầu tư vật chất - kỹ thuật trong sản xuất hóa chất:

- Nhà xưởng, kho tàng và thiết bị công nghệ.

- Trang thiết bị an toàn, phòng, chống cháy nổ, phòng, chống sét, phòng, chống rò rỉ, phát tán hóa chất và các sự cố hóa chất khác.

- Trang thiết bị bảo hộ lao động.

- Trang thiết bị bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý chất thải.

- Phương tiện vận chuyển.

- Bảng nội quy về an toàn hóa chất; hệ thống báo hiệu phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất tại khu vực sản xuất, kinh doanh hóa chất nguy hiểm.

• Đảm bảo yêu cầu về chuyên môn trong sản xuất hóa chất:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hóa chất phải có người chuyên trách về an toàn hóa chất có trình độ chuyên môn phù hợp với quy mô và loại hình sản xuất, kinh doanh hóa chất, nắm vững công nghệ, phương án và các biện pháp bảo đảm an toàn hóa chất.

- Người lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh hóa chất phải có trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được phân công.

- Người trực tiếp điều hành sản xuất của dự án đầu tư sản xuất hóa chất nguy hiểm phải có trình độ đại học trở lên về chuyên ngành hóa chất.

• Công tác cất giữ, bảo quản hóa chất nguy hiểm trong sản xuất hóa chất:

- Điều kiện về khoảng cách an toàn, yêu cầu kỹ thuật an toàn trong cất giữ, bảo quản hoá chất.

- Có các cảnh báo cần thiết tại nơi cất giữ, bảo quản hóa chất nguy hiểm theo quy định.

- Có trang thiết bị, phương tiện ứng cứu sự cố phù hợp với các đặc tính nguy hiểm của hóa chất.

- Có biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất hoặc Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định.

• Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất để sản xuất sản phẩm, hàng hóa khác có các nghĩa vụ sau đây:

- Tuân thủ các quy định về quản lý an toàn hóa chất.

- Có người chuyên trách về an toàn hóa chất; đáp ứng yêu cầu về dự án đầu tư vật chất - kỹ thuật, năng lực chuyên môn về an toàn hóa chất, phù hợp với khối lượng, đặc tính của hóa chất.

- Định kỳ đào tạo, huấn luyện an toàn hóa chất cho người lao động.

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, hướng dẫn thực hiện an toàn hóa chất cho người lao động, người quản lý trực tiếp.

- Xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất, Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

- Cập nhập, lưu trữ thông tin về các hóa chất sử dụng.

- Thông báo kịp thời cho tổ chức, cá nhân cung cấp hóa chất, cơ quan quản lý hóa chất khi phát hiện các biểu hiện về đặc tính nguy hiểm mới của hóa chất sử dụng.

- Chấp hành các yêu cầu kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện các quy định về an toàn hóa chất.

a. Hướng dẫn làm việc an toàn hóa chất

• Bảo quản hóa chất:

- Các loại hóa chất cần có khu vực lưu trữ được quy định riêng, đảm bảo khô thoáng, thông gió tốt, tránh ánh nắng trực tiếp và nguồn nhiệt.

- Phải quy định khu vực riêng cho các loại hóa chất nguy hiểm, chất dễ cháy nổ,…

- Tuyệt đối không lưu trữ các chất oxy hóa mạnh gần các chất dễ cháy nổ.

- Hóa chất lưu trữ phải có nhãn mác rõ ràng, đầy đủ các thông tin tên hóa chất, nồng độ, ngày nhập (hay ngày pha). Các chất độc phải có nhãn hiệu đặc biệt và đánh dấu nguy hiểm.

- Các loại hóa chất mất nhãn hiệu nhất thiết không được sử dụng, chỉ được dùng sau khi kiểm tra lại chính xác bằng phương pháp phân tích và có biên bản xác nhận.

- Dụng cụ, hóa chất, các trang bị làm việc phải bố trí gọn gàng, ngăn nắp, theo thứ tự, lấy chỗ nào để chỗ đó. Nơi làm việc luôn giữ sạch sẽ, khô ráo, nền nhà không được có nước hoặc dầu, bị vương vãi phải lập tức lau chùi cho thật sạch và khô ráo.

- Bình/dụng cụ chứa hóa chất nguy hiểm là chất thải nguy hại, không rửa và sử dụng cho mục đích khác.

• Vận chuyển hóa chất:

- Trước khi vận chuyển phải quan sát đường đi, không được để có vật gì làm cản trở lối đi vận chuyển hóa chất.

- Bình chứa hóa chất nặng từ 10 kg trở lên phải có dụng cụ để khiêng hoặc dùng xe không được mang, vác.

- Khi vận chuyển hóa chất có tính axit và kiềm có nồng độ đậm đặc và có khối lượng lớn hơn 5 kg phải khiêng hoặc dùng xe đẩy. Phải chứa axit và kiềm trong thùng kín chắc chắn, nếu để trên xe cần chèn chắc.

• Sử dụng hóa chất:

- Khi sử dụng, tiếp xúc với các loại hóa chất phải sử dụng phương tiện bảo hộ thích hợp, nơi làm việc cần có biện pháp thông gió phù hợp.

- Các chất độc hại, dễ bay hơi, các loại phản ứng tạo nên các chất đó có ảnh hưởng tới sức khỏe con người đều phải đưa vào tủ hút chất độc.

- Tuyệt đối không dùng miệng hút dung địch hóa chất mà phải lấy bàng bóp cao su.

- Khi rửa các dụng cụ đựng chất độc phải đổ đầy nước từ hai đến ba lần để cho hơi còn lại trong dụng cụ ra ngoài. Khi đổ đầy nước phải quay mặt đi chỗ khác để tránh hít phải hơi độc.

- Tuyệt đối không ăn uống trong khi thao tác với hóa chất, đặc biệt là hóa chất độc hại. Không để thức ăn trong khu vực làm việc. Chỉ được ăn uống sau khi đã rửa tay kỹ nhiều lần bằng xà bông và đã ra khỏi nơi làm việc.

- Nghiêm cấm hút thuốc hay sử dụng các nguồn nhiệt gây nên cháy tại nơi làm việc có chất dễ cháy. Với công việc cần thiết dùng bếp đun thì phải dùng bếp có cách nhiệt và được cô lập.

• Sơ cấp cứu khi nhiễm hóa chất:

- Công tác ứng phó sự cố nếu hít phải hơi hóa chất: Khi phát hiện trường hợp bị ngất do hơi hóa chất, ngay lập tức xử lý (nếu có thể) hoặc gọi người đến giúp (theo bảng liên lạc khẩn cấp).

+ Đưa nạn nhân đến nơi thoáng khí.

+ Tiến hành hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân ngừng thở.

+ Đưa ngay đến trung tâm y tế gần nhất.

- Công tác ứng phó sự cố hóa chất văng bắn vào mắt: Khi hóa chất văng bắn vào mắt, nạn nhân hoặc người phát hiện ngay lập tức xử lý:

+ Sử dụng bình nước rửa mắt khẩn cấp xịt liên tục.

+ Nếu tình trạng chưa giảm: đưa nạn nhân đến vòi nước rửa liên tục.

+ Đưa ngay đến trung tâm y tế gần nhất.

- Công tác ứng phó sự cố hóa chất tiếp xúc với da:

+ Làm thoáng vùng da bị hóa chất dính vào.

+ Rửa sạch chỗ bị dính hóa chất với xà phòng và thật nhiều nước.

+ Nếu trường hợp xảy ra nặng ngay lập tức đưa nạn nhân đến trung tâm y tế gần nhất.

- Công tác ứng phó sự cố nuốt phải hóa chất: Khi phát hiện trường hợp nuốt phải hóa chất, người phát hiện phải ngay lập tức xử lý hoặc gọi người đến hỗ trợ như sau:

+ Cho nạn nhân uống thật nhiều nước hoặc sữa.

+ Ép cho nạn nhân nôn ra. Chú ý: không được éo nôn ra nếu MSDS yêu cầu.

+ Đưa ngay đến trung tâm y tế gần nhất.

+ Cần mang theo hóa chất nuốt phải và bảng MSDS để giúp bác sĩ chẩn đoán, điều trị nhanh hơn.

b. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

• Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:

- Trang bị đồ dùng bảo hộ cá nhân đầy đủ và thích hợp theo tiêu chuẩn NIOSH.

- Phải có hệ thống thông gió tốt để khống chế sự bay hơi và phân tán trong khu vực làm việc. Cô lập vùng bị tràn hoá chất nguy hiểm. Chứa hoặc lấy lại hoá chất nếu có thể. Không để tràn hoá chất vào cống thoát nước. Những chất còn lại do tràn, rò rỉ thì có thể pha loãng với nướcthấm chất ăn mòn còn lại bằng đất sét, vecmiculit (chất khoáng dạng mica nở) hay chất trơ khác và đặt trong thùng chứa thích hợp để đem tiêu huỷ.

• Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:

- Trang bị đồ dùng bảo hộ cá nhân đầy đủ theo tiêu chuẩn NIOSH: nếu lần giới hạn tiếp xúc vượt quá 10 lần và không thể kiểm soát cơ khí, thì sử dụng mặt nạ phòng độc nửa mặt. Có thể sử dụng mặt nạ phòng độc nếu giới hạn tiếp xúc vượt quá 50 lần. Nếu không xác định được mức độ vượt quá giới hạn tiếp xúc, thì sử dụng mặt nạ phòng độc có áp suất không khí. Chú ý mặt nạ phòng độc lọc không khí không có tác dụng trong khu vực thiếu oxy.

- Thông gió khu vực rò rỉ hoặc tràn, hủy bỏ tất cả các nguồn lửa, mang thiết bị phòng hộ cá nhân phù hợp, cô lập khu vực tràn đổ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực tràn đổ hóa chất. Hấp thụ hóa chất tràn đổ bằng chất liệu trơ (như vermiculite, cát hoặc đất), không sử dụng chất liệu dễ cháy (như mùn cưa), sau đó đựng trong thùng chứa

chất thải kín. Nước rửa làm sạch khu vực tràn đổ rò rỉ không được xả ra hệ thống thoát nước chung. Phun nước để giải tán hơi hóa chất bảo vệ nhân viên trong khi xử lý rò rỉ hạn chế tiếp xúc với hóa chất. Sử dụng dụng cụ và thiết bị không phát ra tia lửa.

Các bước ứng cứu với sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất:

1. Xử lý cô lập rò rỉ, ngắt hết nguồn điện, nguồn phát ra tia lửa điện, nhiệt ở khu vực xảy ra sự cố.

2. Gọi sự trợ giúp nếu cần. Không nên để khu vực không có người.

3. Sử dụng đồ bảo hộ phù hợp: áo dài, bao giày, găng tay, khẩu trang.

4. Loại bỏ những mảnh kính và những mảnh vụn khác (nếu có) bằng cách dùng miếng lót thấm. Để trong một thùng thích hợp dành cho vật bén nhọn.

5. Dùng cát, giẻ lau hoặc chất thấm hút để thấm hút hóa chất ngăn không cho tràn ra khu vực xung quanh. Thấm dịch tràn đổ bằng vải thấm và vứt trong một túi bịt kín.

6. Rửa sạch bằng nước sạch (nếu hóa chất không gây phản ứng có hại với nước) hoặc lau sạch bằng khăn.

7. Vứt tất cả những vật liệu bị vấy nhiễm trong một túi bịt kín.

8. Giẻ lau, cát và hóa chất tràn đổ sau khi xử lý xong bỏ vào túi nhựa, buộc chặt và đặt vào khu chứa chất thải nguy hại. Vứt tất cả túi bịt kín và vật liệu bị nhiễm trong một thùng chuyên dụng đựng chất thải nguy hại.

9. Rửa tay kỹ lưỡng.

10. Điền vào tờ báo cáo sự kiện như đã được quy định tại nơi làm việc.

Ngoài ra, Chủ dự án đầu tư sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục, báo cáo cơ quan chức năng nếu gây hậu quả nghiêm trọng.

• ***Kho bảo quản hóa chất:***

- Trong kho bảo quản hóa chất Công ty có sử dụng điện chiếu sáng, đường dây điện được thiết kế đúng theo tiêu chuẩn (bóng đèn phòng cháy nổ, cầu dao, cầu chì, ổ cám điện được bố trí ngay cửa ra vào, nếu xảy ra sự cố, cầu dao sẽ được đóng ngay lập tức để tránh hiện tượng chập điện cháy nổ, nhánh dây điện nào cũng đều có cầu chì bảo đảm).

- Tuyệt đối không sử dụng dụng cụ, thiết bị có khả năng gây ra tia lửa điện do ma sát hay va đập. Khu vực kho chứa hóa chất có hệ thống thông gió tự nhiên và cầu hút nhiệt tránh sự tích tụ của khí, hơi dễ cháy. Theo dõi thường xuyên nhiệt độ và độ ẩm tại khu vực này, Cấm để giẻ lau, giẻ bẩn dính dầu mỡ trong kho, không đưa xc vào sát khu vực kho, không hút thuốc hay mang các vật có khả năng gây cháy vào kho.

- Công ty bố trí hệ thống chống tràn đổ hóa chất trong kho chứa hóa chất. Dọc theo vách nhà kho, bố trí các rãnh thu hóa chất về một hố thu tập trung. Đối với những thùng hoá chất được đặt lên các kệ chứa, pallet chứa.

• Quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất:

Nhà máy có sử dụng loại nguyên liệu hoá chất dạng lỏng dầu bôi trơn, hoá chất xyanua, axit… nên khả năng xảy ra sự cố rò rỉ, đổ tràn nguyên nhiên liệu là rất dễ xảy ra. Để phòng chống và ứng cứu sự cố rò rỉ nguyên nhiên liệu tại khu vực nhà máy, Chủ dự án đầu tư sẽ phối hợp cùng với các cơ quan chức năng PCCC giám sát, kiểm tra nghiêm ngặt các hệ thống kỹ thuật tại kho chứa, lập phương án ứng cứu khi xảy ra sự cố. Đồng thời, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp phòng ngừa sự cố như sau:

- Lưu trữ nguyên nhiên liệu dạng lỏng với khối lượng ít nhất (đủ dùng, lượng dự phòng khoảng 10 – 15% lượng cần dùng).

- Bảo quản nguyên liệu, nhiên liệu trong các thiết bị chuyên dụng, các thùng chứa phải đậy kín, đặt nơi khô ráo, thông thoáng.

- Trong khu vực chứa nguyên nhiên liệu dễ cháy, treo biển cấm không được hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa.

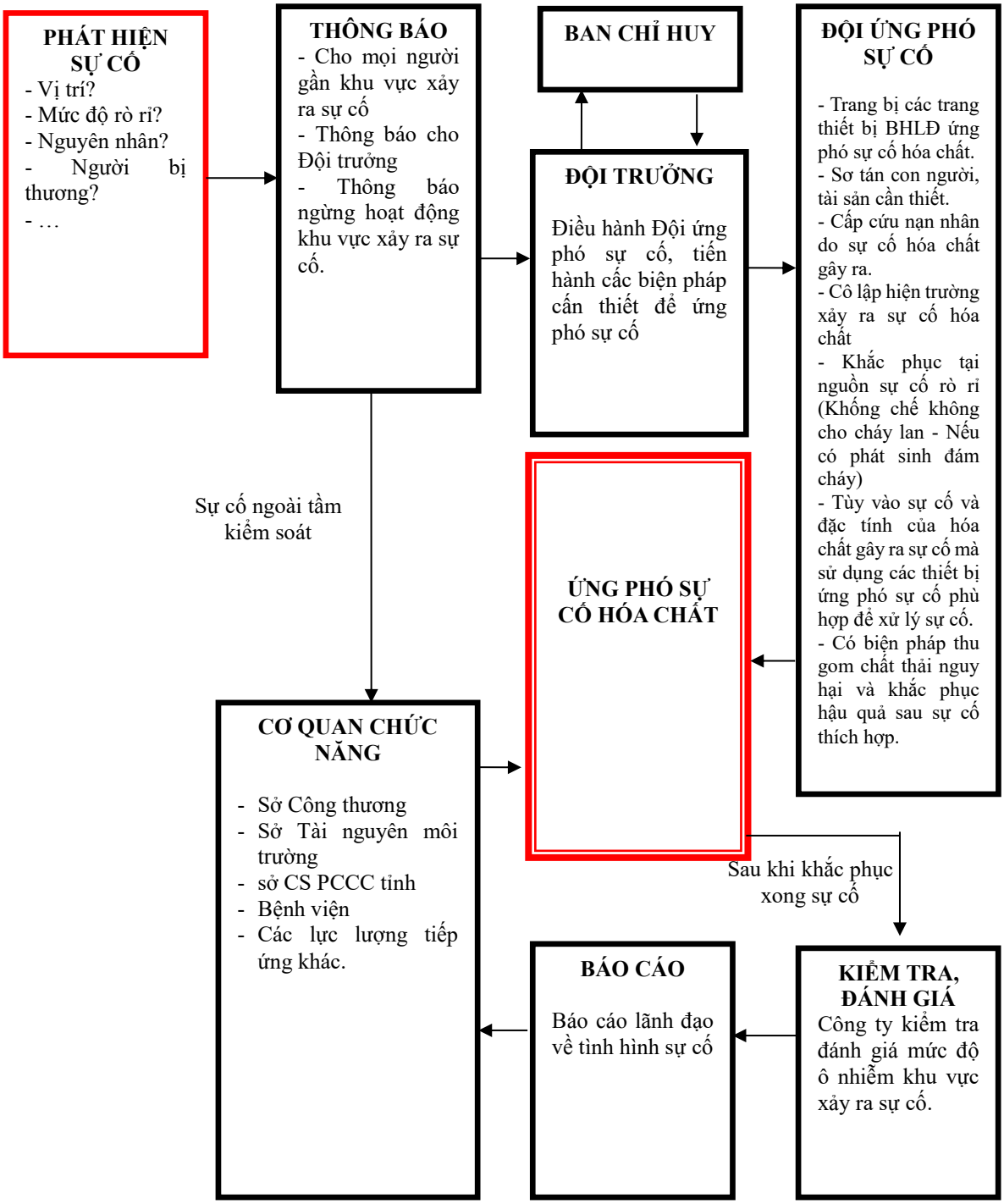
- Tuân thủ các yêu cầu về đảm bảo an toàn hóa chất của Nhà nước, bảo vệ môi trường phòng chống tràn hóa chất trong quá trình bảo quản, tồn chứa, vận hành và sử dụng.

- Vận chuyển bình chứa, thùng chứa đúng cách (di chuyển bình ở tư thế đứng, không lăn tròn, hạn chế rung động mạnh), tuyệt đối không được dùng bình chứa, thùng chứa vào các mục đích khác.

- Thường xuyên kiểm tra định kỳ bình chứa và kho chứa.

- Tuân thủ và thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ.

- Tổ chức nhân sự cho kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố.



Hình 3.16. Quy trình ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất

3.7.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với máy móc, thiết bị trong quá trình sản xuất

- Định kỳ kiểm tra các máy móc, thiết bị xử lý chất thải.

- Toàn bộ các máy móc, thiết bị sẽ được kiểm tra và bảo dưỡng, duy tu theo kế hoạch để đảm bảo luôn ở tình trạng tốt.

- Các máy móc, thiết bị sẽ có nội quy vận hành sử dụng an toàn, được gắn tại vị trí hoạt động. Công ty sẽ thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và

kiểm tra không để xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị.

- Các máy móc, thiết bị làm việc ở áp suất cao đều có hồ sơ trích lục được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ.

- Công ty đặc biệt chú trọng công tác thực hiện các biện pháp an toàn kỹ thuật tại các bộ phận của nhà máy. Tất cả các bộ phận đều có bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện tại nơi làm việc, đảm bảo công nhân phải tuân thủ đúng nội quy không để xảy ra sự cổ làm ngưng trệ sản xuất, hư hỏng máy móc và xảy ra tai nạn.

3.7.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

Trong quá trình lao động, tai nạn lao động có thể xảy ra bất kỳ công đoạn nào, thời điểm nào. Do đó để giảm thiểu tai nạn lao động, Chủ dự án đưa ra nội quy cho Nhà máy như sau:

- Cán bộ công nhân viên thực hiện đúng tác phong công nghiệp.

- Thường xuyên tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ công nhân viên theo định kỳ.

- Tuyên truyền, giáo dục công nhân có ý thức chấp hành nội quy của nhà máy, tổ chức khen thưởng cho những cán bộ công nhân viên có ý thức bảo vệ môi trường. Đồng thời áp dụng những biện pháp xử phạt nghiêm khắc đối với những công nhân không tuân theo nội quy.

3.7.5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn điện

- Không chạm vào chỗ đang có điện trong nhà máy như: Ổ cắm điện, cầu dao, cầu chì không có nắp đậy; chỗ tróc vỏ bọc cách điện của dây dẫn điện; chỗ nối dây; dây điện trần... để không bị điện giật chết người.

- Dây điện trong nhà máy phải được đặt trong ống cách điện và dùng loại dây có vỏ bọc cách điện, có tiết diện dây đủ lớn để có dòng điện cho phép của dây dẫn lớn hơn dòng điện phụ tải để dây điện không bị quá tải gây chạm chập, phát hỏa trong nhà.

- Phải lắp cầu dao hay áptomát ở đầu đường dây điện chính trong nhà, ở đầu mỗi nhánh dây phụ và lắp cầu chì ở trước các ổ cắm điện để ngắt dòng điện khi có chạm chập, ngăn ngừa phát hỏa do điện.

- Khi sử dụng các công cụ điện cầm tay (máy khoan, máy mài...) phải mang găng tay cách điện hạ thể để không bị điện giật khi công cụ bị rò điện.

- Khi sửa chữa điện phải cắt cầu dao điện và treo bảng "Cắm đóng điện, có người đang làm việc" tại cầu dao để không bị điện giật.

- Không đóng cầu dao, bật công tắc điện khi tay ướt, chân không mang dép, đứng nơi ẩm ướt để không bị điện giật.

- Không để trang thiết bị điện phát nhiệt ở gần đồ vật dễ cháy nổ để không làm phát hỏa trong nhà máy.

- Các thiết bị điện, đồ dùng điện, cầu dao điện, công tắc, ổ cắm điện...bị hư hỏng phải sửa chữa, thay thế ngay để người sử dụng không chạm phải các phần dẫn điện gây điện giật chết người.

- Không sử dụng dây điện, thiết bị điện, đồ dùng điện có chất lượng kém vì các thiết bị này có lớp cách điện xấu dễ gây chạm chập, rò điện ra vỏ gây điện giật chết người và dễ gây phát hỏa trong nhà máy.

3.7.6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn giao thông

Cũng như giai đoạn xây dựng, khi nhà máy đi vào vận hành thì mật độ gia thông ra vào khu vực nhà máy tăng lên, nên dễ xảy ra tai nạn giao thông, để giảm thiểu sự cố này Chủ dự án áp dụng một số biện pháp như sau:

- Tuyên truyền, giáo dục cho CBCNV ý thức chấp hành luật an toàn giao thông khi tham gia giao thông.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng kỹ thuật các phương tiện vận tải để đảm bảo an toàn giao thông.

CHƯƠNG 4
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 do nước thải sau xử lý được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch 1 (Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO), không xả ra môi trường.

Đã thỏa thuận đấu nối nước thải phát sinh từ dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Hợp đồng xử lý nước thải số 115/CT-ĐT ngày 17/7/2008 ký giữa Công ty TNHH E.Z Sports Vina với Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO.

Chất lượng nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: đạt giới hạn theo thỏa thuận giữa Chủ dự án và Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO và tuân thủ theo Giấy phép môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cấp cho Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO.

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên, lao động của dự án (phát sinh từ các khu vực nhà bảo vệ, văn phòng, khu nhà vệ sinh công nhân) với tổng lưu lượng khoảng 33,75 m^3/ngày.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình giải nhiệt, làm mát máy móc thiết bị; rửa rửa đế và vệ sinh nhà xưởng với tổng lưu lượng khoảng 5,8 m^3/ngày.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 39,55 m^3/ngày (theo công phát thải tối đa).

4.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng xả nước thải tối đa của cơ sở là 50 m^3/ngày (theo công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải cục bộ của nhà máy).

4.1.3. Dòng nước thải

- Nguồn số 01: được thu gom về 03 bể tự hoại 3 ngăn và 01 bể tự hoại 5 ngăn với tổng thể tích 314 m^3, sau đó đưa về hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 50 m^3/ngày để xử lý.

- Nguồn số 02: được thu gom đưa về hệ thống xử lý nước thải cục bộ công suất 50 m^3/ngày để xử lý.

4.1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải cục bộ công suất 50 m^3/ngày:

Nước thải sinh hoạt (sau khi qua bể tự hoại) + Nước thải sản xuất → Bể thu gom → Bể sinh học thiếu khí (Anoxic) → Bể sinh học hiếu khí (Aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bơm ra hố ga cuối của nhà máy → Tự chảy ra hố ga đấu nối với KCN Nhơn Trạch 1 tại 01 hố ga trên đường số 6B.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Để đảm bảo Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch 1 hoạt động ổn định, bắt buộc nước thải từ Công ty phải xử lý nước thải cục bộ đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch 1 trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN để tiếp tục xử lý.

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Stt	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 – 8	06 tháng/lần
2	Độ màu	Pt-Co	300	
3	TSS	mg/l	200	
4	BOD_5	mg/l	300	
5	COD	mg/l	500	
6	Tổng Nitơ	mg/l	60	
7	Tổng Phốt pho	mg/l	8	
8	Amoni	mg/l	15	
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	

4.1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Nước thải sau xử lý đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch 1 được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Nhơn Trạch 1 tại 01 vị trí trên đường số 6B. Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $107^0 45'$, múi chiếu 3^0)*: X = 1.187.562; Y = 410.920.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24h.

- Nguồn tiếp nhận nước thải:

  + KCN Nhơn Trạch 1 đã hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa và thu gom nước thải trong KCN.

  + Nước thải sau xử lý cục bộ của nhà máy sẽ được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN dẫn về Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch 1 để tiếp tục quá trình xử lý trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi từ công đoạn nạp liệu, phối trộn.

- Nguồn số 02: Hơi dung môi từ công đoạn quét nước xử lý, quét keo, dán đế, sấy keo.

4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Ống thoát hệ thống xử lý bụi từ công đoạn nạp liệu, phối trộn; tọa độ vị trí xả khí thải: X (m) = 1187119.8, Y (m) = 408367.71

- Dòng khí thải số 02: Ống thoát hệ thống xử lý hơi dung môi từ công đoạn quét nước xử lý, quét keo, dán đế, sấy keo; tọa độ vị trí xả khí thải: X (m) = 1187113.60, Y (m) = 408449.51.

Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°45', múi chiếu 3°.

4.2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 60.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 20.000 m^3/giờ.

4.2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với K_v = 0,8 và K_p = 0,8) và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Dòng khí thải áp dụng	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Lưu lượng	m^3/giờ	-	Số 1	06 tháng/lần
	Bụi	mg/Nm^3			
2	Lưu lượng	m^3/giờ	-	Số 2 – 6	12 tháng/lần
	Ethyl acetate	mg/Nm^3			
	n-Butul acetate	mg/Nm^3			
	Cyclohexan	mg/Nm^3			

4.2.5. Phương thức xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải theo phương thức quạt hút, xả liên tục 24/24 giờ hoặc gián đoạn theo ca làm việc.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải theo phương thức quạt hút, xả liên tục 24/24 giờ hoặc gián đoạn theo ca làm việc.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ khu vực máy phối trộn.
- Nguồn số 02: Từ khu vực máy mài đế.
- Nguồn số 03: Từ khu vực máy nén khí.
- Nguồn số 04: Từ quạt hút của hệ thống xử lý bụi công đoạn phối trộn, nạp liệu.
- Nguồn số 05: Từ quạt hút của hệ thống xử lý hơi dung môi công đoạn quét nước xử lý, quét keo, dán đế, sấy keo.
- Nguồn số 06: Từ các máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.

4.3.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

a. Tiếng ồn:

Bảng 4.3. Giới hạn áp dụng tiếng ồn

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

b. Độ rung:

Bảng 4.4. Giới hạn áp dụng độ rung

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

CHƯƠNG 5
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

5.1.1. Tình hình tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà chủ cơ sở phải thực hiện

Ngày 12/02/2026, Uỷ ban nhân dân xã Nhơn Trạch đã ban hành Quyết định số 689/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH E.Z Sports Vina với hành vi không có giấy phép môi trường theo quy định. Theo đó, Công ty phải nộp phạt với mức phạt là 320.000.000 đồng.

Ngày 13/02/2026, Công ty TNHH E.Z Sports Vina đã gửi văn bản số 03/2026/BC-E.Z đến Ban quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai và Ủy ban nhân dân xã Nhơn Trạch về việc báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 689/QĐ-XPHC. Hiện tại Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp phạt trong thời gian quy định tại Quyết định số 689 của Ủy ban nhân dân xã Nhơn Trạch và Công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ đề xuất cấp Giấy phép môi trường.

5.1.2. Tóm tắt các vấn đề liên quan đến môi trường (kèm theo các văn bản báo cáo trong Phụ lục) của chủ cơ sở đã gửi cơ quan có thẩm quyền

Ngày 08/02/2026, cơ sở đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai gửi Giấy mời số 123/GM-KCNKKT về việc rà soát, xác minh dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH E.Z Sport Vina tại KCN Nhơn Trạch I, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Biên bản làm việc số 15/BB-LV ngày 09/02/2026, Biên bản vi phạm hành chính số 15/BB-VPHC ngày 09/02/2026 và Quyết định xử phạt hành chính số 689/QĐ-UBND ngày 12/02/2026, Cơ sở đã hoàn thành nghĩa vụ nộp phạt và gửi văn bản báo cáo số 03/2026/BC-E.Z ngày 13/02/2026 đến Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai và Ủy ban nhân dân xã Nhơn Trạch (Văn bản báo cáo được đính kèm trong phần phụ lục).

5.2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải

Trên cơ sở báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm, báo cáo tổng hợp tóm tắt các thông tin về kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải trong 02 năm gần nhất, cụ thể như sau:

- ***Tổng lưu lượng nước thải phát sinh:***
  - Năm 2024: 6.102 m^3/năm.
  - Năm 2025: 6.214 m^3/năm.

• Kết quả quan trắc nước thải của cơ sở năm 2024 và năm 2025:

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải tại hố ga đấu nối năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị đo	Tháng 6/2024	Tháng 9/2024	Tháng 12/2024	Tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch 1
1	pH	-	7,04	7,37	7,44	**6 – 8**
2	Độ màu	Pt-Co	44	39	33	**300**
3	TSS	mg/l	57	64	70	**200**
4	BOD_5	mg/l	72	69	88	**300**
5	COD	mg/l	157	137	176	**500**
6	Amoni	mg/l	7,51	8,41	9,25	**15**
7	Tổng Nitơ	mg/l	20,8	21,3	23,3	**60**
8	Tổng Phốt pho	mg/l	3,46	3,04	3,2	**8**
9	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	1,8	2,5	1,8	**20**

(Nguồn: Trích lục từ Báo cáo công tác bảo vệ môi trường Công ty TNHH E.Z Sports Vina năm 2024)

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải tại hố ga đấu nối năm 2025

TT	Thông số	Đơn vị đo	Tháng 7/2025	Tháng 12/2025	Tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Nhơn Trạch 1
1	pH	-	7,2	7,1	**6 – 8**
2	Độ màu	Pt-Co	24	30	**300**
3	TSS	mg/l	27	32	**200**
4	BOD_5	mg/l	12	13	**300**
5	COD	mg/l	32	38	**500**
6	Amoni	mg/l	0,77	0,95	**15**
7	Tổng Nitơ	mg/l	15	11	**60**
8	Tổng Phốt pho	mg/l	0,37	0,65	**8**
9	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	2,6	2,1	**20**

(Nguồn: Trích lục từ Báo cáo công tác bảo vệ môi trường Công ty TNHH E.Z Sports Vina năm 2025)

Kết quả quan trắc chất lượng nước thải tại hố ga đấu nối của cơ sở năm 2024 và 2025 đều cho thấy tất cả các thông số giám sát đều đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Nhơn Trạch 1. Do đó, cho thấy hệ thống xử lý nước thải của cơ sở đang hoạt động

ổn định, xử lý được các chất ô nhiễm trong nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất của nhà máy. Như vậy, cho thấy các biện pháp cơ sở đang thực hiện hiệu quả.

• Tình trạng và kết quả hoạt động của hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục của từng năm:

Căn cứ khoản 2 điều 97 Nghị định 02/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục nước thải.

• Các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, các lần kết quả quan trắc nước thải định kỳ, tự động, liên tục vượt quá giá trị giới hạn cho phép trong giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và nguyên nhân, biện pháp rà soát, khắc phục

Không có.

• Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý nước thải

Không có.

• Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý nước thải

Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng 33,75 m^3/ngày, với 04 bể tự hoại với tổng thể tích 314 m^3 thì hoàn toàn có thể đáp ứng nhu cầu xử lý sơ bộ cho lượng nước thải phát sinh tại cơ sở.

Từ các kết quả quan trắc cho thấy chất lượng nước thải sau xử lý của cơ sở đều nằm trong tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của KCN Nhơn Trạch 1. Điều này chứng minh rằng các hầm tự hoại tại cơ sở duy trì hoạt động tốt, đảm bảo khả năng xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh.

Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng nước thải của cơ sở luôn đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của KCN Nhơn Trạch 1, hạn chế rủi ro xảy ra sự cố chất lượng nước thải không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận, cũng như chuẩn bị cho sự mở rộng và phát triển của Công ty trong tương lai, cơ sở sẽ đầu tư 01 hệ thống xử lý nước thải với công suất xử lý 50 m^3/ngày. Hệ thống này sẽ được thiết kế để thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở, đảm bảo nước thải sau xử lý luôn đạt quy định.

5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải

Trên cơ sở báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm, báo cáo tổng hợp tóm tắt các thông tin về kết quả hoạt động của công trình xử lý khí thải trong 02 năm gần nhất, cụ thể như sau:

• Kết quả quan trắc khí thải của cơ sở năm 2024 và năm 2025

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc khí thải năm 2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Tháng 6/2024	Tháng 12/2024	QCVN 19:2009/BTNMT cột B
1	Lưu lượng	m^3/h	1.020	2.753	-
2	Methyl Ethyl Ketone	mg/Nm^3	KPH	KPH	-
3	Toluene	mg/Nm^3	18,4	KPH	**750**
4	Acetone	mg/Nm^3	KPH	KPH	-

(Nguồn: Trích lục từ Báo cáo công tác bảo vệ môi trường Công ty TNHH E.Z Sports Vina năm 2024)

Bảng 5.4. Kết quả quan trắc khí thải năm 2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Tháng 7/2025	Tháng 12/2025	QCVN 19:2009/BTNMT cột B
1	Lưu lượng	m^3/h	22,44	21,9	-
2	Methyl Ethyl Ketone	mg/Nm^3	KPH	KPH	-
3	Toluene	mg/Nm^3	KPH	KPH	**750**
4	Acetone	mg/Nm^3	KPH	KPH	-

(Nguồn: Trích lục từ Báo cáo công tác bảo vệ môi trường Công ty TNHH E.Z Sports Vina năm 2025)

Kết quả phân tích nồng độ các thông số khí thải sau hệ thống xử lý của cơ sở năm 2024, năm 2025 đều nằm trong giới hạn cho phép QCVN 19:2009/BTNMT cột B (Kp=1, Kv=1).

• Tình trạng và kết quả hoạt động của hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục của từng năm:

Căn cứ khoản 2 điều 98 Nghị định 02/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục bụi, khí thải.

• Các sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải, các lần kết quả quan trắc khí thải định kỳ, tự động, liên tục vượt quá giá trị giới hạn cho phép trong giấy phép môi trường, giấy phép môi trường thành phần, quy chuẩn kỹ thuật môi trường và nguyên nhân, biện pháp rà soát, khắc phục

Không có.

• Các thời điểm đã thực hiện duy tu, bảo dưỡng, thay thế thiết bị của công trình xử lý bụi, khí thải

Không có.

• Đánh giá tổng hợp về hiệu quả, mức độ phù hợp, khả năng đáp ứng của công trình xử lý bụi, khí thải

Từ các kết quả quan trắc cho thấy chất lượng khí thải sau xử lý của cơ sở đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT cột B (Kp=1, Kv=1) và QCVN 20:2011/BTNMT. Các công trình xử lý khí thải của cơ sở đang vận hành ổn định và hiệu quả.

5.4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải)

Cơ sở không thực hiện dịch vụ xử lý chất thải.

5.5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất)

Cơ sở không sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.

5.6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và chuyển giao cho Công ty TNHH TMDV Thành Phát Hưng của cơ sở trong 2 năm gần nhất được trình bày như sau:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	
		Năm 2024	Năm 2025
1	Chất thải rắn sinh hoạt	9,005	10,045

Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh và chuyển giao cho Công ty TNHH TMDV Thành Phát Hưng của cơ sở trong 2 năm gần nhất được trình bày như sau:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	
		Năm 2024	Năm 2025
1	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu	33.552	30.442
2	Chất thải phải xử lý	40.842	37.810

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh và chuyển giao cho Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên của cơ sở trong 2 năm gần nhất được trình bày như sau:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	
				Năm 2024	Năm 2025
1	Keo thải	08 03 01	Rắn	3.361	4.271
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	245	331
3	Bao bì mềm thải nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 01	Rắn	4.637	9.014
4	Nhựa thải nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 02	Rắn	3.855	8.826
5	Giẻ lau, bao tay, xốp EVA thải nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 02	Rắn	31.936	33.698
Tổng khối lượng				**44.034**	**56.140**

5.7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở

Ngày 08/02/2026, cơ sở đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai gửi Giấy mời số 123/GM-KCNKKT về việc rà soát, xác minh dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH E.Z Sport Vina tại KCN Nhơn Trạch I, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Biên bản làm việc số 15/BB-LV ngày 09/02/2026, Biên bản vi phạm hành chính số 15/BB-VPHC ngày 09/02/2026 và Quyết định xử phạt hành chính số 689/QĐ-UBND ngày 12/02/2026, Cơ sở đã hoàn thành nghĩa vụ nộp phạt và gửi văn bản báo cáo số 03/2026/BC-E.Z ngày 13/02/2026 đến Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Đồng Nai và Ủy ban nhân dân xã Nhơn Trạch (Văn bản báo cáo được đính kèm trong phần phụ lục).

CHƯƠNG 6
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của nhà máy, chủ dự án đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

- Thời gian dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm: Ngay sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

- Thời gian dự kiến kết thúc vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Công suất dự kiến đạt được tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm:

  + Hệ thống xử lý nước thải: khoảng > 50% tổng công suất thải kế.

  + Hệ thống xử lý bụi công đoạn phối trộn, nạp liệu: khoảng > 50 % tổng công suất thải kế.

  + Hệ thống xử lý hơi dung môi công đoạn quét nước xử lý, quét keo, dán đế, sấy keo: khoảng > 50 % tổng công suất thải kế.

- Công suất dự kiến đạt được khi kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm:

  + Hệ thống xử lý nước thải: khoảng > 50 % tổng công suất thải kế.

  + Hệ thống xử lý bụi công đoạn phối trộn, nạp liệu: khoảng 50 % tổng công suất thải kế.

  + Hệ thống xử lý hơi dung môi công đoạn quét nước xử lý, quét keo, dán đế, sấy keo: khoảng 50 % tổng công suất thải kế.

Lưu lượng khí thải và nước thải tại thời điểm vận hành thử nghiệm cũng như sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm sẽ được chủ cơ sở báo cáo trong báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm.

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

6.1.2.1. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý khí thải

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện Kế hoạch: Trung tâm công nghệ và quản lý môi trường (Vimcerts số 052).

Kế hoạch chi tiết về vị trí, thông số, tần suất lấy mẫu dự kiến trong quá trình vận hành thử nghiệm như sau:

Bảng 6.1. Kế hoạch chi tiết về vị trí, thông số, tần suất lấy mẫu dự kiến trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình, thiết bị xử lý khí thải

Stt	Ký hiệu	Vị trí quan trắc	Thông số quan trắc	Tần suất quan trắc	Số lượng mẫu	Loại mẫu
1	KT1	Đầu ra HTXL bụi công đoạn phối trộn, nạp liệu	Lưu lượng, bụi	01 ngày/lần (03 mẫu đơn đầu ra trong 03 ngày liên tiếp)	03	Mẫu đơn
2	KT2	Đầu ra HTXL hơi dung môi công đoạn quét nước xử lý, quét keo, dán đế, sấy keo	Lưu lượng, n-Buty acetate; Cyclohexane; Ethyl Acetat		03	Mẫu đơn

6.1.2.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý nước thải

Căn cứ khoản 1, Điều 11, Nghị định 48/2026/NĐ-CP ban hành ngày 29/01/2026 bổ sung điểm k, khoản 1, Điều 31 Nghị định 08/2022NĐ-CP ban hành ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường như sau:

"1. Công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm gồm:

...

k) Công trình xử lý nước thải của dự án, cơ sở mà nước thải sau xử lý được đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư tập trung;"

Theo đó, hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở sau khi xử lý sẽ đấu nối vào hệ thống xử lý của KCN Nhơn Trạch I nên hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở thuộc công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

6.2.1.1. Quan trắc nước thải

- Vị trí quan trắc: 01 vị trí tại hố ga đấu nối vào Trạm XLNT tập trung KCN Nhơn Trạch 1.

- Thông số quan trắc: pH, độ màu, TSS, BOD_5, COD, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, amoni, tổng dầu mỡ khoáng.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Trạm XLNT tập trung KCN Nhơn Trạch 1.

6.2.1.2. Quan trắc khí thải

- Vị trí, thông số quan trắc:

+ KT1: ống thoát hệ thống xử lý bụi công đoạn phối trộn, nạp liệu. Thông số quan trắc: Lưu lượng, bụi.

+ KT2: ống thoát hệ thống xử lý hơi dung môi công đoạn quét nước xử lý, quét keo, dán đế, sấy keo. Thông số quan trắc: Lưu lượng, n-Buty acetate; Cyclohexane; Ethyl Acetat

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với K_v = 0,8 và K_p = 0,8) và QCVN 20:2009/BTNMT.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý.

6.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Không có.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Chủ dự án sẽ lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định gửi cơ quan quản lý môi trường tình hình thực hiện các công tác bảo vệ môi trường của dự án. Chi phí lập báo cáo (bao gồm chi phí thực hiện chương trình quan trắc theo giấy phép môi trường đã phê duyệt và chi phí lập báo cáo tổng hợp) ước tính như sau:

Bảng 6.2. Kinh phí quan trắc chất lượng môi trường hàng năm

Stt	Hạng mục	Kinh phí giám sát (VNĐ/năm)
I	**Giám sát chất thải**	
1	Chi phí phân tích nước thải	10.000.000
2	Chi phí phân tích khí thải	120.000.000
II	**Chi phí khác**	
1	Nhân công – vận chuyển	12.000.000
2	Tổng hợp, phân tích số liệu và viết báo cáo	10.000.000
3	Chi phí in ấn báo cáo	2.000.000
4	Chi phí khác	1.000.000

Stt	Hạng mục	Kinh phí giám sát (VNĐ/năm)
Tổng cộng		**155.000.000**

Ghi chú: Chi phí trên dự kiến trong giai đoạn hiện nay.

CHƯƠNG 7
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chủ dự án đầu tư Công ty TNHH E.Z Sports Vina xin cam kết:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của thông tin trình bày trong toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường này của nhà máy.

- Cam kết thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung của báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án đầu tư đã được phê duyệt.

- Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các Công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

- Cam kết bồi thường thiệt hại đối với các doanh nghiệp và các hộ gia đình nếu để xảy ra các sự cố môi trường trong quá trình dự án đi vào hoạt động.

- Cam kết trong quá trình hoạt động của dự án đầu tư nằm trong giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn, Quy chuẩn môi trường Việt Nam bao gồm:

+ Nước thải: Đảm bảo nước thải sau hệ thống xử lý tập trung đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Trạm XLNT tập trung KCN Nhơn Trạch 1.

+ Khí thải: Đảm bảo khí thải tại các ống thải sau hệ thống xử lý khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 20:2009/BTNMT.

+ Tiếng ồn và độ rung: Đảm bảo tiếng ồn và độ rung từ hoạt động của dự án đầu tư đạt QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27: 2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Cam kết thực hiện tất cả các biện pháp, quy định chung về bảo vệ môi trường:

+ Cam kết thực hiện các yêu cầu theo hợp đồng thỏa thuận đấu nối với Hạ tầng KCN Nhơn Trạch 1 về thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy.

+ Cam kết thu gom, phân loại và thuê đơn vị có đầy đủ chức năng để xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh bảo đảm tuân thủ các quy định tại Luật BVMT năm 2020.

+ Cam kết triển khai các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất, sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải và hoàn toàn chịu trách nhiệm đền bù, khắc phục thiệt hại do sự cố gây ra.

+ Cam kết chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành dự án đầu tư, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước.

+ Cam kết thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ và nộp Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ đến các cơ quan theo đúng quy định pháp lý hiện hành, lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

+ Cam kết trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư, nếu chất thải xả ra môi trường không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải, chủ dự án đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp sau:

i. Dừng hoạt động hoặc giảm công suất của cơ sở để đảm bảo các công trình xử lý chất thải hiện hữu có thể xử lý các loại chất thải phát sinh đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải và giấy phép môi trường;

ii. Rà soát các công trình, thiết bị xử lý chất thải, quy trình vận hành hệ thống xử lý chất thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm và đưa ra giải pháp khắc phục; cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung các công trình xử lý chất thải để đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường theo quy định;

iii. Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, chủ cơ sở phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới cơ quan cấp giấy phép môi trường để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật; lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải hoặc từng hạng mục công trình xử lý chất thải không đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất thải để vận hành lại.

Kính đề nghị cơ quan cấp giấy phép môi trường xem xét, phê duyệt để Công ty sớm triển khai các bước tiếp theo theo đúng quy định pháp lý hiện hành.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Các giấy tờ pháp lý liên quan đến cơ sở

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.
3. Giấy chứng nhận đăng kí đầu tư.
4. Hợp đồng thuê đất.
5. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
6. Thông báo chấp nhận đăng kí môi trường.
7. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.
8. Hợp đồng xử lý nước thải.
9. Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng.
10. Biên bản kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình.
11. Văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC.
12. Văn bản trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH E.Z Sport Vina
13. Giấy mời số 123/GM-KCNKKT
14. Biên bản làm việc.
15. Biên bản vi phạm hành chính.
16. Quyết định xử phạt hành chính
17. Báo cáo thực hiện nghĩa vụ nộp phạt và biên lai nộp phạt

Phụ lục 2: Các hợp đồng thu gom chất thải

18. Sổ chủ nguồn thải.
19. Hợp đồng thu gom rác thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường
20. Hợp đồng thu gom CTNH.

Phụ lục 3: Các kết quả quan trắc môi trường định kỳ

Phụ lục 4: Các MSDS của các loại hóa chất sử dụng

Phụ lục 5: Các bản vẽ và biên bản nghiệm thu

21. Biên bản nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải.
22. Biên bản nghiệm thu và bản vẽ hệ thống thoát nước mưa và nước thải.
23. Bản vẽ mặt bằng tổng thể của cơ sở.
24. Bản vẽ mặt bằng tổng thể hệ thống thu gom, thoát nước mưa.
25. Bản vẽ mặt bằng tổng thể hệ thống thu gom, thoát nước thải.
26. Bản vẽ hệ thống xử lý khí thải.

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 3601019917

Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 06 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 28 tháng 08 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA.

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: E.Z SPORTS VINA CO., LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

KCN Nhơn Trạch I, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *02513.560841* Số Fax:

Thư điện tử: Website:

3. Vốn điều lệ : 12.982.940.000 đồng.

Bằng chữ: Mười hai tỷ chín trăm tám mươi hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng

Tương đương 600.000 USD

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	CHO MYUNG HWAN	Hàn Quốc	KCN Nhơn Trạch I, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	9.782.900.000	75,352	M645N0969	

2	CHO YOUNG HOON	Hàn Quốc	601-06 Dai Dong Lemian, 2 Yeon Je-gu, Pusan, Hàn Quốc	2.357.300.000	18,157	M28861307	
3	YOON YEUN HEE	Hàn Quốc	469-15 Yoen San Dong, Yoen Je Gu, Pusan, Hàn Quốc	842.740.000	6,491	M85474928	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: CHO MYUNG HWAN Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *07/05/1982* *Quốc tịch: Hàn Quốc*

Hộ chiếu nước ngoài: *M645N0969*

Ngày cấp: *09/02/2023* Nơi cấp: *Hàn Quốc*

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *KCN Nhơn Trạch I, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đỗ Quốc Thịnh

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 28 tháng 08 năm 2025

Số:

79184/25

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH: Tỉnh Đồng Nai
Địa chỉ trụ sở: *108 đường Hà Huy Giáp, Phường Trung Dũng, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*
Điện thoại: 0251 885 0777 Số Fax: 0251 394 1718
Thư điện tử: dkkd.skhdt@dongnai.gov.vn Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA.
Mã số doanh nghiệp: 3601019917

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

Thông tin đăng kí thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): CHO MYUNG HWAN Điện thoại: 02513.560.841
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: ĐINH THỊ OANH Điện thoại: 0903161984
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: KCN Nhơn Trạch I, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Điện thoại: *02513.560841* Fax: Email:
4	Hình thức hạch toán: *Hạch toán độc lập*
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày *1/1* đến ngày *31/12*
6	Tổng số lao động: *150*
7	Phương pháp tính thuế GTGT:

Danh sách chủ sở hữu hưởng lợi/ kê khai xác định chủ sở hữu hưởng lợi

STT	Họ và Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Số, ngày cấp, cơ quan cấp Giấy tờ pháp lý của cá nhân	Quốc tịch	Dân tộc	Địa chỉ liên lạc	Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp	
								Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ	Quyền chi phối
1	CHO MYUNG HWAN	07/05/1982	Nam	M645N0969	Hàn Quốc		KCN Nhơn Trạch I, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	75,35	

Nơi nhận:
-CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA..
Địa chỉ:KCN Nhơn Trạch I, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

-.....;
- Lưu: Nguyễn Thị Vi.....

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đỗ Quốc Thịnh

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00001

Đăng ký lần đầu, ngày 22 tháng 05 năm 2024

1. Tên địa điểm kinh doanh: ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH - CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA.
Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:
Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

KCN Nhơn Trạch I, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *02513560841* Fax:

Email: Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: CHO MOON HYUN Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *30/12/1954* Dân tộc: Quốc tịch: *Hàn Quốc*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *M04642692*

Ngày cấp: *28/03/2016* Nơi cấp: *Bộ ngoại giao Hàn Quốc*

Địa chỉ thường trú: *601-06 Dai Dong Lemian, 2 Yeon Je-gu, Pusan, Hàn Quốc*

Địa chỉ liên lạc: *KCN Nhơn Trạch I, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA.
Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 3601019917
Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: KCN Nhơn Trạch I, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đỗ Quốc Thịnh

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 22 tháng 05 năm 2024

29697/24

THÔNG BÁO
Về cơ quan thuế quản lý

Kính gửi: *ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH - CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA.*

Địa chỉ: *KCN Nhơn Trạch I, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

Mã số: *00001*

Phòng Đăng ký kinh doanh: Tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ trụ sở: 108 đường Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251 885 0777 Fax: 0251 394 1718

Email: dkkd.skhdt@dongnai.gov.vn Website:

Căn cứ thông tin do cơ quan thuế cung cấp, Phòng Đăng ký kinh doanh xin thông báo cho doanh nghiệp biết một số thông tin sau:

Tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị: Cục Thuế Tỉnh Đồng Nai

Đề nghị doanh nghiệp liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để kê khai, nộp thuế theo quy định.

Nơi nhận:
- ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH - CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA.. Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch I, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
-.....;
- Lưu: .....

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đỗ Quốc Thịnh

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 3228042704

Chứng nhận lần đầu: ngày 17 tháng 6 năm 2008

Chứng nhận thay đổi lần thứ tám: ngày 18 tháng 10 năm 2018

Chứng nhận thay đổi lần thứ chín: ngày 16 tháng 8 năm 2024

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 204/TTg ngày 06 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3228042704 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ tám ngày 18 tháng 10 năm 2018;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư do CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA nộp ngày 26 tháng 7 năm 2024, hồ sơ bổ sung ngày 09 tháng 8 năm 2024,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Chứng nhận:

Dự án đầu tư CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA; mã số dự án 3228042704 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ tám ngày 18 tháng 10 năm 2018;

Được đăng ký:

- Bổ sung địa điểm thực hiện dự án thứ hai tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, thuê nhà xưởng 6 của Công ty TNHH Hwaseung Vina với diện tích 11.018 m^2 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2029.

- Tăng quy mô sản xuất giày dép các loại và chi tiết của giày dép với quy mô từ 50.000.000 đôi sản phẩm/năm lên 70.000.000 đôi sản phẩm/năm.

- Tăng vốn đầu tư từ 3.600.000 đô la Mỹ lên 4.600.000 đô la Mỹ (tăng 1.000.000 đô la Mỹ).

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

1. Bà **YOON YEUN HEE**; sinh ngày 01 tháng 6 năm 1956; quốc tịch Hàn Quốc; hộ chiếu số M85474928 cấp ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại Hàn Quốc; địa chỉ thường trú: 469-15 Yoen San Dong, Yoen Je Gu, Pusan, Korea.

2. Ông **CHO MYUNG HWAN**; sinh ngày 7 tháng 5 năm 1982; quốc tịch Hàn Quốc; hộ chiếu số M645N0969 cấp ngày 09 tháng 02 năm 2023 tại Hàn Quốc; địa chỉ thường trú: 601-06 Dai Dong Lemian, 2 Yeon Je-gu, Pusan, Korea.

3. Ông **CHO YOUNG HOON**; sinh ngày 21 tháng 3 năm 1984; quốc tịch Hàn Quốc; hộ chiếu số M28861307 cấp ngày 16 tháng 12 năm 2016 tại Hàn Quốc; địa chỉ thường trú: 601-06 Dai Dong Lemian, 2 Yeon Je-gu, Pusan, Korea.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3601019917 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 6 năm 2008, thay đổi lần thứ tư ngày 29 tháng 7 năm 2020 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: **CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA**.

2. Địa điểm, mục tiêu, quy mô và tiến độ thực hiện của dự án:

2.1. Địa điểm thứ nhất: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; diện tích đất sử dụng: 15.000 m^2.

- Mục tiêu và quy mô:

STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô	Mã ngành VSIC	Mã CPC
01	Sản xuất bao bì carton từ nguyên liệu giấy.	1.000.000 sản phẩm /năm.	1702	
02	Sản xuất, gia công nguyên phụ liệu giày.	5.000.000 sản phẩm /năm, tương đương 25.000.000 mét sản phẩm/năm.	1520	
03	Sản xuất giày dép các loại và chi tiết của giày dép.	50.000.000 đôi sản phẩm/năm.		
04	Sản xuất các sản phẩm may (nón, mũ, giỏ xách, túi xách, vali, áo-găng tay thể thao các loại).	1.990.000 sản phẩm/năm.	1410 1512	

05	Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các mặt hàng thuộc 15 nhóm mã HS sau: 3901, 4202, 4203, 6102, 6104, 6116, 6216, 6401, 6402, 6403, 6404, 6405, 6406, 6505, 9607.		4669	622

2.2. Địa điểm thứ hai: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; thuê nhà xưởng 6 với diện tích 11.018 m^2 của Công ty TNHH Hwaseung Vina đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2029.

- Mục tiêu và quy mô:

STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô	Mã ngành theo VSIC
01	Sản xuất giày dép các loại và chi tiết của giày dép.	20.000.000 đôi sản phẩm/năm.	1520

3. Tổng vốn đầu tư của dự án: 107.597.940.000 (một trăm lẻ bảy tỷ, năm trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi nghìn) đồng, tương đương 4.600.000 (bốn triệu, sáu trăm nghìn) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 12.982.940.000 (mười hai tỷ, chín trăm tám mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi nghìn) đồng, tương đương 600.000 (sáu trăm nghìn) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 13,04% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên thành viên	Vốn góp (USD)	Tỷ lệ (%)	Tiến độ góp vốn.
01	Bà YOON YEUN HEE	40.000	6,491	Đã góp đủ
02	Ông CHO MYUNG HWAN	440.000	75,352	
03	Ông CHO YOUNG HOON	120.000	18,157	
Tổng		600.000	100	

4. Thời hạn hoạt động của dự án: 40 (bốn mươi) năm kể từ ngày 17 tháng 6 năm 2008.

Thời hạn hoạt động tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I đến tháng 8 năm 2047. Sau thời hạn trên, nếu Khu công nghiệp Nhơn Trạch I được gia hạn thời gian hoạt động và nhà đầu tư có nhu cầu tiếp tục đầu tư tại địa điểm hiện tại thì phải thỏa thuận về thời hạn và điều kiện thuê đất với Công ty kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Trạch I để tiếp tục hoạt động.

Trường hợp Khu công nghiệp Nhơn Trạch I không được gia hạn thêm thời hạn hoạt động, nhà đầu tư phải di dời dự án đến vị trí mới phù hợp để tiếp tục hoạt động hoặc thực hiện thủ tục chấm dứt dự án theo quy định.

5. Tiến độ thực hiện dự án:

- Địa điểm thứ nhất: Đi vào hoạt động từ tháng 11 năm 2008.
- Địa điểm thứ hai: Dự kiến đi vào hoạt động từ tháng 10 năm 2024.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: Theo quy định tại thời điểm nộp thuế.

Điều 3: Các quy định đối với Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

1. Thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và báo cáo định kỳ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ đã cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, lao động và pháp luật có liên quan trong quá trình triển khai dự án đầu tư.

3. Đối với những hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành hoặc kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ được triển khai kinh doanh sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp giấy phép kinh doanh, giấy tờ có giá trị tương đương và/hoặc đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật.

4. Đối với hoạt động tại nhà xưởng 6 thuê lại của Công ty TNHH Hwaseung Vina: Dự án chỉ được triển khai hoạt động sau khi hoàn tất thủ tục môi trường và các thủ tục khác có liên quan.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3228042704 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ tám ngày 18 tháng 10 năm 2018.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Dương Thị Xuân Nương

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Số : 112 /CT-ĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 14 tháng 7 năm 2008

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT

- Căn cứ Luật Đất Đai số 13/2003/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính Phủ quy định chi tiết về việc hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư;
- Căn cứ Nghị định 85/CP ngày 17/12/1996 của Chính phủ quy định việc thi hành pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất;
- Căn cứ Quyết định số: 715/TTg ngày 30/8/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 - Tỉnh Đồng Nai, trên cơ sở mở rộng Khu công nghiệp A Tuy Hạ;
- Căn cứ Quyết định số: 60/QĐ-TTg ngày 22/1/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc cho Công ty Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp thuộc Bộ Xây dựng thuê đất để đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 tại Tỉnh Đồng Nai;
- Căn cứ Ghi nhớ thuê lại đất số 78/CT-ĐT ngày 28/5/2008 giữa Công ty IDICO-URBIZ và Bà Yoon Yeun Hee;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 472023000512 ngày 17/6/2008 do Ban quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp cho Công ty TNHH EZ Sports Vina;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên.

I. Bên cho thuê lại đất (Bên A)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO
(Viết tắt IDICO-URBIZ)

Trụ sở : KCN Nhơn Trạch 1 - huyện Nhơn Trạch - Đồng Nai.
Điện thoại : 84.61.3560475 - Fax: 84.61.3560477
Mã số thuế : 3600257771
Email : urbizco@hcm.vnn.vn
Tài khoản : Tài khoản Việt Nam đồng số : 670.10.000.000.129
Tài khoản ngoại tệ số : 670.10.37.000.321.0.
Tại ngân hàng Đầu tư & Phát triển Đồng Nai.
Đại diện : Ông **Trịnh Hùng Lâm** - Chức vụ : Giám đốc

II. Bên thuê lại đất (Bên B)

CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA

Trụ sở : KCN Nhơn Trạch 1 - Huyện Nhơn Trạch - Đồng Nai.

Điện thoại : - Fax:

Mã số thuế : 3601019917

Đại diện : Ông **Moon Tai Young** - Chức vụ : Tổng Giám đốc

III. Hôm nay, tại Ban quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai 2 bên thỏa thuận ký Hợp đồng thuê lại đất với các điều khoản sau:

Điều 1:

1.1 Bên A thỏa thuận cho Bên B thuê lại **15.000m²** (*Mười lăm ngàn mét vuông*) đất tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai để xây dựng nhà máy Sản xuất Bao Bì Carton, Sản xuất và gia công các nguyên Phụ liệu ngành Giày như:gia công, in, ép và miếng lót cung cấp cho giày thể thao

1.2 Vị trí khu đất được xác định trong bản đồ qui hoạch sử dụng đất của Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1. Bản đồ này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này.

Điều 2:

Việc xây dựng các công trình trên khu đất thuê lại phải phù hợp với mục đích đã ghi trong Điều 1 của Hợp đồng này. Việc thiết kế, xây dựng công trình phải tuân thủ theo các qui định về xây dựng cơ bản của Việt Nam và phải thỏa thuận với Bên A trước khi thực hiện.

Điều 3: Thời hạn thuê đất.

Thời hạn thuê đất được tính từ ngày ký Hợp đồng này đến ngày 22/01/2048.

Điều 4: Giá thuê lại đất, chi phí hạ tầng và phí duy tu quản lý hạ tầng.

4.1 Đơn giá thuê lại đất và chi phí hạ tầng thanh toán trọn gói cho toàn bộ thời gian thuê đất là: **40USD/m²**

4.2 Phí duy tu quản lý hạ tầng thanh toán hàng năm: **0,3USD/m²/năm**

(Các đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

Phí duy tu và quản lý hạ tầng sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 5 năm. Mức điều chỉnh mỗi lần sẽ không vượt quá 15% so với mức phí liền trước đó.

Điều 5: Cách tính tiền thuê lại đất, chi phí hạ tầng và phí duy tu quản lý hạ tầng

5.1 Tiền thuê lại đất = (Giá thuê lại đất) x (diện tích đất thực tế thuê)

Giá trị thành tiền: 15.000m² x 40USD/m² = **600.000USD**

(Sáu trăm ngàn Đô la Mỹ)

5.2 Phí duy tu quản lý hạ tầng thanh toán hàng năm:

0,3USD/m²/năm x 15.000m² = **4.500 USD**

(Bốn ngàn năm trăm Đô la Mỹ)

Điều 6 : Phương thức thanh toán:

6.1 **Tiền thuê lại đất:** Bên B thanh toán tiền thuê lại đất cho diện tích 15.000 m^2 cho Bên A làm 2 đợt như sau:

- *Đợt 1*: Trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng thuê lại đất, Bên B thanh toán 50% tổng trị giá tiền thuê lại đất tương đương **300.000 USD** *(Ba trăm ngàn Đô la Mỹ)* cho Bên A.
- *Đợt 2*: Trong vòng 385 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng thuê lại đất, Bên B thanh toán 50% tổng trị giá tiền thuê lại đất còn lại tương đương với **300.000 USD** *(Ba trăm ngàn Đô la Mỹ)* cho Bên A.

6.2 **Phí duy tu quản lý hạ tầng**: Bên B sẽ thanh toán phí duy tu quản lý hạ tầng cho Bên A hằng năm trong vòng 20 ngày đầu tiên của mỗi năm. Riêng phí duy tu quản lý hạ tầng được bắt đầu áp dụng từ ngày 01/ 01 /2008, Bên B thanh toán Phí duy tu quản lý hạ tầng năm đầu tiên cho Bên A trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này.

6.3 Bên B có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản phải thanh toán theo Hợp đồng này. Trường hợp chậm thanh toán, Bên B phải chịu thêm lãi suất quá hạn của Ngân hàng tính trên toàn bộ số tiền và thời gian chậm thanh toán. Lãi suất quá hạn được tính bằng 150% của lãi suất vốn vay ngắn hạn của Ngân hàng Vietcombank.

6.4 Trường hợp quá hạn thanh toán tiền thuê đất theo qui định của Hợp đồng này mà Bên B chưa thanh toán, thì Bên A sẽ xem xét ngừng cung cấp dịch vụ hạ tầng khác cho Bên B.

6.5 **Nơi nộp tiền**: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Nai
Tài khoản Việt Nam đồng số: 670.10.000.000.129
Tài khoản ngoại tệ số: 670.10.37.000.321.0
Đơn vị thụ hưởng: Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và KCN IDICO.

Điều 7: Tiền đặt cọc thuê lại đất:

Theo Điều 6 của Bản Ghi nhớ thuê lại đất số 78/CT-ĐT ngày 28/5/2008, Bên B đã trả tiền đặt cọc là **7.500USD** (Bảy ngàn năm trăm đô la Mỹ) cho diện tích 15.000m2. Số tiền này sẽ được khấu trừ vào tiền thuê lại đất.

Điều 8: Trách nhiệm của mỗi bên.

8.1 Bên A có trách nhiệm:

8.1.1 Tôn trọng quyền sở hữu về tài sản do Bên B xây dựng và trang bị trên khu đất thuê lại trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng;

8.1.2 Đảm bảo khu đất cho thuê lại không có tranh chấp và sẽ không có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh trong suốt thời gian thuê lại đất;

8.1.3 Cung cấp nước sạch tới hàng rào nhà máy, lưu lượng là ... m3/ngày;

8.1.4 Cung cấp điện 22KV tới hàng rào nhà máy, công suất ..... Kwh/ tháng.

8.1.5 Tiếp nhận nước thải sau khi đã xử lý từ hàng rào của nhà máy để đưa vào hệ thống nước thải chung của toàn khu;

8.1.6 Lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Bên B theo quy định của pháp luật;

8.1.7 Đảm bảo cho Bên B được sử dụng các tiện ích hạ tầng khác (nếu có) của Khu công nghiệp với đầy đủ tiêu chuẩn, tạo thuận lợi cho việc sản xuất kinh doanh của Bên B.

8.2 Bên B có trách nhiệm:

8.2.1 Sử dụng đất đúng mục đích được qui định trong Giấy chứng nhận đầu tư, phải chấp hành Luật pháp Việt Nam và các điều ghi trong Hợp đồng này;

8.2.2 Thiết kế xây dựng các công trình nhà xưởng theo đúng luật pháp và các quy định về xây dựng cơ bản của Việt Nam. Trong trường hợp xây dựng thêm các công trình sản xuất và các trang bị khác thì Bên B phải thống nhất với Bên A để bảo đảm mỹ quan chung KCN;

8.2.3 Nước thải của nhà máy được giải quyết theo quy định của Hợp đồng xử lý nước thải kèm theo;

8.2.4 Trong quá trình xây dựng và hoạt động của nhà máy phải đảm bảo vệ sinh môi trường, không được gây ô nhiễm mất vệ sinh trên các tuyến đường khu công nghiệp. Có trách nhiệm bảo quản các công trình hạ tầng ngoài hàng rào nhà máy của mình. Cụ thể: hệ thống điện, cây xanh, cống thoát nước...;

8.2.5 Thiết kế và xây dựng hệ thống điện ngầm, hệ thống đường ống cấp nước và hệ thống ống cống kết hợp với các hố ga. Hệ thống thoát nước phải có hai hệ thống riêng biệt gồm: Thoát nước mưa và thoát nước thải công nghiệp, sinh hoạt. Các hệ thống cống, các hố ga và trạm xử lý nước thải nằm trong hàng rào của Nhà máy;

8.2.6 Bên B chỉ có quyền sử dụng khu đất để triển khai các hoạt động của nhà máy theo qui định tại Điều 1 của Hợp đồng này. Các tài nguyên khoáng sản trong lòng đất, cổ vật và nguồn nước ngầm đều thuộc quyền quản lý của Nhà nước theo luật khoáng sản của Việt Nam. Nghiêm cấm Bên B tự ý khai thác;

8.2.7 Thanh toán các khoản tiền sử dụng, điện, nước và phí xử lý nước thải;

8.2.8 Bên B phải xây dựng hàng rào tách biệt với Công ty TNHH Hwaseung Vina, hàng rào nhà máy tiếp giáp với đường giao thông phải được làm thông thoáng và mỹ thuật;

8.2.9 Thiết kế xây dựng bể nước trung gian trong khu vực Nhà máy để dự trữ nước phục vụ cho công tác PCCC và đề phòng sự cố của hệ thống cấp nước chung;

8.2.10 Điểm đấu nối của Hệ thống nước thải của Nhà máy vào hệ thống chung của Khu công nghiệp theo vị trí đã được chỉ định. Hệ thống thoát nước mưa được thoát trực tiếp vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp;

8.2.11 Xây dựng bể chứa đảm bảo tiếp nhận đủ nguồn nước thải không được xử lý hoặc xử lý không đạt tiêu chuẩn trong trường hợp hệ thống vận hành xử lý nước thải nội bộ của Bên B gặp sự cố và Bên B phải có trách nhiệm xử lý không được để nguồn nước thải này thải vào hệ thống thoát nước chung của Khu công nghiệp;

8.2.12 Phải có báo cáo xử lý môi trường về các chất thải rắn, khí và các biện pháp phòng chống cháy nổ;

8.2.13 Khí thải và chất thải rắn từ Nhà máy của Bên B phải được xử lý theo quy định pháp luật về môi trường.

Điều 9:

Trường hợp Bên B thực hiện phân chia, sáp nhập hoặc chuyển nhượng tài sản cho tổ chức, cá nhân khác, tạo nên pháp nhân mới trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng, thì chủ đầu tư mới phải thương thảo và ký Hợp đồng thuê lại đất mới với Bên A phù hợp với các quy định của Nhà nước tại thời điểm ký kết Hợp đồng mới.

Điều 10: Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng thuê lại đất hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

10.1 Hết thời hạn thuê lại đất theo quy định tại điều 3 của Hợp đồng này;

10.2 Một trong hai bên vi phạm nghiêm trọng các điều khoản của Hợp đồng gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bên kia mà không thể giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp này thì bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có) cho bên kia theo qui định của pháp luật hiện hành;

10.3 Bên B chấm dứt trước thời hạn hoặc bị phá sản.

Điều 11: Các điều khoản khác:

11.1 Diện tích cây xanh, thảm cỏ trong nhà máy không được nhỏ hơn 15% tổng diện tích đất thuê;

11.2 Trong trường hợp Bên B thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng, lệ phí chuyển khỏan sẽ do Bên B thanh toán;

11.3 Bên B có trách nhiệm đưa khu đất **15.000m²** vào sử dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày bàn giao đất. Quá thời hạn này mà Bên B vẫn chưa đưa khu đất trên vào sử dụng thì Bên A có quyền thu hồi lại khu đất trên nhằm khai thác hiệu quả đất Khu công nghiệp.

Điều 12: Giải quyết tranh chấp

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các qui định trong các điều khoản của Hợp đồng này. Trường hợp xảy ra tranh chấp thì trước hết tranh chấp sẽ được giải quyết bằng thương lượng, hòa giải trên tinh thần tôn trọng và hợp tác.

Trường hợp không thỏa thuận được thì vấn đề tranh chấp sẽ được đưa ra Tòa án kinh tế Đồng Nai và căn cứ Pháp luật Việt Nam để giải quyết.

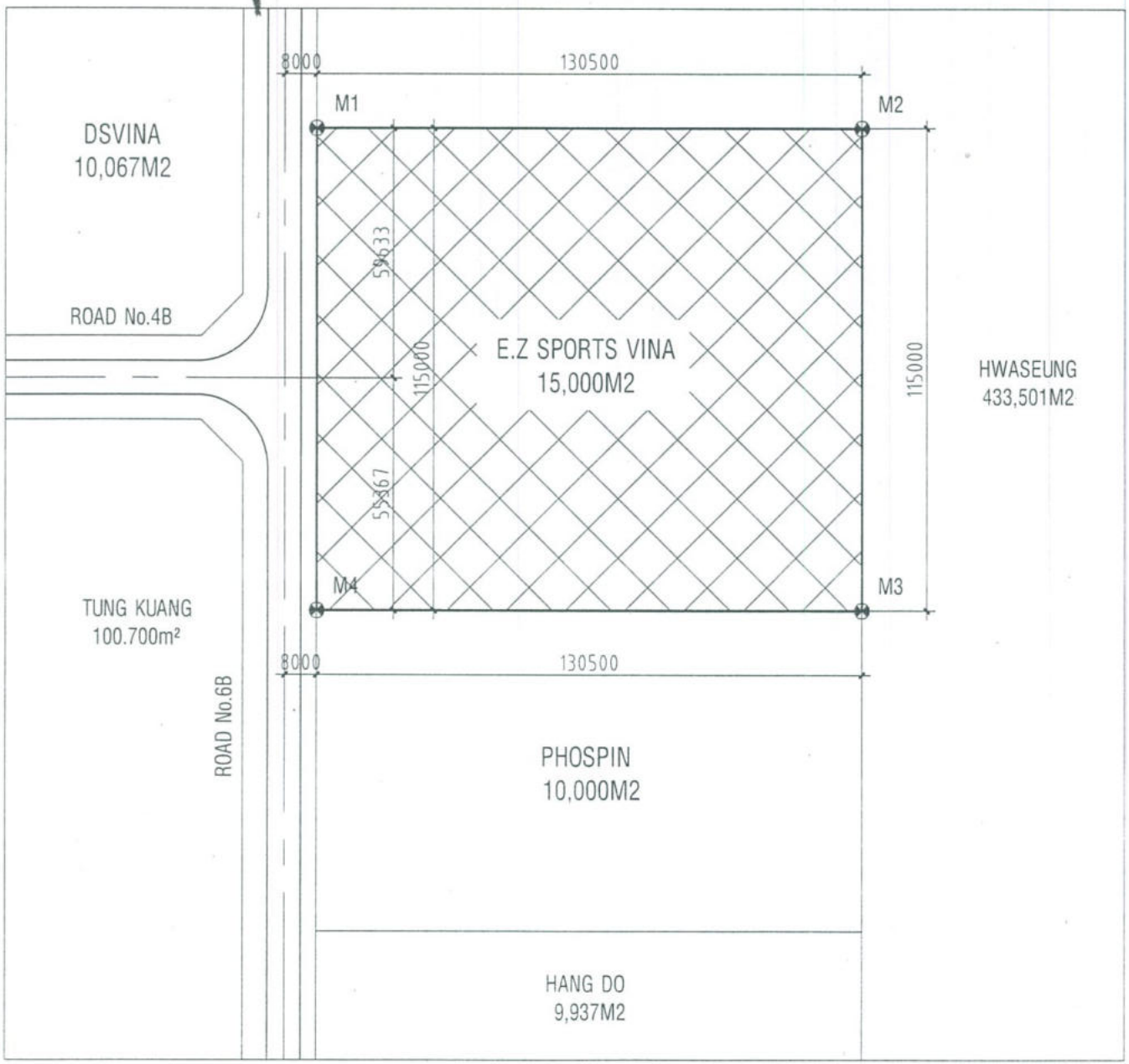
Điều 13:

Hợp đồng thuê lại đất này được thành lập 07 (bảy) bộ, mỗi bộ gồm 01 (một) bản tiếng Việt và 01 (một) bản tiếng Anh có giá trị như nhau. Bên A giữ 3 (ba) bộ, Bên B giữ 02 (hai) bộ. Đồng gửi Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai và Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, mỗi cơ quan 01 (một) bộ.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO	CÔNG TY TNHH E.Z.SPORTS VINA
GIÁM ĐỐC	
TRỊNH HÙNG LÂM	

VỊ TRÍ KHU ĐẤT GIAO CHO CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA
LOCATION OF THE LAND HAND OVER TO E.Z SPORTS VINA CO., LTD



(EVALUA...

THOẢ THUẬN CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
(APPROVAL OF EMPLOYER)

E.Z SPORTS VINA

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
(ISSUED FOR)

SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
THẨM ĐỊNH	☐	APPROVAL
THAM KHẢO	☐	REFRERENCE
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	☐	REVISED
HOÀN CÔNG	☐	ASBUILT

CÔNG TRÌNH (PROJECT)

CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA
E.Z SPORTS VINA CO., LTD

ĐỊA ĐIỂM (SITE)

KCN NHƠN TRẠCH 1 - ĐỒNG NAI
NHƠN TRẠCH 1 IZ - DONG NAI

BẢN VẼ (DRAWING)

VỊ TRÍ KHU ĐẤT GIAO CHO
CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA
LOCATION OF THE LAND HAND OVER TO
E.Z SPORTS VINA CO., LTD

HOÀN THÀNH (COMP DATE)	36/2008
BẢN VẼ SỐ (DRAWING No)	

VIET NAM URBAN AND INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT INVESTMENT CORP
IDICO URBAN AND INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT CO., LTD

IDICO - URBIZ

NHON TRACH I INDUSTRIAL ZONE
NHON TRACH - DONG NAI PROVINCE
TEL: 061.3560475 FAX: 061.3560477
Website: www.idico-urbiz.com.vn
email: ...@idicohm.vnn.vn

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

ENG: ...

CÔNG TRÌNH TRƯỞNG (PROJECT MANAGER)
Phạm Văn Chính

ARCH: HÀ HUY THÀNH

CHỦ TRÌ TK (PRESISE BY)

ENG: ĐOÀN ĐẮC HIẾU

THIẾT KẾ (DESIGN BY)

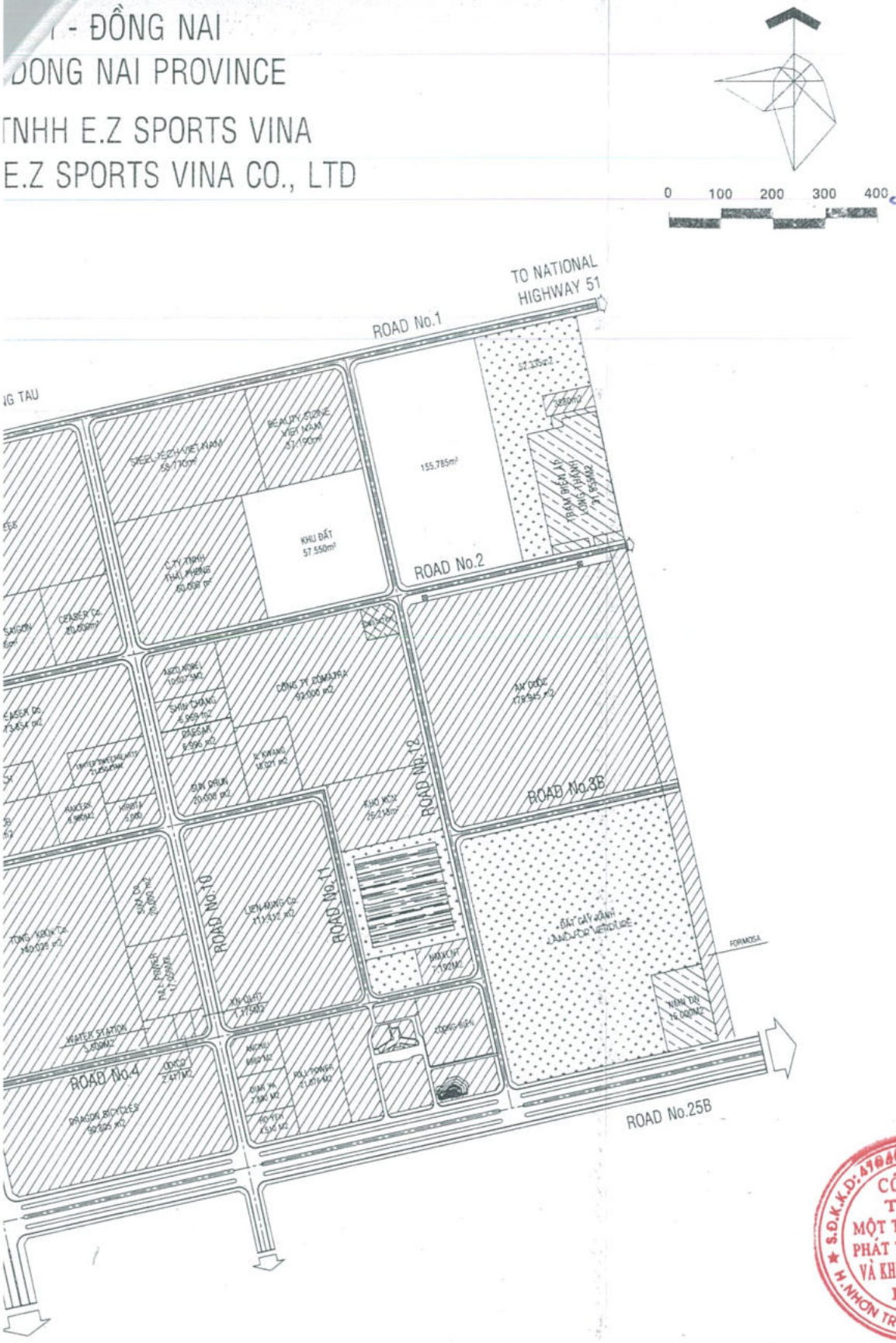
ARCH: TRẦN NGỌC TÂN

KIỂM TRA (CHECKED BY)

ENG: NGUYỄN THANH ...

...T - ĐỒNG NAI
...DONG NAI PROVINCE

...TNHH E.Z SPORTS VINA
E.Z SPORTS VINA CO., LTD



THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
(EVALUATED AUTHORITIES)

CHỦ ĐẦU TƯ
(APPROVAL OF EMPLOYER)

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
(ISSUED FOR)

T.K SƠ BỘ	☐	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☐	YOUR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	REFRERENCE
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	☐	REVISED
HOÀN CÔNG	☐	ASBUILT

CÔNG TRÌNH (PROJECT)

CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA
E.Z SPORTS VINA CO., LTD

ĐỊA ĐIỂM (SITE)

KCN NHƠN TRẠCH 1 - ĐỒNG NAI
NHON TRACH 1 IZ - DONG NAI

BẢN VẼ (DRAWING)

VỊ TRÍ KHU ĐẤT GIAO CHO
CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA
LOCATION OF THE LAND HAND OVER TO
E.Z SPORTS VINA CO., LTD

HOÀN THÀNH (COMP.DATE)	06/2008
BẢN VẼ SỐ DRAWING No.	01

VIET NAM URBAN AND INDUSTRIAL ZONE
DEVELOPMENT INVESTMENT CORP
IDICO URBAN AND INDUSTRIAL ZONE
DEVELOPMENT CO., LTD
IDICO - URBIZ
H.OFFICE: NHON TRACH 1 INDUSTRIAL ZONE
NHON TRACH - DONG NAI PROVINCE
TEL: 061.3560475 FAX: 061.3560477
Website: www.idico-urbiz.com.vn
Email: urbizco@hcm.vnn.vn

GIÁM ĐỐC (DIRECTOR)

ENG: ...VĂN CHÍNH (TECHNICAL MANAGER)

Phan Văn Chính

ARCH. HÀ HUY THANH
CHỦ TRÌ TK (PRESISE BY)

ENG. DOÃN ĐẮC HIẾU
THIẾT KẾ (DESIGN BY)

ARCH. TRẦN NGỌC TÂN
KIỂM TRA (CHECKED BY)

KHU CÔNG NGHIỆP
NHON TRACH I INDUSTRIAL

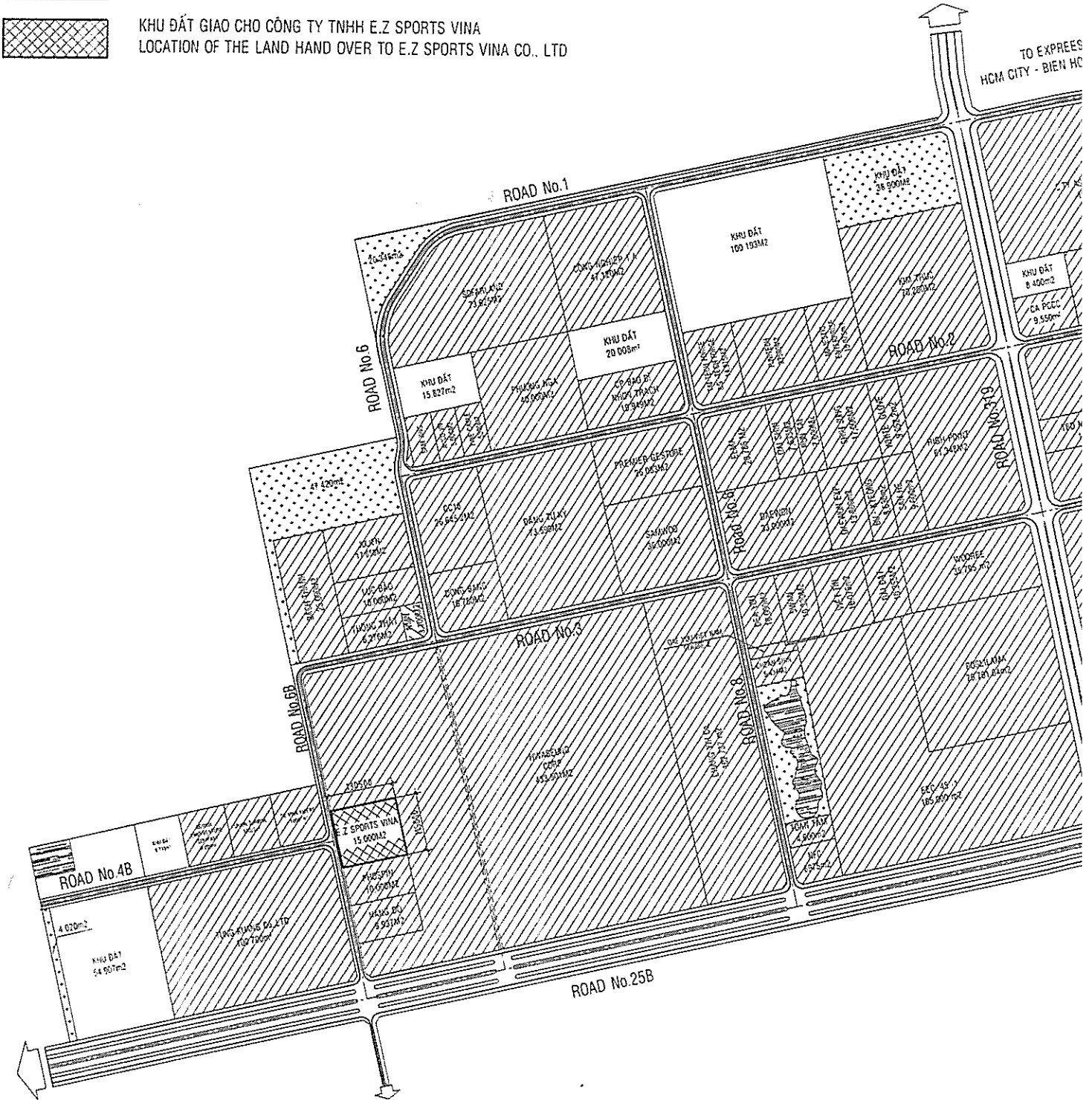
VỊ TRÍ KHU ĐẤT GIAO CHO CÔNG
LOCATION OF THE LAND HAND OVER

GHI CHÚ

KHU ĐẤT ĐÃ CHO THUÊ - THE SUBLEASED LAND

KHU ĐẤT CHƯA CHO THUÊ - THE NOT SUBLEASED LAND

KHU ĐẤT GIAO CHO CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA
LOCATION OF THE LAND HAND OVER TO E.Z SPORTS VINA CO., LTD



XÁC NHẬN CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI

Ngày 14 tháng 7 năm 2008 (ngày mười bốn tháng bảy năm hai ngàn không trăm lẻ tám) tại Ban Quản lý các KCN Đồng Nai,

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI
XÁC NHẬN:

- Hợp đồng thuê lại đất số 112/CT-ĐT ngày 14/7/2008 được giao kết giữa Bên cho thuê là Công ty TNHH Một Thành viên Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp (IDICO-URBIZ) và Bên thuê là Công ty TNHH E.Z.Sports Vina; các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết Hợp đồng;

- Tham gia phiên dịch cho việc ký kết Hợp đồng này là Ông Bùi Quang Hinh, Giấy Chứng minh Nhân dân số 270689674 do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13/7/2006 được Bên thuê đề cử;

- Nội dung thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; Phần nội dung của Hợp đồng bằng tiếng Anh do hai bên giao kết tự thỏa thuận và chịu trách nhiệm;

- Đại diện Bên cho thuê đã ký tên trước vào Hợp đồng và chữ ký đúng với chữ ký mẫu đã đăng ký tại Ban Quản lý các KCN Đồng Nai; Đại diện Bên thuê đã ký tên vào Hợp đồng này tại Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;

- Hợp đồng này được lập thành 07 (bảy) bản chính (mỗi bản chính gồm 06 tờ, 06 trang, đính kèm 02 trang bản đồ), lưu tại Ban Quản lý các KCN Đồng Nai 01 (một) bản chính.

Số **589**, Quyển số **01**/KCNĐN/XN-SXN/HĐGD.

K.T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Văn Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH E.Z Sports Vina

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 472023000512 do Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp; chứng nhận lần đầu ngày 17/6/2008; chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 25/09/2014

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

CC 956309

Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 23 Tờ bản đồ số: 40

b) Địa chỉ: xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

c) Diện tích: 15000,0m², (bằng chữ: mười lăm nghìn phẩy không mét vuông)

Trong đó: Diện tích được cấp: 15000,0m², Không được cấp: 0,0m²

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp.

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 22/01/2048.

g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công (Công ty TNHH một thành viên Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO)

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Loại công trình:.

Hạng mục Công trình	Diện tích xây dựng (m²)	Diện tích sàn (m²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
1. Nhà xưởng	3500,0	3500,0	Sở hữu riêng	Cấp 3	22/01/2048
2. Nhà xưởng	3000,0	3000,0	Sở hữu riêng	Cấp 3	22/01/2048
3. Nhà văn phòng	212,8	412,0	Sở hữu riêng	Cấp 3	22/01/2048
4. Nhà xe	128,0	128,0	Sở hữu riêng	Cấp 4	22/01/2048
5. Nhà bảo vệ	24,05	24,05	Sở hữu riêng	Cấp 4	22/01/2048
6. Nhà vệ sinh	51,52	51,52	Sở hữu riêng	Cấp 4	22/01/2048

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Đồng Nai, Ngày 18 tháng 01 năm 2016

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NA

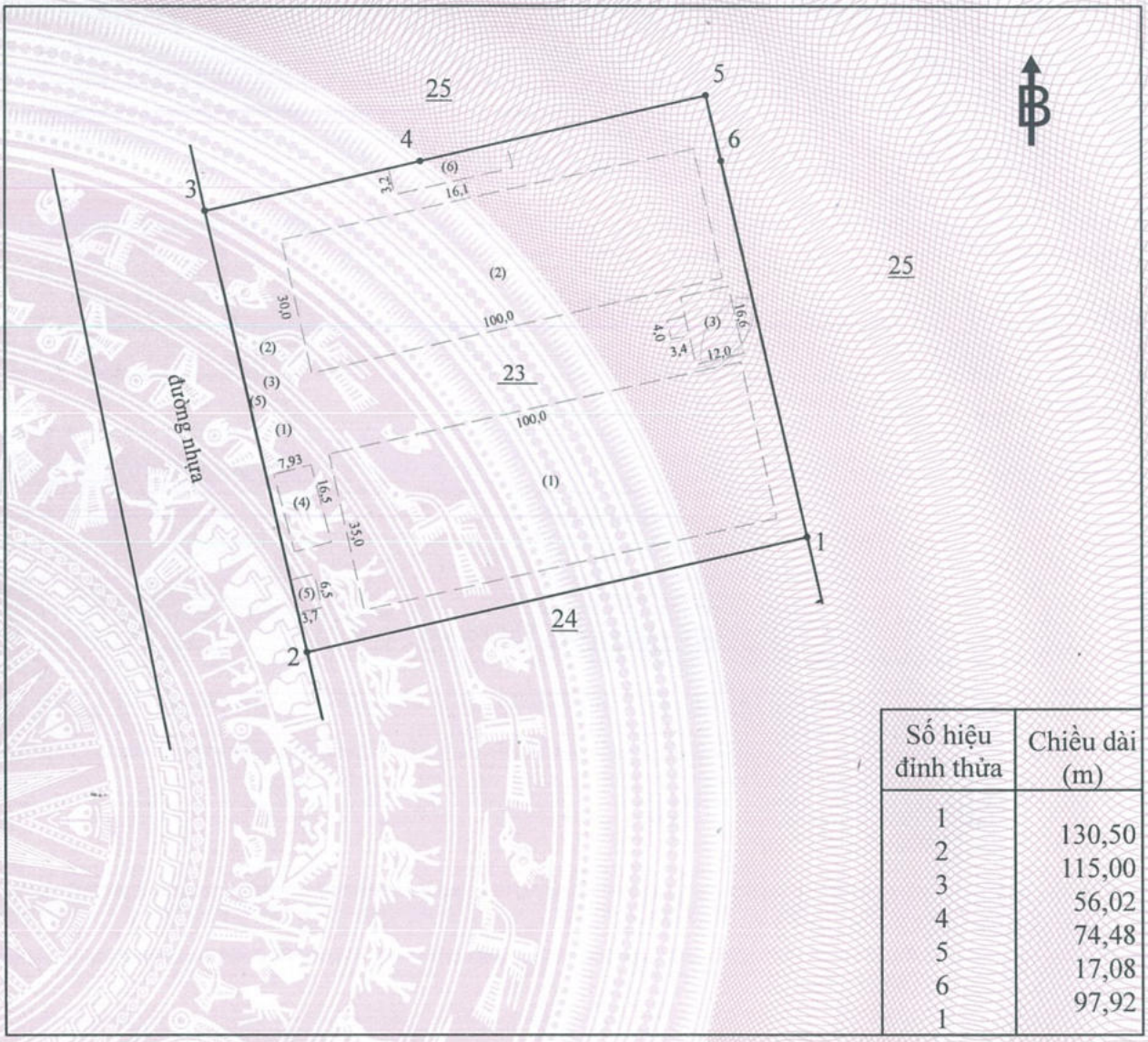
KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH ĐỒNG NAI

Đặng Minh Đức

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Số hiệu đỉnh thửa	Chiều dài (m)
1	
2	130,50
3	115,00
4	56,02
5	74,48
6	17,08
1	97,92

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

752648515801655

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 88 /TB-UBND	*Nhơn Trạch, ngày 17 tháng 4 năm 2014*

THÔNG BÁO

Về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án "Mở rộng và nâng công suất nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu ngành giày (miếng lót đế giày), quy mô: từ 1.000.000 sản phẩm/năm lên 5.000.000 sản phẩm/năm" của Công ty TNHH E.Z Sport Vina.
Địa điểm: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Kính gửi: Công ty TNHH E.Z Sport Vina.

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án và Tờ trình số 52/TTr.TNMT ngày 16/4/2014 của phòng Tài nguyên và Môi trường về việc chấp nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường của dự án "Mở rộng và nâng công suất nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu ngành giày (miếng lót đế giày), quy mô: từ 1.000.000 sản phẩm/năm lên 5.000.000 sản phẩm/năm" của Công ty TNHH E.Z Sport Vina, địa điểm: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; UBND huyện Nhơn Trạch thông báo như sau:

1/ Bản cam kết bảo vệ môi trường dự án án "Mở rộng và nâng công suất nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu ngành giày (miếng lót đế giày), quy mô: từ 1.000.000 sản phẩm/năm lên 5.000.000 sản phẩm/năm" của Công ty TNHH E.Z Sport Vina, địa điểm: Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đã được đăng ký tại UBND huyện Nhơn Trạch.

2/ Công ty TNHH E.Z Sport Vina có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung nêu trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

3/ Bản cam kết bảo vệ môi trường đã được đăng ký và Thông báo này là căn cứ để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án "Mở rộng và nâng công suất nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu ngành giày (miếng lót đế giày), quy mô: từ 1.000.000 sản phẩm/năm lên 5.000.000 sản phẩm/năm" của Công ty TNHH E.Z Sport Vina.

4/ Công ty TNHH E.Z Sport Vina phải báo cáo cho UBND huyện Nhơn Trạch khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận bằng văn bản của UBND huyện Nhơn Trạch./.

Nơi nhận:
- Sở TNMT tỉnh Đồng Nai (b/c);
- Chủ tịch, các PCT;
- Phòng TNMT;
- Chánh VP, các PVP;
- Chủ dự án (thực hiện);
- Lưu VT-TH (Tu).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thành Mỹ

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 327 /QĐ-KCNĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Nhà máy sản xuất đế giày và các bộ phận của giày với quy mô 40.000.000 đôi sản phẩm/năm; sản xuất tấm nguyên phụ liệu ngành giày làm từ vải, nhựa, giấy với quy mô 25.000.000 mét sản phẩm/năm" của Công ty TNHH E.Z Sports Vina tại KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức thực hiện thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Nhà máy sản xuất đế giày và các bộ phận của giày với quy mô 40.000.000 đôi sản phẩm/năm; sản xuất tấm nguyên phụ liệu ngành giày làm từ vải, nhựa, giấy với quy mô 25.000.000 mét sản phẩm/năm" tại KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH E.Z Sports Vina, họp ngày 10/4/2018 tại Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Nhà máy sản xuất đế giày và các bộ phận của giày với quy mô 40.000.000 đôi sản phẩm/năm; sản xuất tấm nguyên phụ liệu ngành giày làm từ vải, nhựa, giấy với quy mô 25.000.000 mét sản phẩm/năm" tại KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản giải trình số 57/SGC-CV đề ngày 26/11/2018 của Công ty TNHH E.Z Sports Vina;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các KCN,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất đế giày và các bộ phận của giày với quy mô 40.000.000 đôi sản phẩm/năm; sản xuất tấm nguyên phụ liệu ngành giày làm từ vải, nhựa, giấy với quy mô 25.000.000 mét sản phẩm/năm" tại KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Dự án) được lập bởi Công ty TNHH E.Z Sports Vina (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. Vị trí: KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

1.2. Phạm vi: Thuộc khu đất có tổng diện tích là 15.000 m^2. Dự án xây dựng thêm hệ thống xử lý nước thải và đầu tư thêm máy móc thiết bị tại xưởng sản xuất hiện hữu.

1.3. Mục tiêu, sản phẩm, công suất: Sản xuất đế giày và các bộ phận của giày với quy mô 40.000.000 đôi sản phẩm/năm; sản xuất tấm nguyên phụ liệu ngành giày làm từ vải, nhựa, giấy với quy mô 25.000.000 mét sản phẩm/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị của Dự án:

- Có biện pháp bảo đảm không phát tán bụi, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt quá Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành; việc vận chuyển máy móc, thiết bị phải được thực hiện bằng các phương tiện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật; đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển.

- Thực hiện thu gom, quản lý toàn bộ lượng chất thải phát sinh bao gồm cả chất thải nguy hại (dầu nhớt thải, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại,...) và xử lý đúng theo quy định.

- Thi công, lắp đặt các công trình bảo vệ môi trường như đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án trước khi đưa Dự án vào hoạt động.

2.2. Trong giai đoạn hoạt động của Dự án:

- Thực hiện tách riêng triệt để tuyến thu gom, thoát nước mưa và nước thải của Dự án.

- Đảm bảo toàn bộ nước thải từ Dự án được thu gom, xử lý đạt giới hạn tiếp nhận theo thỏa thuận giữa Chủ dự án với Công ty đầu tư hạ tầng KCN Nhơn Trạch I, trước khi đấu nối vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Nhơn Trạch I để được tiếp tục xử lý đạt theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành trước khi thải vào nguồn tiếp nhận cuối cùng; không được

xả nước thải chưa đạt Quy chuẩn ra môi trường; Bố trí vị trí đấu nối nước thải thuận tiện cho việc giám sát.

- Đảm bảo các loại khí thải phát sinh được thu gom, xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; $K_v = 0,8$; K_p theo tổng lưu lượng khí thải), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT. Đối với môi trường không khí xung quanh, tuân thủ theo QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT.

- Bố trí và sử dụng công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại đúng theo quy định; thực hiện thu gom, phân loại và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn phát sinh theo quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ; quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện lập báo cáo quan trắc môi trường định kỳ theo quy định hiện hành; cập nhật, lưu giữ số liệu phục vụ kiểm tra.

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác: Có kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước; tuân thủ quy định về công khai thông tin, dữ liệu môi trường theo quy định.

- Trường hợp các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo Quy chuẩn mới.

3. Các điều kiện kèm theo: Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, Đồn Công an KCN, Công ty đầu tư hạ tầng KCN trong quá trình thi công lắp đặt máy móc thiết bị và hoạt động của Dự án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn lao động.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

3. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ban Quản lý các KCN Đồng Nai phối hợp cùng các cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Nhơn Trạch;
- Công ty TNHH E.Z Sports Vina;
- Lưu VT, MT (NT).

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Cao Tiến Sỹ

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO
Trụ sở: KCN Nhơn Trạch 1 - huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai
Tel: 061 3560 475 - Fax: 061 3560 477
Email: urbizco@hcm.vnn.vn - Website:www.idico-urbiz.com.vn
****

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

WASTEWATER TREATMENT CONTRACT

CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA

ĐỊA ĐIỂM : KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 1

THÁNG 06/2008

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO

Số : 115 /CT-ĐT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 07 năm 2008

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 01/7/2006 của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ quy định về thoát nước đô thị và khu công nghiệp.
- Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất số ...112...CT-ĐT ngày 14../.07./2008 giữa Công ty IDICO-URBIZ và Công ty TNHH EZ Sports Vina;
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên.

Hôm nay, tại văn phòng Công ty IDICO-URBIZ, các bên tham gia ký bản Hợp đồng xử lý nước thải bao gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA
(Bên thuê xử lý)

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch 1 - huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai
Điện thoại : Fax:
Mã số thuế : 3601019917
Đại diện : Ông **Moon Tai Young** Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO
(Bên nhận xử lý)

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch 1 - huyện Nhơn Trạch - tỉnh Đồng Nai
Điện thoại : 061.3560475 Fax: 061.3560477
Mã số thuế : 3600257771.
Số tài khoản : Tài khoản Việt Nam đồng : 670.10.000.000.129
Tài khoản ngoại tệ : 670.10.37.000.321.0
Tại ngân hàng Đầu tư & Phát triển Đồng Nai
Đại diện : Ông **Trịnh Hùng Lâm** Chức vụ: Giám đốc

Sau khi cùng nhau thảo luận, hai bên đồng ý ký Hợp đồng xử lý nước thải với các điều khoản sau đây:

Điều 1 : NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên B nhận và xử lý nước thải công nghiệp (sản xuất và sinh hoạt) cho nhà máy của Bên A tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đạt tiêu chuẩn môi trường cho phép của Nhà nước Việt Nam. (cột B, TCVN 5945-2005, áp dụng hệ số $K_p = 1,1$ và hệ số $K_f = 1,0$)

Điều 2: PHÍ XỬ LÝ, KHỐI LƯỢNG TÍNH PHÍ, PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN.

2.1. Phí xử lý nước thải:

2.1.1 Phí xử lý nước thải chưa bao gồm thuế VAT là **0,28USD/m^3** nước thải. Mức phí này được giữ ổn định đến hết năm 2010. Sau thời hạn này phí xử lý nước thải có thể được điều chỉnh lại để phù hợp với tình hình thực tế;

Bên A trả phí xử lý nước thải cho Bên B kể từ ngày nhà máy của Bên A đi vào hoạt động.

2.1.2 Trong trường hợp Bên A có yêu cầu xử lý nước thải có thành phần và nồng độ vượt quá giới hạn quy định tại Phụ lục 1 thì Bên A phải báo cho Bên B biết để có những thoả thuận khác trước khi thực hiện.

2.2 Lượng nước thải tính phí:

Lượng nước thải tính phí được xác định bằng 80% lượng nước sạch tiêu thụ ghi trên hoá đơn trả tiền nước cho nhà máy của Bên A.

2.3. Phương thức và thời hạn thanh toán:

2.3.1 Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt. Trong trường hợp Bên A thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng, lệ phí chuyển khoản sẽ do Bên A thanh toán;

2.3.2 Thời hạn thanh toán: Hàng tháng Bên B sẽ gửi giấy báo thu phí xử lý nước thải cho Bên A và Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên B;

2.3.3 Phí xử lý nước thải được thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá ngân hàng công bố vào thời điểm thanh toán;

2.3.4 Trường hợp Bên A chậm thanh toán theo quy định tại mục 2.3.2, Bên B có quyền ngưng tiếp nhận nước thải của Bên A cho đến khi Bên A thanh toán hết nợ cho Bên B. Bên A phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho số tiền trả chậm. Bên B

không chịu trách nhiệm về chất lượng nước thải của Bên A trong thời gian ngưng tiếp nhận nước thải.

Điều 3 : TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

3.1. Trách nhiệm của Bên A:

3.1.1 Thanh toán đủ phí xử lý nước thải theo quy định trong Điều 2 của Hợp đồng này;

3.1.2 Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải của Bên A khi xả vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN không được vượt quá giá trị quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Hợp đồng này;

3.1.3 Bên A phải tách triệt để hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước mưa nội bộ, đồng thời đấu nối tương ứng vào hệ thống thoát nước thải, nước mưa của Khu công nghiệp theo điểm chỉ dẫn của Bên B và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật đã được xác định trong Biên bản kỹ thuật số .....ngày .....;

3.1.4 Không xả thải các chất không phải là nước thải, nước mưa vào hệ thống thoát nước của Khu công nghiệp;

3.1.5 Không pha loãng nước thải để đạt các quy chuẩn chất lượng nước thải hoặc chuyển tải lượng ô nhiễm sang môi trường khác như không khí và đất;

3.1.6 Tạo điều kiện cho Bên B kiểm tra chất lượng nước thải từ Nhà máy Bên A trước khi xả vào hệ thống thoát nước thải Khu công nghiệp.

3.2. Trách nhiệm của Bên B:

3.2.1 Thực hiện việc xử lý nước thải như quy định tại Điều 1;

3.2.2 Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý môi trường về việc xử lý nước thải cho Bên A trong phạm vi quy định của Hợp đồng này.

Điều 4 : XỬ LÝ VI PHẠM

- Nếu Bên A vi phạm một trong các quy định tại khoản 3.1.2, 3.1.3, 3.1.4, 3.1.5 của Điều 3, Bên B sẽ có văn bản thông báo về việc vi phạm và Bên A phải khắc phục. Sau 15 ngày mà Bên A không chấp hành thì Bên B ra thông báo lần 2, nếu sau 15 ngày tiếp theo mà Bên A vẫn không chấp hành thì Bên B sẽ ngưng tiếp nhận nước thải đồng thời ngưng cung cấp nước sạch cho Bên A;
- Trường hợp Bên A vi phạm một trong các quy định trên mà gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, Bên B tiến hành lập biên bản và yêu cầu Bên A khắc phục ngay. Nếu Bên A không chấp hành, Bên B sẽ ngưng tiếp nhận nước thải và ngưng cung cấp nước sạch; đồng thời Bên A bị xử lý

theo quy định của pháp luật và phải thanh toán cho Bên B chi phí phát sinh do những vi phạm đó gây ra;

- Bên A phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng nước thải của mình trước cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong thời gian Bên B ngưng tiếp nhận nước thải.

Điều 5 THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

Thời hạn của Hợp đồng xử lý nước thải này được tính kể từ ngày ký Hợp đồng này đến ngày 22/1/2048.

Điều 6 : CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

6.1 Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

6.1.1 Khi hết thời hạn như quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này;

6.1.2 Bên A không thực hiện đủ các trách nhiệm ghi ở mục 3.1 của Hợp đồng này;

6.1.3 Hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

6.2 Khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A vẫn phải trả đủ cho Bên B các khoản phí xử lý chưa thanh toán và chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải phát sinh do hoạt động của mình tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch 1.

Điều 7 : ĐIỀU KHOẢN CHUNG

7.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng này trên tinh thần hiểu biết và hợp tác. Nếu có sự thay đổi hoặc bổ sung phải được hai bên chấp thuận bằng văn bản.

7.2 Hợp đồng này được lập thành lập 06 (sáu) bộ, mỗi bộ gồm 01 (một) bản tiếng Việt và 01 (một) bản tiếng Anh có giá trị như nhau. Bên A giữ 2 (hai) bộ, Bên B giữ 02 (hai) bộ. Đồng gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai và Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai, mỗi cơ quan 01 (một) bộ.

7.3 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP IDICO
MAI THỊ YOUNG	GIÁM ĐỐC TRỊNH HÙNG LÂM

PHỤ LỤC SỐ 1

(Kèm theo Hợp đồng số _____/CT-ĐT)

QUY ĐỊNH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP XẢ VÀO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CỦA KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 1

Giá trị giới hạn các thông số và nồng độ chất ô nhiễm

TT	Các thông số	ĐVT	Giá trị giới hạn
1	*Nhiệt độ*	^{o}C	45
2	*pH*	-	*5-9*
3	*BOD5(20 o C)*	mg/l	200
4	*COD*	mg/l	500
5	*Chất rắn lơ lửng*	mg/l	300
6	*Asen*	mg/l	0,1
7	*Cadimi*	mg/l	0,02
8	*Chì*	mg/l	0,5
9	*Clo dư*	mg/l	2
10	*Crom (IV)*	mg/l	0,05
11	*Crom (III)*	mg/l	0,2
12	*Dầu mỡ khoáng*	mg/l	5
13	*Dầu mỡ thực vật*	mg/l	20
14	*Đồng*	mg/l	1
15	*Kẽm*	mg/l	2
16	*Mangan*	mg/l	1
17	*Niken*	mg/l	1
18	*Phot pho hữu cơ*	mg/l	0,5
19	*Phot pho tổng số*	mg/l	6
20	*Sắt*	mg/l	5
21	*Tetracloetylen*	mg/l	0,1
22	*Thiếc*	mg/l	1
23	*Thuỷ ngân*	mg/l	0,005
24	*Tổng Nitơ*	mg/l	60
25	*Tricloetylen*	mg/l	0,3
26	*Amoniac (tính theo Nitơ)*	mg/l	10
27	*Florua*	mg/l	5
28	*Phenola*	mg/l	1
29	*Sunfua*	mg/l	1
30	*Xianua*	mg/l	0,1
31	*Coliform*	MPN/100ml	10.000
32	*Tổng hoạt độ phóng xạ α*	Bg/l	0,1
33	*Tổng hoạt độ phóng xạ β*	Bq/l	1
34	*Màu, Pt-Cobalt ở pH=7*	Pt-Cobalt	300

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 133 /KCNĐN-QHXD

V/v kiểm tra công trình theo GPXD của Công ty TNHH E.Z.Sports Vina.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 1 năm 2015

Kính gửi: Công ty TNHH E.Z.Sports Vina
(KCN Nhơn Trạch I)

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-UBND ngày 03/10/2013 của UBND tỉnh Đồng Nai; căn cứ Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND ngày 07/4/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai; căn cứ Giấy phép xây dựng số 143/GPXD-KCNĐN ngày 11/11/2014 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp; theo đề nghị của Công ty TNHH E.Z.Sports Vina tại văn bản ngày 15/01/2015; biên bản kiểm tra công trình xây dựng ngày 16/01/2015.

Ban Quản lý các KCN Đồng Nai thông báo kết quả kiểm tra công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng (GPXD) trước khi đưa công trình vào sử dụng, như sau:

1. Về vị trí xây dựng (mặt bằng tổng thể): Công trình xây dựng đúng vị trí theo bản vẽ thiết kế mặt bằng tổng thể được duyệt.

2. Về kích thước công trình xây dựng so với GPXD:

2.1. Công trình xây dựng đúng theo GPXD được cấp, gồm:
- Nhà xưởng (01 tầng):
  + Diện tích xây dựng: 3.500,00 m^2.
  + Chiều cao công trình: + 11,20 m.

2.2. Các công trình xây dựng không đúng GPXD được cấp: Không.

3. Các ý kiến khác:

- Đề nghị Chủ đầu tư lập và lưu trữ hồ sơ theo hướng dẫn tại Phụ lục 5 Thông tư số 10/2013/TT-BXN ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng.

- Đề nghị Chủ đầu tư thực hiện việc bảo trì công trình xây dựng quy định tại Nghị định 114/2010/NĐ-CP ngày 06/12/2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng.

- Đề nghị Chủ đầu tư trồng cây xanh theo đúng tỷ lệ quy định (tối thiểu là 20% diện tích khu đất).

Số 26, Đường 2A, KCN Biên Hòa II, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
ĐT: (061) 3892382 - 3892378; Fax: (061) 3892379.
Email: bqlkcn@dongnai.gov.vn, diza@diza.vn; Website: http://diza.dongnai.gov.vn

4. Ý kiến kết luận:

Chủ đầu tư đã xây dựng công trình đúng theo bản vẽ thiết kế được duyệt, đính kèm giấy phép xây dựng số 143/GPXD-KCNĐN ngày 11/11/2014 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp.

Trên đây là nội dung kiểm tra công trình theo giấy phép xây dựng của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, QHXD (H);
731C.

KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Cao Tiến Sỹ

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 143 /GPXD-KCNĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 11 tháng 11 năm 2014.

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: **CÔNG TY TNHH E.Z.SPORTS VINA.**
Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2. Được phép xây dựng công trình **Nhà xưởng.**
- Tổng số công trình: 01.
- Trên lô đất: Có tổng diện tích: 15.000,00 m^2.
- Do: Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Toàn Thành Phát thiết kế.
- Chỉ giới xây dựng: Công trình xây dựng cách hàng rào xung quanh lô đất lớn hơn 4 m, phù hợp quy hoạch xây dựng của KCN.
- Mật độ xây dựng: 52,66 %.
- Tại: KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Theo thiết kế có ký hiệu: Bản vẽ xin cấp giấy phép xây dựng đính kèm.
- Gồm các nội dung sau:
- Diện tích xây dựng: 3.500,00 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 3.500,00 m^2.
- Chiều cao công trình: + 11,20 m; số tầng: 01.
- Cốt nền xây dựng: ± 0,00 m (so với cốt nền đường nội bộ).
- Màu sắc công trình: Trắng, xám.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Hợp đồng thuê lại đất số 112/CT-ĐT ngày 14/7/2008, ký kết giữa Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO với Công ty TNHH E.Z.Sports Vina.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Nhà bảo vệ, nhà xe 2 bánh, nhà văn phòng, nhà ăn, nhà kho, 05 nhà xưởng, trạm điện, khu xử lý nước thải.

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên phải đề nghị gia hạn giấy phép./.

Nơi nhận:
- Như mục 1;
- Lưu VT, QHXD (H);
11728C.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Cao Tiến Sỹ

CHỦ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi cần thay đổi thiết kế phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

6. Phải thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu về phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định.

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số : 165 / GPXD

1. Cấp cho : **CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA**
   Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch ĐN
2. Được phép xây dựng công trình : Nhà xưởng SX bao bì carton từ nguyên liệu giấy, SX và gia công các nguyên phụ liệu ngành giày như : gia công in, ép ...

- Các công trình gồm : nhà xưởng, nhà văn phòng, nhà xe công nhân, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh, cổng tường rào, bể nước ngầm, hạ tầng kỹ thuật
- Thiết kế có ký hiệu : xem bản vẽ được duyệt đính kèm
- Do : Công ty cổ phần Nam Thông thiết lập.
- Gồm các nội dung sau đây :

. Diện tích xây dựng : 3423,3 m^2 - Diện tích sàn xây dựng : 3635,85 m^2
. Chiều cao công trình tối đa : 10,77 m - Số tầng tối đa : 02
. Trên lô đất có diện tích : 15.000 m^2
. Cốt nền xây dựng công trình : cao tối đa 0,45m so với cốt sân đường nội bộ
. Chỉ giới xây dựng : theo bản vẽ thiết kế được duyệt
. Màu sắc công trình : vàng nhạt, màu xanh ngọc
. Các nội dung khác :

Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và thực hiện theo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở số : 1463/SXD -TĐ ngày 24/9/2008 của Sở Xây dựng Đồng Nai trước khi thi công công trình

Tại : **KCN Nhơn Trạch 1 ,** huyện **Nhơn Trạch,** tỉnh **Đồng Nai**

3. Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất : có phụ lục hợp đồng thuê lại đất số 112/CT-ĐTngày 14/7/2008 giữa Công ty TNHH Một thành viên PT Đô thị và KCN IDICO và Công ty TNHH E.Z Sport Vina
4. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép xây dựng mà chưa có công trình nào thuộc dự án nêu trên tại điểm 2 của giấy phép xây dựng này được khởi công thì người xin cấp giấy phép xây dựng phải xin gia hạn giấy phép xây dựng.

Biên Hòa, ngày 16 tháng 10 năm 2008

Nơi nhận :
- UBND huyện Nhơn Trạch
- Công ty TNHH một TVPTĐT và KCN IDICO

SỞ XÂY DỰNG
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Sĩ Mơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 21 tháng 4 năm 2010

BIÊN BẢN KIỂM TRA
HỒ SƠ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH

Công trình: Nhà máy sản xuất vải thành phẩm (giai đoạn mở rộng).
Thuộc dự án: Nhóm B.
Chủ đầu tư: Công ty TNHH E.Z Sport Vina.
Địa điểm xây dựng: KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
Hạng mục công trình: Theo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở số: 1463/SXD-TĐ ngày 29/04/2008 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai gồm các hạng mục công trình:

- **Nhà xưởng 1:** Quy mô 01 tầng, diện tích sàn xây dựng: 3.000 m^2, kết cấu chịu lực chính: Móng BTCT đặt trên nền thiên nhiên, hệ khung, cột BTCT kết hợp cột thép, kèo thép mái lợp tôn, tường bao che xây gạch, nền BTCT.
- **Nhà Văn phòng: Quy mô 01 tầng**, diện tích sàn xây dựng: 635.85 m^2, kết cấu chủ lực chính: Móng BTCT, khung cột BTCT, mái lợp tôn + vì kèo.
- Các hạng mục phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật khác:

Thời gian kiểm tra:

Bắt đầu lúc: 09h00, ngày 21 tháng 4 năm 2010.
Kết thúc lúc: 11h30, ngày 21 tháng 4 năm 2010.

Các bên tham gia kiểm tra:

- Đại diện Chủ đầu tư công trình: Công ty TNHH E.z Sport Vina.
  + Ông: Moon Tai Young — Chức vụ: Giám đốc điều hành
  + Bà: Nguyễn Thị Kim Ngân — Chức vụ: Kế toán, Phiên dịch
- Đại diện đơn vị tư vấn giám sát công trình: Chủ đầu tư tự giám sát.
- Đại diện Nhà thầu thi công xây dựng: Công ty Cổ Phần Nam Thông
  + Ông: Nguyễn Văn Tám — Chức vụ: Giám đốc
  + Ông: Trương Văn Thường — Chức vụ: Giám Sát Kỹ Thuật
- Đại diện Ban quản lý các KCN Đồng Nai.
  + Ông: Lê Hoàng Hải — Chức vụ: Chuyên viên Phòng QHXD
  + Bà: Nguyễn Thị Thúy — Chức vụ: Chuyên viên Phòng QHXD
  + Ông: Hứa Anh Pháp — Chức vụ: Chuyên viên, Đ/D Ban Quản lý tại Nhơn Trạch

Hội đồng đã tiến hành kiểm tra những việc sau:

- Kiểm tra danh mục hồ sơ hoàn thành công trình đã lập giữa Chủ đầu tư và các nhà thầu thi công xây dựng.

- Kiểm tra tính pháp lý và chất lượng của hồ sơ giai đoạn xây dựng hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng.

- Kiểm tra thực tế công trình xây dựng.

Sau khi kiểm tra hồ sơ và thực tế thi công các bên tham gia đã có kết luận:

1. Hồ sơ trình để kiểm tra giai đoạn xây dựng hoàn thành công trình cơ bản đầy đủ và đảm bảo chất lượng hồ sơ theo danh mục nêu tại phụ lục 7 của thông tư số 27/2009/TT-BXD ngày 31/7/2009 của Bộ Xây dựng. Tuy nhiên cần bổ sung một số giấy tờ sau:

+ Biên bản thỏa thuận đấu nối hạ tầng kỹ thuật ben ngoài hàng rào.

+ Phiếu kiểm định chất lượng vật liệu.

2. Kiểm tra thực tế công trình xây dựng: Công trình xây dựng theo đúng bản vẽ thiết kế và theo đúng Giấy phép xây dựng được cấp. Tuy nhiên nhà bảo vệ được hoán đổi vị trí từ bên phải cổng chính sang bên trái cổng chính để phù hợp với hiện trạng khu đất.

+ Đề nghị bản vẽ hoàn công cập nhật đầy đủ các thay đổi so với bản vẽ thiết kế được Sở xây dựng thẩm định.

3. Sau khi bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ nghiệm thu theo các yêu cầu nêu ở mục 2, Chủ đầu tư cùng đơn vị thi công tiến hành việc nghiệm thu giai đoạn xây dựng hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng.

Đại diện Chủ đầu tư

CÔNG TY TNHH E.Z.SPORTS VINA

MRS. THI YOUNG

Đại diện Nhà Thầu thi công xây dựng

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM THÔNG

Nguyễn Văn Tám

Đại diện Ban quản lý các KCN Đồng Nai

Lê Hoàng Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 21 tháng 4 năm 2010

BIÊN BẢN KIỂM TRA
HỒ SƠ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH

Công trình: Nhà máy sản xuất vải thành phẩm (giai đoạn mở rộng).
Thuộc dự án: Nhóm B.
Chủ đầu tư: Công ty TNHH E.Z Sport Vina.
Địa điểm xây dựng: KCN Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
Hạng mục công trình: Theo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở số: 1463/SXD-TĐ ngày 29/04/2008 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai gồm các hạng mục công trình:

- **Nhà xưởng 1:** Quy mô 01 tầng, diện tích sàn xây dựng: 3.000 m^2, kết cấu chịu lực chính: Móng BTCT đặt trên nền thiên nhiên, hệ khung, cột BTCT kết hợp cột thép, kèo thép mái lợp tôn, tường bao che xây gạch, nền BTCT.
- **Nhà Văn phòng: Quy mô 01 tầng**, diện tích sàn xây dựng: 635,85 m^2, kết cấu chủ lực chính: Móng BTCT, khung cột BTCT, mái lợp tôn + vì kèo.
- Các hạng mục phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật khác:

Thời gian kiểm tra:

Bắt đầu lúc: 09h00, ngày 21 tháng 4 năm 2010.
Kết thúc lúc: 11h30, ngày 21 tháng 4 năm 2010.

Các bên tham gia kiểm tra:

- Đại diện Chủ đầu tư công trình: Công ty TNHH E.z Sport Vina.
  + Ông: Moon Tai Young — Chức vụ: Giám đốc điều hành
  + Bà: Nguyễn Thị Kim Ngân — Chức vụ: Kế toán, Phiên dịch
- Đại diện đơn vị tư vấn giám sát công trình: Chủ đầu tư tự giám sát.
- Đại diện Nhà thầu thi công xây dựng: Công ty Cổ Phần Nam Thông
  + Ông: Nguyễn Văn Tám — Chức vụ: Giám đốc
  + Ông: Trương Văn Thường — Chức vụ: Giám Sát Kỹ Thuật
- Đại diện Ban quản lý các KCN Đồng Nai.
  + Ông: Lê Hoàng Hải — Chức vụ: Chuyên viên Phòng QHXD
  + Bà: Nguyễn Thị Thúy — Chức vụ: Chuyên viên Phòng QHXD
  + Ông: Hứa Anh Pháp — Chức vụ: Chuyên viên, Đ/D Ban Quản lý tại Nhơn Trạch

Hội đồng đã tiến hành kiểm tra những việc sau:

- Kiểm tra danh mục hồ sơ hoàn thành công trình đã lập giữa Chủ đầu tư và các nhà thầu thi công xây dựng.

- Kiểm tra tính pháp lý và chất lượng của hồ sơ giai đoạn xây dựng hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng.

- Kiểm tra thực tế công trình xây dựng.

Sau khi kiểm tra hồ sơ và thực tế thi công các bên tham gia đã có kết luận:

1. Hồ sơ trình để kiểm tra giai đoạn xây dựng hoàn thành công trình cơ bản đầy đủ và đảm bảo chất lượng hồ sơ theo danh mục nêu tại phụ lục 7 của thông tư số 27/2009/TT-BXD ngày 31/7/2009 của Bộ Xây dựng. Tuy nhiên cần bổ sung một số giấy tờ sau:

+ Biên bản thỏa thuận đấu nối hạ tầng kỹ thuật ben ngoài hàng rào.

+ Phiếu kiểm định chất lượng vật liệu.

2. Kiểm tra thực tế công trình xây dựng: Công trình xây dựng theo đúng bản vẽ thiết kế và theo đúng Giấy phép xây dựng được cấp. Tuy nhiên nhà bảo vệ được hoán đổi vị trí từ bên phải cổng chính sang bên trái cổng chính để phù hợp với hiện trạng khu đất.

+ Đề nghị bản vẽ hoàn công cập nhật đầy đủ các thay đổi so với bản vẽ thiết kế được Sở xây dựng thẩm định.

3. Sau khi bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ nghiệm thu theo các yêu cầu nêu ở mục 2, Chủ đầu tư cùng đơn vị thi công tiến hành việc nghiệm thu giai đoạn xây dựng hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng.

Đại diện Chủ đầu tư

CÔNG TY TNHH

Nguyễn Văn Tám

Đại diện Nhà Thầu thi công xây dựng

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM THÔNG

Nguyễn Văn Tám

Đại diện Ban quản lý các KCN Đồng Nai

Lê Hoàng Hải

BỘ CÔNG AN
CẢNH SÁT PC&CC TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 15 /CSPCCC-PC

Đồng Nai, ngày 26 tháng 11 năm 2014.

V/v nghiệm thu hệ thống PCCC.

Kính gửi: Công ty TNHH E.Z Sports Vina.

Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai nhận được công văn của Công ty TNHH E.Z Sports Vina về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy và chữa cháy.

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy do chủ đầu tư chuẩn bị và biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy do đại diện Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai đã lập ngày 12/11/2014.

Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Đồng Nai đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy:

Hạng mục: Nhà xưởng (35x100)m^2.
Chủ đầu tư: Công ty TNHH E.Z Sports Vina.
Địa điểm: KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Các hệ thống phòng cháy và chữa cháy đã nghiệm thu gồm:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động;
- Hệ thống chống sét đánh thẳng;
- Phương tiện chữa cháy tại chỗ.

Đồng thời đề nghị chủ đầu tư thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đã lập ngày 12/11/2014.

- Các hệ thống, thiết bị kỹ thuật khác có liên quan đến phòng cháy chữa cháy phải được kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu đưa vào vận hành đảm bảo các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy khi đưa công trình vào sử dụng./.

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- Cục C66 – BCA (báo cáo);
- Phòng TM (theo dõi);
- Phòng CS PC&CC số 3 (theo dõi);
- Lưu: Phòng HD, CĐ về PC (Đội HD TDKT).

GIÁM ĐỐC

Đại tá Võ Văn Sáng

Mẫu số PC05
Ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BCA, ngày 12/3/2014

CẢNH SÁT PCCC ĐỒNG NAI
PHÒNG HD, CHỈ ĐẠO VỀ PC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Hồi 09 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 11 năm 2014 tại Công ty TNHH EZ Sports Vina.

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Chúng tôi gồm:

1. Ông Nguyễn Đình Long – Đại úy, Đội trưởng Phòng hướng dẫn, chỉ đạo về phòng cháy, Cảnh sát PC&CC tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Phạm Phúc Phương – Thượng úy, cán bộ Phòng hướng dẫn, chỉ đạo về phòng cháy, Cảnh sát PC&CC tỉnh Đồng Nai

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về PCCC đối với dự án công trình: Nhà xưởng 35 x 100 m thuộc Công ty TNHH EZ Sports Vina.

Đại diện chủ đầu tư là:

1. Ông: Cho Moon Hyun Chức vụ: Tổng giám đốc;

2. Bà: Nguyễn Thị Hải Yến Chức vụ: Phiên dịch.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật:

Chủ đầu tư đã chuẩn bị các hồ sơ giấy tờ sau:

- Đơn xin nghiệm thu hệ thống PCCC;
- Các bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC; Bản vẽ hoàn công về PCCC;
- Bản sao Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 241/TD-PCCC(HDPC) ngày 30 /05/2014;
- Bản sao biên bản bàn giao thiết bị giữa chủ đầu tư và đơn vị thi công;
- Cataloge thiết bị.

II. Kiểm tra thử nghiệm thực tế:

A. Về kiến trúc, kết cấu: Nhà xưởng 35 x 100 m thuộc Công ty TNHH EZ Sports Vina được xây dựng theo kết cấu cột cốt thép, mái lợp tôn; nhà văn phòng theo kết cấu cột, dầm bê tông cốt thép.

Về thoát nạn: Từ trong nhà xưởng có 06 cửa thoát nạn được mở ra ngoài theo chiều thoát nạn.

Về cơ bản phần kiến trúc, kết cấu, lối thoát nạn được thi công cơ bản theo bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt.

B. Về đường giao thông cho xe chữa cháy hoạt động: Đường giao thông nội bộ trong công ty được thi công chạy xung quanh nhà xưởng. Tại thời điểm kiểm tra đường giao thông trong công ty thông thoáng đảm bảo cho xe chữa cháy tiếp cận công trình.

C. Về hệ thống PCCC:

1. Hệ thống cấp nước chữa cháy:

Đường ống cấp nước chữa cháy ngoài nhà có đường kính 114mm được thi công đấu nối mạng vòng. Bên ngoài công trình có 02 trụ tiếp nước chữa cháy lắp đặt mới và các trụ tiếp nước hiện hữu. Bên trong nhà xưởng lắp đặt các họng nước chữa cháy vách tường để phục vụ chữa cháy trong nhà với tổng cộng 12 họng nước (có lăng, vòi chữa cháy kèm theo).

Cụm bơm cấp nước chữa cháy gồm: 01 bơm chữa cháy động cơ điện; 01 bơm chữa cháy động cơ Diesel có công suất 40 HP và 01 bơm bù áp.

Tiến hành kiểm tra thực tế tình trạng hoạt động của hệ thống với từng bơm điện và bơm Diesel. Kết quả cho thấy cột áp tại 02 đầu lăng đạt 10m tia nước đặc.

2. Hệ thống báo cháy tự động: Nhà xưởng được lắp đặt hệ thống báo cháy tự động gồm: 01 trung tâm báo cháy (hiện hữu) đặt tại nhà bảo vệ; 03 bộ đầu báo cháy khói tia chiếu; 06 bộ nút nhấn, còi báo cháy.

Tiến hành kiểm tra trạng thái hoạt động của hệ thống báo cháy tự động bằng cách dùng bình xịt khói nhân tạo xịt vào vị trí xung quanh đầu báo cháy khói, sau khi xịt khoảng 10 giây thì thấy tín hiệu báo cháy được truyền từ đầu báo cháy về trung tâm điều khiển và chuông báo cháy hoạt động.

3. Hệ thống chữa cháy tự động: Nhà xưởng được lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động với 320 đầu Sprinkler kín được lắp đặt theo thiết kế được thẩm duyệt về PCCC.

Tiến hành kiểm tra thử nghiệm hệ thống bằng cách dùng nguồn lửa trần đốt tại vị trí đầu Sprinkler, sau khi đốt khoảng 05 giây thì đầu thủy ngân bị vỡ, hệ thống chữa cháy tự động phun nước chữa cháy.

4. Hệ thống chống sét đánh thẳng: Tại công ty được lắp đặt 01 kim thu sét tia tiên đạo có bán kính bảo vệ 75 m. Tại thời điểm kiểm tra điện trở tiếp địa của hệ thống chống sét đánh thẳng $R_{td} = 3,2\Omega$ đảm bảo theo TCVN 9385:2012

5. Phương tiện chữa cháy tại chỗ và chỉ dẫn thoát nạn: Tại công ty được trang bị tổng cộng 74 bình chữa cháy xách tay các loại; 32 đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn. Tại thời điểm kiểm tra phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn hoạt động bình thường.

III. Kết luận và kiến nghị:

*1. **Kết luận:*** Tại thời điểm kiểm tra hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy tự động, hệ thống chống sét đánh thẳng đảm bảo theo yêu cầu kỹ thuật hiện hành.

2. Kiến nghị:

- Chủ đầu tư tiếp tục thực hiện các kiến nghị theo yêu cầu kèm theo của Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 241/TD-PCCC(HDPC) ngày 30/05/2014.

- Chủ đầu tư phải xây dựng chỉnh lý bổ sung tình huống và tổ chức thực tập phương án chữa cháy với sự phối hợp của lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống PCCC đã lắp đặt đảm bảo hệ thống PCCC luôn luôn hoạt động bình thường như tại thời điểm nghiệm thu.

- Hàng năm trước mùa mưa phải tiến hành đo kiểm tra điện trở tiếp địa của hệ thống chống sét đánh thẳng.

- Thực hiện việc trang bị, bố trí và bảo dưỡng phương tiện chữa cháy theo TCVN 3890:2009.

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày, gồm 03 trang được lập thành 03 bản và đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN
CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH E.Z.SPORTS VINA

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN KIỂM TRA

Đại úy Nguyễn Đình Long

Mẫu PC1
BH theo thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004
In năm 2014

BỘ CÔNG AN
SỞ CS PC&CC ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 241 /TD-PCCC (HDPC)

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số ..... ngày 09 / 5/ 2014 của Công ty TNHH E.Z.SPORTS Vina
Người đại diện là ông/bà: Cho Moon Hyun Chức danh Tổng giám đốc

SỞ CẢNH SÁT PC & CC TỈNH ĐỒNG NAI
CHỨNG NHẬN:

(1) **Nhà xưởng (100×35)m²**
Địa điểm: KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH E.Z.SPORTS Vina.
Đơn vị lập dự án/thiết kế: Cty TNHH TM-XD Toàn Thành Phát; Cty TNHH TM&DV Lý Cường.
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:
- Giao thông, khoảng cách PCCC;
- Lối thoát nạn, diện tích sàn cho phép;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động;
- Hệ thống chống sét đánh thẳng.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (2)1. Nhà xưởng phải có ≥ 04 cửa thoát nạn có hướng mở ra ngoài nhà; Thiết kế lắp đặt bổ sung 04 họng nước chữa cháy vách tường bố trí đảm bảo mỗi điểm trong nhà có 02 họng nước phun đến; Bên ngoài nhà phải có ≥ 02 trụ nước chữa cháy ngoài nhà; Lưu lượng của bơm chữa cháy chính và bơm chữa cháy dự phòng phải ≥ 334m³/h; Đường kính ống cấp nước chữa cháy chính ngoài nhà phải ≥ 150mm; Khối tích bể nước dự trữ chữa cháy phải ≥ 334m³; Trang bị, bố trí phương tiện PCCC theo TCVN 3890:2009 và theo hướng dẫn của cơ quan CS PC&CC. 2. Chủ đầu tư phải báo cáo tiến độ thi công công trình để được Sở Cảnh sát PC&CC tỉnh Đồng Nai kiểm tra thi công và nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng.

Đồng Nai, ngày 30 tháng 5 năm 2014
(3) **GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư (thực hiện);
- Cục C66-BCA (báo cáo);
- Phòng CS PC&CC Nhơn Trạch (theo dõi);
- Phòng TM (theo dõi);
- Lưu: Phòng HDPC.

Đại tá Võ Văn Sáng

(1) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(2) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện liên tiếp; (3) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

Số: 300./PCCC/NT

"T/y: Văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 25 tháng 8 năm 2009

Kính gửi: Công ty TNHH E.Z Sports Vina.

Theo văn bản về việc nghiệm thu hệ thống PCCC của Công ty TNHH E.Z Sports Vina.

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy do chủ đầu tư chuẩn bị và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC lập ngày 24/8/2009.

Phòng Cảnh sát PCCC – Công an tỉnh Đồng Nai đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy:

Công trình : Công ty TNHH E.Z Sports Vina.
Chủ đầu tư : Công ty TNHH E.Z Sports Vina.
Xây dựng tại : KCN Nhơn Trạch 1 – Đồng Nai.

Các hệ thống phòng cháy và chữa cháy đã nghiệm thu gồm:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy;

- Hệ thống chống sét đánh thẳng.

Đồng thời đề nghị chủ đầu tư thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC lập ngày 24/8/2009.

- Các hệ thống, thiết bị kỹ thuật khác có liên quan đến PCCC phải được kiểm tra, thử nghiệm và nghiệm thu đưa vào vận hành đảm bảo các yêu cầu về PCCC khi đưa công trình vào sử dụng./.

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- Cục CS.PCCC – BCA (Báo cáo);
- Lưu PC23;

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Thượng tá: Văn Quyết Thắng

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đôc lâp - Tư do - Hanh phúc

Số :333/CNTD-PCCC

Biên Hòa, ngày 22 tháng 8 năm 2008

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ vào Luật Phòng Cháy và Chữa Cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001.
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 04 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng Cháy và Chữa Cháy.
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công An.
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC của Công ty TNHH E.Z Sports vina.

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
CHỨNG NHẬN

Công trình : NHÀ MÁY E.Z SPORTS VINA.
Địa điểm : ĐƯỜNG 6B – KCN NHƠN TRẠCH 1 – ĐỒNG NAI.
Chủ đầu tư : CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA.
Đơn vị thiết kế: CÔNG TY CP NAM THÔNG.
Đơn vị thiết kế PCCC: CÔNG TY TNHH DV-TM PCCC HOÀNG MINH.

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau : Giao thông-khoảng cách PCCC, lối thoát nạn, diện tích sàn tối đa cho phép, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chống sét đánh thẳng, phương tiện chữa cháy tại chỗ.

Theo các bản vẽ thiết kế kỹ thuật: KT-01 ÷ KT-15; KC-01 ÷ KC-26; PC-01; CS-01;

Các yêu cầu kèm theo :

1/ Các cửa thoát nạn của công trình phải mở theo hướng thoát nạn, kích thước tối thiểu cửa thoát nạn là: 0,8 x 2 m (TCVN 2622-1995).

2/ Có giải pháp ngăn cháy đảm bảo diện tích sàn tối đa cho phép của xưởng sản xuất là 2.600 m^2 cho phép tăng 25% diện tích tối đa cho phép nếu thiết kế hệ thống báo cháy tự động) (TCVN 2622-1995).

3/ Hệ thống cấp nước chữa cháy: Bể nước chữa cháy phải đảm bảo trữ lượng nước chữa cháy ít nhất 03 giờ (324 m^3); Thiết kế bổ sung 02 trụ nước chữa cháy ngoài nhà, 02 họng nước chữa cháy vách tường cho công trình (TCVN 2622-1995).

4/ Bổ sung 01 dây thoát sét cho hệ thống chống sét đánh thẳng theo TCXDVN 46-2007.

5/ Thi công công trình theo bản vẽ thiết kế kỹ thuật thẩm duyệt và các tiêu chuẩn hiện hành, tổ chức kiểm tra thi công và nghiệm thu theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *Cục C23 (báo cáo)*
- *Chủ đầu tư.*
- *Lưu PC23.*

TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá: Văn Quyết Thắng

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 743 /KCNKKT-TNMT
V/v trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH E.Z Sport Vina

Đồng Nai, ngày 08 tháng 02 năm 2026

Kính gửi: Công ty TNHH E.Z Sport Vina.
(Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch I, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai)

Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường (GPMT) của "*Nhà máy Sản xuất giày dép các loại và chi tiết của giày dép công suất 70.000.000 đôi sản phẩm/năm; sản xuất, gia công nguyên phụ liệu giày công suất 5.000.000 sản phẩm/năm (tương đương 25.000.000 mét sản phẩm/năm)* " do Công ty TNHH E.Z Sport Vina (sau đây viết tắt là Công ty) làm Chủ đầu tư tại KCN Nhơn Trạch I, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 3228042704 được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 17/6/2008, thay đổi lần thứ 9 ngày 16/8/2024 và thông tin trong hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường quy mô, mục tiêu dự án của Công ty như sau:

- Địa điểm 1 (diện tích 15.000 m^2): thuê lại của Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO (tại KCN Nhơn Trạch I).

Công ty được Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 327/QĐ-KCNĐN ngày 05/12/2018 cho dự án "Nhà máy sản xuất đế giày và các bộ phận của giày với quy mô 40.000.000 đôi sản phẩm/năm; sản xuất tấm nguyên phụ liệu ngành giày làm từ vải, nhựa, giấy với quy mô 25.000.000 mét sản phẩm/năm".

- Địa điểm 2 (diện tích 11.018 m^2), thuê lại nhà xưởng số 6 của Công ty TNHH Hwaseung Vina (tại KCN Nhơn Trạch I): Đã thực hiện Đăng ký môi trường và được UBND xã Phú Hội tiếp nhận đăng ký môi trường tại Văn bản số 93/UBND ngày 12/5/2025 cho dự án "Sản xuất giày dép các loại và chi tiết của giày dép quy mô 20.000.000 đôi sản phẩm/năm".

Phạm vi đề xuất cấp Giấy phép môi trường thực hiện cho 02 địa điểm (địa điểm 1 nâng công suất mục tiêu sản xuất đế giày và các bộ phận của giày từ 40.000.000 đôi sản phẩm/năm lên 50.000.000 đôi sản phẩm/năm; địa điểm 2 không thay đổi công suất).

Qua xem xét, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai có ý kiến như sau:

1. Về việc cấp giấy phép môi trường đối với một số trường hợp chia tách, sáp nhập, tích hợp các hồ sơ môi trường của dự án, cơ sở cùng địa điểm

Đề nghị Công ty nghiên cứu khoản 4 Điều 27b Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ để thực hiện theo đúng quy định.

2. Về thực hiện các quy định của pháp luật về môi trường

Hoạt động dự án hiện hữu tại địa điểm 1 của Công ty thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường trong thời gian 36 tháng kể từ ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực (từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2024), trừ trường hợp đã có Giấy phép môi trường thành phần được tiếp tục sử dụng như giấy phép môi trường đến hết ngày 31/12/2026. Tuy nhiên, báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường không có thông tin và tài liệu đính kèm liên quan đến giấy phép môi trường/giấy phép môi trường thành phần theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Bên cạnh đó, theo hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (báo cáo được viết theo mẫu IX là không phù hợp).

Đồng thời, qua rà soát cơ sở dữ liệu của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế, không có thông tin về Giấy phép môi trường/Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (Giấy phép môi trường thành phần) thuộc thẩm quyền đã xác nhận cho dự án của Công ty.

Tại khoản 14 Điều 168 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 55 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ:

*"14. Dự án đầu tư đã triển khai xây dựng nhưng chưa đi vào vận hành (vận hành thử nghiệm trong trường hợp có công trình xử lý chất thải phải vận hành thử nghiệm hoặc vận hành chính thức trong trường hợp không có công trình xử lý chất thải phải vận hành thử nghiệm) và **các cơ sở đang hoạt động** mà chưa có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, **giấy phép môi trường thành phần hoặc giấy phép môi trường** theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, thì bị xử phạt theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. **Sau khi xử phạt,** trường hợp dự án đầu tư, cơ sở không trái với quy hoạch; phù hợp với phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải thực hiện như sau:*

...

*d) Đối với **cơ sở** đang hoạt động **có tiêu chí về môi trường tương đương** với **đối tượng phải cấp giấy phép môi trường và không phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường** nhưng không có giấy phép môi trường thành phần hoặc giấy phép*

môi trường, chủ cơ sở phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho cơ sở trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường theo quy định.

***Mẫu báo cáo** đề xuất cấp giấy phép môi trường được thực hiện như đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 28 Nghị định này".*

Từ các nội dung nêu trên, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai chưa có cơ sở để xử lý hồ sơ đề nghị cấp GPMT của Công ty. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai chuyển trả hồ sơ cho Công ty, đồng thời đề nghị Công ty có văn bản giải trình nội dung nêu trên làm cơ sở xác minh, làm rõ dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu VT, MT (Tr.L).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Trọng Tiến

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
KHU KINH TẾ

Số: 123 /GM-KCNKKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 08 tháng 02 năm 2026

GIẤY MỜI

V/v rà soát, xác minh dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH E.Z Sport Vina tại KCN Nhơn Trạch I, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai trân trọng kính mời:

- Đại diện Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Đại diện UBND xã Nhơn Trạch;
- Đại diện Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và Khu công nghiệp IDICO;
- Người đại diện pháp luật của Công ty TNHH E.Z Sport Vina.

Tới dự buổi làm việc rà soát một số tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường của Công ty TNHH E.Z Sport Vina; Thống nhất đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành (nếu có vi phạm).

1. Chủ trì: Lãnh đạo Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.

2. Thời gian: 14 giờ 00 phút ngày 09/02/2026 (Thứ hai).

3. Địa điểm: Trụ sở Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai (số 26, đường 2A, KCN Biên Hòa II, phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai).

4. Đề nghị:

- Công ty TNHH E.Z Sport Vina chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu liên quan đến dự án; cử người đại diện pháp luật tham dự làm việc, trường hợp ủy quyền tham dự phải ghi rõ nội dung ***"Ủy quyền ký biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường".***
- Các cơ quan, đơn vị cử đại diện tham dự đầy đủ như thời gian nêu trên để buổi làm việc đạt kết quả.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như thành phần tham dự;
- Lưu: VT, MT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trọng Tiến

Số 26, đường 2A, khu công nghiệp Biên Hòa II, tỉnh Đồng Nai
ĐT: (0251)3892 378 – 3893 699; Fax: (0251) 3892 379

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ

Số: 15/BB-LV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 02 năm 2026

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Hôm nay, hồi 14 giờ 00 phút, ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 26, đường 2A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai).

Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai mời các cơ quan, đơn vị rà soát, xác minh dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH E.Z Sports Vina tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai theo Giấy mời số 123/GM-KCNKKT ngày 08 tháng 02 năm 2026.

Chúng tôi gồm:

1. Người có thẩm quyền lập biên bản:

- Họ và tên: Ông Nguyễn Văn Hiếu

Chức vụ: Phó Trưởng phòng, Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường;

Cơ quan: Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.

- Họ và tên: Bà Hồ Giang Trúc Linh

Chức vụ: Chuyên viên Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường;

Cơ quan: Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.

2. Người chứng kiến:

- Họ và tên: Vũ Thành Long

Chức vụ: Chuyên viên Phòng Môi trường;

Cơ quan: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

- Họ và tên: Chu Mạnh Đăng

Chức vụ: Phụ trách Phòng Kỹ thuật Môi trường;

Cơ quan: Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và Khu công nghiệp IDICO.

3. Cá nhân/Tổ chức bị thiệt hại (nếu có): Không có

Được quét bằng CamScanner

4. Tổ chức có liên quan trực tiếp đến vụ việc:

Tên của tổ chức: **CÔNG TY TNHH E.Z SPRORTS VINA**

Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Mã số doanh nghiệp: 36010119917

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 36010119917, đăng ký đầu ngày 17 tháng 6 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28 tháng 8 năm 2025 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.

Người đại diện theo pháp luật: CHO MYUNG HWAN Giới tính: Nam.

Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Nguyễn Đỗ Ngọc Linh; Giới tính: Nữ.

Chức danh: Nhân viên (Theo Giấy ủy quyền số 01/2026/GUQ-E.Z ngày 09/02/2026 của ông CHO MYUNG HWAN – Tổng Giám đốc).

Người phiên dịch: không có.

Tiến hành lập biên bản làm việc đối với tổ chức có liên quan trực tiếp đến vụ việc:

1. Thời gian xảy ra vụ việc: Ngày 09 tháng 02 năm 2026.

2. Địa điểm xảy ra vụ việc: tại Công ty TNHH E.Z Sports Vina (Địa chỉ hoạt động: Khu công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai).

3. Diễn biến của vụ việc:

- Công ty TNHH E.Z Sports Vina đã được cơ quan có thẩm quyền cấp các thủ tục môi trường gồm:

+ Địa điểm 1 (diện tích 15.000 m^2): thuê lại của Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO (tại KCN Nhơn Trạch I), gồm các hồ sơ môi trường sau:

Năm 2008: Công ty được được Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch cấp giấy xác nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường số 31/GXN.UBND ngày 29 tháng 8 năm 2008 cho cơ sở "Xây dựng nhà máy sản xuất bao bì carton và nguyên phụ liệu ngành giày công suất 2.000.000 sản phẩm/năm".

Năm 2014: Công ty được Ủy ban nhân dân huyện Nhơn Trạch chấp nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường tại Thông báo số 88/TB-UBND ngày

Được quét bằng CamScanner

17 tháng 4 năm 2014 cho cơ sở "Mở rộng và nâng công suất nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu giày (miếng lót đế giày), quy mô từ 1.000.000 sản phẩm/năm lên 5.000.000 sản phẩm/năm".

Năm 2018: Công ty được Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 327/QĐ-KCNĐN ngày 05 tháng 12 năm 2018 cho cơ sở "Nhà máy sản xuất đế giày và các bộ phận của giày với quy mô 40.000.000 đôi sản phẩm/năm; sản xuất tấm nguyên phụ liệu ngành giày làm từ vải, nhựa, giấy với quy mô 25.000.000 mét sản phẩm/năm".

+ Đối với địa điểm 2 (thuê nhà xưởng số 6 của Công ty TNHH Hwaseung Vina), Công ty đã thực hiện Đăng ký môi trường và được UBND xã Phú Hội tiếp nhận đăng ký môi trường tại Văn bản số 93/UBND ngày 12 tháng 5 năm 2025 cho cơ sở "Sản xuất giày dép các loại và chi tiết của giày dép quy mô 20.000.000 đôi sản phẩm/năm".

Ngoài ra theo Công văn giải trình số 02/2026/CV-E.Z-MT ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Công ty thể hiện Công ty hiểu rõ những quy định pháp luật liên quan đến Dự án của Công ty, cũng như tính cấp thiết của việc lập, trình phê duyệt các hồ sơ liên quan đến môi trường. Do đó, nhằm đảm bảo thực hiện nghiêm túc quy định pháp luật, thể hiện tinh thần cầu thị, chủ động báo cáo, hợp tác và khắc phục; đồng thời làm cơ sở pháp lý để nhanh chóng hoàn thiện hồ sơ môi trường cho cơ sở "Công ty TNHH E.Z Sports Vina" theo đúng trình tự, thủ tục quy định, Công ty kính đề nghị Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai xem xét, hướng dẫn Công ty thực hiện các trình tự, thủ tục và hồ sơ cần thiết theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Theo kết quả rà soát, xác minh dấu hiệu vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường vào ngày 09 tháng 02 năm 2026, đồng thời trên cơ sở báo cáo tại thời điểm làm việc địa điểm 1 của Công ty TNHH E.Z Sports Vina thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường và thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 *(nay thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025)*, tuy nhiên đến thời điểm hiện tại Công ty đầu tư công trình xử lý chất thải và đi vào hoạt động (địa điểm 1) nhưng chưa có giấy phép môi trường theo quy định điểm d, khoản 2, Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Đối với địa điểm 2 (thuê nhà xưởng số 6 của Công ty TNHH Hwaseung Vina) đã thực hiện đăng ký môi trường

Được quét bằng CamScanner

Do đó, công chức đang thi hành nhiệm vụ bảo vệ môi trường của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai và các thành viên tham dự làm việc thống nhất lập Biên bản vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH E.Z Sports Vina (thực hiện tại địa điểm 1) và chuyển cho người có thẩm quyền xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

4. Hiện trường:

Hiện trường xảy ra tại Công ty TNHH E.Z Sports Vina (Địa chỉ hoạt động: KCN Nhơn Trạch I, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai) và theo các hồ sơ tài liệu, báo cáo của Công ty.

5. Thiệt hại (nếu có): Không có.

6. Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có): Không có.

7. Lời khai của Cá nhân/tổ chức có liên quan trực tiếp đến vụ việc:

- Thống nhất với nội dung Biên bản làm việc và sẽ không thực hiện khiếu kiện, khiếu nại.

- Công ty thành thật nhận lỗi đối với nội dung nêu trên. Công ty sẽ nhanh chóng hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải sau khi được cấp phép môi trường theo đúng quy định.

8. Ý kiến trình bày của người chứng kiến: Thống nhất với nội dung ghi nhận tại Biên bản này.

9. Các biện pháp xử lý và ngăn chặn hậu quả do sự việc gây ra (nếu có): Không.

10. Tang vật/phương tiện có liên quan đến vụ việc (nếu có): Không.

Biên bản lập xong hồi 15 giờ 15 phút, ngày 09 tháng 02 năm 2026, gồm 05 tờ, được lập thành 03 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho ông CHO MYUNG HWAN (thông qua bà Nguyễn Đỗ Ngọc Linh được ủy quyền) là người đại diện của tổ chức có liên quan trực tiếp đến vụ việc 01 bản, chuyển người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường 01 bản (Chủ tịch UBND xã Nhơn Trạch), 01 bản lưu hồ sơ.

Trường hợp cá nhân/người đại diện của tổ chức có liên quan trực tiếp đến vụ việc không ký biên bản làm việc

Được quét bằng CamScanner

Lý do bà Nguyễn Đỗ Ngọc Linh là người đại diện của tổ chức có liên quan trực tiếp đến vụ việc không ký biên bản:.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VỤ VIỆC

Nguyễn Đỗ Ngọc Linh

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

Nguyễn Văn Hiếu **Hồ Giang Trúc Linh**

CÁ NHÂN/NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC BỊ THIỆT HẠI
(Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)

NGƯỜI PHIÊN DỊCH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

Vũ Thành Long

Chu Mạnh Đăng

Được quét bằng CamScanner

Biên bản đã giao trực tiếp cho người đại diện của tổ chức có liên quan trực tiếp đến vụ việc vào hồi 15 giờ 20 phút ngày 09 tháng 02 năm 2026.

NGƯỜI NHẬN BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ và tên)



Nguyễn Đỗ Ngọc Linh

Được quét bằng CamScanner

Mẫu biên bản số 01

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP,
KHU KINH TẾ

Số: 15/BB-VPHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH
Về lĩnh vực bảo vệ môi trường

Hôm nay, hồi 15 giờ 30 phút ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ: Số 26, đường 2A, khu công nghiệp Biên Hòa II, phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai).

Lý do lập biên bản tại Trụ sở Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai: Rà soát, xác minh dấu hiệu vi phạm của Công ty TNHH E.Z Sports Vina (Địa chỉ hoạt động: KCN Nhơn Trạch I, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai).

Căn cứ: Biên bản làm việc số 15/BB-LV ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai và các hồ sơ, tài liệu liên quan.

Chúng tôi gồm:

1. Người có thẩm quyền lập biên bản:

- Họ và tên: Ông Nguyễn Văn Hiếu Chức vụ: Phó Trưởng phòng, Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường;

Cơ quan: Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.

- Họ và tên: Bà Hồ Giang Trúc Linh Chức vụ: Chuyên viên Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường;

Cơ quan: Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai.

2. Với sự chứng kiến của:

- Họ và tên: Vũ Thành Long Chức vụ: Chuyên viên Phòng Môi trường.

Cơ quan: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai.

- Họ và tên: Chu Mạnh Đăng Chức vụ: Phụ trách Phòng kỹ thuật môi trường;

Cơ quan: Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và Khu công nghiệp IDICO.

3. Người phiên dịch: không có.

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1.Tên của tổ chức: **CÔNG TY TNHH E.Z SPRORTS VINA**

Được quét bằng CamScanner

Địa chỉ trụ sở chính: KCN Nhơn Trạch I, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Mã số doanh nghiệp: 36010119917

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 36010119917, đăng ký đầu ngày 17 tháng 6 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28 tháng 8 năm 2025 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.

Người đại diện theo pháp luật: CHO MYUNG HWAN Giới tính: Nam.

Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Nguyễn Đỗ Ngọc Linh; Giới tính: Nữ.

Chức danh: Nhân viên (Theo Giấy ủy quyền số 01/2026/GUQ-E.Z ngày 09/02/2026 của ông CHO MYUNG HWAN – Tổng Giám đốc).

2. Đã có các hành vi vi phạm hành chính:

- Hành vi: "Không có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh".

Cụ thể: Công ty TNHH E.Z Sports Vina đã đầu tư công trình xử lý chất thải và đưa cơ sở đi vào hoạt động nhưng chưa có Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (nay thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025).

- Tình tiết tăng nặng: không có

- Tình tiết giảm nhẹ: không có

3. Quy định tại:

Điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có): Không.

5. Ý kiến trình bày của người đại diện của tổ chức vi phạm:

Công ty thừa nhận hành vi vi phạm nêu trên, thống nhất với nội dung xác định hành vi vi phạm hành chính và sẽ không thực hiện khiếu kiện, khiếu nại. Công ty không thực hiện quyền giải trình.

6. Ý kiến trình bày của đại diện chính quyền, người chứng kiến: Thống nhất với nội dung ghi nhận tại Biên bản này.

7. Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại (nếu có): Không.

8. Chúng tôi đã yêu cầu tổ chức vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

9. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được áp dụng: Không.

Được quét bằng CamScanner

10. Quyền và thời hạn giải trình:

a) Không được quyền giải trình *(do không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính)*: ☐ đối với hành vi vi phạm quy định tại .....

b) Được quyền giải trình *(do thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Xử lý vi phạm hành chính)*: ☒ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản này, ông (bà) ..... là <cá nhân/người đại diện của tổ chức> vi phạm có quyền gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp đến..... để thực hiện quyền giải trình.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản này ông CHO MYUNG HWAN là người đại diện của tổ chức vi phạm vi phạm có quyền gửi văn bản giải trình đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nhơn Trạch để thực hiện quyền giải trình.

<Trường hợp cá nhân/người đại diện của tổ chức vi phạm phải đến làm việc với người có thẩm quyền trước khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính>

Yêu cầu ông (bà) ..... là người đại diện của tổ chức vi phạm có mặt vào hồi .... giờ .... phút, ngày ..../...../..... tại ..... để giải quyết vụ việc.

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 30 phút ngày 09 tháng 02 năm 2026, gồm 04 tờ, được lập thành 03 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho ông CHO MYUNG HWAN (thông qua bà Nguyễn Đỗ Ngọc Linh được ủy quyền) là người đại diện của tổ chức vi phạm 01 bản, 01 bản chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường (Chủ tịch UBND xã Nhơn Trạch), 01 bản lưu hồ sơ.

<Trường hợp cá nhân/tổ chức nhận các biên bản, quyết định bằng phương thức điện tử>

Số điện thoại/địa chỉ thư điện tử/ứng dụng định danh quốc gia hoặc tài khoản định danh điện tử (có xác thực mức độ 2 trở lên) hoặc gửi qua ứng dụng được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của ngành, lĩnh vực, địa phương:.....

<Trường hợp cá nhân/người đại diện của tổ chức vi phạm không ký biên bản vi phạm hành chính>

Lý do ông (bà)..... <cá nhân/người đại diện của tổ chức > (*) vi phạm không ký biên bản.....

Được quét bằng CamScanner

<Trường hợp người chứng kiến/đại diện chính quyền cấp xã không ký xác nhận việc cá nhân/người đại diện của tổ chức vi phạm không ký biên bản vi phạm hành chính>

Lý do ông (bà).....

<người chứngkiến/đại diện chính quyền cấp xã > (*) vi phạm không ký xác nhận.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC VI PHẠM	**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN** **(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)**
Nguyễn Đỗ Ngọc Linh	**Hồ Giang Trúc Linh Nguyễn Văn Hiếu**
CÁ NHÂN/NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC BỊ THIỆT HẠI *(Ký, ghi rõ họ và tên)*	**ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN** *(Ký, ghi rõ chức vụ, họ và tên)*
NGƯỜI PHIÊN DỊCH *(Ký, ghi rõ họ và tên)*	**NGƯỜI CHỨNG KIẾN**
	Vũ Thành Long
	Chu Mạnh Đăng

Được quét bằng CamScanner

Biên bản đã giao trực tiếp cho bà Nguyễn Đỗ Ngọc Linh - Người đại diện của tổ chức vi phạm vào hồi 16 giờ 35 phút ngày 09 tháng 02 năm 2026.

NGƯỜI NHẬN BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ và tên)



Nguyễn Đỗ Ngọc Linh

Được quét bằng CamScanner

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NHƠN TRẠCH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 689/QĐ-XPHC	*Nhơn Trạch, ngày 12 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NHƠN TRẠCH

Căn cứ Điều 57, Điều 62, Điều 63, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025);

Căn cứ Luật số 88/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghi định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-GQXP ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND xã Nhơn Trạch về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 15/BB-VPHC ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế xã Nhơn Trạch tại tờ trình số 179/TTr-PKT ngày 11 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Tên của tổ chức: Công ty TNHH E.Z Sports Vina.

Địa chỉ trụ sở chính: KCN Nhơn Trạch I, xã Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Mã số doanh nghiệp: 36010119917

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 36010119917, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 6 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 28 tháng 8 năm 2025 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.

Người đại diện theo pháp luật: CHO MYUNG HWAN

Giới tính: Nam Chức vụ: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Nguyễn Đỗ Ngọc Linh

Giới tính: Nữ.

Chức danh: Nhân viên (Theo Giấy ủy quyền số 01/2026/GUQ-E.Z ngày 09/02/2026 của ông CHO MYUNG HWAN – Tổng Giám đốc).

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

- Không có giấy phép môi trường theo quy định đối với dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh".

- Cụ thể: Công ty TNHH E.Z Sports Vina đã đưa cơ sở đi vào hoạt động nhưng chưa có Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nay thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 46 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

3. Quy định tại: Điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thì hành vi của Công ty TNHH E.Z Sports Vina bị phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 170.000.000 đồng; Tuy nhiên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định:

2. Mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II của Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính do cá nhân thực hiện. Đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm, mức phạt tiền gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

Do đó Công ty TNHH E.Z Sports Vina bị xử phạt số tiền là: **320.000.000 đồng** (ba trăm hai mươi triệu đồng).

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Áp dụng đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường của cơ sở trong thời gian 4,5 tháng kể từ khi Công ty nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Không

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho Ông: CHO MYUNG HWAN là người đại diện theo pháp luật của tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành.

Tổ chức có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty TNHH E.Z Sports Vina không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

a) Tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt tại Kho bạc nhà nước Khu vực XVII – Phòng Giao dịch số 4 theo thông tin nộp ngân sách nhà nước như sau: Tài khoản 7111; tiểu mục 4261; Chương 830; mã QHNS 1140991 trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này *(gửi biên lai về Phòng Kinh tế xã Nhơn Trạch)*.

b) Tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 bị tạm giữ (giấy tờ/tang vật, phương tiện vi phạm hành chính) để đảm bảo thi hành quyết định xử phạt: Không.

c) Công ty TNHH E.Z Sports Vina có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước khu vực XVII để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Phòng Kinh tế xã Nhơn Trạch để tổ chức thực hiện.

4. Giao trách nhiệm Trưởng phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tống đạt Quyết định cho Ông CHO MYUNG HWAN là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH E.Z Sports Vina và theo dõi việc thực hiện Quyết định. Nếu quá thời hạn mà đương sự không chấp hành thì đề xuất biện pháp cưỡng chế theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Ban Quản lý các KCN và KKT tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Chánh, PCVP HĐND và UBND xã;
- Phòng Kinh tế (để tống đạt);
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ NHƠN TRẠCH T. ĐỒNG NAI

Đào Minh Tâm

Quyết định đã giao trực tiếp cho .....
người đại diện của tổ chức bị xử phạt vào hồi ... giờ ... phút, ngày ..../..../.....

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Đỗ Ngọc Linh

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Số: 140 /SĐK-CCBVMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 23 tháng 5 năm 2014

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 75.001267.T
(Cấp lần 3)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH E.Z Sporst Vina.
Địa chỉ văn phòng: KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
Điện thoại: 0613.560841 Fax: 0613.506806
Tài khoản số: 0401000227158 tại Ngân hàng Vietcombank Nhơn Trạch.
Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số: 472023000512 do Ban Quản lý KCN Đồng Nai, cấp lần đầu ngày 17/6/2008, chứng nhận thay đổi lần 3 ngày 11/9/2013.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường theo phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động (và thay thế Sổ đăng ký có Mã số QLCTNH: 75.001267.T cấp lần 2 ngày 23/9/2011)./.

Nơi nhận:
- Như phần I;
- Sở TN&MT (báo cáo);
- P.ĐKTNMT (phối hợp);
- Lưu: VT, P.KSON (3b).

H/Cuong/SoCNT/2014/T5/CtySportsVina.doc

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trần Trọng Toàn

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH 75.001267.T do Chi cục Bảo vệ môi trường cấp lần 3 ngày 23 tháng 5 năm 2014)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

Tên: Công ty TNHH E.Z Sporst Vina.
Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch 1, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
Điện thoại: 0613.560841 Fax: 0613.506806
Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số: 472023000512 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai, cấp lần đầu ngày 17/6/2008, chứng nhận thay đổi lần 3 ngày 11/9/2013.

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Keo thải	Rắn	120	08 03 01
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	12	16 01 06
3	Bao bì mềm thải nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	180	18 01 01
4	Giẻ lau, bao tay, xốp EVA thải nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	3.600	18 01 02
5	Nhựa thải nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	240	11 02 01
	Tổng số lượng		**4.152**	

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Nhóm kim loại: sắt, thép phế liệu	Rắn	120
2	Nhóm nhựa: thùng nhựa, bao nhựa xốp	Rắn	1.200
3	Nhóm giấy: Bao bì carton hư thải, giấy văn phòng	Rắn	3.600
4	Chất thải sinh hoạt	Rắn	2.400
	Tổng số lượng		**7.320**

4. Danh sách CTNH đã đăng ký tự xử lý CTNH tại cơ sở: Không

5. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Danh sách các hồ sơ, giấy tờ trong bộ hồ sơ đăng ký:

- Đơn đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại;
- Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số;
- Bản sao Thông báo về việc chấp nhận đăng ký Bản cam kết bảo vệ môi trường;
- Văn bản giải trình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

(v/v: thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt không nguy hại- Rác thải công nghiệp không nguy hại)

Số: 0126 – 01/2025 HĐKT-TPH

- *Căn cứ Bộ luật dân sự & Bộ luật thương mại năm 2005 nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 27/12/1997 và nghị định số 155/1999/QĐ-TTg ngày 16/07/1999;*
- *Danh mục chất thải nguy hại, ban hành kèm theo Thông tư số 36/2015/TT- BNTMT ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.*
- *Căn cứ khả năng và nhu cầu của hai bên .*

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại văn phòng Công Ty TNHH TMDV THÀNH PHÁT HƯNG, chúng tôi gồm:

BÊN A: (Bên yêu cầu dịch vụ) CÔNG TY TNHH EZ SPORTS VINA

Người đại diện: **Ông : CHO MOON HYUN** - Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Địa chỉ : KCN Nhơn trạch 1, Xã Phú Hội, Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

SDT : 02513.560.841

MST : 3601019917

BÊN B: (Bên làm dịch vụ) CÔNG TY TNHH TMDV THÀNH PHÁT HƯNG

Người đại diện: **Ông: NGUYỄN MINH TOÀN** - Chức vụ : **Giám đốc**

Địa chỉ: 153/19/1 Đường Hùng Vương,KP Mỹ khoan, TT Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

SĐT : 0903132461 Email: minhtoan1407@gmail.com

MST : 3603589888

STK : 0401001479725. tại Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam-Chi Nhánh Nhơn Trạch (Vietcombank)

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng nhau thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ theo những điều khoản sau :

ĐIỀU I: NỘI DUNG DỊCH VỤ

STT	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Giá thu gom, vận chuyển và xử lý
01	Thu gom rác sinh hoạt thông thường không nguy hại	Tháng	20.000.000 VNĐ
02	Thu gom rác công nghiệp thông thường không nguy hại.	Tháng	30.000.000 VNĐ
	Tổng cộng		50.000.000 VNĐ

(Bằng chữ : Năm mươi triệu đồng / tháng)

Ghi chú: Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT

Đã bao gồm chi phí bốc xếp , vận chuyển , nhân công .

1/. Thời gian bắt đầu áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 31 tháng 1 năm 2026

2/. Hết thời gian nêu trên nếu bên A còn nhu cầu cần bên B làm dịch vụ tiếp thì hợp đồng đương nhiên được gia hạn thêm 01 năm / lần .

ĐIỀU II: THỜI GIAN THU GOM RÁC

- Bên A sẽ bố trí rác phân loại và tập trung vào một chỗ để thuận tiện cho xe thu gom rác bên B vận chuyển.
- Thời gian thu gom rác từ 7h30 đến 16h30 vào thứ 5 hàng tuần hoặc Theo yêu cầu từ bên A. (trước 01 ngày)

ĐIỀU III: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Vào cuối mỗi tháng, các bên đối chiếu số lượng sau đó bên B xuất hóa đơn cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng phương thức chuyển khoản trong thời hạn 10 (Mười) ngày kể từ ngày cuối tháng và nhận đầy đủ các chứng từ.

ĐIỀU IV: TRÁCH NHIỆM NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN LỢI CỦA HAI BÊN.

BÊN A:

- Bên A có trách nhiệm phân loại tập trung rác thải sinh hoạt , Rác thải công nghiệp (từ sản xuất) vào những chỗ thuận tiện để Bên B thu gom nhanh chóng.
- Cử nhân viên đại diện để liên lạc, Hướng dẫn ATLĐ , xác nhận chứng từ cho bên B.
- Chịu trách nhiệm thanh toán đúng và đủ theo quy định tại Điều III .
- Có quyền giám sát, kiểm tra thực hiện công việc của Bên B.
- Trong quá trình chuyển giao chất thải nếu bên B không tuân thủ đúng qui định và bị cơ quan chức năng xử lý, gây ảnh hưởng cho bên A. Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng .

BÊN B:

- Cung cấp đầy đủ chứng từ, giấy phép kinh doanh theo Pháp Luật cho Bên A để thực hiện công việc trong Hợp Đồng này.

- Thực hiện đúng tiến độ và trách nhiệm công việc thu gom rác thải theo quy định được giao trong thỏa thuận tại Điều I.
- Đảm bảo đủ yêu cầu về nhân lực, phương tiện và thiết bị chuyên dụng thu gom vận chuyển như cơ sở, trang thiết bị máy móc tại cơ sở xử lý rác thải.
- Kiểm tra rác thải đúng chủng loại . Che phủ các phương tiện vận chuyển rác thải bằng vải bạt, lưới hoặc các vật liệu khác phù hợp trong quá trình vận chuyển.
- Xử lý rác thải bỏ tại các trạm trung chuyển và cơ sở xử lý đúng quy định, Không thải bỏ rác bất hợp pháp, chi phí thải bỏ tại các trạm trung chuyển và cơ sở xử lý do Bên B chịu trách nhiệm (nếu có).
- Bên B có quyền từ chối không nhận thu gom, xử lý và vận chuyển các loại rác thải không có trong Hợp Đồng.
- Được thanh toán đúng và đủ giá trị hợp đồng theo quy định trong hợp đồng tại Điều III.

ĐIỀU V: ĐIỀU KHOẢN QUY ĐỊNH CHUNG.

- Trong quá trình thực hiện công việc theo hợp đồng, nếu có phát sinh trường hợp sự việc khó khăn, thì hai bên cùng nhau trao đổi và thỏa thuận để có hướng giải quyết tốt nhất trên tinh thần hợp tác hai bên cùng có lợi.
- Trong trường hợp nếu hai bên thương lượng không đạt được kết quả thì sẽ do Tòa Án Kinh Tế xử lý và phân giải, mọi quyết định của Tòa Án sẽ là phán quyết cuối cùng để hai bên cùng thực hiện, và mọi thủ tục án phí do bên có lỗi chịu.
- Sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn hợp đồng, nếu hai bên không còn khiếu nại về những điều khoản đã ký, đồng thời mọi quyền lợi và nghĩa vụ trách nhiệm của hai bên theo các điều khoản trong hợp đồng được thực hiện đúng và đủ như quy định thì hợp đồng trên coi như được thanh lý.
- Hai cam kết không tiết lộ các thông tin liên quan đến Hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ 3 nào trong suốt khoảng thời gian có hiệu lực Hợp đồng hay sau khi Hợp đồng đã hết hạn; nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam về bảo mật thông tin.

Hợp đồng này được thành lập thành 04 (Bốn) bản và có giá trị pháp lý ngang nhau. Mỗi bên giữ 02 (Hai) bản.

BÊN A	**BÊN B**
(Ký,đóng dấu và ghi rõ họ tên)	*(Ký,đóng dấu và ghi rõ họ tên)*
TỔNG GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
CHO MOON HYUN	**NGUYỄN MINH TOÀN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
—oOo—

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: P012/2026/HDKT/TTN-EZ

V/v: Thu gom, xử lý, vận chuyển chất thải nguy hại

- *Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;*
- *Căn cứ nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ;*
- *Căn cứ theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;*
- *Căn cứ Giấy phép môi trường của Công ty Cổ Phần Môi Trường Tân Thiên Nhiên số 323/GPMT-BNNMT do Bộ Nông Nghiệp và Môi Trường cấp ngày 14 tháng 08 năm 2025;*
- *Căn cứ vào nhu cầu giữa hai bên;*

Hôm nay, ngày 30 tháng 12 năm 2025, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG TÂN THIÊN NHIÊN

Địa chỉ : Ấp 7, Xã Long Phước, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại : 0251 261 5566 - 0251 261 5588
Mã số thuế : 3 6 0 0 6 4 8 5 1 0
Tài khoản số : **118619738888** Tại Ngân Hàng Vietinbank, CN Tân Bình, TP.HCM
Đại diện : Ông **TỐNG QUÝ KHIÊM** - Chức vụ: GIÁM ĐỐC

BÊN B : CÔNG TY TNHH E.Z SPORST VINA

Địa chỉ : KCN Nhơn Trạch I, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại : 0251 3560841
Mã Số Thuế : 3 6 0 1 0 1 9 9 1 7
Đại diện : Ông **CHO MYUNG HWAN**
Chức Vụ : TỔNG GIÁM ĐỐC

Hai Bên thỏa thuận thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1. Bên B đồng ý thuê Bên A đồng ý thực hiện công việc vận chuyển và xử lý các loại chất thải của Bên B theo đúng quy định của Pháp luật (danh mục chất thải theo quy định của hợp đồng này).

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Keo thải	kg	120	08 02 04
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	kg	12	08 03 01
3	Bao bì mềm thải nhiễm các thành phần nguy hại	kg	180	12 06 01
4	Giẻ lau, bao tay, xốp EVA thải nhiễm các thành phần nguy hại	kg	3.600	15 01 02
5	Nhựa thải nhiễm các thành phần nguy hại	kg	240	16 01 06
	Tổng		**4.152**	

- *Mã CTNH ký hiệu theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.*
- *Đơn giá trên bao gồm phí dịch vụ thu gom vận chuyển và xử lý chất thải. Không bao gồm chi phí đóng bao và bao đựng.*
- *Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải chưa bao gồm thuế VAT.*
- *Khối lượng một lần đi lấy dưới 5.000 kg/chuyến và một tháng lấy 1 lần thì đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý là 13.500.000 vnđ/tháng.*
- *Nếu khối lượng một lần thu gom trên 5.000 kg/chuyến thì đơn giá khối lượng vượt là 5.000 vnđ/kg*

2. Địa điểm thu gom: KCN Nhơn Trạch I, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
3. Phương tiện vận chuyển: theo quy định của Bộ Nông Nghiệp Và Môi Trường
4. Khối lượng chất thải giao nhận: sẽ được xác định bằng biên bản giao nhận (hoặc chứng từ chất thải nguy hại) theo thực tế giao nhận giữa hai Bên.
5. Nếu có phát sinh chất thải khác: Hai Bên A và B sẽ thỏa thuận giá cả và được thể hiện trong phụ lục hợp đồng.

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Thanh toán hàng kỳ: Bên B thanh toán cho Bên A 100% khối lượng thu gom và xử lý rác. Thanh toán trong vòng 15 ngày, kể từ ngày Bên B nhận được đầy đủ hồ sơ giao nhận và hóa đơn tài chính do Bên A phát hành.
- Nếu Bên B thanh toán chậm trễ, Bên B phải thanh toán chi phí phạt 0.1%/ngày căn cứ trên chi phí chưa thanh toán cho Bên A.
- Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

Trách nhiệm Bên A:

1. Tiếp nhận chất thải theo danh mục, địa điểm đã thỏa thuận trong hợp đồng.
2. Chịu trách nhiệm xử lý tiêu hủy chất thải đúng và đảm bảo theo quy định về vệ sinh môi trường.

3. Bên A có quyền từ chối tiếp nhận các loại chất thải không nằm trong danh mục chất thải được quy định trong hợp đồng này.
4. Cung cấp cho Bên B những giấy tờ có liên quan đến việc xử lý đối với các loại chất thải mà Bên B giao.
5. Đảm bảo tiến độ thực hiện công việc, đảm bảo vệ sinh, chất lượng công việc.
6. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm nào đối với các loại chất thải không đúng với mô tả trong Điều 1 của hợp đồng.
7. Nhận khoản kinh phí dịch vụ theo hợp đồng đã ký kết.

Trách nhiệm Bên B:

1. Không được để chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại lẫn lộn vào chất thải nguy hại. Khi Bên A đến thu gom chất thải, phát hiện Bên B không phân loại CTNH và lưu trữ không đúng quy định môi trường thì Bên A không nhận chất thải.
2. Cung cấp cho Bên A những giấy tờ có liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ và thành phần của loại chất thải
3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chất thải mà Bên B không giao cho Bên A theo thỏa thuận.
4. Giao cho Bên A xử lý các loại chất thải nguy hại theo đúng nội dung thỏa thuận ở Điều 1 và phải thông báo trước ít nhất 03 (ba) ngày làm việc về hạng mục, thành phần và số lượng chất thải để Bên A chủ động bố trí phương tiện, công nhân tiếp nhận chất thải.
5. Cử nhân viên giám sát trong quá trình bàn giao chất thải.
6. Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A thực hiện hợp đồng.
7. Trong thời gian thực hiện hợp đồng Bên B không được phép giao chất thải theo thỏa thuận tại Điều 1 cho Bên thứ 3.
8. Thanh toán tiền đúng thời hạn và đầy đủ cho Bên A theo hợp đồng này.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ, TIÊU HỦY

- Xử lý theo Giấy phép môi trường của Công ty Cổ Phần Môi Trường Tân Thiên Nhiên số 323/GPMT-BNNMT do Bộ Nông Nghiệp và Môi Trường cấp ngày 14 tháng 08 năm 2025.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026. Sau 30 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng, hai Bên không nợ nhau và không Bên nào có ý kiến khác bằng văn bản thì hợp đồng sẽ tự thanh lý.
- Nếu một trong hai Bên muốn chấm dứt hợp đồng, Bên muốn chấm dứt phải báo cho bên còn lại trước 30 ngày. Trường hợp Bên nào đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, thì phải có trách nhiệm bồi hoàn toàn tất cả các chi phí, khoản thiệt hại phát sinh cho Bên còn lại.
- Hai Bên cam kết thực hiện đúng các Điều khoản ghi trong hợp đồng và không được đơn phương sửa đổi hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có vướng mắc phát sinh, hai Bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần thương lượng, hợp tác và bổ sung phụ lục hợp đồng. Nếu không thể giải quyết được thì sẽ đưa ra Tòa án để giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc các Bên phải thực thi. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.

- Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản tiếng Việt, mỗi Bên giữ 01 (một) bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC	TỔNG GIÁM ĐỐC
TỐNG QUÝ KHIÊM	CHO MYUNG HWAN

CÔNG TY TNHH TM-DV-CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG KHẢI THỊNH
Khai Thinh Environment Technology Trading & Services

Địa chỉ: 75 đường TTH 15,
Tân Thới Hiệp, Q.12, Tp.HCM
ĐT: 028.37266960 - 0962740584
www.moitruongkhaithinh.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24060655KQ1

Ngày: 27/06/2024

1. Nơi yêu cầu : **CÔNG TY TNHH E.Z SPORT VINA**

2. Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH E.Z SPORT VINA**
KCN Nhơn Trạch 1, H. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai

3. Tên mẫu: Nước thải

4. Số lượng mẫu: 01 mẫu

5. Ngày lấy mẫu: 18/06/2024

6. Thời gian thử nghiệm: 09 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: xem các trang kèm theo

VIMCERTS 217

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM

PHAN THỊ HÀ THU

GIÁM ĐỐC

HUỲNH CHÂU QUÍ

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thinh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

24060655KQ1	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	**Ngày: 27/06/2024**

1. NƯỚC THẢI

TT	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
				NT1
1	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,04
2	Độ màu(*)	SMEWW 2120C:2017	Pt–Co	44
3	TSS(*)	SMEWW 2540D:2017	mg/l	57
4	BOD_5(*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	72
5	COD(*)	SMEWW 5220C:2017	mg/l	157
6	Tổng N(*)	TCVN 6638:2000	mg/l	20,8
7	Tổng P(*)	SMEWW 4500-P.B&E:2017	mg/l	3,46
8	NH_4^+ (tính theo N)(*)	TCVN 5988:1995	mg/l	7,51
9	Dầu, mỡ động thực vật(*)	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	1,8

Ghi chú: *(*): Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận*

NT1: *Nước thải tại điểm đấu nối vào HT thoát nước thải KCN.*
Toạ độ: 10°44'3"; 106°54'54"

VIMCERTS 217

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thinh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

CÔNG TY TNHH TM-DV-CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG KHẢI THỊNH
Khai Thinh Environment Technology Trading & Services

Địa chỉ: 75 đường TTH 15,
Tân Thới Hiệp, Q.12, Tp.HCM
ĐT: 028.37266960 - 0962740584
www.moitruongkhaithinh.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24060656KQ1

Ngày: 27/06/2024

1. Nơi yêu cầu : **CÔNG TY TNHH E.Z SPORT VINA**

2. Địa điểm lấy mẫu : **CÔNG TY TNHH E.Z SPORT VINA**
KCN Nhơn Trạch 1, H. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai

3. Tên mẫu: Không khí

4. Số lượng mẫu: 02 mẫu

5. Ngày lấy mẫu: 18/06/2024

6. Thời gian thử nghiệm: 09 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: xem các trang kèm theo

VIMCERTS 217

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM

PHAN THỊ HÀ THU

GIÁM ĐỐC

HUỲNH CHÂU QUÍ

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thinh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

24060656KQ1	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	**Ngày: 27/06/2024**

1. KHÔNG KHÍ KHU VỰC SẢN XUẤT

TT	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	QCVN 26:2016/ BYT	Kết quả thử nghiệm	
					KK1	KK2
1	Nhiệt độ(*)	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	**18 - 32**	31,8	31,5
2	Độ ẩm(*)	QCVN 46:2012/BTNMT	%	**40 - 80**	71,4	70,3
3	Tiếng ồn(*)	TCVN 7878-2:2018	dBA	**85**(a)	80,1	82,4
4	Ánh sáng(***)	TCVN 5176:1990	Lux	-	417	409
5	Xylen(**)	NIOSH Method 1501	mg/m^3	**100**(b)	0,056	0,056
6	Acetone(**)	NIOSH Method 2555	mg/m^3	**1.000**(b)	0,023	0,029
7	Methyl Ethyl Ketone (MEK)(**)	NIOSH Method 2500	mg/m^3	**300**(c)	0,063	0,049

Ghi chú: *(*): Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận*
(**): Thông số thực hiện bởi nhà thầu phụ
(***):Thông số được Sở Y tế TP.HCM chứng nhận
(a): QCVN 24:2016/BYT;
(b): QCVN 03:2019/BYT;
(c): Quyết định 3733/2002/QD-BYT
KK1: *Đầu khu vực quét nước xử lý đế. Toạ độ: X=1187145; Y=408437*
KK2: *Cuối khu vực quét nước xử lý đế. Toạ độ: X=1187111; Y=408390*

VIMCERTS 217

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thinh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

CÔNG TY TNHH TM-DV-CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG KHẢI THỊNH
Khai Thinh Environment Technology Trading & Services

Địa chỉ: 75 đường TTH 15, Tân Thới Hiệp, Q.12, Tp.HCM
ĐT: 028.37266960 - 0962740584
www.moitruongkhaithinh.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24070730KQ1

Ngày: 03/07/2024

1. Nơi yêu cầu: **CÔNG TY TNHH E.Z SPORT VINA**
2. Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH E.Z SPORT VINA**
   KCN Nhơn Trạch 1, H. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai
3. Tên mẫu: Khí thải
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Ngày lấy mẫu: 26/06/2024
6. Thời gian thử nghiệm: 07 ngày
7. Kết quả thử nghiệm: xem các trang kèm theo

VIMCERTS 217

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM

PHAN THỊ HÀ THU

GIÁM ĐỐC

HUỲNH CHÂU QUÍ

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thinh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

24070730KQ1	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	Ngày: 03/07/2024

1. KHÍ THẢI

TT	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	QCVN 20:2009 /BTNMT (Cột B)	Kết quả thử nghiệm
					KT1
1	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	m^3/h	-	1.020
2	Methyl Ethyl Ketone (MEK)(**)	NIOSH Method 2500	mg/Nm^3	-	KPH MDL=0,06
3	Acetone(**)	PD CEN/TS 13649	mg/Nm^3	-	KPH MDL=0,025
4	Toluen(**)	PD CEN/TS 13649	mg/Nm^3	**750**	18,4

Ghi chú: *(*): Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận*
(**): Thông số được thực hiện bởi thầu phụ
***KPH:** Không phát hiện (<MDL)*
***KT1:** Ống thải sau khu vực quét nước 1, tọa độ: 10°44'1,9"; 106°54'52,8"*

VIMCERTS 217

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thinh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

CÔNG TY TNHH TM-DV-CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG KHẢI THỊNH
Khai Thinh Environment Technology Trading & Services

Địa chỉ: 75 đường TTH 15, Tân Thới Hiệp, Q.12, Tp.HCM
ĐT: 028.37266960 - 0962740584
www.moitruongkhaithinh.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24101066KQ1

Ngày: 01/10/2024

1. Nơi yêu cầu: **CÔNG TY TNHH E.Z SPORT VINA**

2. Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH E.Z SPORT VINA**
KCN Nhơn Trạch 1, H. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai

3. Tên mẫu: Nước thải

4. Số lượng mẫu: 01 mẫu

5. Ngày lấy mẫu: 25/09/2024

6. Thời gian thử nghiệm: 06 ngày

7. Kết quả thử nghiệm: xem các trang kèm theo

VIMCERTS 217

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM

PHAN THỊ HÀ THU

GIÁM ĐỐC

HUỲNH CHÂU QUÍ

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thinh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

24101066KQ1	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	**Ngày: 01/10/2024**

1. NƯỚC THẢI

TT	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
				NT1
1	pH(*)	TCVN 6492:2011	-	7,37
2	Độ màu(*)	SMEWW 2120C:2017	Pt–Co	39
3	TSS(*)	SMEWW 2540D:2017	mg/l	64
4	BOD_5(*)	TCVN 6001-1:2008	mg/l	69
5	COD(*)	SMEWW 5220C:2017	mg/l	137
6	Tổng N(*)	TCVN 6638:2000	mg/l	21,3
7	Tổng P(*)	SMEWW 4500-P.B&E:2017	mg/l	3,04
8	NH_4^+ (tính theo N)(*)	TCVN 5988:1995	mg/l	8,41
9	Dầu, mỡ động thực vật(*)	SMEWW 5520B&F:2017	mg/l	2,5

Ghi chú: *(*): Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận*

NT1: *Điểm đấu nối vào hệ thống thoát nước thải KCN. Toạ độ: 10°44'03"; 106°54'54"*

VIMCERTS 217

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thinh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

CÔNG TY TNHH TM-DV-CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG KHẢI THỊNH
Khai Thinh Environment Technology Trading & Services

Địa chỉ: 75 đường TTH 15, Tân Thới Hiệp, Q.12, Tp.HCM
ĐT: 028.37266960 - 0962740584
www.moitruongkhaithinh.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

24121621KQ1

Ngày: 23/12/2024

1. Nơi yêu cầu: **CÔNG TY TNHH E.Z SPORT VINA**

2. Địa điểm lấy mẫu: **CÔNG TY TNHH E.Z SPORT VINA**
KCN Nhơn Trạch 1, H. Nhơn Trạch, T. Đồng Nai

3. Tên mẫu: Khí thải

4. Số lượng mẫu: 01 mẫu

5. Ngày lấy mẫu: 13/12/2024

6. Kết quả thử nghiệm: xem các trang kèm theo

VIMCERTS 217

ĐẠI DIỆN NHÓM THỬ NGHIỆM

PHAN THỊ HÀ THU

GIÁM ĐỐC

HUỲNH CHÂU QUÍ

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thinh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

24121621KQ1	**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM** ***TEST REPORT***	Ngày: 23/12/2024

1. KHÍ THẢI

TT	Thông số	Phương pháp thử nghiệm	Đơn vị	QCVN 20:2009 /BTNMT (Cột B)	Kết quả thử nghiệm
					KT1
1	Lưu lượng(*)	US EPA Method 2	m^3/h	-	2.753
2	Methyl Ethyl Ketone (MEK)(**)	NIOSH Method 2500	mg/Nm^3	-	KPH MDL=0,06
3	Acetone(**)	PD CEN/TS 13649	mg/Nm^3	-	KPH MDL=0,025
4	Toluen(**)	PD CEN/TS 13649	mg/Nm^3	**750**	KPH MDL=0,025

Ghi chú: *(*): Thông số được Bộ TN&MT chứng nhận*
(**): Thông số được thực hiện bởi Vimcets 292
KPH: *Không phát hiện (<MDL)*
KT1: *Ống thải sau khu vực quét nước 1, tọa độ: 10°44'1.9"; 106°54'52.8"*

VIMCERTS 217

Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Khai Thinh Entechco
Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
Thời gian lưu mẫu 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, không lưu đối với mẫu khí và vi sinh
Hết thời gian lưu mẫu, Phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

LOCTITE BONDACE 232HF-2 15KG

Số SDS : 500643
V001.13
Phiên bản: 18.02.2022
Ngày in: 02.03.2022

Phần 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm: LOCTITE BONDACE 232HF-2 15KG

Các cách nhận biết khác: LOCTITE BONDACE 232HF-2 15KG
Mã sản phẩm: IDH1342295
Khuyến cáo về sử dụng và hạn chế sử dụng sản phẩm

Mục đích sử dụng chất xử lý

Thông tin về sản phẩm / nhà sản xuất/ nhà phân phối
Nhà sản xuất: Henkel Adhesive Technologies Vietnam Co., Ltd, No. 7, Road 9A Bien Hoa II Industrial Zone, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam Phone: +84 28 7100 6301 Fax: +84 28 7100 6300

Người chịu trách nhiệm về bảng thông tin an toàn: ap-ua-psra.sea@henkel.com

Thông tin khẩn cấp CHỈ TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP (Tràn chảy, Rò rỉ nghiêm trọng, Cháy, Phơi nhiễm, hoặc Tai nạn). Liên hệ CHEMTREC: +1 703-741-5970

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại theo GHS:

Loại nguy hại	Phân loại nguy hại	Cơ quan mục tiêu
Chất lỏng dễ cháy	Loại 2	
Ăn mòn/kích ứng da	Loại 3	
Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Loại 2A	
Độc tính với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến - tiếp xúc một lần	Loại 3	Hệ thần kinh trung ương
Hiểm họa cấp cho môi trường nước	Loại 2	
Hiểm họa lâu dài cho môi trường nước	Loại 2	

Nhãn theo GHS:

Hình đồ cảnh báo:



Từ cảnh báo: Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ:

H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.
H316 Gây kích ứng nhẹ cho da.
H319 Gây kích ứng mạnh cho mắt.
H336 Có thể gây thờ thẫn hoặc chóng mặt.
H411 Độc cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài.

Biện pháp phòng ngừa:

Biện pháp phòng ngừa:

P210 Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/các bề mặt nóng. Không hút thuốc.
P233 Giữ dụng cụ đựng thật kín.
P240 Tiếp đất/liên kết dụng cụ đựng và thiết bị tiếp nhận.
P241 Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống nổ.
P242 Chỉ sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa.
P243 Sử dụng các biện pháp phòngngừa phóng tĩnh điện.
P261 Tránh hít bụi/khói/khí/sương/các hơi/bụi xịt.
P264 Rửa tay cẩn thận sau khi thao tác.
P273 Tránh phát tán ra môi trường.
P280 Sử dụng găng tay bảo hộ/trang phục bảo hộ và kính mắt/kính che mặt bảo hộ.

Xử lý khi có sự cố phơi nhiễm:

P303+P361+P353 KHI BỊ DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo đã bị ô nhiễm. Rửa da bằng nước/tắm.
P304+P340+P312 NẾU HÍT PHẢI: di chuyển nạn nhân đến nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái dễ thở. Liên hệ với TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT hoặc nhân viên y tế nếu bạn cảm thấy không ổn.
P305+P351+P338 NẾU BỊ VĂNG VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong nhiều phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.
P332+P313 Nếu bị kích ứng da: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc.
P337+P313 Nếu vẫn không hết bị kích ứng mắt: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc.
P370+P378 Trường hợp cháy: sử dụng cát khô, bột hóa chất hoặc bọt chống cháy để dập lửa.
P391 Thu gom lượng tràn đổ.

Lưu trữ:

P403+P233 Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ dụng cụ đựng thật kín.
P403+P235 Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ mát.

Thải bỏ:

P501 Thải bỏ vật liệu bên trong/dụng cụ đựng tại một cơ sở xử lý và thải bỏ phù hợp theo luật lệ và quy định hiện hành, và đặc tính của sản phẩm vào thời điểm thải bỏ.

Phần 3. Thông tin về thành phần các chất

Chất hoặc hỗn hợp:
Hỗn hợp

Thành phần khai báo:

Thành phần nguy hại, Số CAS.	Định lượng	Phân loại theo GHS
Ethyl acetate 141-78-6	30- 60 %	Chất lỏng dễ cháy 2 H225 Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng 2B H320 Độc tính hệ thống cơ quan mục tiêu - tiếp xúc một lần 3 H336
Butanone 78-93-3	30- 60 %	Chất lỏng dễ cháy 2 H225 Độc tính cấp tính 5; Qua miệng H303 Ăn mòn/kích ứng da 3 H316 Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng 2A H319 Độc tính hệ thống cơ quan mục tiêu - tiếp xúc một lần 3 H336 Hiểm họa hít phải 2 H305
Acetone 67-64-1	1- 10 %	Chất lỏng dễ cháy 2 H225 Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng 2A H319 Độc tính hệ thống cơ quan mục tiêu - tiếp xúc một lần 3 H336
Methylcyclohexane 108-87-2	1- 10 %	Chất lỏng dễ cháy 2 H225 Ăn mòn/kích ứng da 2 H315 Độc tính hệ thống cơ quan mục tiêu - tiếp xúc một lần 3 H336 Hiểm họa hít phải 1 H304 Hiểm họa cấp cho môi trường nước 1 H400 Hiểm họa lâu dài cho môi trường nước 1 H410

Phần 4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Hít phải:
Di chuyển tới nơi có không khí trong lành.
Nếu khó thở, cho thở oxi.
Nếu ngừng thở, hô hấp nhân tạo.
Chăm sóc y tế.

Tiếp xúc với da:
Lau sạch bằng khăn giấy hoặc vải.
Thay quần áo và giày nhiễm hóa chất.
Rửa sạch bằng nước và xà phòng.
Chăm sóc y tế.

Tiếp xúc mắt:
Nhanh chóng rửa mắt với nhiều nước.
Chăm sóc y tế ngay.

Nuốt phải:

Khi nạn nhân bất tỉnh, không được cho bất cứ gì vào miệng của nạn nhân
Không gây nôn nếu nạn nhân bất tỉnh.
Nếu nạn nhân nôn, giữ cho đầu thấp hơn phần hông để tránh hít ngược vào.
Chăm sóc y tế ngay.

Phần 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

Carbon dioxide.
nước
bọt
Hóa chất khô.

Các mối nguy từ hóa chất:

Trong trường hợp cháy, làm mát thùng chứa bằng cách phun nước.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt và biện pháp phòng ngừa hỏa hoạn:

Trang bị bình dưỡng khí.
Mang quần áo bảo hộ lao động toàn thân.

Sản phẩm cháy nguy hại:

Trong trường hợp cháy các loại khí độc hại có thể được sinh ra.

Phần 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Biện pháp bảo vệ cá nhân:

Mang thiết bị bảo hộ.
Cô lập khu vực nhiễm hóa chất nguy hại và hạn chế người ra vào khu vực này.
Đứng thuận chiều gió; tránh khu vực thấp trũng.

Biện pháp bảo vệ môi trường:

Không được đổ vào cống rãnh / bề mặt sông ngòi / nước ngầm.

Các phương pháp làm sạch:

Loại bỏ tất cả các nguồn gây lửa.
Ngăn chặn rò rỉ hoặc tràn chảy nếu điều kiện an toàn cho phép.
Phun sương để giảm hơi hóa chất.
TRÀN CHẢY NHỎ:
Sử dụng vật liệu thấm không cháy như cát.
Quét và thu gom nguyên liệu và để vào thùng chứa thích hợp cho việc xử lý.
TRÀN CHẢY LỚN:
Làm đê chắn vật liệu chảy tràn, nếu ở vị trí có thể.

Phần 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Sử dụng:

Mặc quần áo bảo hộ, đeo găng tay, bảo hộ mắt/mặt phù hợp.
Chỉ sử dụng trong khu vực thông thoáng.
Tránh tiếp xúc với da và mắt.
Tránh ngọn lửa trần, tia lửa và các nguồn gây cháy nổ.
Những vật liệu có thể tích điện có nguy cơ tạo ra tia lửa điện.
Đảm bảo các thiết bị được tiếp đất theo yêu cầu (khi trộn, bơm hoặc sang chiết sản phẩm).

Lưu trữ:

Đóng chặt nắp thùng chứa và lưu trữ ở nơi thoáng mát.
Tránh xa nguồn lửa.
Nhiệt độ khoảng 5°C đến 40 °C.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần nguy hại và các thông số cần kiểm soát nơi làm việc:

Ethyl acetate 141-78-6	**Loại giá trị**	Giới hạn tiếp xúc Ca làm việc (TWA):
	ppm	400
	Ghi chú	ACGIH
Butanone 78-93-3	**Loại giá trị**	Giới hạn tiếp xúc Ca làm việc (TWA):
	ppm	200
	Ghi chú	ACGIH
Butanone 78-93-3	**Loại giá trị**	Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc (TWA):
	mg/m^3	150
	Ghi chú	VN OEL
Butanone 78-93-3	**Loại giá trị**	Giới hạn Tiếp xúc Ngắn (STEL):
	ppm	300
	Ghi chú	ACGIH
Butanone 78-93-3	**Loại giá trị**	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn (STEL):
	mg/m^3	300
	Ghi chú	VN OEL
Acetone 67-64-1	**Loại giá trị**	Giới hạn tiếp xúc Ca làm việc (TWA):
	ppm	250
	Ghi chú	ACGIH
ACETON 67-64-1	**Loại giá trị**	Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc (TWA):
	mg/m^3	200
	Ghi chú	VN OEL
Acetone 67-64-1	**Loại giá trị**	Giới hạn Tiếp xúc Ngắn (STEL):
	ppm	500
	Ghi chú	ACGIH
ACETON 67-64-1	**Loại giá trị**	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn (STEL):
	mg/m^3	1,000
	Ghi chú	VN OEL
Methylcyclohexane 108-87-2	**Loại giá trị**	Giới hạn tiếp xúc Ca làm việc (TWA):
	ppm	400
	Ghi chú	ACGIH
Methylcyclohexane 108-87-2	**Loại giá trị**	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn (STEL):
	mg/m^3	300
	Ghi chú	VN OEL

Bảo vệ hô hấp:

Trong trường hợp tạo thành dạng sương, nên đeo thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp có bộ lọc ABEK P2 (EN 14387). Đề nghị này có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện tại địa phương.

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ hóa học chống hóa chất (EN 374). Vật liệu thích hợp cho tiếp xúc trong thời gian ngắn hoặc nếu hóa chất có thể văng phải (khuyến nghị: Chỉ số bảo vệ ít nhất là 2, tương ứng với thời gian thấm theo EN 374> 30 phút): cao su isobutylen-isoprene (IIR;độ dày > = 0,7 mm) vật liệu thích hợp cho thời gian tiếp xúc lâu hơn, tiếp xúc trực tiếp (khuyến nghị: chỉ số bảo vệ 6, tương ứng với thời gian thẩm thấu theo EN 374 > 480 phút thờ): cao su isobutylen-isoprene (IIR; độ dày≥ 0,7 mm) thông tin này được dựa trên tài liệu tham khảo được cung cấp bởi các nhà sản xuất găng tay, hoặc từ các chất tương tự. Xin lưu ý rằng trong quá trình làm việc thực tế với găng tay bảo vệ hóa học chống hóa chất có thể ngắn hơn đáng kể so với thời gian thẩm thấu xác định theo EN 374 do ảnh hưởng của các yếu tố khác (ví dụ nhiệt độ). Nếu có dấu hiệu bị mòn, hoặc rách, bao tay cần được thay mới

Bảo vệ mắt:	Mang kính bảo hộ phù hợp. Nên sử dụng dụng cụ bảo hộ mắt theo EN 166.
Bảo vệ cơ thể:	Mang đồ bảo hộ lao động phù hợp. Mang quần áo bảo hộ lao động phù hợp phủ kín tay và chân. Quần áo bảo hộ theo EN 14605 đối với nguy cơ văng chất lỏng hoặc EN 13982 đối với bụi.
Kiểm soát kỹ thuật:	Sử dụng hệ thống thông gió tại chỗ. Lắp đặt thiết bị thông gió loại có khả năng chống cháy nổ.
Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh:	Lắp đặt vòi rửa mắt, vòi tắm để sử dụng trong trường hợp khẩn cấp.
Các biện pháp vệ sinh:	Thực hành vệ sinh công nghiệp và luôn được giám sát. Rửa tay trước giờ nghỉ giữa ca và sau khi kết thúc công việc. Không ăn, uống, hoặc hút thuốc khi làm việc.

Phần 9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Ngoại quan:	Màu vàng nhạt lỏng
Mùi:	mùi bạc hà, mùi ngọt.
Ngưỡng mùi (CA):	Không có thông tin
pH:	Không có thông tin
Điểm nóng chảy / Điểm đông đặc:	Không có thông tin
Trọng lượng riêng:	Không có thông tin
Điểm sôi:	56 °C (132.8 °F)
Điểm chớp cháy: (ASTM D56;; Tagliabue Closed Cup)	-20 °C (-4 °F)
Tốc độ bay hơi:	Không có thông tin
Chất dễ cháy (rắn, khí):	Không có thông tin
Giới hạn nổ dưới:	Không có thông tin
Giới hạn nổ trên:	Không có thông tin
Áp suất hóa hơi:	Không có thông tin
Tỷ trọng hơi:	Không có thông tin
Khối lượng riêng:	Không có thông tin
Độ hòa tan:	Ít tan
Hệ số phân ly: n-octanol/nước:	Không có thông tin
Nhiệt độ tự cháy:	Không có thông tin
Nhiệt độ phân huỷ:	Không có thông tin
Độ nhớt: (Brookfield; 25 °C (77 °F); tốc độ: 30 min-1; Phương pháp:;; Brookfield viscosity)	100 - 1,000 cp
Hàm lượng chất hữu cơ dễ bay hơi:	Không có thông tin

Phần 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Khả năng phản ứng/Vật liệu không tương thích:	Vật liệu dễ cháy. Phản ứng với kim loại. Các peroxide. Muối kim loại. Acids. Tác nhân oxy hóa. Các bazơ. Phản ứng với amin. Halogens. Hợp chất halogen. Phản ứng với chất khử
Độ ổn định hoá học:	Ổn định dưới điều kiện bảo quản như được khuyến nghị.

Các điều kiện cần tránh: Nhiệt, ngọn lửa, tia lửa và các nguồn phát lửa khác.
Gia nhiệt có thể làm tăng áp suất và có nguy cơ dẫn đến nứt/vỡ thùng chứa.

Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Trong trường hợp cháy các loại khí độc hại có thể được sinh ra.

Phần 11. Thông tin về độc tính

Độc tính nếu nuốt phải: Ước tính Độc tính cấp tính (ATE) : > 5,000 mg/kg
Phương pháp : Phương pháp tính toán

Ảnh hưởng đến sức khỏe:

Nuốt phải: Có thể gây rối loạn tiêu hóa.
Gây nôn.

Tiếp xúc da: Tiếp xúc thường xuyên hoặc kéo dài có thể dẫn đến khô da.
Tiếp xúc da thường xuyên hoặc kéo dài với sản phẩm có thể gây kích ứng.
Phát ban.

Tiếp xúc với mắt: Có thể gây kích ứng mắt.
Chảy nước mắt.
Tiếp xúc với sản phẩm có thể gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Hít phải: Hơi từ sản phẩm có thể gây đau đầu, buồn nôn, chóng mặt và kích ứng đường hô hấp.

Các triệu chứng tiếp xúc quá mức: Không đề cập.

Độc tính cấp tính qua miệng:

Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	6,100 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Butanone 78-93-3	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	2,737 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Acetone 67-64-1	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	5,800 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Methylcyclohexane 108-87-2	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 3,200 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định

Độc tính cấp tính qua đường hô hấp:

Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	LC0
	Giá trị	> 22.5 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	6 h
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	hướng dẫn khác:
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	> 22.5 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	6 h
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	hướng dẫn khác:
Butanone 78-93-3	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	> 20 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	4 h
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Acetone 67-64-1	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	76 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	4 h
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Methylcyclohexane 108-87-2	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	> 26.3 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	1 h
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định

Độc tính cấp tính trên da:

Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 20,000 mg/kg
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	Thử nghiệm Draize
Butanone 78-93-3	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 6,400 mg/kg
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	không quy định
Acetone 67-64-1	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 15,688 mg/kg
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	Thử nghiệm Draize
Methylcyclohexane 108-87-2	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 2,000 mg/kg
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 402 (Độc tính cấp tính trên da)

Gây kích ứng/ăn mòn da:

Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	gây kích ứng nhẹ
	Thời gian phơi nhiễm	24 h
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 404 (Acute Dermal Irritation / Corrosion)
Butanone 78-93-3	Kết quả	không gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	4 h
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 404 (Gây kích ứng/ăn mòn da)
Acetone 67-64-1	Kết quả	không gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	không quy định
Methylcyclohexane 108-87-2	Kết quả	không gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	24 h
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	Thử nghiệm Draize

Gây kích ứng/ăn mòn mắt:

Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	gây kích ứng nhẹ
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 405 (Kích ứng /ăn mòn cấp tính trên mắt)
Butanone 78-93-3	Kết quả	gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 405 (Acute Eye Irritation / Corrosion)
Acetone 67-64-1	Kết quả	gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 405 (Kích ứng /ăn mòn cấp tính trên mắt)
Methylcyclohexane 108-87-2	Kết quả	không gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 405 (Kích ứng /ăn mòn cấp tính trên mắt)

Mẫn cảm với da hoặc hệ hô hấp:

Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	không gây mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thử nghiệm tối đa trên chuột lang
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 406 (Mẫn cảm trên da)
Butanone 78-93-3	Kết quả	không gây mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thử nghiệm Buehler
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 406 (Skin Sensitisation)
Acetone 67-64-1	Kết quả	không gây mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thử nghiệm tối đa trên chuột lang
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	không quy định
Methylcyclohexane 108-87-2	Kết quả	không gây mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thử nghiệm Buehler
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 406 (Mẫn cảm trên da)

Đột biến tế bào mầm:

Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến nhiễm sắc thể trên động vật có vú ở quy mô phòng thí nghiệm
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 473 (In vitro Mammalian Chromosome Aberration Test)
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	qua đường miệng: vào dạ dày
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	chuột đồng, Trung Quốc
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 474 (Mammalian Erythrocyte Micronucleus Test)
Butanone 78-93-3	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
Butanone 78-93-3	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến nhiễm sắc thể trên động vật có vú ở quy mô phòng thí nghiệm
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	Không áp dụng
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 473 (In vitro Mammalian Chromosome Aberration Test)
Butanone 78-93-3	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thí nghiệm đột biến gien trên tế bào ở động vật có vú
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 476 (In vitro Mammalian Cell Gene Mutation Test)
Butanone 78-93-3	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	tiêm phúc mạc
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 474 (Mammalian Erythrocyte Micronucleus Test)
Acetone 67-64-1	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
Acetone 67-64-1	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến nhiễm sắc thể trên động vật có vú ở quy mô phòng thí nghiệm
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 473 (In vitro Mammalian Chromosome Aberration Test)
Acetone 67-64-1	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thí nghiệm đột biến gien trên tế bào ở động vật có vú
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	without
	Phương pháp	OECD Guideline 476 (In vitro Mammalian Cell Gene Mutation Test)
Acetone 67-64-1	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	qua đường miệng: uống nước

	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Methylcyclohexane 108-87-2	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
Methylcyclohexane 108-87-2	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến nhiễm sắc thể trên động vật có vú ở quy mô phòng thí nghiệm
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 473 (In vitro Mammalian Chromosome Aberration Test)
Methylcyclohexane 108-87-2	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thí nghiệm đột biến gien trên tế bào ở động vật có vú
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 476 (In vitro Mammalian Cell Gene Mutation Test)

Độc tính với liều lặp lại:

Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	NOAEL=900 mg/kg
	Đường xâm nhập	qua đường miệng: vào dạ dày
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	90 ddaily
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	EPA OTS 795.2600 (Thử nghiệm độc tính bán mãn tính qua miệng)
Butanone 78-93-3	Kết quả	NOAEL=2500 ppm
	Đường xâm nhập	Hít phải
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	90 days6 hours/day, 5 days/week
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Butanone 78-93-3	Kết quả	LOAEL=5000 ppm
	Đường xâm nhập	Hít phải
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	90 days6 hours/day, 5 days/week
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Acetone 67-64-1	Kết quả	NOAEL=900 mg/kg
	Đường xâm nhập	qua đường miệng: uống nước
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	13 wdaily
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 408 (Repeated Dose 90-Day Oral Toxicity in Rodents)
Methylcyclohexane 108-87-2	Kết quả	NOAEL=250 mg/kg
	Đường xâm nhập	qua đường miệng: vào dạ dày
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	28 ddaily
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 422 (Combined Repeated Dose Toxicity Study with the Reproduction / Developmental Toxicity Screening Test)

Phần 12. Thông tin về sinh thái

Thông tin sinh thái: Không được đổ vào cống rãnh / bề mặt sông ngòi / nước ngầm.

Chất độc môi sinh: Độc và ảnh hưởng lâu dài cho môi trường nước.

Độc tính:

Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	220 mg/l

	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Cá tuế đầu to (Pimephales promelas)
	Phương pháp	hướng dẫn khác:
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	164 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Bọ nước (Daphnia cucullata)
	Phương pháp	OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	> 2,000 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Selenastrum capricornutum (new name: Pseudokirchneriella subcapitata)
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
	Loại giá trị	NOEC
	Giá trị	2,000 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Selenastrum capricornutum (new name: Pseudokirchneriella subcapitata)
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	EC10
	Giá trị	2,900 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Vi khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm	18 h
	Loài / mẫu	Pseudomonas putida
	Phương pháp	DIN 38412, part 8 (Pseudomonas Zellvermehrungshemm-Test)
Butanone 78-93-3	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	3,220 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Cá tuế đầu to (Pimephales promelas)
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 203 (Cá, Kiểm tra Độc tính Cấp tính)
Butanone 78-93-3	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	5,091 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Bọ nước
	Phương pháp	OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)
Butanone 78-93-3	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	2,029 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Tảo đơn bào Pseudokirchnerella subcapitata
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
	Loại giá trị	EC10
	Giá trị	1,289 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Tảo đơn bào Pseudokirchnerella subcapitata
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
Butanone 78-93-3	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	1,150 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Vi khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm	16 h
	Loài / mẫu	Pseudomonas putida
	Phương pháp	DIN 38412, part 8 (Pseudomonas Zellvermehrungshemm-Test)
Acetone 67-64-1	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	8,120 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Cá tuế đầu to (Pimephales promelas)
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 203 (Cá, Kiểm tra Độc tính Cấp tính)
Acetone 67-64-1	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	8,800 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Bọ nước Daphnia pulex
	Phương pháp	OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)

Acetone 67-64-1	Loại giá trị	NOEC
	Giá trị	530 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	8 d
	Loài / mẫu	Vi khuẩn lam Microcystis aeruginosa
	Phương pháp	DIN 38412-09
Acetone 67-64-1	Loại giá trị	EC10
	Giá trị	1,000 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Vi khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm	30 min
	Loài / mẫu	Pseudomonas putida
	Phương pháp	DIN 38412, part 27 (Bacterial oxygen consumption test)
Methylcyclohexane 108-87-2	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	2.07 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Cá sóc (Oryzias latipes)
	Phương pháp	hướng dẫn khác:
Methylcyclohexane 108-87-2	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	0.326 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Bọ nước
	Phương pháp	hướng dẫn khác:
Methylcyclohexane 108-87-2	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	0.134 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	72 h
	Loài / mẫu	Pseudokirchneriella subcapitata (reported as Raphidocelis subcapitata)
	Phương pháp	hướng dẫn khác:
	Loại giá trị	NOEC
	Giá trị	0.022 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	72 h
	Loài / mẫu	Pseudokirchneriella subcapitata (reported as Raphidocelis subcapitata)
	Phương pháp	hướng dẫn khác:

Độ bền và khả năng phân hủy

Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	dễ phân hủy sinh học
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	100 %
	Phương pháp	OECD Guideline 301 D (Ready Biodegradability: Closed Bottle Test)
Butanone 78-93-3	Kết quả	dễ phân hủy sinh học
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	98 %
	Phương pháp	OECD Guideline 301 D (Ready Biodegradability: Closed Bottle Test)
Acetone 67-64-1	Kết quả	dễ phân hủy sinh học
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	81 - 92 %
	Phương pháp	Phương pháp EU C.4-C (Đánh giá "khả năng" phân hủy sinh học thử nghiệm trong bình kín)
Methylcyclohexane 108-87-2	Kết quả	Không dễ phân hủy sinh học.
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	0 %
	Phương pháp	OECD Guideline 301 D (Ready Biodegradability: Closed Bottle Test)

Tích lũy sinh học và sự biến đổi trong đất

Ethyl acetate 141-78-6	Chỉ số nồng độ sinh học (BCF)	30
	Thời gian phơi nhiễm	3 d
	Loài / mẫu	Cá trắm cỏ (Leuciscus idus melanotus)
	Nhiệt độ	22.5 °C
	Phương pháp	hướng dẫn khác:
Ethyl acetate 141-78-6	LogPow	0.68
	Nhiệt độ	25 °C
	Phương pháp	EPA OPPTS 830.7560 (Partition Coefficient, n-octanol / H2O, Generator Column Method)

Butanone 78-93-3	LogPow	0.3
	Nhiệt độ	40 °C
	Phương pháp	OECD Guideline 117 (Partition Coefficient (n-octanol / water), HPLC Method)
Acetone 67-64-1	LogPow	-0.24
	Nhiệt độ	
	Phương pháp	OECD Guideline 107 (Partition Coefficient (n-octanol / water), Shake Flask Method)
Methylcyclohexane 108-87-2	Chỉ số nồng độ sinh học (BCF)	> 95 - <321
	Thời gian phơi nhiễm	56 day
	Loài / mẫu	Cá chép (Cyprinus carpio)
	Nhiệt độ	25 °C
	Phương pháp	hướng dẫn khác:
Methylcyclohexane 108-87-2	LogPow	3.88
	Nhiệt độ	
	Phương pháp	hướng dẫn khác:

Phần 13. Thông tin về thải bỏ

Sản phẩm

Phương pháp thải bỏ: Thải bỏ theo qui định của địa phương và nước sở tại.

Bao bì

Xử lý bao bì nhiễm hóa chất Bao bì mà không thể được làm sạch sẽ được thải bỏ theo cách tương tự như sản phẩm.

Phần 14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển đường bộ ADR:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Mã phân loại:	F1
Số nhận dạng nguy hại:	33
Số UN.:	1133
Nhãn nguy hại:	3
Tên kỹ thuật:	Các chất dính chứa dung môi dễ cháy
Thông tin thêm:	Điều khoản đặc biệt 640D

Vận chuyển hàng nguy hại đường sắt RID:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Mã phân loại:	F1
Số nhận dạng nguy hại:	33
Số UN.:	1133
Nhãn nguy hại:	3
Tên kỹ thuật:	ADHESIVES
Thông tin thêm:	Điều khoản đặc biệt 640D

Vận chuyển hàng nguy hại đường thủy nội địa ADN:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Mã phân loại:	F1
Số nhận dạng nguy hại:	
Số UN.:	1133
Nhãn nguy hại:	3
Tên kỹ thuật:	ADHESIVES
Thông tin thêm:	Điều khoản đặc biệt 640D

Vận chuyển hàng nguy hại đường biển IMDG:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Số UN.:	1133
Nhãn nguy hại:	3
EmS:	F-E ,S-D
Ô nhiễm nước biển:	P
Tên vận chuyển hàng hóa:	ADHESIVES (Methylcyclohexane)

Vận chuyển hàng nguy hại đường hàng không IATA:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Hướng dẫn đóng gói (hành khách):	353
Hướng dẫn đóng gói (hàng hoá):	364
Số UN.:	1133
Nhãn nguy hại:	3
Tên vận chuyển hàng hóa:	Adhesives

`Phần 15. Thông tin về pháp luật

Thông tin chung: Bảng dữ liệu an toàn này được tạo ra dựa trên Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 (Quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất)

Global inventory status:

Regulatory list	Notification
TSCA	có
DSL	có
KECI (KR)	có
IECSC	có
AIIC	có
CH INV	có
EINECS	có

Phần 16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Từ chối trách nhiệm: Phiếu an toàn hóa chất được xây dựng dựa trên thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 (quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất).
Không áp dụng chế độ bảo hành hoặc bất kỳ hình thức tương đương nào khác đối với các quy định thực thi khác về xuất khẩu đang có hiệu lực thi hành hoặc các quy định của nước sở tại. Vui lòng xác nhận rằng các thông tin được cung cấp kèm theo đây tuân thủ các quy định về xuất khẩu hoặc bất kỳ quy định thực thi nào khác trước khi tiến hành xuất khẩu.
Vui lòng liên hệ với bộ phận chịu trách nhiệm về an toàn sản phẩm và các quy định liên quan của Henkel để được hỗ trợ thêm. Thông tin này được dựa trên mức độ hiểu biết hiện tại của và liên quan đến sản phẩm tại địa phương được chuyển giao. Sản phẩm của chúng tôi được mô tả từ quan điểm về yêu cầu an toàn và nó không có ý định để đảm bảo bất kỳ đặc tính cụ thể nào.Thông tin này được dựa trên mức độ hiểu biết hiện tại của chúng tôi và liên quan đến sản phẩm tại địa phương trong đó nó được chuyển giao. Thông tin được mô tả cho sản phẩm của chúng tôi xuất phát từ quan điểm của các yêu cầu an toàn và không có ý định để đảm bảo bất kỳ những đặc tính liên quan.
Dear Customer,
Henkel is committed to creating a sustainable future by promoting opportunities along the entire value chain. If you would like to contribute by switching from a paper to the electronic version of SDS, please contact the local Customer Service representative. We recommend to use a non-personal email address (e.g. SDS@your_company.com).

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

LOCTITE BONDACE 6700-2 15KG

Số SDS : 500760
V001.7
Phiên bản: 18.02.2022
Ngày in: 02.03.2022

Phần 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm: LOCTITE BONDACE 6700-2 15KG

Các cách nhận biết khác: LOCTITE BONDACE 6700-2 15KG
Mã sản phẩm: IDH1634912
Khuyến cáo về sử dụng và hạn chế sử dụng sản phẩm

Mục đích sử dụng Keo dán

Thông tin về sản phẩm / nhà sản xuất/ nhà phân phối
Nhà sản xuất: Henkel Adhesive Technologies Vietnam Co., Ltd, No. 7, Road 9A Bien Hoa II Industrial Zone, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam Phone: +84 28 7100 6301 Fax: +84 28 7100 6300

Người chịu trách nhiệm về bảng thông tin an toàn: ap-ua-psra.sea@henkel.com

Thông tin khẩn cấp CHỈ TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP (Tràn chảy, Rò rỉ nghiêm trọng, Cháy, Phơi nhiễm, hoặc Tai nạn). Liên hệ CHEMTREC: +1 703-741-5970

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại theo GHS:

Loại nguy hại	Phân loại nguy hại	Cơ quan mục tiêu
Chất lỏng dễ cháy	Loại 2	
Ăn mòn/kích ứng da	Loại 3	
Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Loại 2A	
Độc tính với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến - tiếp xúc một lần	Loại 3	Hệ thần kinh trung ương

Nhãn theo GHS:

Hình đồ cảnh báo:



Từ cảnh báo: Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ:

H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.
H316 Gây kích ứng nhẹ cho da.
H319 Gây kích ứng mạnh cho mắt.
H336 Có thể gây thờ thẫn hoặc chóng mặt.

Biện pháp phòng ngừa:

Biện pháp phòng ngừa:

P210 Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/các bề mặt nóng. Không hút thuốc.
P233 Giữ dụng cụ đựng thật kín.
P240 Tiếp đất/liên kết dụng cụ đựng và thiết bị tiếp nhận.
P241 Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống nổ.
P242 Chỉ sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa.
P243 Sử dụng các biện pháp phòngngừa phóng tĩnh điện.
P261 Tránh hít bụi/khói/khí/sương/các hơi/bụi xịt.
P264 Rửa tay cẩn thận sau khi thao tác.
P280 Sử dụng găng tay bảo hộ/trang phục bảo hộ và kính mắt/kính che mặt bảo hộ.

Xử lý khi có sự cố phơi nhiễm:

P303+P361+P353 KHI BỊ DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo đã bị ô nhiễm. Rửa da bằng nước/tắm.
P304+P340+P312 NẾU HÍT PHẢI: di chuyển nạn nhân đến nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái dễ thở. Liên hệ với TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT hoặc nhân viên y tế nếu bạn cảm thấy không ổn.
P305+P351+P338 NẾU BỊ VĂNG VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong nhiều phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.
P332+P313 Nếu bị kích ứng da: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc.
P337+P313 Nếu vẫn không hết bị kích ứng mắt: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc.
P370+P378 Trường hợp cháy: sử dụng cát khô, bột hóa chất hoặc bọt chống cháy để dập lửa.

Lưu trữ:

P403+P233 Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ dụng cụ đựng thật kín.
P403+P235 Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ mát.

Thải bỏ:

P501 Thải bỏ vật liệu bên trong/dụng cụ đựng tại một cơ sở xử lý và thải bỏ phù hợp theo luật lệ và quy định hiện hành, và đặc tính của sản phẩm vào thời điểm thải bỏ.

Phần 3. Thông tin về thành phần các chất

Chất hoặc hỗn hợp:
Hỗn hợp

Thành phần khai báo:

Thành phần nguy hại, Số CAS.	Định lượng	Phân loại theo GHS
Butanone 78-93-3	30- 60 %	Chất lỏng dễ cháy 2 H225 Độc tính cấp tính 5; Qua miệng H303 Ăn mòn/kích ứng da 3 H316 Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng 2A H319 Độc tính hệ thống cơ quan mục tiêu - tiếp xúc một lần 3 H336 Hiểm họa hít phải 2 H305
Acetone 67-64-1	10- 30 %	Chất lỏng dễ cháy 2 H225 Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng 2A H319 Độc tính hệ thống cơ quan mục tiêu - tiếp xúc một lần 3 H336
Ethyl acetate 141-78-6	10- 30 %	Chất lỏng dễ cháy 2 H225 Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng 2B H320 Độc tính hệ thống cơ quan mục tiêu - tiếp xúc một lần 3 H336

Phần 4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Hít phải: Di chuyển đến nơi thoáng khí, tham khảo ý kiến bác sĩ nếu thấy khó thở.

Tiếp xúc với da: Rửa dưới vòi nước chảy và xà phòng. Bôi kem dưỡng ẩm.
Thay quần áo đã nhiễm hóa chất.

Tiếp xúc mắt: NẾU VĂNG VÀO MẮT: dùng nước để rửa cẩn thận trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

Nuốt phải: Súc miệng sạch, uống 1-2 ly nước, không cố ý gây nôn, tham khảo ý kiến bác sĩ.

Chỉ dẫn chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt nếu cần: Xem phần: thông tin sơ cứu

Phần 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp: Carbon dioxide.
nước
bọt
Hóa chất khô.

Phương tiện chữa cháy không phù hợp: Vòi nước cao áp (sản phẩm có chứa dung môi).

Các mối nguy từ hóa chất:	Trong trường hợp cháy, làm mát thùng chứa bằng cách phun nước.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt và biện pháp phòng ngừa hỏa hoạn:	Trang bị bình dưỡng khí. Mang quần áo bảo hộ lao động toàn thân.
Sản phẩm cháy nguy hại:	Trong trường hợp cháy các loại khí độc hại có thể được sinh ra.

Phần 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Biện pháp bảo vệ cá nhân:	Nguy cơ trượt ngã trên sản phẩm bị đổ. Những người không được trang bị bảo hộ lao động phù hợp, nên tránh xa khu vực có sự cố. Mang thiết bị bảo hộ. Tránh tiếp xúc với da và mắt.
Biện pháp bảo vệ môi trường:	Không được đổ vào cống rãnh / bề mặt sông ngòi / nước ngầm. Thông báo cho cơ quan chức năng trong trường hợp bị tràn chảy vào nguồn nước hoặc hệ thống cống rãnh.
Các phương pháp làm sạch:	Loại bỏ tất cả các nguồn gây lửa. Ngăn chặn rò rỉ hoặc tràn chảy nếu điều kiện an toàn cho phép. Phun sương để giảm hơi hóa chất. TRÀN CHẢY NHỎ: Sử dụng vật liệu thấm không cháy như cát. Quét và thu gom nguyên liệu và để vào thùng chứa thích hợp cho việc xử lý. TRÀN CHẢY LỚN: Làm đê chắn vật liệu chảy tràn, nếu ở vị trí có thể.

Phần 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Sử dụng:	Mặc quần áo bảo hộ, đeo găng tay, bảo hộ mắt/mặt phù hợp. Chỉ sử dụng trong khu vực thông thoáng. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Tránh ngọn lửa trần, tia lửa và các nguồn gây cháy nổ. Những vật liệu có thể tích điện có nguy cơ tạo ra tia lửa điện. Đảm bảo các thiết bị được tiếp đất theo yêu cầu (khi trộn, bơm hoặc sang chiết sản phẩm).
Lưu trữ:	Đóng chặt nắp thùng chứa và lưu trữ ở nơi thoáng mát. Tránh xa nguồn lửa. Nhiệt độ khoảng 5°C đến 40 °C.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần nguy hại và các thông số cần kiểm soát nơi làm việc:

Butanone 78-93-3	**Loại giá trị**	Giới hạn tiếp xúc Ca làm việc (TWA):
	ppm	200
	Ghi chú	ACGIH
Butanone 78-93-3	**Loại giá trị**	Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc (TWA):
	mg/m^3	150
	Ghi chú	VN OEL
Butanone 78-93-3	**Loại giá trị**	Giới hạn Tiếp xúc Ngắn (STEL):
	ppm	300
	Ghi chú	ACGIH
Butanone 78-93-3	**Loại giá trị**	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn (STEL):
	mg/m^3	300
	Ghi chú	VN OEL
Acetone 67-64-1	**Loại giá trị**	Giới hạn tiếp xúc Ca làm việc (TWA):
	ppm	250
	Ghi chú	ACGIH
ACETON 67-64-1	**Loại giá trị**	Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc (TWA):
	mg/m^3	200
	Ghi chú	VN OEL
Acetone 67-64-1	**Loại giá trị**	Giới hạn Tiếp xúc Ngắn (STEL):
	ppm	500
	Ghi chú	ACGIH
ACETON 67-64-1	**Loại giá trị**	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn (STEL):
	mg/m^3	1,000
	Ghi chú	VN OEL
Ethyl acetate 141-78-6	**Loại giá trị**	Giới hạn tiếp xúc Ca làm việc (TWA):
	ppm	400
	Ghi chú	ACGIH

Bảo vệ hô hấp:

Trong trường hợp tạo thành dạng sương, nên đeo thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp có bộ lọc ABEK P2 (EN 14387). Đề nghị này có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện tại địa phương.

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ hóa học chống hóa chất (EN 374). Vật liệu thích hợp cho tiếp xúc trong thời gian ngắn hoặc nếu hóa chất có thể văng phải (khuyến nghị: Chỉ số bảo vệ ít nhất là 2, tương ứng với thời gian thấm theo EN 374> 30 phút): cao su isobutylen-isoprene (IIR;độ dày > = 0,7 mm) vật liệu thích hợp cho thời gian tiếp xúc lâu hơn, tiếp xúc trực tiếp (khuyến nghị: chỉ số bảo vệ 6, tương ứng với thời gian thẩm thấu theo EN 374 > 480 phút thờ): cao su isobutylen-isoprene (IIR; độ dày≥ 0,7 mm) thông tin này được dựa trên tài liệu tham khảo được cung cấp bởi các nhà sản xuất găng tay, hoặc từ các chất tương tự. Xin lưu ý rằng trong quá trình làm việc thực tế với găng tay bảo vệ hóa học chống hóa chất có thể ngắn hơn đáng kể so với thời gian thẩm thấu xác định theo EN 374 do ảnh hưởng của các yếu tố khác (ví dụ nhiệt độ). Nếu có dấu hiệu bị mòn, hoặc rách, bao tay cần được thay mới

Bảo vệ mắt:

Mang kính bảo hộ phù hợp.
Nên sử dụng dụng cụ bảo hộ mắt theo EN 166.

Bảo vệ cơ thể:

Mang đồ bảo hộ lao động phù hợp.
Mang quần áo bảo hộ lao động phù hợp phủ kín tay và chân.
Quần áo bảo hộ theo EN 14605 đối với nguy cơ văng chất lỏng hoặc EN 13982 đối với bụi.

Kiểm soát kỹ thuật:	Sử dụng hệ thống thông gió tại chỗ. Lắp đặt thiết bị thông gió loại có khả năng chống cháy nổ.
Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh:	Lắp đặt vòi rửa mắt, vòi tắm để sử dụng trong trường hợp khẩn cấp.
Các biện pháp vệ sinh:	Thực hành vệ sinh công nghiệp và luôn được giám sát. Rửa tay trước giờ nghỉ giữa ca và sau khi kết thúc công việc. Không ăn, uống, hoặc hút thuốc khi làm việc.

Phần 9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Ngoại quan:	trắng, đục lỏng
Mùi:	mùi bạc hà, mùi ngọt.
Ngưỡng mùi (CA):	Không có thông tin
pH:	Không có thông tin
Điểm nóng chảy / Điểm đông đặc:	Không có thông tin
Trọng lượng riêng:	Không có thông tin
Điểm sôi:	56 °C (132.8 °F) Khoảng
Điểm chớp cháy:	-20 °C (-4 °F)
Tốc độ bay hơi:	Không có thông tin
Chất dễ cháy (rắn, khí):	Không có thông tin
Giới hạn nổ dưới:	Không có thông tin
Giới hạn nổ trên:	Không có thông tin
Áp suất hóa hơi:	Không có thông tin
Tỷ trọng hơi:	Không có thông tin
Khối lượng riêng:	Không có thông tin
Độ hòa tan:	Ít tan (20 °C)
Hệ số phân ly: n-octanol/nước:	Không có thông tin
Nhiệt độ tự cháy:	Không có thông tin
Nhiệt độ phân huỷ:	Không có thông tin
Độ nhớt: (; Thiết bị: LVT; 30 °C (86 °F); tốc độ: 30 min-1; Kim đo Số: 3; Phương pháp: ;TM HDV AIS-03; Viscosity Test)	700 - 1,700 cp
Hàm lượng chất hữu cơ dễ bay hơi:	Không có thông tin

Phần 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Khả năng phản ứng/Vật liệu không tương thích:	Vật liệu dễ cháy. Phản ứng với kim loại. Các peroxide. Muối kim loại. Acids. Tác nhân oxy hóa. Các bazơ. Phản ứng với amin. Halogens. Hợp chất halogen. Phản ứng với chất khử
Các điều kiện cần tránh:	Ổn định khi sử dụng và lưu trữ trong điều kiện bình thường. Nhiệt, ngọn lửa, tia lửa và các nguồn phát lửa khác. Gia nhiệt có thể làm tăng áp suất và có nguy cơ dẫn đến nứt/vỡ thùng chứa.
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm:	Trong trường hợp cháy các loại khí độc hại có thể được sinh ra.

Phần 11. Thông tin về độc tính

Độc tính nếu nuốt phải: · Ước tính Độc tính cấp tính (ATE) : > 5,000 mg/kg
Phương pháp: Phương pháp tính toán

Ảnh hưởng đến sức khỏe:

Nuốt phải: Có thể gây rối loạn tiêu hóa.
Gây nôn.

Tiếp xúc da: Tiếp xúc thường xuyên hoặc kéo dài có thể dẫn đến khô da.
Tiếp xúc da thường xuyên hoặc kéo dài với sản phẩm có thể gây kích ứng.
Phát ban.

Tiếp xúc với mắt: Có thể gây kích ứng mắt.
Chảy nước mắt.
Tiếp xúc với sản phẩm có thể gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

Hít phải: Hơi từ sản phẩm có thể gây đau đầu, buồn nôn, chóng mặt và kích ứng đường hô hấp.

Các triệu chứng tiếp xúc quá mức: MẮT: kích ứng, viêm kết mạc.
Hơi có thể gây chóng mặt, buồn ngủ.
Tiếp xúc lặp lại có thể gây khô, nứt da.

Độc tính cấp tính qua miệng:

Butanone 78-93-3	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	2,737 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Acetone 67-64-1	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	5,800 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	6,100 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định

Độc tính cấp tính qua đường hô hấp:

Butanone 78-93-3	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	> 20 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	4 h
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Acetone 67-64-1	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	76 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	4 h
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	LC0
	Giá trị	> 22.5 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	6 h
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	hướng dẫn khác:
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	> 22.5 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	6 h
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	hướng dẫn khác:

Độc tính cấp tính trên da:

Butanone 78-93-3	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 6,400 mg/kg
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	không quy định
Acetone 67-64-1	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 15,688 mg/kg
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	Thử nghiệm Draize
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 20,000 mg/kg
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	Thử nghiệm Draize

Gây kích ứng/ăn mòn da:

Butanone 78-93-3	Kết quả	không gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	4 h
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 404 (Gây kích ứng/ăn mòn da)
Acetone 67-64-1	Kết quả	không gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	không quy định
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	gây kích ứng nhẹ
	Thời gian phơi nhiễm	24 h
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 404 (Acute Dermal Irritation / Corrosion)

Gây kích ứng/ăn mòn mắt:

Butanone 78-93-3	Kết quả	gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 405 (Acute Eye Irritation / Corrosion)
Acetone 67-64-1	Kết quả	gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 405 (Kích ứng /ăn mòn cấp tính trên mắt)
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	gây kích ứng nhẹ
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 405 (Kích ứng /ăn mòn cấp tính trên mắt)

Mẫn cảm với da hoặc hệ hô hấp:

Butanone 78-93-3	Kết quả	không gây mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thử nghiệm Buehler
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 406 (Skin Sensitisation)
Acetone 67-64-1	Kết quả	không gây mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thử nghiệm tối đa trên chuột lang
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	không quy định
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	không gây mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thử nghiệm tối đa trên chuột lang
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 406 (Mẫn cảm trên da)

Đột biến tế bào mầm:

Butanone 78-93-3	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
Butanone 78-93-3	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến nhiễm sắc thể trên động vật có vú ở quy mô phòng thí nghiệm
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	Không áp dụng
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 473 (In vitro Mammalian Chromosome Aberration Test)
Butanone 78-93-3	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thí nghiệm đột biến gien trên tế bào ở động vật có vú
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 476 (In vitro Mammalian Cell Gene Mutation Test)
Butanone 78-93-3	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	tiêm phúc mạc
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 474 (Mammalian Erythrocyte Micronucleus Test)
Acetone 67-64-1	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
Acetone 67-64-1	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến nhiễm sắc thể trên động vật có vú ở quy mô phòng thí nghiệm
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 473 (In vitro Mammalian Chromosome Aberration Test)
Acetone 67-64-1	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thí nghiệm đột biến gien trên tế bào ở động vật có vú
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	without
	Phương pháp	OECD Guideline 476 (In vitro Mammalian Cell Gene Mutation Test)
Acetone 67-64-1	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	qua đường miệng: uống nước
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến nhiễm sắc thể trên động vật có vú ở quy mô phòng thí nghiệm
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 473 (In vitro Mammalian Chromosome Aberration Test)
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	qua đường miệng: vào dạ dày
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời	

	gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	chuột đồng, Trung Quốc
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 474 (Mammalian Erythrocyte Micronucleus Test)

Độc tính với liều lặp lại:

Butanone 78-93-3	Kết quả	NOAEL=2500 ppm
	Đường xâm nhập	Hít phải
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	90 days6 hours/day, 5 days/week
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Butanone 78-93-3	Kết quả	LOAEL=5000 ppm
	Đường xâm nhập	Hít phải
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	90 days6 hours/day, 5 days/week
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Acetone 67-64-1	Kết quả	NOAEL=900 mg/kg
	Đường xâm nhập	qua đường miệng: uống nước
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	13 wdaily
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 408 (Repeated Dose 90-Day Oral Toxicity in Rodents)
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	NOAEL=900 mg/kg
	Đường xâm nhập	qua đường miệng: vào dạ dày
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	90 ddaily
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	EPA OTS 795.2600 (Thử nghiệm độc tính bán mãn tính qua miệng)

Phần 12. Thông tin về sinh thái

Thông tin sinh thái: Không được đổ vào cống rãnh / bề mặt sông ngòi / nước ngầm.

Độc tính:

Butanone 78-93-3	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	3,220 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Cá tuế đầu to (Pimephales promelas)
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 203 (Cá, Kiểm tra Độc tính Cấp tính)
Butanone 78-93-3	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	5,091 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Bọ nước
	Phương pháp	OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)
Butanone 78-93-3	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	2,029 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Tảo đơn bào Pseudokirchnerella subcapitata
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
	Loại giá trị	EC10
	Giá trị	1,289 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Tảo đơn bào Pseudokirchnerella subcapitata
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
Butanone 78-93-3	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	1,150 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Vi khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm	16 h
	Loài / mẫu	Pseudomonas putida

	Phương pháp	DIN 38412, part 8 (Pseudomonas Zellvermehrungshemm-Test)
Acetone 67-64-1	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	8,120 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Cá tuế đầu to (Pimephales promelas)
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 203 (Cá, Kiểm tra Độc tính Cấp tính)
Acetone 67-64-1	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	8,800 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Bọ nước Daphnia pulex
	Phương pháp	OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)
Acetone 67-64-1	Loại giá trị	NOEC
	Giá trị	530 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	8 d
	Loài / mẫu	Vi khuẩn lam Microcystis aeruginosa
	Phương pháp	DIN 38412-09
Acetone 67-64-1	Loại giá trị	EC10
	Giá trị	1,000 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Vi khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm	30 min
	Loài / mẫu	Pseudomonas putida
	Phương pháp	DIN 38412, part 27 (Bacterial oxygen consumption test)
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	220 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Cá tuế đầu to (Pimephales promelas)
	Phương pháp	hướng dẫn khác:
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	164 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Bọ nước (Daphnia cucullata)
	Phương pháp	OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	> 2,000 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Selenastrum capricornutum (new name: Pseudokirchneriella subcapitata)
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
	Loại giá trị	NOEC
	Giá trị	2,000 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Selenastrum capricornutum (new name: Pseudokirchneriella subcapitata)
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	EC10
	Giá trị	2,900 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Vi khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm	18 h
	Loài / mẫu	Pseudomonas putida
	Phương pháp	DIN 38412, part 8 (Pseudomonas Zellvermehrungshemm-Test)

Độ bền và khả năng phân hủy

Butanone 78-93-3	Kết quả	dễ phân hủy sinh học
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	98 %
	Phương pháp	OECD Guideline 301 D (Ready Biodegradability: Closed Bottle Test)
Acetone 67-64-1	Kết quả	dễ phân hủy sinh học
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	81 - 92 %
	Phương pháp	Phương pháp EU C.4-C (Đánh giá "khả năng" phân hủy sinh học thử nghiệm trong bình kín)
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	dễ phân hủy sinh học
	Đường xâm nhập	hiếu khí

	Khả năng phân hủy	100 %
	Phương pháp	OECD Guideline 301 D (Ready Biodegradability: Closed Bottle Test)

Tích lũy sinh học và sự biến đổi trong đất

Butanone 78-93-3	LogPow	0.3
	Nhiệt độ	40 °C
	Phương pháp	OECD Guideline 117 (Partition Coefficient (n-octanol / water), HPLC Method)
Acetone 67-64-1	LogPow	-0.24
	Nhiệt độ	
	Phương pháp	OECD Guideline 107 (Partition Coefficient (n-octanol / water), Shake Flask Method)
Ethyl acetate 141-78-6	Chỉ số nồng độ sinh học (BCF)	30
	Thời gian phơi nhiễm	3 d
	Loài / mẫu	Cá trăm cỏ (Leuciscus idus melanotus)
	Nhiệt độ	22.5 °C
	Phương pháp	hướng dẫn khác:
Ethyl acetate 141-78-6	LogPow	0.68
	Nhiệt độ	25 °C
	Phương pháp	EPA OPPTS 830.7560 (Partition Coefficient, n-octanol / H2O, Generator Column Method)

Phần 13. Thông tin về thải bỏ

Sản phẩm

Phương pháp thải bỏ: Thải bỏ theo qui định của địa phương và nước sở tại.

Bao bì

Xử lý bao bì nhiễm hóa chất Bao bì mà không thể được làm sạch sẽ được thải bỏ theo cách tương tự như sản phẩm.

Phần 14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển đường bộ ADR:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Mã phân loại:	F1
Số nhận dạng nguy hại:	33
Số UN.:	1133
Nhãn nguy hại:	3
Tên kỹ thuật:	Các chất dính chứa dung môi dễ cháy
Thông tin thêm:	Điều khoản đặc biệt 640D

Vận chuyển hàng nguy hại đường sắt RID:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Mã phân loại:	F1
Số nhận dạng nguy hại:	33
Số UN.:	1133
Nhãn nguy hại:	3
Tên kỹ thuật:	ADHESIVES
Thông tin thêm:	Điều khoản đặc biệt 640D

Vận chuyển hàng nguy hại đường thủy nội địa ADN:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Mã phân loại:	F1
Số nhận dạng nguy hại:	
Số UN.:	1133
Nhãn nguy hại:	3
Tên kỹ thuật:	ADHESIVES
Thông tin thêm:	Điều khoản đặc biệt 640D

Vận chuyển hàng nguy hại đường biển IMDG:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Số UN.:	1133
Nhãn nguy hại:	3
EmS:	F-E ,S-D
Ô nhiễm nước biển:	-
Tên vận chuyển hàng hóa:	ADHESIVES

Vận chuyển hàng nguy hại đường hàng không IATA:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Hướng dẫn đóng gói (hành khách):	353
Hướng dẫn đóng gói (hàng hoá):	364
Số UN.:	1133
Nhãn nguy hại:	3
Tên vận chuyển hàng hóa:	Adhesives

`Phần 15. Thông tin về pháp luật

Thông tin chung: Bảng dữ liệu an toàn này được tạo ra dựa trên Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 (Quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất)

Global inventory status:

Regulatory list	Notification
CH INV	có
EINECS	có

Phần 16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Từ chối trách nhiệm:

Phiếu an toàn hóa chất được xây dựng dựa trên thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 (quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất).
Không áp dụng chế độ bảo hành hoặc bất kỳ hình thức tương đương nào khác đối với các quy định thực thi khác về xuất khẩu đang có hiệu lực thi hành hoặc các quy định của nước sở tại. Vui lòng xác nhận rằng các thông tin được cung cấp kèm theo đây tuân thủ các quy định về xuất khẩu hoặc bất kỳ quy định thực thi nào khác trước khi tiến hành xuất khẩu. Vui lòng liên hệ với bộ phận chịu trách nhiệm về an toàn sản phẩm và các quy định liên quan của Henkel để được hỗ trợ thêm. Thông tin này được dựa trên mức độ hiểu biết hiện tại của và liên quan đến sản phẩm tại địa phương được chuyển giao. Sản phẩm của chúng tôi được mô tả từ quan điểm về yêu cầu an toàn và nó không có ý định để đảm bảo bất kỳ đặc tính cụ thể nào.Thông tin này được dựa trên mức độ hiểu biết hiện tại của chúng tôi và liên quan đến sản phẩm tại địa phương trong đó nó được chuyển giao. Thông tin được mô tả cho sản phẩm của chúng tôi xuất phát từ quan điểm của các yêu cầu an toàn và không có ý định để đảm bảo bất kỳ những đặc tính liên quan.

Dear Customer,
Henkel is committed to creating a sustainable future by promoting opportunities along the entire value chain. If you would like to contribute by switching from a paper to the electronic version of SDS, please contact the local Customer Service representative. We recommend to use a non-personal email address (e.g. SDS@your_company.com).

Phần 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm: LOCTITE AQUACE ARF-40 20KG

Các cách nhận biết khác: LOCTITE AQUACE ARF-40 20KG
Mã sản phẩm: IDH1342335
Khuyến cáo về sử dụng và hạn chế sử dụng sản phẩm

Mục đích sử dụng Chất đóng rắn

Thông tin về sản phẩm / nhà sản xuất/ nhà phân phối
Nhà sản xuất: Henkel Adhesive Technologies Vietnam Co., Ltd, No. 7, Road 9A Bien Hoa II Industrial Zone, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam Phone: +84 28 7100 6301 Fax: +84 28 7100 6300

Người chịu trách nhiệm về bảng thông tin an toàn: ap-ua-psra.sea@henkel.com

Thông tin khẩn cấp CHỈ TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP (Tràn chảy, Rò rỉ nghiêm trọng, Cháy, Phơi nhiễm, hoặc Tai nạn). Liên hệ CHEMTREC: +1 703-741-5970

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại theo GHS:

Loại nguy hại	Phân loại nguy hại	Tình huống phơi nhiễm	Cơ quan mục tiêu
Chất lỏng dễ cháy	Loại 2		
Độc tính cấp tính	Loại 4	Hít	
Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Loại 2		
Chất gây mẫn cảm cho da	Loại 1		
Độc tính với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến - tiếp xúc một lần	Loại 3		kích thích đường hô hấp
Hiểm họa lâu dài cho môi trường nước	Loại 3		

Nhãn theo GHS:

Hình đồ cảnh báo:



Từ cảnh báo: Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ:

H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.
H317 Có thể gây dị ứng da.
H319 Gây kích ứng mạnh cho mắt.
H332 Có hại nếu hít phải.
H335 Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
H412 Có hại cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài.

Biện pháp phòng ngừa:

Biện pháp phòng ngừa:

P210 Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/các bề mặt nóng. Không hút thuốc.
P233 Giữ dụng cụ đựng thật kín.
P240 Tiếp đất/liên kết dụng cụ đựng và thiết bị tiếp nhận.
P241 Sử dụng thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng chống nổ.
P242 Chỉ sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa.
P243 Sử dụng các biện pháp phòngngừa phóng tĩnh điện.
P261 Tránh hít bụi/khói/khí/sương/các hơi/bụi xịt.
P264 Rửa tay cẩn thận sau khi thao tác.
P272 Quần áo làm việc bị ô nhiễm không nên mang khỏi nơi làm việc.
P273 Tránh phát tán ra môi trường.
P280 Sử dụng găng tay bảo hộ/trang phục bảo hộ và kính mắt/kính che mặt bảo hộ.

Xử lý khi có sự cố phơi nhiễm:

P303+P361+P353 NẾU BỊ DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Loại bỏ/cởi ra ngay lập tức tất cả quần áo đã bị nhiễm. Rửa da bằng nước/tắm.
P304+P340+P312 NẾU HÍT PHẢI: di chuyển nạn nhân đến nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái dễ thở. Liên hệ với TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT hoặc nhân viên y tế nếu bạn cảm thấy không ổn.
P305+P351+P338 NẾU BỊ VĂNG VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong nhiều phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.
P333+P313 Nếu bị kích ứng da hoặc nổi mụn: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc.
P337+P313 Nếu vẫn không hết bị kích ứng mắt: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc.
P363 Giặt sạch quần áo ô nhiễm rồi mới được dùng lại.
P370+P378 Trường hợp cháy: sử dụng cát khô, bột hóa chất hoặc bọt chống cháy để dập lửa.

Lưu trữ:

P403+P233 Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ dụng cụ đựng thật kín.
P403+P235 Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ mát.

Thải bỏ:

P501 Thải bỏ vật liệu bên trong/dụng cụ đựng tại một cơ sở xử lý và thải bỏ phù hợp theo luật lệ và quy định hiện hành, và đặc tính của sản phẩm vào thời điểm thải bỏ.

Phần 3. Thông tin về thành phần các chất

Chất hoặc hỗn hợp:
Hỗn hợp

Thành phần khai báo:

Thành phần nguy hại, Số CAS.	Định lượng	Phân loại theo GHS
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, methoxypoly(ethylene glycol)-blocked 160994-68-3	60- 100 %	Độc tính cấp tính 4; Hít H332 Mẫn cảm với da 1B H317 Độc tính hệ thống cơ quan mục tiêu - tiếp xúc một lần 3 H335 Hiểm họa cấp cho môi trường nước 3 H402 Hiểm họa lâu dài cho môi trường nước 3 H412
Ethyl acetate 141-78-6	10- 30 %	Chất lỏng dễ cháy 2 H225 Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng 2B H320 Độc tính hệ thống cơ quan mục tiêu - tiếp xúc một lần 3 H336
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer 28182-81-2	10- 30 %	Độc tính cấp tính 4; Hít H332 Mẫn cảm với da 1 H317 Độc tính hệ thống cơ quan mục tiêu - tiếp xúc một lần 3 H335
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, polyethylene-polypropylene glycol mono-Bu ether-blocked 125252-47-3	1- 10 %	Độc tính cấp tính 4; Hít H332 Mẫn cảm với da 1B H317 Độc tính hệ thống cơ quan mục tiêu - tiếp xúc một lần 3 H335 Hiểm họa cấp cho môi trường nước 3 H402 Hiểm họa lâu dài cho môi trường nước 3 H412
Hexamethylene diisocyanate 822-06-0	0.1- 1 %	Độc tính cấp tính 4; Qua miệng H302 Độc tính cấp tính 1; Hít H330 Ăn mòn/kích ứng da 2 H315 Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng 2A H319 Mẫn cảm hệ hô hấp 1 H334 Mẫn cảm với da 1 H317 Độc tính hệ thống cơ quan mục tiêu - tiếp xúc một lần 3 H335 Hiểm họa cấp cho môi trường nước 3 H402

Phần 4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Hít phải: Di chuyển nạn nhân đến nơi có không khí trong lành, cung cấp oxi, giữ ấm; tham khảo ý kiến của nhân viên y tế.

Tiếp xúc với da:	NẾU DÍNH TRÊN DA: rửa sạch bằng nhiều nước và xà phòng. Trong trường hợp có tác dụng phụ, tìm đến tư vấn y tế.
Tiếp xúc mắt:	NẾU VĂNG VÀO MẮT: dùng nước để rửa cẩn thận trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.
Nuốt phải:	Súc miệng sạch, uống 1-2 ly nước, không cố ý gây nôn, tham khảo ý kiến bác sĩ.
Chỉ dẫn chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt nếu cần:	Xem phần: thông tin sơ cứu

Phần 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:	Carbon dioxide. nước bọt Hóa chất khô.
Phương tiện chữa cháy không phù hợp:	Vòi nước cao áp (sản phẩm có chứa dung môi).
Các mối nguy từ hóa chất:	Trong trường hợp cháy, làm mát thùng chứa bằng cách phun nước. Hơi có thể tích tụ ở khu vực thấp trũng hoặc khu vực giới hạn, chuyển động qua lại tới khu vực có nguồn phát lửa hoặc tia lửa điện và gây cháy.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt và biện pháp phòng ngừa hỏa hoạn:	Trang bị bình dưỡng khí. Mang quần áo bảo hộ lao động toàn thân.
Sản phẩm cháy nguy hại:	Trong trường hợp cháy các loại khí độc hại có thể được sinh ra.

Phần 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Biện pháp bảo vệ cá nhân:	Mang thiết bị bảo hộ. Cô lập khu vực nhiễm hóa chất nguy hại và hạn chế người ra vào khu vực này. Đứng thuận chiều gió; tránh khu vực thấp trũng.
Biện pháp bảo vệ môi trường:	Không được đổ vào cống rãnh / bề mặt sông ngòi / nước ngầm.
Các phương pháp làm sạch:	Loại bỏ tất cả các nguồn gây lửa. Ngăn chặn rò rỉ hoặc tràn chảy nếu điều kiện an toàn cho phép. Phun sương để giảm hơi hóa chất. TRÀN CHẢY NHỎ: Sử dụng vật liệu thấm không cháy như cát. Quét và thu gom nguyên liệu và để vào thùng chứa thích hợp cho việc xử lý. TRÀN CHẢY LỚN: Làm đê chắn vật liệu chảy tràn, nếu ở vị trí có thể.

Phần 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Sử dụng:

Mặc quần áo bảo hộ, đeo găng tay, bảo hộ mắt/mặt phù hợp.
Chỉ sử dụng trong khu vực thông thoáng.
Tránh tiếp xúc với da và mắt.
Tránh ngọn lửa trần, tia lửa và các nguồn gây cháy nổ.
Những vật liệu có thể tích điện có nguy cơ tạo ra tia lửa điện.
Đảm bảo các thiết bị được tiếp đất theo yêu cầu (khi trộn, bơm hoặc sang chiết sản phẩm).

Lưu trữ:

Thùng chứa luôn được đóng kín, lưu trữ và bảo quản ở nơi khô ráo và thoáng mát.
Tránh xa nguồn lửa.
Nhiệt độ khoảng 5°C đến 40 °C.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần nguy hại và các thông số cần kiểm soát nơi làm việc:

Ethyl acetate 141-78-6	**Loại giá trị**	Giới hạn tiếp xúc Ca làm việc (TWA):
	ppm	400
	Ghi chú	ACGIH
Hexamethylene diisocyanate 822-06-0	**Loại giá trị**	Giới hạn tiếp xúc Ca làm việc (TWA):
	ppm	0.005
	Ghi chú	ACGIH

Bảo vệ hô hấp:

Trong trường hợp tạo thành dạng sương, nên đeo thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp có bộ lọc ABEK P2 (EN 14387). Đề nghị này có thể điều chỉnh phù hợp với điều kiện tại địa phương.

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ hóa học chống hóa chất (EN 374). Vật liệu thích hợp cho tiếp xúc trong thời gian ngắn hoặc nếu hóa chất có thể văng phải (khuyến nghị: Chỉ số bảo vệ ít nhất là 2, tương ứng với thời gian thấm theo EN 374> 30 phút): cao su isobutylen-isoprene (IIR;độ dày > = 0,7 mm) vật liệu thích hợp cho thời gian tiếp xúc lâu hơn, tiếp xúc trực tiếp (khuyến nghị: chỉ số bảo vệ 6, tương ứng với thời gian thẩm thấu theo EN 374 > 480 phút thờ): cao su isobutylen-isoprene (IIR; độ dày≥ 0,7 mm) thông tin này được dựa trên tài liệu tham khảo được cung cấp bởi các nhà sản xuất găng tay, hoặc từ các chất tương tự. Xin lưu ý rằng trong quá trình làm việc thực tế với găng tay bảo vệ hóa học chống hóa chất có thể ngắn hơn đáng kể so với thời gian thẩm thấu xác định theo EN 374 do ảnh hưởng của các yếu tố khác (ví dụ nhiệt độ). Nếu có dấu hiệu bị mòn, hoặc rách, bao tay cần được thay mới

Bảo vệ mắt:

Mang kính bảo hộ phù hợp.
Nên sử dụng dụng cụ bảo hộ mắt theo EN 166.

Bảo vệ cơ thể:

Mang đồ bảo hộ lao động phù hợp.
Mang quần áo bảo hộ lao động phù hợp phủ kín tay và chân.
Quần áo bảo hộ theo EN 14605 đối với nguy cơ văng chất lỏng hoặc EN 13982 đối với bụi.

Kiểm soát kỹ thuật:

Sử dụng hệ thống thông gió tại chỗ.
Lắp đặt thiết bị thông gió loại có khả năng chống cháy nổ.

Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh:

Lắp đặt vòi rửa mắt, vòi tắm để sử dụng trong trường hợp khẩn cấp.

Các biện pháp vệ sinh:

Thực hành vệ sinh công nghiệp và luôn được giám sát. Rửa tay trước giờ nghỉ giữa ca và sau khi kết thúc công việc. Không ăn, uống, hoặc hút thuốc khi làm việc.

Phần 9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Ngoại quan:	không màu lỏng
Mùi:	đặc trưng
Ngưỡng mùi (CA):	Không có thông tin
pH:	Không áp dụng.
Điểm nóng chảy / Điểm đông đặc:	Không có thông tin
Trọng lượng riêng:	1.14
Điểm sôi:	77 °C (170.6 °F)
Điểm chớp cháy: (không có phương pháp)	-4 °C (24.8 °F)
Tốc độ bay hơi:	Không có thông tin
Chất dễ cháy (rắn, khí):	Không có thông tin
Giới hạn nổ dưới:	Không có thông tin
Giới hạn nổ trên:	Không có thông tin
Áp suất hóa hơi:	Không có thông tin
Tỷ trọng hơi:	Không có thông tin
Khối lượng riêng:	Không có thông tin
Độ hòa tan:	Không tan.
Hệ số phân ly: n-octanol/ nước:	Không có thông tin
Nhiệt độ tự cháy:	Không có thông tin
Nhiệt độ phân huỷ:	Không có thông tin
Độ nhớt:	Không có thông tin
Hàm lượng chất hữu cơ dễ bay hơi:	Không có thông tin

Phần 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Khả năng phản ứng/Vật liệu không tương thích:	Phản ứng với nước, alcohol, amine. Phản ứng với nước. Áp suất có thể tăng dần trong thùng chứa kín (CO2). Các chất oxi hóa.
Độ ổn định hoá học:	Ổn định dưới điều kiện bảo quản như được khuyến nghị.
Các điều kiện cần tránh:	Nhiệt, ngọn lửa, tia lửa và các nguồn phát lửa khác. Độ ẩm
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm:	Ở nhiệt độ cao isocyanate có thể được giải phóng. Carbon dioxide được sinh ra khi sản phẩm bị nhiễm ẩm, dẫn đến tăng áp suất trong thùng chứa. Nguy cơ nổ thùng!

Phần 11. Thông tin về độc tính

Thông tin về độc hại chung:	Những người dị ứng với isocyanate tránh tiếp xúc với sản phẩm.
Độc tính nếu hít phải:	Ước tính Độc tính cấp tính (ATE) : 1.33 mg/l Thời gian phơi nhiễm: 4 h Môi trường thử nghiệm: bụi/sương Phương pháp : Phương pháp tính toán

Ảnh hưởng đến sức khỏe:

Nuốt phải:	Có thể gây rối loạn tiêu hóa. Gây nôn.
Tiếp xúc da:	Tiếp xúc thường xuyên hoặc kéo dài có thể dẫn đến khô da. Tiếp xúc da thường xuyên hoặc kéo dài với sản phẩm có thể gây kích ứng. Phát ban.
Tiếp xúc với mắt:	Có thể gây kích ứng mắt. Chảy nước mắt. Tiếp xúc với sản phẩm có thể gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Hít phải:	Hơi từ sản phẩm có thể gây đau đầu, buồn nôn, chóng mặt và kích ứng đường hô hấp.
Các triệu chứng tiếp xúc quá mức:	DA: phát ban, mày đay. MẮT: kích ứng, viêm kết mạc. HỆ HÔ HẤP: kích ứng, ho, khó thở, tức ngực.

Độc tính cấp tính qua miệng:

Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, methoxypoly(ethylene glycol)-blocked 160994-68-3	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 2,000 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	6,100 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer 28182-81-2	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 2,000 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 423 (Acute Oral toxicity)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, polyethylene-polypropylene glycol mono-Bu ether-blocked 125252-47-3	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 2,000 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Hexamethylene diisocyanate 822-06-0	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	746 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 401 (Acute Oral Toxicity)

Độc tính cấp tính qua đường hô hấp:

Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, methoxypoly(ethylene glycol)-blocked 160994-68-3	Loại giá trị	Ước tính Độc tính cấp tính (ATE)
	Giá trị	1.5 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	
	Phương pháp	Theo đánh giá của chuyên gia
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	LC0
	Giá trị	> 22.5 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	6 h
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	hướng dẫn khác:
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	> 22.5 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	6 h
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	hướng dẫn khác:
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer 28182-81-2	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	1.5 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	không quy định
	Phương pháp	không quy định
Hexamethylene diisocyanate 822-06-0	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	0.124 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	4 h
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 403 (Độc tính cấp tính đường hô hấp)

Độc tính cấp tính trên da:

Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, methoxypoly(ethylene glycol)-blocked 160994-68-3	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 2,000 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 402 (Độc tính cấp tính trên da)
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 20,000 mg/kg
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	Thử nghiệm Draize
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer 28182-81-2	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 2,000 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 402 (Độc tính cấp tính trên da)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, polyethylene-polypropylene glycol mono-Bu ether-blocked 125252-47-3	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 2,000 mg/kg
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	không quy định
Hexamethylene diisocyanate 822-06-0	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 7,000 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 402 (Độc tính cấp tính trên da)

Gây kích ứng/ăn mòn da:

Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, methoxypoly(ethylene glycol)-blocked 160994-68-3	Kết quả	gây kích ứng nhẹ
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 404 (Gây kích ứng/ăn mòn da)
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	gây kích ứng nhẹ
	Thời gian phơi nhiễm	24 h
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 404 (Acute Dermal Irritation / Corrosion)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer 28182-81-2	Kết quả	gây kích ứng nhẹ
	Thời gian phơi nhiễm	4 h
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 404 (Gây kích ứng/ăn mòn da)

Gây kích ứng/ăn mòn mắt:

Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, methoxypoly(ethylene glycol)-blocked 160994-68-3	Kết quả	gây kích ứng nhẹ
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 405 (Kích ứng /ăn mòn cấp tính trên mắt)
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	gây kích ứng nhẹ
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 405 (Kích ứng /ăn mòn cấp tính trên mắt)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer 28182-81-2	Kết quả	gây kích ứng nhẹ
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 405 (Kích ứng /ăn mòn cấp tính trên mắt)

Mẫn cảm với da hoặc hệ hô hấp:

Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, methoxypoly(ethylene glycol)-blocked 160994-68-3	Kết quả	mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thử nghiệm tối đa trên chuột lang
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 406 (Mẫn cảm trên da)
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	không gây mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thử nghiệm tối đa trên chuột lang
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 406 (Mẫn cảm trên da)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer 28182-81-2	Kết quả	mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thí nghiệm hạch bạch huyết trên chuột (LLNA)
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 429 (Skin Sensitisation: Local Lymph Node Assay)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, polyethylene-polypropylene glycol mono-Bu ether-blocked 125252-47-3	Kết quả	Sub-Category 1B (sensitising)
	Cách kiểm tra	Thử nghiệm tối đa trên chuột lang
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 406 (Mẫn cảm trên da)
Hexamethylene diisocyanate 822-06-0	Kết quả	mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Mẫn cảm hệ hô hấp
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	không quy định
Hexamethylene diisocyanate 822-06-0	Kết quả	mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thử nghiệm tối đa trên chuột lang
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 406 (Mẫn cảm trên da)

Đột biến tế bào mầm:

Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, methoxypoly(ethylene glycol)-blocked 160994-68-3	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	không có dữ liệu
	Phương pháp	OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến nhiễm sắc thể trên động vật có vú ở quy mô phòng thí nghiệm
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 473 (In vitro Mammalian Chromosome Aberration Test)
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	qua đường miệng: vào dạ dày
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	chuột đồng, Trung Quốc
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 474 (Mammalian Erythrocyte Micronucleus Test)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer 28182-81-2	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer 28182-81-2	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thí nghiệm đột biến gien trên tế bào ở động vật có vú
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 476 (In vitro Mammalian Cell Gene Mutation Test)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer 28182-81-2	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến nhiễm sắc thể trên động vật có vú ở quy mô phòng thí nghiệm
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 473 (In vitro Mammalian Chromosome Aberration Test)
Hexamethylene diisocyanate 822-06-0	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
Hexamethylene diisocyanate 822-06-0	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thí nghiệm đột biến gien trên tế bào ở động vật có vú
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	không quy định
Hexamethylene diisocyanate 822-06-0	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	hít phải: hơi
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 474 (Mammalian Erythrocyte Micronucleus Test)

Độc tính với liều lặp lại:

Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	NOAEL=900 mg/kg
	Đường xâm nhập	qua đường miệng: vào dạ dày
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	90 ddaily
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	EPA OTS 795.2600 (Thử nghiệm độc tính bán mãn tính qua miệng)
Hexamethylene diisocyanate 822-06-0	Kết quả	NOAEL=0.005 ppm
	Đường xâm nhập	hít phải: hơi
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	2 y6 h/d, 5 d/w
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 453 (Combined Chronic Toxicity / Carcinogenicity Studies)

Phần 12. Thông tin về sinh thái

Thông tin sinh thái: Không được đổ vào cống rãnh / bề mặt sông ngòi / nước ngầm.

Chất độc môi sinh: Nguy hại và ảnh hưởng lâu dài cho môi trường nước.

Độc tính:

Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, methoxypoly(ethylene glycol)-blocked 160994-68-3	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	28.3 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Cá ngựa vằn (Danio rerio)
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 203 (Cá, Kiểm tra Độc tính Cấp tính)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, methoxypoly(ethylene glycol)-blocked 160994-68-3	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	> 100 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Bọ nước
	Phương pháp	OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, methoxypoly(ethylene glycol)-blocked 160994-68-3	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	> 100 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	72 h
	Loài / mẫu	Tảo lục Scenedesmus subspicatus (tên mới: Desmodesmus subspicatus)
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, methoxypoly(ethylene glycol)-blocked 160994-68-3	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	> 10,000 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Vi khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm	3 h
	Loài / mẫu	activated sludge
	Phương pháp	OECD Guideline 209 (Activated Sludge, Respiration Inhibition Test)
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	220 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Cá tuê đầu to (Pimephales promelas)
	Phương pháp	hướng dẫn khác:
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	164 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Bọ nước (Daphnia cucullata)
	Phương pháp	OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	> 2,000 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Selenastrum capricomutum (newname: Pseudokirchneriella subcapitata)
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
	Loại giá trị	NOEC
	Giá trị	2,000 mg/l

	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Selenastrum capricornutum (new name: Pseudokirchneriella subcapitata)
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	EC10
	Giá trị	2,900 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Vi khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm	18 h
	Loài / mẫu	Pseudomonas putida
	Phương pháp	DIN 38412, part 8 (Pseudomonas Zellvermehrungshemm-Test)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer 28182-81-2	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	> 100 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Cá ngựa vằn (Danio rerio)
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 203 (Cá, Kiểm tra Độc tính Cấp tính)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer 28182-81-2	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	> 100 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Bọ nước
	Phương pháp	OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer 28182-81-2	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	> 1,000 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	72 h
	Loài / mẫu	Tảo lục Scenedesmus subspicatus (tên mới: Desmodesmus subspicatus)
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, polyethylene-polypropylene glycol mono-Bu ether-blocked 125252-47-3	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	17.8 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Cá ngựa vằn (Danio rerio)
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 203 (Cá, Kiểm tra Độc tính Cấp tính)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, polyethylene-polypropylene glycol mono-Bu ether-blocked 125252-47-3	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	58 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Bọ nước
	Phương pháp	OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, polyethylene-polypropylene glycol mono-Bu ether-blocked 125252-47-3	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	> 100 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	72 h
	Loài / mẫu	Tảo lục Scenedesmus subspicatus (tên mới: Desmodesmus subspicatus)
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, polyethylene-polypropylene glycol mono-Bu ether-blocked 125252-47-3	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	> 10,000 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Vi khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm	3 h
	Loài / mẫu	activated sludge
	Phương pháp	OECD Guideline 209 (Activated Sludge, Respiration Inhibition Test)
Hexamethylene diisocyanate 822-06-0	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	82.8 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Cá ngựa vằn Brachydanio rerio (tên mới: Danio rerio)
	Phương pháp	Phương pháp EU C.1 (Độc tính cấp tính trên cá)
Hexamethylene diisocyanate 822-06-0	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	89.1 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Bọ nước
	Phương pháp	Phương pháp EU C.2 (độ độc cấp tính trên bọ nước)
Hexamethylene diisocyanate 822-06-0	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	> 77.4 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	72 h
	Loài / mẫu	Tảo lục Scenedesmus subspicatus (tên mới: Desmodesmus subspicatus)
	Phương pháp	Phương pháp EU C.3 (Thử nghiệm sự ức chế trên tảo)

	Loại giá trị	NOEC
	Giá trị	11.7 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	72 h
	Loài / mẫu	Tảo lục Scenedesmus subspicatus (tên mới: Desmodesmus subspicatus)
	Phương pháp	Phương pháp EU C.3 (Thửnghiệm sự ức chế trên tảo)
Hexamethylene diisocyanate 822-06-0	Loại giá trị	EC 50
	Giá trị	842 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Vi khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm	3 h
	Loài / mẫu	activated sludge
	Phương pháp	OECD Guideline 209 (Activated Sludge, Respiration Inhibition Test)

Độ bền và khả năng phân hủy

Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, methoxypoly(ethylene glycol)-blocked 160994-68-3	Kết quả	Không dễ phân hủy sinh học.
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	2 %
	Phương pháp	OECD Guideline 301 F (Ready Biodegradability: Manometric Respirometry Test)
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	dễ phân hủy sinh học
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	100 %
	Phương pháp	OECD Guideline 301 D (Ready Biodegradability: Closed Bottle Test)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer 28182-81-2	Kết quả	Không dễ phân hủy sinh học.
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	1 %
	Phương pháp	OECD Guideline 301 D (Ready Biodegradability: Closed Bottle Test)
Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer, polyethylene-polypropylene glycol mono-Bu ether-blocked 125252-47-3	Kết quả	Không dễ phân hủy sinh học.
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	2 %
	Phương pháp	OECD 301 A - F
Hexamethylene diisocyanate 822-06-0	Kết quả	Không dễ phân hủy sinh học.
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	42 %
	Phương pháp	OECD Guideline 301 F (Ready Biodegradability: Manometric Respirometry Test)

Tích lũy sinh học và sự biến đổi trong đất

Ethyl acetate 141-78-6	Chỉ số nồng độ sinh học (BCF)	30
	Thời gian phơi nhiễm	3 d
	Loài / mẫu	Cá trắm cỏ (Leuciscus idus melanotus)
	Nhiệt độ	22.5 °C
	Phương pháp	hướng dẫn khác:
Ethyl acetate 141-78-6	LogPow	0.68
	Nhiệt độ	25 °C
	Phương pháp	EPA OPPTS 830.7560 (Partition Coefficient, n-octanol / H2O, Generator Column Method)
Hexamethylene diisocyanate 822-06-0	Chỉ số nồng độ sinh học (BCF)	57.6
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	Tính được
	Nhiệt độ	
	Phương pháp	QSAR (Quantitative Structure Activity Relationship)
Hexamethylene diisocyanate 822-06-0	LogPow	3.20
	Nhiệt độ	25 °C
	Phương pháp	QSAR (Quantitative Structure Activity Relationship)

Phần 13. Thông tin về thải bỏ

Sản phẩm

Phương pháp thải bỏ: Theo hướng dẫn của cơ quan chịu trách nhiệm có thẩm quyền tại địa phương, cần được xử lý theo cách riêng biệt.

Bao bì

Xử lý bao bì nhiễm hóa chất Bao bì mà không thể được làm sạch sẽ được thải bỏ theo cách tương tự như sản phẩm.

Phần 14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển đường bộ ADR:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Mã phân loại:	F1
Số nhận dạng nguy hại:	33
Số UN.:	1133
Nhãn nguy hại:	3
Tên kỹ thuật:	Các chất dính chứa dung môi dễ cháy
Thông tin thêm:	Điều khoản đặc biệt 640D

Vận chuyển hàng nguy hại đường sắt RID:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Mã phân loại:	F1
Số nhận dạng nguy hại:	33
Số UN.:	1133
Nhãn nguy hại:	3
Tên kỹ thuật:	ADHESIVES
Thông tin thêm:	Điều khoản đặc biệt 640D

Vận chuyển hàng nguy hại đường thủy nội địa ADN:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Mã phân loại:	F1
Số nhận dạng nguy hại:	
Số UN.:	1133
Nhãn nguy hại:	3
Tên kỹ thuật:	ADHESIVES
Thông tin thêm:	Điều khoản đặc biệt 640D

Vận chuyển hàng nguy hại đường biển IMDG:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Số UN.:	1133
Nhãn nguy hại:	3
EmS:	F-E ,S-D
Ô nhiễm nước biển:	-
Tên vận chuyển hàng hóa:	ADHESIVES

Vận chuyển hàng nguy hại đường hàng không IATA:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Hướng dẫn đóng gói (hành khách):	353
Hướng dẫn đóng gói (hàng hoá):	364
Số UN.:	1133
Nhãn nguy hại:	3
Tên vận chuyển hàng hóa:	Adhesives

`Phần 15. Thông tin về pháp luật

Thông tin chung: Bảng dữ liệu an toàn này được tạo ra dựa trên Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 (Quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất)

Global inventory status:

Regulatory list	Notification
TSCA	có
DSL	có
KECI (KR)	có
IECSC	có
TCSI	có
CH INV	có

Phần 16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Từ chối trách nhiệm:

Phiếu an toàn hóa chất được xây dựng dựa trên thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 (quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất).
Không áp dụng chế độ bảo hành hoặc bất kỳ hình thức tương đương nào khác đối với các quy định thực thi khác về xuất khẩu đang có hiệu lực thi hành hoặc các quy định của nước sở tại. Vui lòng xác nhận rằng các thông tin được cung cấp kèm theo đây tuân thủ các quy định về xuất khẩu hoặc bất kỳ quy định thực thi nào khác trước khi tiến hành xuất khẩu.
Vui lòng liên hệ với bộ phận chịu trách nhiệm về an toàn sản phẩm và các quy định liên quan của Henkel để được hỗ trợ thêm. Thông tin này được dựa trên mức độ hiểu biết hiện tại của và liên quan đến sản phẩm tại địa phương được chuyển giao. Sản phẩm của chúng tôi được mô tả từ quan điểm về yêu cầu an toàn và nó không có ý định để đảm bảo bất kỳ đặc tính cụ thể nào.Thông tin này được dựa trên mức độ hiểu biết hiện tại của chúng tôi và liên quan đến sản phẩm tại địa phương trong đó nó được chuyển giao. Thông tin được mô tả cho sản phẩm của chúng tôi xuất phát từ quan điểm của các yêu cầu an toàn và không có ý định để đảm bảo bất kỳ những đặc tính liên quan.
Dear Customer,
Henkel is committed to creating a sustainable future by promoting opportunities along the entire value chain. If you would like to contribute by switching from a paper to the electronic version of SDS, please contact the local Customer Service representative. We recommend to use a non-personal email address (e.g. SDS@your_company.com).

HSCV HWASEUNG

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN

HRF-2000

Ngày phát hành: 2017-05-11 **Ngày sửa đổi: 2021-06-15** **Bản: R0002.0002**

1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ NHÀ SẢN XUẤT/ NHÀ PHÂN PHỐI

A. Tên sản phẩm

- HRF-2000

B. Khuyến cáo sử dụng và nghiêm cấm

- Mục đích sử dụng : Chất đông cứng
- Nghiêm cấm : Không có thông tin

C. Thông tin nhà sản xuất/ nhà cung ứng/ nhà phân phối:

○ **Thông tin nhà sản xuất:**

- Tên công ty CÔNG TY TNHH HWASEUNG CHEMICAL VIỆT NAM
- Địa chỉ Đường số 8, KCN Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiền, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Bộ phận : Chemical Research Team
- Số điện thoại : +84-251-3560800
- Số điện thoại khẩn cấp : +84-251-3560800
- Số Fax : +84-251-3560782
- Địa chỉ E-mail : bkpark@hscv.kr

○ **Thông tin nhà cung ứng/ nhà phân phối:**

- Tên công ty CÔNG TY TNHH HWASEUNG CHEMICAL VIỆT NAM
- Địa chỉ Đường số 8, KCN Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiền, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Bộ phận : Chemical Sales Team
- Số điện thoại : +84-251-3560800
- Số điện thoại khẩn cấp : +84-251-3560800
- Số Fax : +84-251-3560782
- Địa chỉ Email : bkpark@hscv.kr

2. THÔNG TIN NGUY HẠI

A. Phân loại theo GHS

- Chất lỏng dễ cháy : Loại 2
- Specific target organ toxicity(Nhiễm độc duy nhất) : Loại 1
- Specific target organ toxicity(Nhiễm độc duy nhất) : Loại 3 (Gây buồn ngủ)
- Độ tính đối với đời sóng thủy sinh : Loại 4

B. Nhãn theo GHS

○ **Biểu tượng cảnh báo**



○ **Từ cảnh báo**

- Nguy hiểm

○ **Cảnh báo nguy cơ**

- H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.
- H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt
- H370 Gây tổn hại đến các cơ quan (Tham khảo phần 11)
- H413 Có thể gây nguy hại lâu dài cho đời sống

○ **Biện pháp phòng ngừa**

1) Phòng ngừa

- P210 Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa/bề mặt nóng. ? Không được hút thuốc.
- P233 Giữ dụng cụ đựng thật kín.
- P240 Tiếp đất/liên kết dụng cụ đựng và thiết bị tiếp nhận.
- P241 Các thiết bị như thiết bị điện/thông gió/chiếu sáng, sử dụng loại có khả năng chống cháy nổ
- P242 Chỉ sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa. Chất lỏng dễ cháy (phần 2.6) 1, 2, 3
- P243 Sử dụng các biện pháp phòng ngừa chống mạch tĩnh điện.
- P260 Không hít bụi/khói/khí/sương/các hơi/bụi xịt.
- P261 Tránh hít bụi/khói/khí/sương/các hơi/bụi xịt.
- P264 Rửa tay thật sạch sau khi làm việc.
- P270 Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này.
- P271 Chỉ sử dụng hóa chất ở khu vực thông thoáng.
- P273 Tránh thải hóa chất ra môi trường.
- P280 Mang bao tay bảo vệ/quần áo bảo hộ/kính bảo hộ/tấm che mặt.

2) Xử lý khi có sự cố phơi nhiễm

- P303+P361+P353 NẾU DÍNH TRÊN DA (hoặc tóc): Lập tức cởi bỏ tất cả quần áo đã bị nhiễm hóa chất. Rửa sạch bằng nước/tắm.
- P304+P340 NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân đến nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái, dễ thở.
- P307+P311 Nếu phơi nhiễm: Gọi TRUNG TÂM PHÒNG ĐỘC hoặc bác sĩ/nhân viên y tế.
- P312 Gọi cho TRUNG TÂM PHÒNG ĐỘC hoặc bác sĩ/nhân viên y tế nếu thấy không ổn.
- P321 Điều trị cụ thể.
- P370+P378 Trường hợp cháy: Sử dụng phương tiện dập lửa phù hợp (Tham khảo MSDS phần 5).

3) Lưu trữ

- P403+P233 Đóng chặt nắp thùng chứa và lưu trữ ở nơi thông thoáng.
- P403+P235 Bảo quản ở nơi thông khi. Giữ mát.
- P405 Khóa lại.

4) Thải bỏ

- P501 Thải bỏ sản phẩm/bao bì phải phù hợp với quy định tại địa phương/khu vực/quốc gia.

C. Các mối nguy hại khác không có kết quả trong phân loại : (Phân loại theo NFPA)

○**Phân loại NFPA (0 ~ 4 mức)**

- Sức khỏe : 0, Tính cháy : 3, Độ phản ứng : 0

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Tên hóa chất	Tên thương mại và từ đồng nghĩa	Số CAS.	Định lượng (%)
Acetic acid ethyl ester	Acetic ether ; Acetidin ; Acetoxyethane ; Ethyl acetic ester ; Ethyl ester ; Ethyl ethanoate ; Vinegar naphtha ; Acetoxy ethane ;	141-78-6	55 ~ 65
POLYISOCYNATE	-	1431-54-5	35 ~ 45

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

A. Tiếp xúc mắt

- Không chà mắt.
- Nhanh chóng rửa mắt với nhiều nước ít nhất 15 phút và gọi cho bác sĩ/nhân viên y tế.
- Cần chăm sóc y tế ngay.

B. Tiếp xúc da

- Rửa da với nhiều nước ít nhất 15 phút, trong khi cởi quần áo và giày nhiễm hóa chất.
- Giặt sạch quần áo nhiễm hóa chất trước khi sử dụng.
- Chăm sóc y tế ngay.

C. Hít phải

- Di chuyển đến nơi có không khí trong lành.
- Điều trị cụ thể nếu cần thiết.
- Chăm sóc y tế ngay.

D. Nuốt phải

- Về việc gây nôn mửa nên tham khảo lời khuyên của bác sĩ.
- Súc miệng bằng nước ngay lập tức.
- Chăm sóc y tế ngay.

E. Những ảnh hưởng tức thời và lâu dài khi tiếp xúc với sản phẩm trong thời gian ngắn hay dà

- Không có thông tin

F. Lưu ý cho bác sĩ

- Thông báo cho nhân viên y tế ở nơi bị nhiễm hóa chất để họ có biện pháp bảo vệ thích hợp.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

A. Phương tiện chữa cháy phù hợp

- Hóa chất khô, CO_2, bọt chữa cháy
- Tránh sử dụng vòi nước để dập tắt đám cháy

B. Các mối nguy hại từ hóa chất

- Không có thông tin

C. Phương pháp chữa cháy đặc biệt

- Sơ tán ngay lập tức khi có âm thanh báo cháy.
- Sử dụng thiết bị giám sát và nước trong trường hợp cháy lớn.
- Tránh hít phải các vật liệu cháy.
- Không tiếp xúc với bồn hóa chất đang cháy.
- Sử dụng biện pháp chữa cháy thích hợp.
- Giữ mát thùng chứa bằng cách phun nước.
- Hơi và khí khi cháy có thể lan truyền rất nhanh.

6. PHÒNG TRÁNH NGUY HẠI

A. Biên pháp bảo vệ cá nhân, thiết bị bảo hộ và qui trình khẩn

- Thông gió cho không gian kín trước khi vào.
- Không chạm vào hóa chất bị tràn đổ. Xử lý hóa chất bị tràn đổ.
- Đeo thiết bị bảo hộ khi xử lý hoặc thải bỏ hóa chất.
- Không đổ nước trực tiếp vào chỗ bị rò rỉ.
- Cô lập khu vực nhiễm hóa chất nguy hại và hạn chế người ra vào khu vực này.

B. Biện pháp bảo vệ môi trường

- Không được đổ nước trực tiếp ra cống rãnh.
- Nếu tràn đổ với số lượng lớn, phải thông báo cho cơ quan có liên quan.

C. Phương pháp cho sự ngăn chặn và làm sạch

- Tràn chảy lớn: làm đê chắn vật liệu chảy tràn.
- Thông báo cho chính quyền địa phương.
- Xả thải phải phù hợp với quy định hiện hành
- Phải có thùng chứa hóa chất thải
- Tràn chảy nhỏ: sử dụng vật liệu không cháy hoặc cát.
- Lau sạch dung môi
- Không sử dụng thùng chứa bằng nhựa dẻo.
- Ngăn hóa chất chảy vào đường nước, cống rãnh, tầng hầm hoặc khoang chứa kín.

7. SỬ DỤNG VÀ LƯU TRỮ

A. Các biện pháp phòng ngừa cho sử dụng an toàn

- Giặt sạch quần áo sau khi sử dụng.
- Tránh tiếp xúc các điều kiện vật lý.
- Các thùng chứa lưu lại hóa chất dư phải tuân theo BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN (MSDS) và nhãn cảnh báo.
- Tuân thủ tất cả các luật và quy định hiện hành về việc xử lý hóa chất.
- Không hít hơi kéo dài hoặc lặp lại.
- Tránh tiếp xúc với nhiệt, tia lửa, ngọn lửa hoặc các nguồn gây cháy khác.

B. Các điều kiện lưu trữ an toàn

- Tuân thủ luật và quy định hiện hành.
- Không tác động mạnh lên thùng chứa.
- Tránh tiếp xúc ánh nắng trực tiếp.
- Lưu trữ hóa chất trong các thùng chứa.
- Chú ý sự không tương thích vật liệu và các điều kiện cần tránh.
- Chứa hóa chất trong thùng kín.
- Lưu trữ hóa chất xa đường nước và hệ thống cống rãnh.

8. EXPOSURE CONTROLS/PERSONAL PROTECTION

A. Exposure limits

○ **ACGIH TLV**

- [Acetic acid ethyl ester] : TWA, 400 ppm (1440 mg/m3)

○ **OSHA PEL**

- [Acetic acid ethyl ester]:400ppm 1400mg/m3

B. Kiểm soát kỹ thuật

- Sử dụng một hệ thống thoát khí tại chỗ hoặc hệ thống chung được khuyến cáo sử dụng để giảm sự nhiễm độc cho nhân viên. Hệ thống tại chỗ nói chung được dùng nhiều vì nó có thể kiểm soát sự phát tán ra khu vực chung.

C. Thiết bị bảo vệ cá nhân

○ **Bảo vệ hô hấp**

- Đeo khẩu trang carbon.
- Lắp đặt hệ thống thông gió. Thiết bị thông gió phải chống cháy nổ.
- Xem xét đặc tính cảnh báo trước khi sử dụng.
- Nếu sự nguy hại vượt quá giới hạn cho phép thậm chí dưới điều kiện có hệ thống thông gió thì phải mang khẩu trang phòng độc thích hợp.

○ **Bảo vệ mắt**

- Đeo kính bảo hộ thích hợp. Nếu ở nơi làm việc có các công cụ hoặc thiết bị bảo vệ mắt khác thì không cần phải phải đeo kính.

○ **Bảo vệ tay**

- Mang bao tay kháng hóa chất phù hợp như bao tay cao su hoặc nylon khi pha trộn hóa chất.

○ **Bảo vệ da**

- Mặt quần áo kháng hóa chất phù hợp.

○ **Khác**

- Không có thông tin

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ HÓA HỌC

A. Ngoại quan	
- Ngoại quan	Chất lỏng
- Màu sắc	Màu nâu nhạt, trong suốt
B. Mùi	Không có thông tin
C. Ngưỡng mùi	Không có thông tin
D. pH	Không có thông tin
E. Điểm nóng chảy/ điểm đông đặc	Không có thông tin
F. Điểm sôi/khoảng sôi	77 °C
G. Điểm chớp cháy	-4 °C
H. Tốc độ bay hơi	Không có thông tin
I. Chất dễ cháy (rắn, khí)	Không có thông tin
J. Giới hạn nổ hoặc cháy trên/ dưới	Không có thông tin
K. Áp suất hơi	Không có thông tin
L. Độ hòa tan	Không có thông tin
M. Tỷ trọng hơi	Không có thông tin
N. Trọng lượng riêng	Không có thông tin
O. Hệ số phân ly n-octanol/nước	Không có thông tin
P. Nhiệt độ tự cháy	427°C
Q. Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin
R. Độ nhớt	-
S. Khối lượng phân tử	Không có thông tin

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

A. Ổn định hóa chất

- Ổn định nguyên liệu theo yêu cầu lưu trữ và xử lý.

B. Khả năng phản ứng nguy hại

- Tiếp xúc với ngọn lửa có thể giải phóng khí dễ cháy

C. Điều kiện cần tránh

- Tránh tiếp xúc với các vật liệu và điều kiện không tương thích.
- Tránh sự tích tụ của tia điện, nhiệt, ngọn lửa và bề mặt nóng.
- Tránh tiếp xúc với nhiệt, tia lửa, ngọn lửa và các vật liệu gây cháy khác

D. Vật liệu không phù hợp

- Không có thông tin

E. Sản phẩm phân hủy nguy hại

- Có thể phát ra hơi dễ cháy nếu tiếp xúc với lửa.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

A. Thông tin về các bộ phận có thể nhiễm độc

○ **(Hô hấp)**

- Không có thông tin.

○ **(Nuốt phải)**

- Không có thông tin.

○ **(Mắt·Da)**

- Không có thông tin.

B. Tác dụng chậm và tức thời khi bị nhiễm độc

○ **Độc cấp tính**

*** Nếu nuốt phải - >5000mg/kg**

- [Acetic acid ethyl ester] : LD50 5620 mg/kg Rat

*** Tiếp xúc da - ATE MIX : >5000mg/kg**

- [Acetic acid ethyl ester] : LD50 > 18000 mg/kg Rabbit

*** Hít phải - ATE MIX : >50.0mg/L**

- [Acetic acid ethyl ester] : Steam LC50 100 ㎎/ℓ 4 hr Rat (LC50 = 200 mg/L/1hr conversion값)

○ **Gây kích ứng/ ăn mòn da**

- Không có thông tin

○ **Gây kích ứng/ ăn mòn mắt**

- Không có thông tin

○ **Mẫn cảm với hệ hô hấp**

- Không có thông tin

○ **Mẫn cảm với da**

- Không có thông tin

○ **Chất gây ung thư**

*** IARC**

- Không có thông tin

*** OSHA**

- Không có thông tin

*** ACGIH**

- Không có thông tin

*** NTP**

- Không có thông tin

*** EU CLP**

- Không có thông tin

○ **Đột biến tế bào mầm**

- Không có thông tin

○ **Độc tính đối với cơ quan sinh sản**

- Không có thông tin

○ **STOT-nhiễm độc duy nhất**

- Có thể gây nguy hiểm cho các cơ quan (Tham khảo phần 11).
- Có thể gây buồng ngủ và chóng mặt.

○ **STOT-nhiễm độc lặp lại**

- Không có thông tin

○ **Nguy hại khi hít phải**

- Không có thông tin

12. THÔNG TIN VỀ HỆ SINH THÁI

A. Chất độc sinh thái

○ **Cá**

- [Acetic acid ethyl ester] : LC50 230 ㎎/ℓ 96 hr Pimephales promelas

○ **Động vật giáp sát**

- [Acetic acid ethyl ester] : EC50 717 ㎎/ℓ 48 hr Daphnia magna

○ **Tảo**

- [Acetic acid ethyl ester] : EC50 1800 ~ 3200 ㎎/ℓ 72 hr (Selenastrum sp.)

B. Độ bền và khả năng phân hủy

○ **Độ bền**

- [Acetic acid ethyl ester] : log Kow 0.73
- [AROMATIC POLYISOCYNATE] : log Kow 9.38

○ **Khả năng phân hủy**

- [Acetic acid ethyl ester] : BOD5/COD 0.81

C. Tích tụ sinh học

○ **Tích tục sinh học**

- [Acetic acid ethyl ester] : BCF 30
- [AROMATIC POLYISOCYNATE] : BCF 911.4 (Has the potential bioaccumulation)

○ **Phân hủy sinh học**

- [Acetic acid ethyl ester] : 100 (%) 28 day
- [AROMATIC POLYISOCYNATE] : (Non - biodegradability(BIOWIN5:-0.9078))

D. Sự biến đổi trong đất

- [AROMATIC POLYISOCYNATE] : Koc 5.905

E. Tác nhân phụ khác

- Không có thông tin

13. LƯU Ý KHI THẢI BỎ

A. Phương pháp thải bỏ

- Từ hỗn hợp hai loại chất thải trở lên rất khó để xử lý chúng riêng biệt, có thể dùng cách đốt hoặc cách tương tự.
- Nếu có thể tách nước thì thực hiện quá trình tách nước.
- Xử lý bằng cách đốt.
- Phân loại hóa chất thải gốc dầu và gốc nước.

B. Phương pháp phòng ngừa đặc biệt

- Người sử dụng hóa chất phải tự mình xử lý hoặc ủy thác cho người vận hành cơ sở xử lý chất thải đã được cấp phép.
- Xử lý chất thải phải phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

A. Số UN. (IMDG)

- 1133

B. Vận chuyển đường biển

- KEO DÁN, CHẤT LỎNG DỄ CHÁY

C. Nhóm nguy hại

- 3

D. Nhóm đóng gói

- III

E. Ô nhiễm đường biển

- Không áp dụng

F. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho các phương tiện vận chuyển

- Vận tải địa phương phải tuân thủ luật quản lý an toàn hàng hóa nguy hiểm.
- Đóng gói và vận chuyển phải tuân theo quy định của Sở Giao thông vận tải (DOT) và các quy định khác.
- EmS FIRE SCHEDULE : F-E (Non-water-reactive flammable liquids)
- EmS SPILLAGE SCHEDULE : S-D (Flammable liquids)

15. THÔNG TIN VỀ LUẬT HIỆN HÀNH

A. Thông tin quy định của các quốc gia hoặc quốc tế

○ **Theo luật quản lý POPs:**

- Không áp dụng

○ **Phân loại theo Châu Âu:**

*** Phân loại**

- [Acetic acid ethyl ester] : F; R11 Xi; R36 R66 R67

*** Nhóm rủi ro**

- [Acetic acid ethyl ester] : R11, R36, R66, R67

*** Nhóm an toàn**

- [Acetic acid ethyl ester] : S2, S16, S26, S33

○ **Theo quy định của liên bang Mỹ:**

*** Quy trình an toàn theo OSHA (29CFR1910.119)**

- Không áp dụng

*** CERCLA: phần 103 (40CFR302.4)**

- [Acetic acid ethyl ester] : 2267.995 kg 5000 lb

*** EPCRA phần 302 (40CFR355.30)**

- Không áp dụng

*** EPCRA phần 304 (40CFR355.40)**

- Không áp dụng

*** EPCRA phần 313 (40CFR372.65)**

- Không áp dụng

○ **Thành phần được liệt kê theo hiệp định Rotterdam (Hà Lan)**

- Không áp dụng

○ **Thành phần được liệt kê theo hiệp định Stockholm (Thụy Điển)**

- Không áp dụng

○ **Thành phần được liệt kê theo hiệp định Montreal (Canada)**

- Không áp dụng

16. THÔNG TIN KHÁC

A. Tham khảo:

- Thông tin trong tài liệu này là chính xác. Nó được cung cấp độc quyền cho sản phẩm và không bao gồm thông tin liên quan đến hiệu suất sản phẩm cũng như thông tin về vấn đề bảo hành của nhà cung ứng.
- Bảnng dữ liệu an toàn này đã được biên soạn dựa theo dữ liệu và thông tin từ các nguồn: KOSHA, NITE, ESIS, NLM, SIDS, IPCS.

B. Ngày phát hành:

- 2017-05-11

C. Số sửa đổi và ngày sửa

- Lần 2, 2021-06-15

D. Khác:

- Bảng thông tin an toàn này được soạn thảo dựa theo hệ thống "Globally Harmonized System" (GHS).

Henkel

Bảng Thông Tin An Toàn

LOCTITE BONDACE P-5-2 (8) 8KG

S.G.C.N: 4720230006531 - Đ.T.N.NG
CÔNG TY TNHH HENKEL ADHESIVE TECHNOLOGIES VIỆT NAM
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Số SDS : 577808
V001.5
Phiên bản: 11.06.2018
Ngày in: 07.05.2019

Phần 1. Thông tin về sản phẩm và nhà sản xuất / nhà phân phối

Tên sản phẩm: LOCTITE BONDACE P-5-2 (8) 8KG

Các cách nhận biết khác: LOCTITE BONDACE P-5-2 (8) 8KG
Mã sản phẩm: IDH2173377
Khuyến cáo về sử dụng và hạn chế sử dụng sản phẩm

Mục đích sử dụng chất xử lý

Thông tin về sản phẩm / nhà sản xuất/ nhà phân phối
Nhà sản xuất: Cty TNHH Henkel Adhesive Technologies Vietnam. Số 7, đường 9A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Điện thoại: +84 251 3835 461 Fax: +84 251 3835 463

Người chịu trách nhiệm về bảng thông tin an toàn: ap-ua-psra.sea@henkel.com

Thông tin khẩn cấp CHỈ TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP (Tràn chảy, Rò rỉ nghiêm trọng, Cháy, Phơi nhiễm, hoặc Tai nạn). Liên hệ CHEMTREC: +1 703-741-5970

Phần 2: Thông tin nguy hại

Phân loại theo GHS:

Loại nguy hại	Phân loại nguy hại	Cơ quan mục tiêu
Chất lỏng dễ cháy	Loại 2	
Ăn mòn/kích ứng da	Loại 2	
Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng	Loại 2A	
Độc tính cơ quan mục tiêu - tiếp xúc một lần	Loại 3	Hệ thần kinh trung ương
Ảnh hưởng đến hệ hô hấp	Loại 1	
Nguy hại cho môi trường thủy sinh	Loại 3	
Hiểm họa lâu dài cho môi trường nước	Loại 3	

Nhãn theo GHS:

Hình đồ cảnh báo:



Từ cảnh báo: Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ:

H225 Chất lỏng và hơi rất dễ cháy.
H304 Có thể tử vong nếu nuốt phải và xâm nhập vào đường hô hấp.
H315 Gây kích ứng da.
H319 Gây kích ứng mạnh cho mắt.
H336 Có thể gây thờ thẫn hoặc chóng mặt.
H412 Có hại cho thủy sinh vật với các tác dụng lâu dài.

Biện pháp phòng ngừa:

Biện pháp phòng ngừa:

P210 Tránh xa nhiệt/tia lửa/ngọn lửa trần/các bề mặt nóng. Không hút thuốc.
P233 Giữ dụng cụ dựng thật kín.
P240 Tiếp đất/liên kết dụng cụ dựng và thiết bị tiếp nhận.
P241 Sử dụng thiết bị chống cháy nổ.
P242 Chỉ sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa.
P243 Sử dụng các biện pháp phòng ngừa phóng tĩnh điện.
P261 Tránh hít bụi/khói/khí/sương/các hơi/bụi xịt.
P264 Rửa tay cẩn thận sau khi thao tác.
P273 Tránh phát tán ra môi trường.
P280 Sử dụng găng tay bảo hộ/trang phục bảo hộ và kính mắt/kính che mặt bảo hộ.

Xử lý khi có sự cố phơi nhiễm:

P301+P310 Nếu nuốt phải: Gọi ngay cho trung tâm chất độc/bác sĩ.
P303+P361+P353 KHI BỊ DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay lập tức tất cả quần áo đã bị ô nhiễm. Rửa da bằng nước/tắm.
P304+P340+P312 NẾU HÍT PHẢI: di chuyển nạn nhân đến nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái dễ thở. Liên hệ với TRUNG TÂM ĐỘC CHẤT hoặc nhân viên y tế nếu bạn cảm thấy không ổn.
P305+P351+P338 NẾU BỊ VÃNG VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong nhiều phút. Tháo kính tiếp xúc ra, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.
P331 KHÔNG gây nôn.
P332+P313 Nếu bị kích ứng da: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc.
P337+P313 Nếu vẫn không hết bị kích ứng mắt: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc.
P363 Giặt sạch quần áo ô nhiễm rồi mới được dùng lại.
P370+P378 Trường hợp cháy: sử dụng cát khô, bột hóa chất hoặc bọt chống cháy để dập lửa.

Lưu trữ:

P403+P233 Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ dụng cụ dựng thật kín.
P403+P235 Bảo quản ở nơi thông khí tốt. Giữ mát.

Thải bỏ:

P501 Thải bỏ sản phẩm/bao bì nhiễm hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải phù hợp với quy định, yêu cầu của pháp luật hiện hành và phù hợp với đặc tính của sản phẩm tại thời điểm thải bỏ.

Phần 3: Thông tin về thành phần nguy hại

Chất hoặc hỗn hợp:
Hỗn hợp

Thành phần khai báo:

Thành phần nguy hại, Số CAS.	Định lượng	Phân loại theo GHS
Butanone 78-93-3	30- 60 %	Chất lỏng dễ cháy 2 H225 Độc Tính Cấp Tính 5; Qua miệng H303 Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng 2A H319 Độc tính hệ thống cơ quan mục tiêu - tiếp xúc một lần 3 H336
Ethyl acetate 141-78-6	30- 60 %	Chất lỏng dễ cháy 2 H225 Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng 2A H319 Độc tính hệ thống cơ quan mục tiêu - tiếp xúc một lần 3 H336
Methylcyclohexane 108-87-2	10- 30 %	Chất lỏng dễ cháy 2 H225 Ăn mòn/kích ứng da 2 H315 Độc tính hệ thống cơ quan mục tiêu - tiếp xúc một lần 3 H336 Ảnh hưởng đến hệ hô hấp 1 H304 Nguy hại cho môi trường thủy sinh 2 H401 Hiểm họa lâu dài cho môi trường nước 2 H411
Methoxypropyl acetate 2- 108-65-6	1- 10 %	Chất lỏng dễ cháy 3 H226
Tetramethylene dimethacrylate 2082-81-7	0.1- 1 %	Mẫn cảm với da 1B H317 Nguy hại cho môi trường thủy sinh 2 H401
2-Hydroxyethyl methacrylate 868-77-9	0.1- 1 %	Ăn mòn/kích ứng da 2 H315 Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng 2A H319 Mẫn cảm với da 1 H317
Orthophosphoric acid 7664-38-2	0.1- 1 %	Ăn mòn kim loại 1 H290 Độc Tính Cấp Tính 4; Qua miệng H302 Ăn mòn/kích ứng da 1B H314

Phần 4: Biện pháp sơ cứu

Hít phải:

Di chuyển tới nơi có không khí trong lành.
Nếu khó thở, cho thở oxi.
Nếu ngừng thở, hô hấp nhân tạo.
Chăm sóc y tế.

Tiếp xúc da:
Lau sạch bằng khăn giấy hoặc vải.
Thay quần áo và giày nhiễm hóa chất.
Rửa sạch bằng nước và xà phòng.
Chăm sóc y tế.

Tiếp xúc mắt:
Nhanh chóng rửa mắt với nhiều nước.
Chăm sóc y tế ngay.

Nuốt phải:
Khi nạn nhân bất tỉnh, không được cho bất cứ gì vào miệng của nạn nhân
Không gây nôn nếu nạn nhân bất tỉnh.
Nếu nạn nhân nôn, giữ cho đầu thấp hơn phần hông để tránh hít ngược vào.
Chăm sóc y tế ngay.

Phần 5: Biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy phù hợp:
Carbon dioxide.
nước
bọt
Hóa chất khô.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt và biện pháp phòng ngừa hỏa hoạn:
Nhân viên cứu hỏa cần trang bị bình dưỡng khí, quần áo bảo hộ không thấm nước, tránh hít phải sản phẩm cháy.
Trong trường hợp cháy, làm mát thùng chứa bằng cách phun nước.

Sản phẩm cháy nguy hại:
Carbon dioxide.
Carbon monoxide.
Hơi gây kích ứng.

Phần 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Biện pháp bảo vệ cá nhân:
Mang thiết bị bảo hộ.
Cô lập khu vực nhiễm hóa chất nguy hại và hạn chế người ra vào khu vực này.
Đứng thuận chiều gió; tránh khu vực thấp trũng.

Biện pháp bảo vệ môi trường:
Không được đổ vào cống rãnh / bề mặt sông ngòi / nước ngầm.

Các phương pháp làm sạch:
Loại bỏ tất cả các nguồn gây lửa.
Ngăn chặn rò rỉ hoặc tràn chảy nếu điều kiện an toàn cho phép.
Phun sương để giảm hơi hóa chất.
TRÀN CHẢY NHỎ:
Sử dụng vật liệu thấm không cháy như cát.
Quét và thu gom nguyên liệu và để vào thùng chứa thích hợp cho việc xử lý.
TRÀN CHẢY LỚN:
Làm đê chắn vật liệu chảy tràn, nếu ở vị trí có thể.

Phần 7. Sử dụng và lưu trữ

Sử dụng:
Mặc quần áo bảo hộ, đeo găng tay, bảo hộ mắt/mặt phù hợp.
Tránh tiếp xúc với mắt.
Tránh tiếp xúc với da hay quần áo.
Tránh ngọn lửa trần, tia lửa và các nguồn gây cháy nổ.
Những vật liệu có thể tích điện có nguy cơ tạo ra tia lửa điện.
Đảm bảo các thiết bị được tiếp đất theo yêu cầu (khi trộn, bơm hoặc sang chiết sản phẩm).

Lưu trữ:
Nhiệt độ khoảng 5°C đến 40 °C.
Đóng chặt nắp thùng chứa và lưu trữ ở nơi thoáng mát.
Tránh xa nguồn lửa.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm / bảo vệ cá nhân

Thành phần nguy hại và các thông số cần kiểm soát nơi làm việc:

Butanone 78-93-3	**Loại giá trị**	Nồng Độ Bình Quân Có Thể Tiếp Xúc (TWA):
	ppm	200
	Ghi chú	ACGIH
Butanone 78-93-3	**Loại giá trị**	Nồng độ trung bình tính theo thời gian (TWA):
	mg/m³	150
	Ghi chú	VN OEL
Butanone 78-93-3	**Loại giá trị**	Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn (STEL):
	ppm	300
	Ghi chú	ACGIH
Butanone 78-93-3	**Loại giá trị**	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn (STEL):
	mg/m³	300
	Ghi chú	VN OEL
Methylcyclohexane 108-87-2	**Loại giá trị**	Nồng Độ Bình Quân Có Thể Tiếp Xúc (TWA):
	ppm	400
	Ghi chú	ACGIH
Methylcyclohexane 108-87-2	**Loại giá trị**	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn (STEL):
	mg/m³	300
	Ghi chú	VN OEL

Bảo vệ hô hấp: Nếu hệ thống thông gió không ngăn chặn hiệu quả sự tích tụ của hơi/sương/khói/bụi, cần trang bị mặt nạ NIOSH / MSHA.

Bảo vệ tay: Đeo găng tay kháng hóa chất. Theo hướng dẫn của nhà sản xuất găng tay.
Lưu ý rằng khi làm việc, khả năng kháng hóa chất của găng tay có thể giảm đáng kể do ảnh hưởng của nhiều yếu tố (ví dụ: nhiệt độ). Việc đánh giá rủi ro nên được thực hiện bởi người sử dụng.
Nếu có dấu hiệu mòn và rách thì găng tay cần được thay thế.

Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ, tấm che mặt (nếu có nguy cơ văng hóa chất).

Bảo vệ cơ thể: quần áo bảo hộ phù hợp.

Kiểm soát kỹ thuật: Sử dụng hệ thống thông gió tại chỗ.
Lắp đặt thiết bị thông gió loại có khả năng chống cháy nổ.

Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh: Lắp đặt vòi rửa mắt, vòi tắm để sử dụng trong trường hợp khẩn cấp.

Các biện pháp vệ sinh: Rửa tay trước giờ nghỉ giữa ca và sau khi kết thúc công việc. Thực hành vệ sinh công nghiệp và luôn được giám sát.

Phần 9. Tính chất vật lý và hóa học

Ngoại quan: Không màu., trong suốt.
chất lỏng
Mùi: đặc trưng
Ngưỡng mùi (CA): Không có thông tin
pH: Không có thông tin

Điểm nóng chảy / Điểm đông đặc:	Không có thông tin
Trọng lượng riêng:	Không có thông tin
Điểm sôi:	80 °C (176 °F)
Điểm chớp cháy:	-11 °C (12.2 °F)
Tốc độ bay hơi:	Không có thông tin
Chất dễ cháy (rắn, khí):	Không có thông tin
Giới hạn nổ dưới:	Không có thông tin
Giới hạn nổ trên:	Không có thông tin
Áp suất hóa hơi:	Không có thông tin
Tỷ trọng hơi:	Không có thông tin
Khối lượng riêng:	Không có thông tin
Độ hòa tan:	Không có thông tin
Hệ số phân ly: n-octanol/ nước:	Không có thông tin
Nhiệt độ tự cháy:	Không có thông tin
Nhiệt độ phân huỷ:	Không có thông tin
Độ nhớt: (; 25 °C (77 °F); tốc độ: 30 min-1; Phương pháp: ;TM HDV AIS-03; Viscosity Test)	< 100 cp
Hàm lượng chất hữu cơ dễ bay hơi:	Không có thông tin

Phần 10: Tính ổn định và khả năng phản ứng

Khả năng phản ứng/Vật liệu không tương thích:	Vật liệu dễ cháy. Phản ứng với kim loại. Peroxides. Muối kim loại. Acids. Tác nhân oxy hóa. Bases. Phản ứng với amin. Halogens. Hợp chất halogen. Phản ứng với chất khử
Các điều kiện cần tránh:	Nhiệt, ngọn lửa, tia lửa và các nguồn phát lửa khác. Gia nhiệt có thể làm tăng áp suất và có nguy cơ dẫn đến nứt/vỡ thùng chứa. Ổn định dưới điều kiện bảo quản như được khuyến nghị.
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm:	Không phân hủy nếu sử dụng đúng cách.

Phần 11: Thông tin về độc tính

Độc tính nếu nuốt phải:	Ước tính Độc tính cấp tính (ATE) : > 5,000 mg/kg Phương pháp: Phương pháp tính toán

Các triệu chứng tiếp xúc quá mức: Không đề cập.

Độc tính cấp tính qua miệng:

Butanone 78-93-3	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	2,737 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	6,100 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Methylcyclohexane 108-87-2	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 5,840 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Methoxypropyl acetate 2- 108-65-6	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	6,190 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 401 (Acute Oral Toxicity)
Tetramethylene dimethacrylate 2082-81-7	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	10,120 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
2-Hydroxyethyl methacrylate 868-77-9	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 5,000 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Orthophosphoric acid 7664-38-2	Loại giá trị	Ước tính Độc tính cấp tính (ATE)
	Giá trị	1,500 mg/kg
	Loài / mẫu	
	Phương pháp	Theo đánh giá của chuyên gia

Độc tính cấp tính qua đường hô hấp:

Butanone 78-93-3	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	> 20 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	4 h
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	200 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	1 h
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Orthophosphoric acid 7664-38-2	Loại giá trị	Ước tính Độc tính cấp tính (ATE)
	Giá trị	5.1 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	
	Phương pháp	Theo đánh giá của chuyên gia

Độc tính cấp tính trên da:

Butanone 78-93-3	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	6,400 - 8,000 mg/kg
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	không quy định
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 20,000 mg/kg
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	Thử nghiệm Draize
Methoxypropyl acetate 2- 108-65-6	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 5,000 mg/kg
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 402 (Độc tính cấp tính trên da)
2-Hydroxyethyl methacrylate 868-77-9	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 5,000 mg/kg
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	không quy định

Gây kích ứng/ăn mòn da:

Butanone 78-93-3	Kết quả	gây kích ứng mức độ trung bình
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	không quy định
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	gây kích ứng nhẹ
	Thời gian phơi nhiễm	24 h
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 404 (Gây kích ứng/ăn mòn da)
Methoxypropyl acetate 2- 108-65-6	Kết quả	không gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	4 h
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 404 (Gây kích ứng/ăn mòn da)
Orthophosphoric acid 7664-38-2	Kết quả	ăn mòn
	Thời gian phơi nhiễm	24 h
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	không quy định

Gây kích ứng/ăn mòn mắt:

Butanone 78-93-3	Kết quả	gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 405 (Kích ứng /ăn mòn cấp tính trên mắt)
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	gây kích ứng nhẹ
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 405 (Kích ứng /ăn mòn cấp tính trên mắt)
Methoxypropyl acetate 2- 108-65-6	Kết quả	không gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 405 (Kích ứng /ăn mòn cấp tính trên mắt)
2-Hydroxyethyl methacrylate 868-77-9	Kết quả	gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	Thử nghiệm Draize

Mẫn cảm với da hoặc hệ hô hấp:

Butanone 78-93-3	Kết quả	không gây mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thử nghiệm tối đa trên chuột lang
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	không quy định
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	không gây mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thử nghiệm tối đa trên chuột lang
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 406 (Mẫn cảm trên da)
Methoxypropyl acetate 2- 108-65-6	Kết quả	không gây mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thử nghiệm tối đa trên chuột lang
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 406 (Mẫn cảm trên da)
Tetramethylene dimethacrylate 2082-81-7	Kết quả	mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thí nghiệm hạch bạch huyết trên chuột (LLNA)
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 429 (Skin Sensitisation: Local Lymph Node Assay)
Orthophosphoric acid 7664-38-2	Kết quả	không gây mẫn cảm
	Cách kiểm tra	không có dữ liệu
	Loài / mẫu	con người
	Phương pháp	không quy định

Đột biến tế bào mầm:

Butanone 78-93-3	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến nhiễm sắc thể trên động vật có vú ở quy mô phòng thí nghiệm
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 473 (In vitro Mammalian Chromosome Aberration Test)
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	qua đường miệng: vào dạ dày
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	chuột đồng, Trung Quốc
	Phương pháp	OECD Guideline 474 (Mammalian Erythrocyte Micronucleus Test)
Methoxypropyl acetate 2- 108-65-6	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
Methoxypropyl acetate 2- 108-65-6	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến nhiễm sắc thể trên động vật có vú ở quy mô phòng thí nghiệm
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 473 (In vitro Mammalian Chromosome Aberration Test)
Methoxypropyl acetate 2- 108-65-6	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	Thử nghiệm sự phá hủy và phục hồi của DNA, sự tổng hợp DNA trong tế bào của động vật có vú
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	without
	Phương pháp	OECD Guideline 482 (Genetic Toxicology: DNA Damage and Repair, Unscheduled DNA Synthesis in Mammalian Cells In Vitro)
Tetramethylene dimethacrylate 2082-81-7	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến nhiễm sắc thể trên động vật có vú ở quy mô phòng thí nghiệm
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 476 (In vitro Mammalian Cell Gene Mutation Test)
Tetramethylene dimethacrylate 2082-81-7	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
Tetramethylene dimethacrylate 2082-81-7	Kết quả	dương tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến nhiễm sắc thể trên động vật có vú ở quy mô phòng thí nghiệm
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 473 (In vitro Mammalian Chromosome Aberration Test)
2-Hydroxyethyl methacrylate	Kết quả	âm tính

868-77-9	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc		thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm		có và không có
	Phương pháp		OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
2-Hydroxyethyl methacrylate 868-77-9	Kết quả		dương tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc		thử nghiệm đột biến nhiễm sắc thể trên động vật có vú ở quy mô phòng thí nghiệm
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm		có và không có
	Phương pháp		OECD Guideline 473 (In vitro Mammalian Chromosome Aberration Test)
2-Hydroxyethyl methacrylate 868-77-9	Kết quả		âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc		thí nghiệm đột biến gien trên tế bào ở động vật có vú
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm		có và không có
	Phương pháp		OECD Guideline 476 (In vitro Mammalian Cell Gene Mutation Test)
2-Hydroxyethyl methacrylate 868-77-9	Kết quả		âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc		thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm		có và không có
	Phương pháp		OECD Guideline 472 (Genetic Toxicology: Escherichia coli, Reverse Mutation Assay)
2-Hydroxyethyl methacrylate 868-77-9	Kết quả		âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc		qua đường miệng: vào dạ dày
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm		
	Loài / mẫu		chuột
	Phương pháp		OECD Guideline 474 (Mammalian Erythrocyte Micronucleus Test)
Orthophosphoric acid 7664-38-2	Kết quả		âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc		thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm		có và không có
	Phương pháp		OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
Orthophosphoric acid 7664-38-2	Kết quả		âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc		thử nghiệm đột biến nhiễm sắc thể trên động vật có vú ở quy mô phòng thí nghiệm
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm		có và không có
	Phương pháp		OECD Guideline 473 (In vitro Mammalian Chromosome Aberration Test)
Orthophosphoric acid 7664-38-2	Kết quả		âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc		thí nghiệm đột biến gien trên tế bào ở động vật có vú
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm		có và không có
	Phương pháp		OECD Guideline 476 (In vitro Mammalian Cell Gene Mutation Test)

Độc tính với liều lặp lại:

Butanone 78-93-3	Kết quả	NOAEL=2500 ppm
	Đường xâm nhập	Hít phải
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	90 days6 hours/day, 5 days/week
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Butanone 78-93-3	Kết quả	LOAEL=5000 ppm
	Đường xâm nhập	Hít phải
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	90 days6 hours/day, 5 days/week
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	NOAEL=900 mg/kg
	Đường xâm nhập	qua đường miệng: vào dạ dày
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	90 ddaily
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	EPA OTS 795.2600 (Thử nghiệm độc tính bán mãn tính qua miệng)
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	NOAEL=1.28 mg/l
	Đường xâm nhập	Hít phải
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	94 dcontinuous
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	EPA OTS 798.2450 (90-ngày Độc tính đường hô hấp)
Methoxypropyl acetate 2- 108-65-6	Kết quả	NOAEL=>= 1,000 mg/kg
	Đường xâm nhập	qua đường miệng: vào dạ dày
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	41 - 45 ddaily
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 422 (Combined Repeated Dose Toxicity Study with the Reproduction / Developmental Toxicity Screening Test)
2-Hydroxyethyl methacrylate 868-77-9	Kết quả	NOAEL=100 mg/kg
	Đường xâm nhập	qua đường miệng: vào dạ dày
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	once daily
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 422 (Combined Repeated Dose Toxicity Study with the Reproduction / Developmental Toxicity Screening Test)
Orthophosphoric acid 7664-38-2	Kết quả	NOAEL=250 mg/kg
	Đường xâm nhập	qua đường miệng: vào dạ dày
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	6 wdaily
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 422 (Combined Repeated Dose Toxicity Study with the Reproduction / Developmental Toxicity Screening Test)

Phần 12. Thông tin về hệ sinh thái

Chất độc môi sinh: Không được đổ vào cống rãnh / bề mặt sông ngòi / nước ngầm.

Độc tính:

Butanone 78-93-3	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	3,220 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Cá tuế đầu to (Pimephales promelas)
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 203 (Cá, Kiểm tra Độc tính Cấp tính)
Butanone 78-93-3	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	5,091 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h

	Loài / mẫu	Bọ nước
	Phương pháp	OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)
Butanone 78-93-3	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	> 1,000 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
Butanone 78-93-3	Loại giá trị	EC 50
	Giá trị	> 1,000 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Vi khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	
	Phương pháp	OECD Guideline 209 (Activated Sludge, Respiration Inhibition Test)
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	270 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Cá trắm cỏ (Leuciscus idus melanotus)
	Phương pháp	DIN 38412-15
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	164 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Bọ nước (Daphnia cucullata)
	Phương pháp	OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	> 2,000 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Selenastrum capricornutum (new name: Pseudokirchneriella subcapitata)
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
	Loại giá trị	NOEC
	Giá trị	2,000 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Selenastrum capricornutum (new name: Pseudokirchneriella subcapitata)
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
Ethyl acetate 141-78-6	Loại giá trị	EC10
	Giá trị	2,900 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Vi khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm	18 h
	Loài / mẫu	
	Phương pháp	not specified
Methylcyclohexane 108-87-2	Loại giá trị	LC 50
	Giá trị	7.0 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	24 h
	Loài / mẫu	Cá xọc (Morone saxatitis)
	Phương pháp	
Methylcyclohexane 108-87-2	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	147,000 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Bọ nước
	Phương pháp	OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)
Methoxypropyl acetate 2- 108-65-6	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	100 - 180 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Cá hồi vân Salmo gairdneri (tên mới: Oncorhynchus mykiss)
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 203 (Cá, Kiểm tra Độc tính Cấp tính)
	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	63.5 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	14 d
	Loài / mẫu	Cá sóc (Oryzias latipes)
	Phương pháp	OECD Guideline 204 (Fish, Prolonged Toxicity Test: 14-day Study)
Methoxypropyl acetate 2- 108-65-6	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	> 500 mg/l

	Nghiên cứu độ độc cấp tính		Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm		48 h
	Loài / mẫu		Bọ nước
	Phương pháp		OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)
Methoxypropyl acetate 2- 108-65-6	Loại giá trị		NOEC
	Giá trị		> 1,000 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính		Tảo
	Thời gian phơi nhiễm		72 h
	Loài / mẫu		Selenastrum capricornutum (new name: Pseudokirchneriella subcapitata)
	Phương pháp		OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
	Loại giá trị		EC50
	Giá trị		> 1,000 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính		Tảo
	Thời gian phơi nhiễm		72 h
	Loài / mẫu		Selenastrum capricornutum (new name: Pseudokirchneriella subcapitata)
	Phương pháp		OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
Methoxypropyl acetate 2- 108-65-6	Loại giá trị		EC 50
	Giá trị		> 100 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính		Vi khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm		
	Loài / mẫu		
	Phương pháp		not specified
Tetramethylene dimethacrylate 2082-81-7	Loại giá trị		LC50
	Giá trị		32.5 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính		Cá
	Thời gian phơi nhiễm		48 h
	Loài / mẫu		
	Phương pháp		DIN 38412-15
Tetramethylene dimethacrylate 2082-81-7	Loại giá trị		EC50
	Giá trị		9.79 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính		Tảo
	Thời gian phơi nhiễm		72 h
	Loài / mẫu		Tảo Desmodesmus subspicatus
	Phương pháp		OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
	Loại giá trị		NOEC
	Giá trị		2.11 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính		Tảo
	Thời gian phơi nhiễm		72 h
	Loài / mẫu		Tảo Desmodesmus subspicatus
	Phương pháp		OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
Tetramethylene dimethacrylate 2082-81-7	Loại giá trị		NOEC
	Giá trị		20 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính		Vi khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm		28 d
	Loài / mẫu		activated sludge, domestic
	Phương pháp		not specified
2-Hydroxyethyl methacrylate 868-77-9	Loại giá trị		LC50
	Giá trị		> 100 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính		Cá
	Thời gian phơi nhiễm		96 h
	Loài / mẫu		Cá sóc (Oryzias latipes)
	Phương pháp		OECD Hướng dẫn 203 (Cá, Kiểm tra Độc tính Cấp tính)
2-Hydroxyethyl methacrylate 868-77-9	Loại giá trị		EC50
	Giá trị		380 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính		Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm		48 h
	Loài / mẫu		Bọ nước
	Phương pháp		OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)
2-Hydroxyethyl methacrylate 868-77-9	Loại giá trị		EC50
	Giá trị		836 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính		Tảo
	Thời gian phơi nhiễm		72 h
	Loài / mẫu		Selenastrum capricornutum (new name: Pseudokirchneriella subcapitata)
	Phương pháp		OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
	Loại giá trị		NOEC
	Giá trị		400 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính		Tảo
	Thời gian phơi nhiễm		72 h
	Loài / mẫu		Selenastrum capricornutum (new name: Pseudokirchneriella subcapitata)
	Phương pháp		OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)

2-Hydroxyethyl methacrylate 868-77-9	Loại giá trị	EC0
	Giá trị	> 3,000 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Vi khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm	16 h
	Loài / mẫu	Pseudomonas fluorescens
	Phương pháp	hướng dẫn khác:
Orthophosphoric acid 7664-38-2	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	> 100 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Cá hồi vân
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 203 (Cá, Kiểm tra Độc tính Cấp tính)
Orthophosphoric acid 7664-38-2	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	> 100 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Bọ nước
	Phương pháp	OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)
Orthophosphoric acid 7664-38-2	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	> 100 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	72 h
	Loài / mẫu	Tảo Desmodesmus subspicatus
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
	Loại giá trị	NOEC
	Giá trị	100 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	72 h
	Loài / mẫu	Tảo Desmodesmus subspicatus
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
Orthophosphoric acid 7664-38-2	Loại giá trị	IC50
	Giá trị	270 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Vi khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm	3 h
	Loài / mẫu	activated sludge
	Phương pháp	OECD Guideline 209 (Activated Sludge, Respiration Inhibition Test)

Độ bền và khả năng phân hủy

Butanone 78-93-3	Kết quả	dễ phân hủy sinh học
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	> 60 %
	Phương pháp	OECD 301 A - F
Ethyl acetate 141-78-6	Kết quả	dễ phân hủy sinh học
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	100 %
	Phương pháp	OECD Guideline 301 D (Ready Biodegradability: Closed Bottle Test)
Methoxypropyl acetate 2- 108-65-6	Kết quả	Phân hủy sinh học
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	100 %
	Phương pháp	OECD Guideline 302 B (Inherent biodegradability: Zahn-Wellens/EMPA Test)
	Kết quả	dễ phân hủy sinh học
	Đường xâm nhập	
	Khả năng phân hủy	90 %
	Phương pháp	OECD Guideline 301 F (Ready Biodegradability: Manometric Respirometry Test)
Tetramethylene dimethacrylate 2082-81-7	Kết quả	dễ phân hủy sinh học
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	84 %
	Phương pháp	OECD Guideline 310 (Ready BiodegradabilityCO2 in Sealed Vessels (Headspace Test)
2-Hydroxyethyl methacrylate 868-77-9	Kết quả	dễ phân hủy sinh học
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	92 - 100 %
	Phương pháp	OECD Guideline 301 C (Ready Biodegradability: Modified MITI Test (I))

Tích lũy sinh học và sự biến dổi trong đất

Butanone 78-93-3	LogPow		0.29
	Nhiệt độ		
	Phương pháp		không quy định
Ethyl acetate 141-78-6	LogPow		0.6
	Nhiệt độ		
	Phương pháp		OECD Guideline 107 (Partition Coefficient (n-octanol / water), Shake Flask Method)
Methylcyclohexane 108-87-2	LogPow		3.61
	Nhiệt độ		
	Phương pháp		không quy định
Methoxypropyl acetate 2- 108-65-6	LogPow		0.56
	Nhiệt độ		
	Phương pháp		không quy định
Tetramethylene dimethacrylate 2082-81-7	LogPow		3.1
	Nhiệt độ		
	Phương pháp		OECD Guideline 117 (Partition Coefficient (n-octanol / water), HPLC Method)
2-Hydroxyethyl methacrylate 868-77-9	LogPow		0.42
	Nhiệt độ		25 °C
	Phương pháp		OECD Guideline 107 (Partition Coefficient (n-octanol / water), Shake Flask Method)

Phần 13: Lưu ý khi thải bỏ

Sản phẩm

Phương pháp thải bỏ: Thải bỏ theo qui định của địa phương và nước sở tại.

Bao bì

Xử lý bao bì nhiễm hóa chất Bao bì mà không thể được làm sạch sẽ được thải bỏ theo cách tương tự như sản phẩm.

Phần 14: Thông tin vận chuyển

Vận chuyển đường bộ ADR:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Mã phân loại:	F1
Số nhận dạng nguy hại:	33
Số UN.:	1139
Nhãn nguy hại:	3
Tên kỹ thuật:	COATING SOLUTION
Thông tin thêm:	Điều khoản đặc biệt 640D

Vận chuyển hàng nguy hại đường sắt RID:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Mã phân loại:	F1
Số nhận dạng nguy hại:	33
Số UN.:	1139
Nhãn nguy hại:	3
Tên kỹ thuật:	COATING SOLUTION
Thông tin thêm:	Điều khoản đặc biệt 640D

Vận chuyển hàng nguy hại đường thủy nội địa ADN:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Mã phân loại:	F1
Số nhận dạng nguy hại:	
Số UN.:	1139
Nhãn nguy hại:	3
Tên kỹ thuật:	COATING SOLUTION
Thông tin thêm:	Điều khoản đặc biệt 640D

Vận chuyển hàng nguy hại đường biển IMDG:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Số UN.:	1139
Nhãn nguy hại:	3
EmS:	F-E ,S-E
Ô nhiễm nước biển:	-
Tên vận chuyển hàng hóa:	COATING SOLUTION

Vận chuyển hàng nguy hại đường hàng không IATA:

Nhóm:	3
Nhóm đóng gói:	II
Hướng dẫn đóng gói (hành khách):	353
Hướng dẫn đóng gói (hàng hoá):	364
Số UN.:	1139
Nhãn nguy hại:	3
Tên vận chuyển hàng hóa:	Coating solution

Phần 15. Thông tin quy định

Thông tin chung: Bảng dữ liệu an toàn này được tạo ra dựa trên Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 (Quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất)

Global inventory status:

Regulatory list	Notification
TSCA	có
AICS	có
DSL	có
KECI (KR)	có
PICCS (PH)	có
IECSC	có
NZIOC	có

Phần 16: Thông tin khác

Từ chối trách nhiệm: Thông tin này được dựa trên mức độ hiểu biết hiện tại của chúng tôi và liên quan đến sản phẩm tại địa phương trong đó nó được chuyển giao. Thông tin được mô tả cho sản phẩm của chúng tôi xuất phát từ quan điểm của các yêu cầu an toàn và không có ý định để đảm bảo bất kỳ những đặc tính liên quan.

CÔNG TY TNHH HWASEUNG CHEMICAL VIỆT NAM
M.S.D.N: 3603601951 - C.T.T.N.H.H
NHƠN TRẠCH - T.ĐỒNG NAI

HSCV
HWASEUNG

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN

PW-700(V)

Ngày phát hành: 2018-07-28 **Ngày sửa đổi: 2021-06-15** **Bản: R0003.0002**

1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ NHÀ SẢN XUẤT/ NHÀ PHÂN PHỐI

A. Tên sản phẩm

- PW-700(V)

B. Khuyến cáo sử dụng và nghiêm cấm

- Mục đích sử dụng : Chất xử lý
- Nghiêm cấm : Không có thông tin

C. Thông tin nhà sản xuất/ nhà cung ứng/ nhà phân phối:

○ **Thông tin nhà sản xuất:**

- Tên công ty CÔNG TY TNHH HWASEUNG CHEMICAL VIỆT NAM
- Địa chỉ Đường số 8, KCN Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiền, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Dept. : Chemical Research Team
- Số điện thoại : +84-251-3560800
- Số điện thoại khẩn cấp : +84-251-3560800
- Số Fax : +84-251-3560782
- Địa chỉ Email : bkpark@hscv.kr

○ **Thông tin nhà cung ứng/ nhà phân phối:**

- Tên công ty CÔNG TY TNHH HWASEUNG CHEMICAL VIỆT NAM
- Địa chỉ Đường số 8, KCN Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiền, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Dept. : Chemical Sales Team
- Số điện thoại : +84-251-3560800
- Số điện thoại khẩn cấp : +84-251-3560800
- Số Fax : +84-251-3560782
- Địa chỉ Email : bkpark@hscv.kr

2. THÔNG TIN NGUY HẠI

A. Phân loại theo GHS

- Sự ăn mòn/kích ứng da : Loại 1A
- Gây tổn thương/kích ứng nghiêm trọng cho mắt : Loại 1
- Specific target organ toxicity (Nhiễm độc duy nhất) : Loại 3 (Gây buồn ngủ)
- Specific target organ toxicity (Nhiễm độc duy nhất) : Loại 3 (Kích ứng đường hô hấp)
- Nguy hiểm cho đường hô hấp: Loại 2

B. Nhãn theo GHS

○ **Biểu tượng cảnh báo**



○ **Từ cảnh báo**

- Nguy hiểm

○ **Cảnh báo nguy cơ**

- H305 Có thể nguy hại nêua nuốt phải hoặc đi vào đường hô hấp.

- H314 Nguyên nhân gây bỏng da ngiêm trọng và tổn thương mắt.
- H318 Nguyên nhân gây nguy hiểm nghiêm trọng cho mắt.
- H335 Có thể gây kích ứng cơ quan hô hấp.
- H336 Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt

○ **Biện pháp phòng ngừa**

1) Phòng ngừa

- P260 Không hít bụi/khói/khí/sương/các hơi/bụi xịt.
- P261 Tránh hít bụi/khói/khí/sương/các hơi/bụi xịt.
- P264 Rửa tay thật sạch sau khi làm việc.
- P271 Chỉ sử dụng hóa chất ở khu vực thông thoáng.
- P280 Mang bao tay bảo vệ/quần áo bảo hộ/kính bảo hộ/tấm che mặt.

2) Xử lý khi có sự cố phơi nhiễm

- P301+P310 NẾU NUỐT PHẢI: Nhanh chóng gọi cho TRUNG TÂM PHÒNG ĐỘC hoặc bác sĩ/nhân viên y tế.
- P301+P330+P331 NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. Không nôn.
- P303+P361+P353 NẾU DÍNH TRÊN DA (hoặc tóc): Lập tức cởi bỏ tất cả quần áo đã bị nhiễm hóa chất. Rửa sạch bằng nước/tắm.
- P304+P340 NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân đến nơi thoáng khí và giữ ở tư thế thoải mái, dễ thở.
- P305+P351+P338 NẾU BỊ VĂNG VÀO MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong nhiều phút. Tháo kính áp tròng nếu có để dễ dàng rửa, sau đó tiếp tục rửa.
- P310 Nhanh chóng gọi cho TRUNG TÂM PHÒNG ĐỘC hoặc bác sĩ/nhân viên y tế.
- P312 Gọi cho TRUNG TÂM PHÒNG ĐỘC hoặc bác sĩ/nhân viên y tế nếu thấy không ổn.
- P321 Điều trị cụ thể.
- P331 Không được nôn.
- P363 Giặt sạch quần áp trước khi sử dụng.

3) Lưu trữ

- P403+P233 Đóng chặt nắp thùng chứa và lưu trữ ở nơi thông thoáng.
- P405 Khóa lại.

4) Thải bỏ

- P501 Thải bỏ sản phẩm/bao bì phải phù hợp với quy định tại địa phương/khu vực/quốc gia.

C. Các mối nguy hại khác không có kết quả trong phân loại : (Phân loại theo NFPA)

○**Phân loại NFPA (0 ~ 4 mức)**

- Sức khỏe : 3, Tính cháy : 0, Độ phản ứng : 0

3.THÔNG TIN THÀNH PHẦN

Tên hóa chất	Tên thương mại và từ đồng nghĩa	Số CAS	Định lượng (%)
Nước	Dihydrogen oxide ; Oxidane	7732-18-5	40 ~50
Acetone	Dimethyl ketone ; Methyl ketone ; Ketone propane ; Beta-ketopropane ; 2-Propanone ; Propanone ; Dimethyl formaldehyde ; Dimethylketal ; Acetone oil ;	67-64-1	40 ~ 50

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

A. Tiếp xúc mắt

- Không chà mắt.
- Nhanh chóng rửa mắt với nhiều nước ít nhất 15 phút và gọi cho bác sĩ/nhân viên y tế.
- Cần chăm sóc y tế ngay.
- Tháo bỏ kính áp tròng nếu có.

B. Tiếp xúc da

- Rửa da với nhiều nước ít nhất 15 phút, trong khi cởi quần áo và giày nhiễm hóa chất.
- Giặt sạch quần áo nhiễm hóa chất trước khi sử dụng.

- Chăm sóc y tế ngay.
- Ngăn chặn sự lan hóa chất trên da.
- Rửa sạch sau khi xử lý hóa chất.

C. Hít phải

- Di chuyển đến nơi có không khí trong lành.
- Điều trị cụ thể nếu cần thiết.
- Chăm sóc y tế ngay.

D. Nuốt phải

- Về việc gây nôn mửa nên tham khảo lời khuyên của bác sĩ.
- Súc miệng bằng nước ngay lập tức.
- Chăm sóc y tế ngay.
- Nếu nuốt phải, uống nhiều nước và không nôn ra.

E. Những ảnh hưởng tức thời và lâu dài khi tiếp xúc với sản phẩm trong thời gian ngắn hay dà

- Không có thông tin

F. Lưu ý cho bác sĩ

- Thông báo cho nhân viên y tế ở nơi bị nhiễm hóa chất để họ có biện pháp bảo vệ thích hợp.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

A. Phương tiện chữa cháy phù hợp

- Hóa chất khô, CO_2, bọt chữa cháy
- Tránh sử dụng vòi nước để dập tắt đám cháy

B. Các mối nguy hại từ hóa chất

- Không có thông tin

C. Phương pháp chữa cháy đặc biệt

- Di chuyển các thùng chứa hóa chất từ khu vực cháy đến khu vực an toàn.
- Làm mát thùng chứa với nước.
- Lập tức sơ tán khi có âm thanh báo cháy.
- Thông báo cho trạm cứu hỏa ở địa phương và đặc tính nguy hiểm của đám cháy.
- Giữ mát thùng chứa bằng cách phun nước.
- Hơi và khí khi cháy có thể lan truyền rất nhanh.

6. PHÒNG TRÁNH NGUY HẠI

A. Biện pháp bảo vệ cá nhân, thiết bị bảo hộ và qui trình khẩn

- Thông gió cho không gian kín trước khi vào.
- Đứng ngược chiều gió, tránh xa nơi thấp trũng.
- Di chuyển các thùng chứa hóa chất từ khu vực nguy hiểm đến khu vực an toàn.
- Không đổ nước trực tiếp vào chỗ bị rò rỉ.
- Tránh tiếp xúc với da hoặc hít phải.

B. Biện pháp bảo vệ môi trường

- Không được đổ nước trực tiếp ra cống rãnh.
- Nếu tràn đổ với số lượng lớn, phải thông báo cho cơ quan có liên quan.

C. Phương pháp cho sự ngăn chặn và làm sạch

- Tràn chảy lớn: làm đê chắn vật liệu chảy tràn.
- Thông báo cho chính quyền địa phương.
- Xả thải phải phù hợp với quy định hiện hành
- Phải có thùng chứa hóa chất thải

- Tràn chảy nhỏ: sử dụng vật liệu không cháy hoặc cát.
- Lau sạch dung môi
- Không sử dụng thùng chứa bằng nhựa dẻo.

7.SỬ DỤNG VÀ LƯU TRỮ

A. Các biện pháp phòng ngừa cho sử dụng an toàn

- Các thùng chứa lưu lại hóa chất dư phải tuân theo BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN (MSDS) và nhãn cảnh báo.
- Kiểm soát kỹ thuật và trang thiết bị bảo hộ cá nhân.
- Đặt trong môi trường thông thoáng.
- Phải mang giày và quần áo chống tĩnh điện.
- Không hít hơi kéo dài hoặc lặp lại.

B. Các điều kiện lưu trữ an toàn

- Lưu trữ hóa chất nơi mát mẻ, khô thoáng.
- Không sử dụng thùng chứa bị hư, hỏng.
- Không tác động mạnh lên thùng chứa.
- Cấm lửa.
- Ngăn chặn mạch tĩnh điện và tránh xa các vật liệu dễ cháy hoặc các nguồn nhiệt.
- Chứa hóa chất trong thùng kín.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM /BẢO VỆ CÁ NHÂN

A. Giới hạn phơi nhiễm

- **ACGIH TLV**
  - [Acetone] : TWA, 500 ppm(1188 mg/m3) STEL, 750 ppm (1782 mg/m3)
- **OSHA PEL**
  - [Acetone]:1000ppm 2400mg/m3

B. Kiểm soát kỹ thuật

- Sử dụng một hệ thống thoát khí tại chỗ hoặc hệ thống chung được khuyến cáo sử dụng để giảm sự nhiễm độc cho nhân viên. Hệ thống tại chỗ nói chung được dùng nhiều vì nó có thể kiểm soát sự phát tán ra khu vực chung.

C. Thiết bị bảo vệ cá nhân

- **Bảo vệ hô hấp**
  - Đeo khẩu trang carbon.
  - Lắp đặt hệ thống thông gió. Thiết bị thông gió phải chống cháy nổ.
  - Xem xét đặc tính cảnh báo trước khi sử dụng.
  - Nếu sự nguy hại vượt quá giới hạn cho phép thậm chí dưới điều kiện có hệ thống thông gió thì phải mang khẩu trang phòng độc thích hợp.
- **Bảo vệ mắt**
  - Đeo kính bảo hộ thích hợp. Nếu ở nơi làm việc có các công cụ hoặc thiết bị bảo vệ mắt khác thì không cần phải phải đeo kính.
- **Bảo vệ tay**
  - Mang bao tay kháng hóa chất phù hợp như bao tay cao su hoặc nilong khi pha trộn hóa chất.
- **Bảo vệ da**
  - Mặt quần áo kháng hóa chất phù hợp.
- **Khác**
  - Không có thông tin

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ HÓA HỌC

A. Ngoại quan	
- Ngoại quan	Chất lỏng
- Màu sắc	Trong suốt, màu đỏ nhạt
B. Mùi	Không có thông tin
C. Ngưỡng mùi	Không có thông tin

D. pH	1 ~ 3
E. Điểm nóng chảy/ điểm đông đặc	Không có thông tin
F. Điểm sôi/khoảng sôi	56.1 °C
G. Điểm chớp cháy	Không có thông tin
H. Tốc độ bay hơi	Không có thông tin
I. Chất dễ cháy (rắn, khí)	Không có thông tin
J. Giới hạn nổ hoặc cháy trên/ dưới	Không có thông tin
K. Áp suất hơi	Không có thông tin
L. Độ hòa tan	Không có thông tin
M. Tỷ trọng hơi	Không có thông tin
N. Trọng lượng riêng	Không có thông tin
O. Hệ số phân ly n-octanol/nước	Không có thông tin
P. Nhiệt độ tự cháy	Không có thông tin
Q. Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin
R. Độ nhớt	-
S. Khối lượng phân tử	Không có thông tin

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

A. Ổn định hóa chất

- Ổn định nguyên liệu theo yêu cầu lưu trữ và xử lý.

B. Khả năng phản ứng nguy hại

- Không xảy ra các phản ứng trùng hợp polymer nguy hiểm.

C. Điều kiện cần tránh

- Tránh tiếp xúc với các vật liệu và điều kiện không tương thích.
- Tránh sự tích tụ của tia điện, nhiệt, ngọn lửa và bề mặt nóng.

D. Vật liệu không phù hợp

- Không có thông tin

E. Sản phẩm phân hủy nguy hại

- Có thể phát ra hơi dễ cháy nếu tiếp xúc với lửa.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

A. Thông tin về các bộ phận có thể nhiễm độc

- **(Hô hấp)**
  - Có thể nguy hại nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.
  - Có thể gây kích ứng hệ hô hấp.
- **(Nuốt phải)**
  - Không có thông tin.
- **(Mắt·Da)**
  - Gây nguy hiểm nghiêm trọng cho mắt.
  - Gây bỏng da nghiêm trọng và tổn thương mắt.

B. Tác dụng chậm và tức thời khi bị nhiễm độc

- **Độc cấp tính**

*** Nếu nuốt phải - >5000mg/kg**

- [Nước] : LD50 > 90000 mg/kg Rat (KOSHA)
- [Acetone] : LD50 = 5280 mg/kg Rat (EHC(1990), SIDS(1997))
- [Thành phần khác] : LD50 406 mg/kg Rat

*** Tiếp xúc da - ATE MIX : >5000mg/kg**

- [Acetone] : LD50 = 12870 mg/kg rabbit (EHC(1990), PATTY(1994), SIDS(1997))

- [Thành phần khác] : LD50 2000 mg/kg Rabbit

*** Hít phải - ATE MIX : >12.5mg/L**

- [Acetone] : Steam LC50 = 76 mg/L/4hr Rat
- [Thành phần khác] : LC50 12.5 mg/ℓ/4 hr Rat

○ **Gây kích ứng/ ăn mòn da**

- Gây bỏng da nghiêm trọng và tổn thương mắt.

○ **Gây kích ứng/ ăn mòn mắt**

- Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt

○ **Mẫn cảm với hệ hô hấp**

- Không có thông tin

○ **Mẫn cảm với da**

- Không có thông tin

○ **Chất gây ung thư**

*** IARC**

- Không có thông tin

*** OSHA**

- Không có thông tin

*** ACGIH**

- [Acetone] : A4

*** NTP**

- Không có thông tin

*** EU CLP**

- Không có thông tin

○ **Đột biến tế bào mầm**

- Không có thông tin.

○ **Độc tính đối với cơ quan sinh sản**

- Không có thông tin

○ **STOT-nhiễm độc duy nhất**

- Có thể gây chóng mặt và buồn ngủ.
- Có thể gây kích ứng hệ hô hấp.

○ **STOT-nhiễm độc lặp lại**

- Không có thông tin.

○ **Nguy hại khi hít phải**

- Có thể nguy hại nếu nuốt phải hoặc đi vào đường hô hấp.

12. THÔNG TIN VỀ HỆ SINH THÁI

A. Chất độc sinh thái

○ **Cá**

- [Acetone] : LC50 > 100 mg/ℓ 96 hr
- [Thành phần khác] : LC50 0.3 mg/ℓ 96 hr

○ **Động vật giáp sát**

- [Thành phần khác] : EC50 0.21 mg/ℓ 48 hr

○ **Tảo**

- Không có thông tin.

B. Độ bền và khả năng phân hủy

○ **Độ bền**

- [Nước] : log Kow = -1.38
- [Thành phần khác] : log Kow 0.26

○ **Khả năng phân hủy**

- Không có thông tin.

C. Tích tụ sinh học

○ **Tích tục sinh học**

- Không có thông tin

○ **Phân hủy sinh học**

- Không có thông tin

D. Sự biến đổi trong đất

- Không có thông tin

E. Tác nhân phụ khác

- Không có thông tin

13. LƯU Ý KHI THẢI BỎ

A. Phương pháp thải bỏ

- Từ hỗn hợp hai loại chất thải trở lên rất khó để xử lý chúng riêng biệt, có thể dùng cách đốt hoặc cách tương tự.
- Nếu có thể tách nước thì thực hiện quá trình tách nước.
- Xử lý bằng cách đốt.
- Phân loại hóa chất thải gốc dầu và gốc nước.

B. Phương pháp phòng ngừa đặc biệt

- Người sử dụng hóa chất phải tự mình xử lý hoặc ủy thác cho người vận hành cơ sở xử lý chất thải đã được cấp phép.
- Xử lý chất thải phải phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành.

14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

A. Số UN. (IMDG)

- 1133

B. Vận chuyển đường biển

- KEO DÁN, CHẤT LỎNG DỄ CHÁY

C. Nhóm nguy hại

- 3

D. Nhóm đóng gói

- III

E. Ô nhiễm đường biển

- Không áp dụng

F. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho các phương tiện vận chuyển

- Vận tải địa phương phải tuân thủ luật quản lý an toàn hàng hóa nguy hiểm.
- Đóng gói và vận chuyển phải tuân theo quy định của Sở Giao thông vận tải (DOT) và các quy định khác.
- EmS FIRE SCHEDULE : F-E (Non-water-reactive flammable liquids)
- EmS SPILLAGE SCHEDULE : S-D (Flammable liquids)

15. THÔNG TIN VỀ LUẬT HIỆN HÀNH

A. Thông tin quy định của các quốc gia hoặc quốc tế

○ **Theo luật quản lý POPs:**

- Không áp dụng

○ **Phân loại theo Châu Âu:**

*** Phân loại**

- [Acetone] : F; R11Xi; R36R66R67
- [Thành phần khác] : O; R8 Xn; R22 Xi; R36/37, R31 N; 50-53

*** Nhóm rủi ro**

- [Acetone] : R11, R36, R66, R67
- [Thành phần khác] : R8, R22, R31, R36/37, R50/53

*** Nhóm an toàn**

- [Acetone] : S2, S9, S16, S26, S46
- [Thành phần khác] : S2, S8, S26, S41, S60, S61

○ **Theo quy định của liên bang Mỹ:**

*** Quy trình an toàn theo OSHA (29CFR1910.119)**

- Không áp dụng

*** CERCLA: phần 103 (40CFR302.4)**

- [Acetone] : 2267.995 kg 5000 lb

*** EPCRA phần 302 (40CFR355.30)**

- Không áp dụng.

*** EPCRA phần 304 (40CFR355.40)**

- Không áp dụng

*** EPCRA phần 313 (40CFR372.65)**

- Không áp dụng

○ **Thành phần được liệt kê theo hiệp định Rotterdam (Hà Lan)**

- Không áp dụng

○ **Thành phần được liệt kê theo hiệp định Stockholm (Thụy Điển)**

- Không áp dụng

○ **Thành phần được liệt kê theo hiệp định Montreal (Canada)**

- Không áp dụng

16. THÔNG TIN KHÁC

A. Tham khảo:

- Thông tin trong tài liệu này là chính xác. Nó được cung cấp độc quyền cho sản phẩm và không bao gồm thông tin liên quan đến hiệu suất sản phẩm cũng như thông tin về vấn đề bảo hành của nhà cung ứng.

- Bảnng dữ liệu an toàn này đã được biên soạn dựa theo dữ liệu và thông tin từ các nguồn: KOSHA, NITE, ESIS, NLM, SIDS, IPCS.

B. Ngày phát hành:

- 2018-07-28

C. Số sửa đổi và ngày sửa

- Lần 2, 2021-06-15

D. Khác:

- Bảng thông tin an toàn này được soạn thảo dựa theo hệ thống "Globally Harmonized System" (GHS).

HSCV HWASEUNG

BẢNG THÔNG TIN AN TOÀN

PW-700(V)

Ngày phát hành: 2018-07-28 **Ngày sửa đổi: 2021-06-15** **Bản: R0003.0002**

1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ NHÀ SẢN XUẤT/ NHÀ PHÂN PHỐI

A. Tên sản phẩm

- PW-700(V)

B. Khuyến cáo sử dụng và nghiêm cấm

- Mục đích sử dụng : Chất xử lý
- Nghiêm cấm : Không có thông tin

C. Thông tin nhà sản xuất/ nhà cung ứng/ nhà phân phối:

○ **Thông tin nhà sản xuất:**

- Tên công ty CÔNG TY TNHH HWASEUNG CHEMICAL VIỆT NAM
- Địa chỉ Đường số 8, KCN Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiền, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Dept. : Chemical Research Team
- Số điện thoại : +84-251-3560800
- Số điện thoại khẩn cấp : +84-251-3560800
- Số Fax : +84-251-3560782
- Địa chỉ Email : bkpark@hscv.kr

○ **Thông tin nhà cung ứng/ nhà phân phối:**

- Tên công ty CÔNG TY TNHH HWASEUNG CHEMICAL VIỆT NAM
- Địa chỉ Đường số 8, KCN Nhơn Trạch 1, Xã Phước Thiền, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- Dept. : Chemical Sales Team
- Số điện thoại : +84-251-3560800
- Số điện thoại khẩn cấp : +84-251-3560800
- Số Fax : +84-251-3560782
- Địa chỉ Email : bkpark@hscv.kr

2. THÔNG TIN NGUY HẠI

A. Phân loại theo GHS

- Sự ăn mòn/kích ứng da : Loại 1A
- Gây tổn thương/kích ứng nghiêm trọng cho mắt : Loại 1
- Specific target organ toxicity (Nhiễm độc duy nhất) : Loại 3 (Gây buồn ngủ)
- Specific target organ toxicity (Nhiễm độc duy nhất) : Loại 3 (Kích ứng đường hô hấp)
- Nguy hiểm cho đường hô hấp: Loại 2

B. Nhãn theo GHS

○ **Biểu tượng cảnh báo**



○ **Từ cảnh báo**

- Nguy hiểm

○ **Cảnh báo nguy cơ**

- H305 Có thể nguy hại nêua nuốt phải hoặc đi vào đường hô hấp.

Vận chuyển hàng nguy hại đường sắt RID:
Không phải hàng hoá nguy hiểm

Vận chuyển hàng nguy hại đường thủy nội địa ADN:
Không phải hàng hoá nguy hiểm

Vận chuyển hàng nguy hại đường biển IMDG:
Không phải hàng hoá nguy hiểm

Vận chuyển hàng nguy hại đường hàng không IATA:
Không phải hàng hoá nguy hiểm

`Phần 15. Thông tin về pháp luật

Thông tin chung: Bảng dữ liệu an toàn này được tạo ra dựa trên Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 (Quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất)

Global inventory status:

Regulatory list	Notification
KECI (KR)	có
IECSC	có
AIIC	có
TCSI	có

Phần 16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

Từ chối trách nhiệm: Phiếu an toàn hóa chất được xây dựng dựa trên thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 (quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất).
Không áp dụng chế độ bảo hành hoặc bất kỳ hình thức tương đương nào khác đối với các quy định thực thi khác về xuất khẩu đang có hiệu lực thi hành hoặc các quy định của nước sở tại. Vui lòng xác nhận rằng các thông tin được cung cấp kèm theo đây tuân thủ các quy định về xuất khẩu hoặc bất kỳ quy định thực thi nào khác trước khi tiến hành xuất khẩu. Vui lòng liên hệ với bộ phận chịu trách nhiệm về an toàn sản phẩm và các quy định liên quan của Henkel để được hỗ trợ thêm. Thông tin này được dựa trên mức độ hiểu biết hiện tại của và liên quan đến sản phẩm tại địa phương được chuyển giao. Sản phẩm của chúng tôi được mô tả từ quan điểm về yêu cầu an toàn và nó không có ý định để đảm bảo bất kỳ đặc tính cụ thể nào.Thông tin này được dựa trên mức độ hiểu biết hiện tại của chúng tôi và liên quan đến sản phẩm tại địa phương trong đó nó được chuyển giao. Thông tin được mô tả cho sản phẩm của chúng tôi xuất phát từ quan điểm của các yêu cầu an toàn và không có ý định để đảm bảo bất kỳ những đặc tính liên quan.
Dear Customer,
Henkel is committed to creating a sustainable future by promoting opportunities along the entire value chain. If you would like to contribute by switching from a paper to the electronic version of SDS, please contact the local Customer Service representative. We recommend to use a non-personal email address (e.g. SDS@your_company.com).

Độ bền và khả năng phân hủy

Acetone 67-64-1	Kết quả	dễ phân hủy sinh học
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	81 - 92 %
	Phương pháp	Phương pháp EU C.4-C (Đánh giá "khả năng" phân hủy sinh học thử nghiệm trong bình kín)
2-Methyl-1,2-benzisothiazol-3(2H)-one 2527-66-4	Kết quả	Hòa tan nhanh chóng.
	Đường xâm nhập	không quy định
	Khả năng phân hủy	> 70 %
	Phương pháp	OECD Guideline 309 (Aerobic Mineralisation in Surface WaterSimulation Biodegradation Test)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Kết quả	Phân hủy sinh học
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	100 %
	Phương pháp	OECD Guideline 302 B (Inherent biodegradability: Zahn-Wellens/EMPA Test)
	Kết quả	dễ phân hủy sinh học
	Đường xâm nhập	hiếu khí
	Khả năng phân hủy	> 60 %
	Phương pháp	OECD Guideline 301 D (Ready Biodegradability: Closed Bottle Test)

Tích lũy sinh học và sự biến đổi trong đất

Acetone 67-64-1	LogPow	-0.24
	Nhiệt độ	
	Phương pháp	OECD Guideline 107 (Partition Coefficient (n-octanol / water), Shake Flask Method)
2-Methyl-1,2-benzisothiazol-3(2H)-one 2527-66-4	Chỉ số nồng độ sinh học (BCF)	< 100
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	không có dữ liệu
	Nhiệt độ	
	Phương pháp	không quy định
2-Methyl-1,2-benzisothiazol-3(2H)-one 2527-66-4	LogPow	1.4
	Nhiệt độ	
	Phương pháp	OECD Guideline 107 (Partition Coefficient (n-octanol / water), Shake Flask Method)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Chỉ số nồng độ sinh học (BCF)	3.6
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	tính toán
	Nhiệt độ	
	Phương pháp	QSAR (Quantitative Structure Activity Relationship)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	LogPow	> -0.71 - 0.75
	Nhiệt độ	20 °C
	Phương pháp	OECD Guideline 117 (Partition Coefficient (n-octanol / water), HPLC Method)

Phần 13. Thông tin về thải bỏ

Sản phẩm

Phương pháp thải bỏ: Thải bỏ theo qui định của địa phương và nước sở tại.

Bao bì

Xử lý bao bì nhiễm hóa chất Bao bì mà không thể được làm sạch sẽ được thải bỏ theo cách tương tự như sản phẩm.

Phần 14. Thông tin khi vận chuyển

Vận chuyển đường bộ ADR:
Không phải hàng hoá nguy hiểm

	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	8 d
	Loài / mẫu	Vi khuẩn lam Microcystis aeruginosa
	Phương pháp	DIN 38412-09
Acetone 67-64-1	Loại giá trị	EC10
	Giá trị	1,000 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Vi khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm	30 min
	Loài / mẫu	Pseudomonas putida
	Phương pháp	DIN 38412, part 27 (Bacterial oxygen consumption test)
2-Methyl-1,2-benzisothiazol-3(2H)-one 2527-66-4	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	0.24 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Cá hồi vân
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 203 (Cá, Kiểm tra Độc tính Cấp tính)
2-Methyl-1,2-benzisothiazol-3(2H)-one 2527-66-4	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	0.92 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Bọ nước
	Phương pháp	OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)
2-Methyl-1,2-benzisothiazol-3(2H)-one 2527-66-4	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	0.33 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	72 h
	Loài / mẫu	Tảo đơn bào Pseudokirchnerella subcapitata
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
	Loại giá trị	EC10
	Giá trị	0.04 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	72 h
	Loài / mẫu	Tảo đơn bào Pseudokirchnerella subcapitata
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	0.22 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Cá hồi vân
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 203 (Cá, Kiểm tra Độc tính Cấp tính)
	Loại giá trị	NOEC
	Giá trị	0.098 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	28 d
	Loài / mẫu	Cá hồi vân
	Phương pháp	OECD 210 (kiểm tra độc tính trên giai đoạn đầu đời của cá)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	0.12 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Bọ nước
	Phương pháp	OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	0.0052 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Tảo Skeletonema costatum
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
	Loại giá trị	NOEC
	Giá trị	0.00064 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Tảo
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Tảo Skeletonema costatum
	Phương pháp	OECD Guideline 201 (Alga, Growth Inhibition Test)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Loại giá trị	EC20
	Giá trị	0.97 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Vi khuẩn
	Thời gian phơi nhiễm	3 h
	Loài / mẫu	activated sludge
	Phương pháp	OECD Guideline 209 (Activated Sludge, Respiration Inhibition Test)

55965-84-9	gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	Drosophila melanogaster
	Phương pháp	OECD Guideline 477 (Genetic Toxicology: Sex-linked Recessive Lethal Test in Drosophila melanogaster)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	qua đường miệng: vào dạ dày
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 486 (Unscheduled DNA Synthesis (UDS) Test with Mammalian Liver Cells in vivo)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	qua đường miệng: vào dạ dày
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	EPA OPP 84-2 (Mutagenicity Testing)

Độc tính với liều lặp lại:

Acetone 67-64-1	Kết quả	NOAEL=900 mg/kg
	Đường xâm nhập	qua đường miệng: uống nước
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	13 wdaily
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 408 (Repeated Dose 90-Day Oral Toxicity in Rodents)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Kết quả	NOAEL=16.3 mg/kg
	Đường xâm nhập	qua đường miệng: uống nước
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	90 ddaily
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 408 (Repeated Dose 90-Day Oral Toxicity in Rodents)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Kết quả	NOAEL=0.34 mg/m3
	Đường xâm nhập	hít phải: bình phun
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	90 d6 h/d, 5 d/w
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 413 (Subchronic Inhalation Toxicity: 90-Day)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Kết quả	NOAEL=2.625 mg/kg
	Đường xâm nhập	da
	Thời gian phơi nhiễm/ Tần suất thử nghiệm	90 d6 h/d
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	EPA OPP 82-3 (Độc cận mãn tính trên da 90 ngày)

Phần 12. Thông tin về sinh thái

Thông tin sinh thái: Không được đổ vào cống rãnh / bề mặt sông ngòi / nước ngầm.

Chất độc môi sinh: Nguy hại và ảnh hưởng lâu dài cho môi trường nước.

Độc tính:

Acetone 67-64-1	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	8,120 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Cá
	Thời gian phơi nhiễm	96 h
	Loài / mẫu	Cá tuế đầu to (Pimephales promelas)
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 203 (Cá, Kiểm tra Độc tính Cấp tính)
Acetone 67-64-1	Loại giá trị	EC50
	Giá trị	8,800 mg/l
	Nghiên cứu độ độc cấp tính	Daphnia
	Thời gian phơi nhiễm	48 h
	Loài / mẫu	Bọ nước Daphnia pulex
	Phương pháp	OECD Guideline 202 (Daphnia sp. Acute Immobilisation Test)
Acetone 67-64-1	Loại giá trị	NOEC
	Giá trị	530 mg/l

Đột biến tế bào mầm:

Acetone 67-64-1	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
Acetone 67-64-1	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến nhiễm sắc thể trên động vật có vú ở quy mô phòng thí nghiệm
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 473 (In vitro Mammalian Chromosome Aberration Test)
Acetone 67-64-1	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thí nghiệm đột biến gien trên tế bào ở động vật có vú
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	without
	Phương pháp	OECD Guideline 476 (In vitro Mammalian Cell Gene Mutation Test)
Acetone 67-64-1	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	qua đường miệng: uống nước
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Kết quả	không rõ ràng
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến ngược trên vi khuẩn (ví dụ: Thử nghiệm Ames)
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	equivalent or similar to OECD Guideline 471 (Bacterial Reverse Mutation Assay)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Kết quả	dương tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thử nghiệm đột biến nhiễm sắc thể trên động vật có vú ở quy mô phòng thí nghiệm
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	EPA OPP 84-2 (Mutagenicity Testing)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Kết quả	dương tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	thí nghiệm đột biến gien trên tế bào ở động vật có vú
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	có và không có
	Phương pháp	OECD Guideline 476 (In vitro Mammalian Cell Gene Mutation Test)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	Thử nghiệm sự phá hủy và phục hồi của DNA, sự tổng hợp DNA trong tế bào của động vật có vú
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	Không áp dụng
	Phương pháp	OECD Guideline 482 (Genetic Toxicology: DNA Damage and Repair, Unscheduled DNA Synthesis in Mammalian Cells In Vitro)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	qua đường miệng: vào dạ dày
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 474 (Mammalian Erythrocyte Micronucleus Test)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	qua đường miệng: vào dạ dày
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 475 (Mammalian Bone Marrow Chromosome Aberration Test)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone	Kết quả	âm tính
	Loài thử nghiệm/ Đường tiếp xúc	đường miệng: ăn phải
	Thúc đẩy quá trình trao đổi chất/ Thời	

Mẫn cảm với da hoặc hệ hô hấp:

Acetone 67-64-1	Kết quả	không gây mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thử nghiệm tối đa trên chuột lang
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	không quy định
2-Methyl-1,2-benzisothiazol-3(2H)-one 2527-66-4	Kết quả	mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thí nghiệm hạch bạch huyết trên chuột (LLNA)
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 429 (Skin Sensitisation: Local Lymph Node Assay)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Kết quả	mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thử nghiệm tối đa trên chuột lang
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 406 (Mẫn cảm trên da)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Kết quả	mẫn cảm
	Cách kiểm tra	Thí nghiệm hạch bạch huyết trên chuột (LLNA)
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định

Độc tính cấp tính qua đường hô hấp:

Acetone 67-64-1	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	76 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	4 h
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
2-Methyl-1,2-benzisothiazol-3(2H)-one 2527-66-4	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	> 0.53 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	4 h
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 403 (Độc tính cấp tính đường hô hấp)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Loại giá trị	LC50
	Giá trị	0.171 mg/l
	Thời gian phơi nhiễm	4 h
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 403 (Độc tính cấp tính đường hô hấp)

Độc tính cấp tính trên da:

Acetone 67-64-1	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	> 15,688 mg/kg
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	Thử nghiệm Draize
2-Methyl-1,2-benzisothiazol-3(2H)-one 2527-66-4	Loại giá trị	Ước tính Độc tính cấp tính (ATE)
	Giá trị	1,100 mg/kg
	Loài / mẫu	
	Phương pháp	Theo đánh giá của chuyên gia
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	87.12 mg/kg
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 402 (Độc tính cấp tính trên da)

Gây kích ứng/ăn mòn da:

Acetone 67-64-1	Kết quả	không gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	Chuột lang
	Phương pháp	không quy định
2-Methyl-1,2-benzisothiazol-3(2H)-one 2527-66-4	Kết quả	ăn mòn
	Thời gian phơi nhiễm	4 h
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 404 (Gây kích ứng/ăn mòn da)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Kết quả	ăn mòn
	Thời gian phơi nhiễm	4 h
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 404 (Gây kích ứng/ăn mòn da)

Gây kích ứng/ăn mòn mắt:

Acetone 67-64-1	Kết quả	gây kích ứng
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	OECD Hướng dẫn 405 (Kích ứng /ăn mòn cấp tính trên mắt)
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Kết quả	Loại 1 (ảnh hưởng không thể phục hồi lên mắt)
	Thời gian phơi nhiễm	
	Loài / mẫu	thỏ
	Phương pháp	không quy định

Nhiệt độ tự cháy:	Không có thông tin
Nhiệt độ phân huỷ:	Không có thông tin
Độ nhớt: (; Thiết bị: LVT; 30 °C (86 °F); tốc độ: 12 min-1; Kim đo Số: 3; Phương pháp: ;; Brookfield viscosity)	5,000 - 8,000 cp
Hàm lượng chất hữu cơ dễ bay hơi:	Không có thông tin

Phần 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Khả năng phản ứng/Vật liệu không tương thích:	Không nếu được sử dụng đúng mục đích.
Độ ổn định hoá học:	Ổn định dưới điều kiện bảo quản như được khuyến nghị.
Các điều kiện cần tránh:	Không phân hủy nếu sử dụng đúng cách.
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm:	Không nếu được sử dụng đúng mục đích.

Phần 11. Thông tin về độc tính

Thông tin về độc hại chung: Theo kiến thức của chúng tôi không có ảnh hưởng có hại có thể xảy ra nếu sử dụng và xử lý đúng cách.

Các triệu chứng tiếp xúc quá mức: Không đề cập.

Độc tính cấp tính qua miệng:

Acetone 67-64-1	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	5,800 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
2-Methyl-1,2-benzisothiazol-3(2H)-one 2527-66-4	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	175 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	không quy định
2-Methyl-1,2-benzisothiazol-3(2H)-one 2527-66-4	Loại giá trị	Ước tính Độc tính cấp tính (ATE)
	Giá trị	175 mg/kg
	Loài / mẫu	
	Phương pháp	Theo đánh giá của chuyên gia
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	Loại giá trị	LD50
	Giá trị	66 mg/kg
	Loài / mẫu	chuột
	Phương pháp	OECD Guideline 401 (Acute Oral Toxicity)

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần nguy hại và các thông số cần kiểm soát nơi làm việc:

Acetone 67-64-1	**Loại giá trị**	Giới hạn tiếp xúc Ca làm việc (TWA):
	ppm	250
	Ghi chú	ACGIH
ACETON 67-64-1	**Loại giá trị**	Nồng độ bình quân có thể tiếp xúc (TWA):
	mg/m^3	200
	Ghi chú	VN OEL
Acetone 67-64-1	**Loại giá trị**	Giới hạn Tiếp xúc Ngắn (STEL):
	ppm	500
	Ghi chú	ACGIH
ACETON 67-64-1	**Loại giá trị**	Giới hạn tiếp xúc ngắn hạn (STEL):
	mg/m^3	1,000
	Ghi chú	VN OEL

Bảo vệ hô hấp: Đảm bảo thông gió tốt.

Bảo vệ tay: Đeo găng tay kháng hóa chất. Theo hướng dẫn của nhà sản xuất găng tay.
Lưu ý rằng khi làm việc, khả năng kháng hóa chất của găng tay có thể giảm đáng kể do ảnh hưởng của nhiều yếu tố (ví dụ: nhiệt độ). Việc đánh giá rủi ro nên được thực hiện bởi người sử dụng.
Nếu có dấu hiệu mòn và rách thì găng tay cần được thay thế.

Bảo vệ mắt: Đeo kính bảo hộ, tấm che mặt (nếu có nguy cơ văng hóa chất).
Nên sử dụng dụng cụ bảo hộ mắt theo EN 166.

Bảo vệ cơ thể: quần áo bảo hộ phù hợp.
Quần áo bảo hộ theo EN 14605 đối với nguy cơ văng chất lỏng hoặc EN 13982 đối với bụi.

Kiểm soát kỹ thuật: Đảm bảo lưu trữ ở nơi thông thoáng.

Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh: Lắp đặt vòi rửa mắt, vòi tắm để sử dụng trong trường hợp khẩn cấp.

Các biện pháp vệ sinh: Không ăn, uống, hoặc hút thuốc khi làm việc. Rửa tay trước giờ nghỉ giữa ca và sau khi kết thúc công việc. Thực hành vệ sinh công nghiệp và luôn được giám sát.

Phần 9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Ngoại quan:	trắng lỏng
Mùi:	giống nhựa cây.
Ngưỡng mùi (CA):	Không có thông tin
pH: (Nồng độ: 100 %)	5.5 - 8.5
Điểm nóng chảy / Điểm đông đặc:	Không có thông tin
Trọng lượng riêng:	Không có thông tin
Điểm sôi:	100 °C (212 °F)
Điểm chớp cháy:	Không áp dụng
Tốc độ bay hơi:	Không có thông tin
Chất dễ cháy (rắn, khí):	Không có thông tin
Giới hạn nổ dưới:	Không có thông tin
Giới hạn nổ trên:	Không có thông tin
Áp suất hóa hơi:	Không có thông tin
Tỷ trọng hơi:	Không có thông tin
Khối lượng riêng:	Không có thông tin
Độ hòa tan:	Không có thông tin
Hệ số phân ly: n-octanol/nước:	Không có thông tin

Phần 4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Hít phải: Di chuyển đến nơi thoáng khí, tham khảo ý kiến bác sĩ nếu thấy khó thở.

Tiếp xúc với da: Rửa sạch bằng nước và xà phòng.
Chăm sóc y tế.

Tiếp xúc mắt: Nếu tiếp xúc với mắt, nhanh chóng rửa với nhiều nước và tìm lời khuyên của nhân viên y tế.

Nuốt phải: Khi nạn nhân bất tỉnh, không được cho bất cứ gì vào miệng của nạn nhân
Nếu nạn nhân nôn, giữ cho đầu thấp hơn phần hông để tránh hít ngược vào.
Tham khảo ý kiến bác sỹ.

Phần 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp: Phun nước (sương mù), bọt chữa cháy, hóa chất hay carbon dioxide.

Các mối nguy từ hóa chất: Trong trường hợp cháy các loại khí độc hại có thể được sinh ra.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt và biện pháp phòng ngừa hỏa hoạn: Lính cứu hỏa phải mặc áo chuyên dụng, máy thở khép kín (SCBA).
Trong trường hợp cháy, làm mát thùng chứa bằng cách phun nước.

Phần 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Biện pháp bảo vệ cá nhân: Trang bị bảo hộ.

Biện pháp bảo vệ môi trường: Không được đổ vào cống rãnh / bề mặt sông ngòi / nước ngầm.

Các phương pháp làm sạch: Thu gom bằng vật liệu thấm hút trơ (ví dụ: cát, silica gel, chất kết dính acid, chất kết dính tổng hợp, mạt cựa).
Hủy bỏ vật liệu nhiễm hóa chất như chất thải theo Điều 13.

Phần 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Sử dụng: Tránh tiếp xúc với da và mắt.
Chỉ sử dụng trong khu vực thông thoáng.

Lưu trữ: Lưu trữ ở nhiệt độ 5°C đến 35°C.
Đóng chặt nắp thùng chứa và lưu trữ ở nơi thoáng mát.
Tránh xa nguồn lửa.

Cảnh báo nguy cơ:
H317 Có thể gây dị ứng da.
H412 Có hại và tác động lâu dài cho thủy sinh vật.

Biện pháp phòng ngừa:

Biện pháp phòng ngừa:
P261 Tránh hít bụi/khói/khí/sương/các hơi/bụi xịt.
P272 Quần áo làm việc bị ô nhiễm không nên mang khỏi nơi làm việc.
P273 Tránh phát tán ra môi trường.
P280 Sử dụng phương tiện bảo vệ mặt.

Xử lý khi có sự cố phơi nhiễm:
P302+P352 KHI BỊ DÍNH VÀO DA: Hãy rửa sạch bằng nhiều nước.
P333+P313 Nếu bị kích ứng da hoặc nổi mụn: Tìm bác sĩ hướng dẫn/chăm sóc.
P362+P364 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm và đem giặt trước khi dùng lại.

Thải bỏ:
P501 Thải bỏ vật liệu bên trong/dụng cụ đựng tại một cơ sở xử lý và thải bỏ phù hợp theo luật lệ và quy định hiện hành, và đặc tính của sản phẩm vào thời điểm thải bỏ.

Phần 3. Thông tin về thành phần các chất

Chất hoặc hỗn hợp:
Hỗn hợp

Thành phần khai báo:

Thành phần nguy hại, Số CAS.	Định lượng	Phân loại theo GHS
Acetone 67-64-1	0.1- 1 %	Chất lỏng dễ cháy 2 H225 Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng 2A H319 Độc tính hệ thống cơ quan mục tiêu - tiếp xúc một lần 3 H336
2-Methyl-1,2-benzisothiazol-3(2H)-one 2527-66-4	< 0.1 %	Độc tính cấp tính 3; Qua miệng H301 Độc tính cấp tính 4; Da H312 Ăn mòn/kích ứng da 1C H314 Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng 1 H318 Mẫn cảm với da 1A H317 Hiểm họa cấp cho môi trường nước 1 H400 Hiểm họa lâu dài cho môi trường nước 2 H411
Mixture, 3(2H)-Isothiazolone, 5-chloro-2-methyl-, mixt. with 2-methyl-3(2H)-isothiazolone 55965-84-9	< 0.01 %	Độc tính cấp tính 3; Qua miệng H301 Độc tính cấp tính 2; Hít H330 Độc tính cấp tính 2; Da H310 Ăn mòn/kích ứng da 1C H314 Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng 1 H318 Mẫn cảm với da 1A H317 Hiểm họa cấp cho môi trường nước 1 H400 Hiểm họa lâu dài cho môi trường nước 1 H410

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

LOCTITE AQUACE W-08

Số SDS : 653336
V001.7
Phiên bản: 02.03.2022
Ngày in: 14.03.2022

Phần 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Tên sản phẩm: LOCTITE AQUACE W-08

Các cách nhận biết khác: LOCTITE AQUACE W-08 20KG
Mã sản phẩm: IDH2553559
Khuyến cáo về sử dụng và hạn chế sử dụng sản phẩm

Mục đích sử dụng Keo dán

Thông tin về sản phẩm / nhà sản xuất/ nhà phân phối
Nhà sản xuất: Henkel Adhesive Technologies Vietnam Co., Ltd, No. 7, Road 9A Bien Hoa II Industrial Zone, Bien Hoa City, Dong Nai Province, Vietnam Phone: +84 28 7100 6301 Fax: +84 28 7100 6300

Người chịu trách nhiệm về bảng thông tin an toàn: ap-ua-psra.sea@henkel.com

Thông tin khẩn cấp CHỈ TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP (Tràn chảy, Rò rỉ nghiêm trọng, Cháy, Phơi nhiễm, hoặc Tai nạn). Liên hệ CHEMTREC: +1 703-741-5970

Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại theo GHS:

Loại nguy hại	Phân loại nguy hại
Chất gây mẫn cảm cho da	Loại 1
Hiểm họa lâu dài cho môi trường nước	Loại 3

Nhãn theo GHS:

Hình đồ cảnh báo:



Từ cảnh báo: Cảnh báo

HAN YOUNG INDUSTRY Co., Ltd.

Safety Data Sheet

WA-1C

1. Thông tin về hóa chất và công ty:

A. Tên sản phẩm	WA-1C
B. Công dụng	Keo PU tổng hợp gốc nước một thành phần
C. Công ty (Liên lạc khẩn cấp)	HANYOUNG INDUSTRY CO., LTD. #310-3 SANMAK-DONG, YANGSAN-CITY KYUNGNAM, KOREA TEL. 82-55-386-1925~6 FAX. 82-55-386-3149 E-MAIL : hyinc@hyind.kr

2. Thông tin nguy hại và rủi ro:

A. Cấp độ nguy hại — Chưa có thông tin

B. Tem GHS bao gồm lời



Từ ký hiệu	Cảnh báo
Cảnh báo nguy hại	H317 Có thể gây dị ứng da
Lời cảnh báo Ngăn chặn	P280 Mang găng bảo vệ, đồ bảo hộ, bảo vệ mắt và mặt.
Ứng phó	P302+P352 Nếu vào da, rửa nhiều nước. P332+P313 Nếu tiếp xúc da, xin trợ giúp y tế.

HAN YOUNG INDUSTRY Co., Ltd.

Safety Data Sheet

WA-1C

1. Thông tin về hóa chất và công ty:

A. Tên sản phẩm	WA-1C
B. Công dụng	Keo PU tổng hợp gốc nước một thành phần
C. Công ty (Liên lạc khẩn cấp)	HANYOUNG INDUSTRY CO., LTD. #310-3 SANMAK-DONG, YANGSAN-CITY KYUNGNAM, KOREA TEL. 82-55-386-1925~6 FAX. 82-55-386-3149 E-MAIL : hyinc@hyind.kr

2. Thông tin nguy hại và rủi ro:

A. Cấp độ nguy hại

Chưa có thông tin

B. Tem GHS bao gồm lời



Từ ký hiệu	Cảnh báo
Cảnh báo nguy hại	H317 Có thể gây dị ứng da
Lời cảnh báo Ngăn chặn	P280 Mang găng bảo vệ, đồ bảo hộ, bảo vệ mắt và mặt.
Ứng phó	P302+P352 Nếu vào da, rửa nhiều nước. P332+P313 Nếu tiếp xúc da, xin trợ giúp y tế.

Lưu trữ	P401 Lưu trữ phù hợp theo quy định nội bộ
Thải bỏ	P501 Thải bỏ rác/thùng rỗng phù hợp theo luật quản lý rác thải.

C. Những nguy hại khác không nằm theo phân loại theo (NFPA)

Sức khỏe	0
Cháy	0
Phản ứng	0

3. Thông tin về thành phần:

Tên hóa chất	Tên thông thường	Số CAS	Hàm lượng (%)
Polyurethane Resin	α-Hydro-ω-hydroxypoly(oxy-1,4-butanediyl)polymer with 5-isocyanato-1-(isocyanatomethyl)-1,3,3-trimethylcyclohexane	39378-01-3(KE-20223)	45 ~ 50
Nước	Dihydrogen Oxide	7732-18-5	50 ~ 55

4. Biện pháp sơ cứu:

A. Tiếp xúc mắt	Rửa ngay bằng nhiều nước trong 10 phút. Nếu cần thiết, xin trợ giúp y tế.
B. Tiếp xúc da	Rửa da bằng nhiều nước trong 10 phút. Nếu cần thiết, xin trợ giúp y tế.
C. Hít vào	Thông thường không yêu cầu sơ cấp cứu.
D. Nuốt vào	Nếu nuốt vào, xúc miệng bằng nước và gặp ngay bác sĩ.

E. Lưu ý đối với bác sĩ: Thực hiện biện pháp bảo vệ và nhân viên y tế phải hiểu biết về vật liệu đó.

5. Biện pháp chữa cháy, nổ:

A. Biện pháp chữa cháy phù hợp (không phù hợp)
Nước, các bon đi ô xít, bột khô,bọt...(phù hợp)
Vòi xịt áp lực cao (không phù hợp)

B. Biện pháp cụ thể phát sinh do hóa chất
Thùng đựng có thể gây nổ khi làm nóng.

C. Đồ bảo hộ khi chữa cháy và biện pháp bảo vệ.
Mang dụng cụ thở và đồ bảo hộ.

6. Biện pháp giảm thiểu tai nạn:

A. Biện pháp bảo vệ cá nhân, đồ bảo hộ và giải pháp.
Mang đồ bảo hộ.
Ngưng rò rỉ nếu không nguy hiểm.

B. Cảnh báo về môi trường/giải pháp
Rác thải bỏ phải được cơ quan chức năng của địa phương cấp phép.

C. Biện pháp vệ sinh/loại bỏ
Thấm hút chất lỏng và rửa sạch khu vực nhiễm bằng nước.

7. Cách xử trí và lưu trữ:

A. Cách xử trí an toàn
Không có yêu cầu đặc biệt nào về phòng tránh cháy nổ.

B. Biện pháp lưu trữ an toàn:
Giữ thùng chứa đậy kín.
Lưu trữ ở nhiệt độ thấp trong khoảng từ (5℃~35℃) và tránh làm đông.

8. Biện pháp kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân:

A. Giới hạn phơi nhiễm hóa chất
Quy định nội bộ — Chưa có thông tin

ACGIH	Chưa có thông tin
Giới hạn sinh học	Chưa có thông tin
B. Biện pháp kiểm soát phù hợp	Không có kiến nghị đặc biệt.

C. Đồ bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp	Nếu cần thiết, mang khẩu trang phù hợp.
Bảo vệ mắt	Nếu cần thiết, mang kính mắt phù hợp.
Bảo vệ tay	Nếu cần thiết, mang găng tay phù hợp.
Bảo vệ thân thể	Nếu cần thiết, mang đồ bảo hộ phù hợp.

9. Thông tin về lý hóa:

A. **Ngoại quan**

Trạng thái	Chất lỏng nhớt
Màu sắc	Màu trắng sữa
B. Mùi	Mùi keo nhẹ
C. Ngưỡng mùi	Chưa có thông tin
D. pH	Chưa có thông tin
E. Điểm tan chảy/đông đặc	Chưa có thông tin
F. Nhiệt độ sôi ban đầu và khoảng	Xấp xỉ 100°C
G. Điểm chớp cháy	Chưa có thông tin
H. Tỷ lệ bay hơi	Chưa có thông tin
I. Khả năng cháy	Chưa có thông tin
J. Ngưỡng cháy cao/thấp	Chưa có thông tin
K. Áp suất hơi	Chưa có thông tin
L. Tính tan	Tan trong nước (tan trong cồn và ketone)

M. Tỷ trọng hơi	Chưa có thông tin
N. Tỷ trọng liên quan	Chưa có thông tin
O. Hệ số chia tách: n-octanol/nước	Chưa có thông tin
P. Nhiệt độ cháy nổ tự động	Chưa có thông tin
Q. Nhiệt độ phân hủy	Chưa có thông tin
R. Độ nhớt	3,000 ~20,000 cps (30±1℃)
S. Trọng lượng phân tử	Chưa có thông tin
T. Voc(Tỷ lệ bay hơi)	0%

10. Ổn định và phản ứng:

A. **Tính ổn định và Phản ứng nguy hại**	Ổn định ở điều kiện bảo quản như kiến nghị. Đông đặc có thể xảy ra khi làm đông, tan chảy hoặc đun sôi.
B. Điều kiện tránh	Chưa có thông tin
C. Vật liệu cần tránh	Chưa có thông tin
D. Sản phẩm phân hủy	Sản phẩm không phân hủy nếu lưu trữ và xử trí đúng cách.

11. Thông tin độc tố:

A. Thông tin về đường gây nhiễm	Chưa có thông tin
B. Thông tin nguy hại sức khỏe	
Độc cấp tính	
Đường miệng	Chưa có thông tin
Da	Chưa có thông tin
Hô hấp	Chưa có thông tin
C. Gây mòn da hoặc dị ứng da	Chưa có thông tin
D. Tổn thương mắt và dị ứng	Chưa có thông tin

E. Nhạy cảm đối với đường hô hấp	Chưa có thông tin
F. Nhạy cảm đối với da	Chưa có thông tin
G. Gây ung thư	
IARC	Chưa có thông tin
OSHA	Chưa có thông tin
ACGIH	Chưa có thông tin
NTP	Chưa có thông tin
EU CLP	Chưa có thông tin
H. Gây đột biến tế bào	Chưa có thông tin
I. Độc tính tái sinh	Chưa có thông tin
J. Độc tính với cơ quan cụ thể. (Tiếp xúc một lần)	Chưa có thông tin
K. Độc tính với cơ quan cụ thể (Tiếp xúc nhiều lần)	Chưa có thông tin
L. Nguy hại đường hô hấp	Chưa có thông tin

12. Thông tin về hệ sinh thái:

A. Gây độc cho hệ sinh thái	
Cá	Chưa có thông tin
Giáp xác	Chưa có thông tin
Tảo	Chưa có thông tin
B. Tồn lưu và phân hủy	
Tồn lưu	Chưa có thông tin
Phân hủy	Chưa có thông tin

C. Tích lũy sinh học

Làm giàu sinh học	Chưa có thông tin
Phá hủy sinh học	Chưa có thông tin
D. Di chuyển trong đất	Chưa có thông tin
E. Ảnh hưởng khác	Chưa có thông tin

13. Biện pháp thải bỏ:

A. Phương pháp thải bỏ	Thải bỏ phù hợp theo quy định của địa phương, quốc gia sở tại.
B. Biện pháp thải bỏ	Thải bỏ phù hợp theo quy định liên quan.

14. Thông tin vận chuyển:

A. Số UN	Chưa có thông tin
B. Tên vận chuyển	Chưa có thông tin
C. Cấp độ nguy hại vận chuyển	Chưa có thông tin
D. Nhóm đóng gói	Chưa có thông tin
E. Ô nhiễm biển	Chưa có thông tin
F. Biện pháp cảnh báo đặc biệt cho người sử dụng:	
Đi bất thường vào lửa	Chưa có thông tin
Đi bất thường vào đám tràn đổ	Chưa có thông tin

15. Thông tin quy định:

A. Theo luật an toàn công nghiệp và sức khỏe	Chưa có thông tin
B. Theo luật quản lý hóa chất	Chưa có thông tin
C. Theo luật quản lý an toàn hàng hóa nguy hại	Chưa có thông tin
D. Theo luật quản lý rác thải	Chưa có thông tin
E. Quy định khác	Chưa có thông tin

16. Thông tin khác:

A. Tham khảo	www.kosha.or.kr
B. Ngày lập	Tháng 3, năm 2010
C. Ngày chỉnh sửa	Tháng 01, năm 2020

Thông tin cung cấp ở trên và những kiến nghị được thiết lập áp dụng riêng cho sản phẩm của chúng tôi và không liên quan đến những sản phẩm khác. Thông tin trên cũng dựa vào những nghiên cứu của chúng tôi và từ những nguồn tài liệu đáng tin cậy được cho là chính xác. Chúng tôi cũng không cam kết bảo đảm về độ chính xác của thông tin.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
……o0o……

Nhơn Trạch , ngày …… tháng …… năm 2025

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Căn cứ hợp đồng thi công số : 20250527/EZ-DY về việc "Thi công lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tại công ty TNHH E.Z SPORTS VINA".

1. Thành phần tham gia nghiệm thu:

BÊN A : **CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA**

Địa chỉ: KCN Nhơn Trạch I, Xã Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
Mã số thuế : 3601019917
Đại diện: Mr. LIM JUN HO Chức vụ: Giám đốc điều hành
Đại diện phòng bảo trì: LƯ VŨ TRỤ
Đại diện phòng pháp chế: ĐẶNG THỊ TRANG

BÊN B : **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DAE YUN**

Địa chỉ : Số 11A(R4-90), đường nội khu Hưng Gia, Phường Tân Hưng, TPHCM
Điện thoại : (028)- 73000411
Mã số thuế : 0305809099
Đại diện : **MIN WON KI**
Chức vụ : **Giám Đốc**

Thời gian tiến hành nghiệm thu:
Bắt đầu: …….. Ngày ……. tháng …… năm 2025
Kết thúc:……Ngày …… tháng …… năm 2025
Tại : Công ty TNHH E.Z SPORTS VINA

2. Khối lượng và chất lượng các hạng mục thi công.

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	KẾT QUẢ NGHIỆM THU	
	CỤM MODULE HỢP KHỐI			**ĐẠT**	**KHÔNG ĐẠT**
	Bê xử lý nước thải	**module**	**1**		
	Kích thước" LxD = 8x2.5				
	Vật liệu:Composite dày 10 ly				

	Bao gồm bể anoxic,bể aerotank,bể lắng,bể khử trùng,bể chứa bùn				
A	**PHẦN THIẾT BỊ**				
	BỂ THU GOM				
1	- Cánh bơm: Bơm cánh xoáy - Chức năng: bơm nước thải Thông số kỹ thuật: Cột áp: H = 6 m Lưu lượng: Q = 2-4m^3/h Điện áp: 380V/50Hz/0.4kW Xuất xứ: Evak Taiwan	**Bể**	**2**		
3	Hệ thống phao mực nước Dạng phao chìm Xuất xứ: ý	Cái	1		
II	**BỂ THU GOM**				
1	**Kích thước:LxRxH =1x1x1.6m** **Vật liệu:xây bằng gạch đinh**	**Hệ**	**1**		
III	**BỂ ANOXIC**				
1	Bơm xáo trộn chìm Kiểu/loại: Chìm Thông số kỹ thuật: Điện áp: 3pha/380V/50Hz/1HP Vật liệu:Thân inox -cánh Xuất xứ: taiwan	Cái	2		
2	Bơm định lượng dinh dưỡng công suất 20l/h Xuất xứ: taiwan	Bộ	2		
IV	**BỂ AEROTANK**				

1	Cung cấp: Máy thổi khí Thông số kỹ thuật: Cột áp: H = 3.5m Điện áp: 380V/50Hz/4kW **Xuất xứ:china**	Cái	2		
2	Hệ thống phân phối khí: - Dạng: bọt mịn Thông số kỹ thuật: - Đường kính: 9' - Vật liệu khung: PP Xuất xứ:Taiwan	Ht	1		
3	Hệ thống men vi sinh xử lý hiếu khí **Xuất xứ: USA**	Hệ	1		
VI	**BỂ LẮNG SINH HỌC**				
1	Hệ thống ống lắng trung tâm Kích thước:DxH =0.6x1.8m Vật liệu composite	Hệ	1		
2	hệ thống máng thu nước tấm chắn bùn Vật liệu: composite Xuất xứ: Việt Nam	Hệ	1		
3	Cung cấp: Bơm Bùn Kiểu/Loại: Bơm chìm Chức năng: Bơm nước Thông số kỹ thuật: Cột áp: H = 4-5 m Lưu lượng: Q = 5-8m^3/h Điện áp: /380V/50Hz/0.4kW *Xuất xứ: Evak taiwan*	Cái	2		
5	Hệ thống thu ván nổi tự động	hệ			

			1		
VII	**BỂ KHỬ TRÙNG**				
1	Cung cấp: Bơm định lượng Chức năng: bơm hóa chất Thông số kỹ thuật: Lưu lượng: Q = 20l/h Áp suất = 0.35 kg/cm2 ***Xuất xứ: taiwan***	Cái	1		
2	Bồn hóa chất Kiểu/Loại: - Kiểu/Loại: Bồn tròn đứng Thông số kỹ thuật: - Thể tích bồn: V = 500 lít - Vật liệu: Nhựa *Xuất xứ: Việt Nam*	Cái	3		
B	**HẠNG MỤC ĐƯỜNG ỐNG**				
I	**ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ**				
1	**Cung cấp: Hệ thống đường ống dẫn nước thải** - Ống uPVC: D = 60mm; độ dày ống = 2.0mm; ***Lưu ý:*** - Mặt bích, bulong, ke pát đỡ ống, co, tê,... có chất liệu và xuất xứ tương ứng với đường ống kèm theo; Đỡ ống: SUS304	HT	1		
2	**Cung cấp: Hệ thống đường ống dẫn khí** Ống INOX 304: D = 60mm; độ dày ống = 2mm; - Ống uPVC: D = 60mm; độ dày ống = 2.8mm; ***- Lưu ý:***	HT	1		

	- Mặt bích, bulong, co, tê, có chất liệu và xuất xứ tương ứng với đường ống kèm theo;				
3	**Cung cấp: Hệ thống đường ống dẫn bùn** Ống uPVC bình mihh : D = 60mm; độ dày ống = 2.8mm; - Mặt bích, bulong, ke pát đỡ ống, co, tê, van ...có chất liệu và xuất xứ tương ứng với đường ống kèm theo	HT	1		
4	**Cung cấp: Hệ thống đường ống dẫn hóa chất** - Ống Upvc bình minh : D = 21mm; độ dày ống = 1.6mm; - Mặt bích, rắc co, bulong, ke pát đỡ ống, co, tê, ,...có chất liệu và xuất xứ tương ứng với đường ống kèm theo;	HT	1		
5	**Hệ thống van cho đường ống công nghệ** van nhựa DN60,DN49,DN42,DN34 van 1 chiều DN 60	HỆ	1		
C	**HẠNG MỤC ĐIỆN**				
1	**Tủ điện điều khiển** **Linh kiện:LS,MCCP,MCP,,,,**	Ht	1		
2	**Dây điện** Xuất xứ: Cadivi - Việt Nam	Ht	1		

- Chất lượng hạng mục thi công: Đạt chất lượng.
- Các ý kiến khác: .....
.....
.....
.....

3. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng .

Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện các công việc đã thực hiện và các yêu cầu khác (nếu có):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Biên bản nghiệm thu được lập thành 2 bản mỗi bên giữ 1 bản có giá trị pháp lý như nhau.

CTY TNHH E.Z SPORTS VINA	**CTY TNHH MÔI TRƯỜNG DAE YUN**
MAINTENANCE TEAM	
Mr LIM JUN HO	**MIN WON KI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
****

BIÊN BẢN NGHIỆM THU & BÀN GIAO CÔNG TRÌNH

Công trình: **TÁCH RIÊNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA & NƯỚC THẢI**

- Căn cứ vào hợp đồng số: 0711/TNT_HHEZS/18 ký ngày 07 tháng 11 năm 2018.
- Căn cứ kết quả thi công của Bên B.

Hôm nay, ngày 24 tháng 12 năm 2018, tại Cty **TNHH EZ SPORTS VINA** chúng tôi cùng nhau tiến hành nghiệm thu công trình..

THÀNH PHẦN NGHIỆM THU GỒM CÓ.

ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY TNHH EZ SPORTS VINA.
- Ông : BYUN WON CHUL Chức Vụ : Giám đốc

ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY TNHH HOÀNG HÂN
- Bà : LÊ THỊ THANH HẰNG Chức Vụ : Giám đốc

ĐẠI DIỆN KCN IDICO:
- Ông : CHU MẠNH ĐĂNG Chức Vụ : PGĐ NMXLNT KCN IDICO

Hai bên cùng tiến hành kiểm tra công trình và đã có những kết luận với nội dung sau:

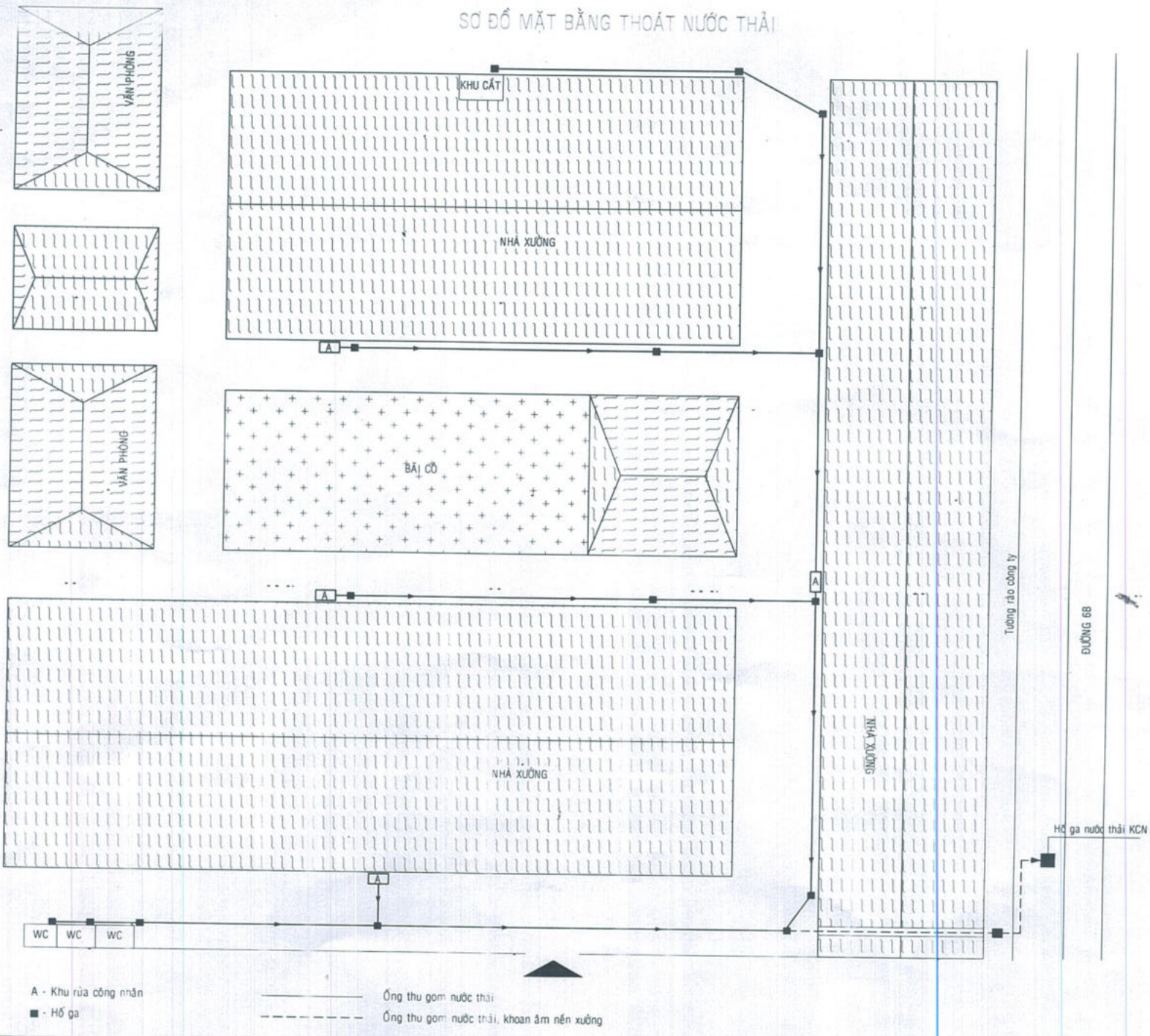
1. Bên B đã thi công theo đúng kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và mỹ quan của công trình.
2. Bên B đã thực hiện nay đủ tất cả các hạng mục trong bảng dự toán đính kèm của bản hợp đồng này.
3. Bên A đã tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B thi công và Bên B đã chấp hành đầy đủ các quy định Bên A đề ra.
4. Hai Bên đồng ý nghiệm thu và bàn giao công trình cho Bên A đưa vào sử dụng.

Biên bản này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi Bên giữ 01 (một) bản và có hiệu lực như nhau kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN KCN IDICO	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA		CÔNG TY TNHH HOÀNG HÂN
		Lê Thị Thanh Hằng

CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS

SƠ ĐỒ MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI



THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ

TK SƠ BỘ

TRÌNH DUYỆT

THAM KHẢO

THI CÔNG

HIỆU CHỈNH

HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH:

CẢI TẠO ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM:

KCN NHƠN TRẠCH 1 - HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

TƯ VẤN:

CÔNG TY TNHH HOÀNG HÂN

ĐỊA CHỈ:

TỔ 10 - KHU KIM SƠN - TT LONG THÀNH - TỈNH ĐỒNG NAI

ĐIỆN THOẠI: 0613.501723

FAX: 0613.501724

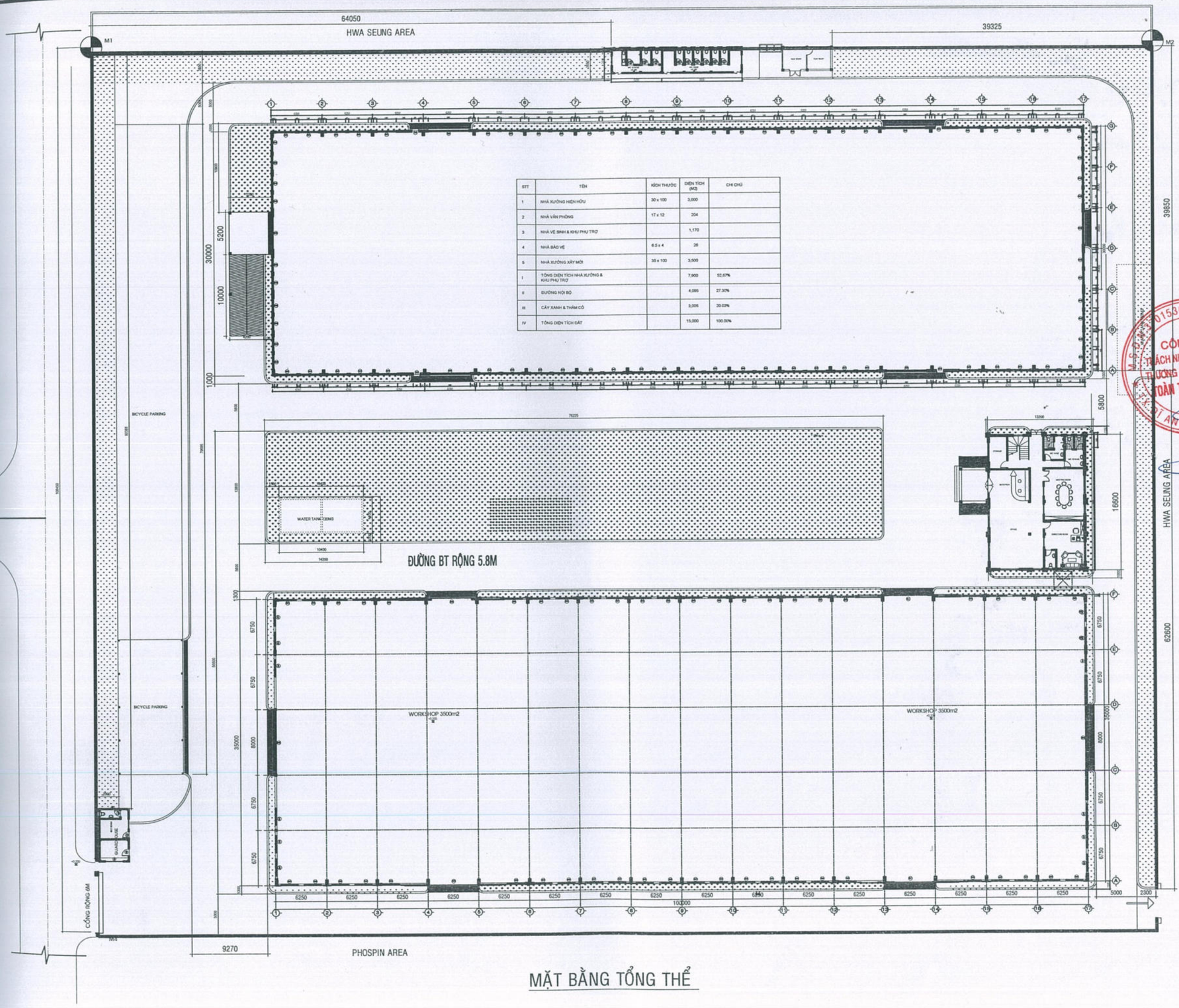
Email: hoanghanltd@gmail.com

CHỦ TRÌ:

THIẾT KẾ:

VẼ:

DUYỆT:



STT	TÊN	KÍCH THƯỚC	DIỆN TÍCH (M2)	CHÚ CHÚ
1	NHÀ XƯỞNG HIỆN HỮU	30 x 100	3,000	
2	NHÀ VĂN PHÒNG	17 x 12	204	
3	NHÀ VỆ SINH & KHU PHỤ TRỢ		1,170	
4	NHÀ BẢO VỆ	6.5 x 4	26	
5	NHÀ XƯỞNG XÂY MỚI	35 x 100	3,500	
I	TỔNG DIỆN TÍCH NHÀ XƯỞNG & KHU PHỤ TRỢ		7,900	52.67%
II	ĐƯỜNG NỘI BỘ		4,095	27.30%
III	CÂY XANH & THẢM CỎ		3,005	20.03%
IV	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT		15,000	100.00%

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
E.Z. SPORT

TỔNG GIÁM ĐỐC : CHO MOON HYUN

GIÁM ĐỐC : BYUN WON CHUL

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ&THI CÔNG

CÔNG TY TNHH TM-XD TOÀN THÀNH PHÁT
B01-Tổ 1, KP Nhị Đồng 2-P.Dĩ An,Tx.Dĩ AN, Bình Dương
Tel : 0650 - 6506588; 0917.66.00.77 (GIÁM ĐỐC)
Fax : 0650-3736671
E-mail: Toanthanhphat.lvk@gmail.com

GIÁM ĐỐC : LÊ VĂN KHÁNH

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN : LÊ VĂN KHÁNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ -CHT CÔNG TRÌNH: TRẦN MINH HỒ

THIẾT KẾ : NGUYỄN QUANG THIỆN

KỸ THUẬT THI CÔNG NGUYỄN AN KHANG

CÔNG TRÌNH :
NHÀ MÁY E.Z SPORT VINA
ĐỊA CHỈ :
ĐƯỜNG 68 KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 1
TỈNH ĐỒNG NAI

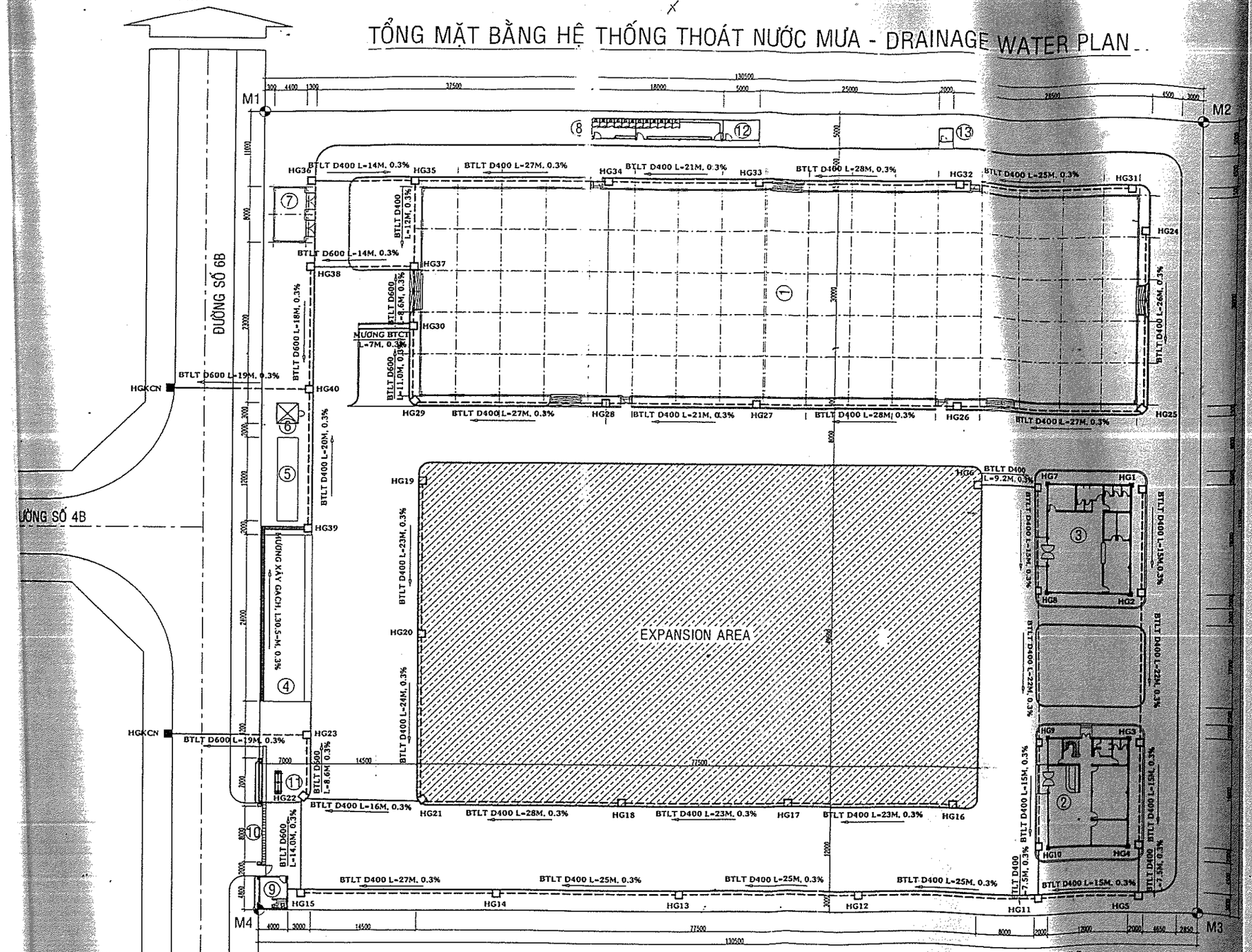
HẠNG MỤC :
NHÀ XƯỞNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

Ký hiệu bản vẽ :	Ghi chú :
MBTT - 01	
Tỉ lệ : 1/100	
Thời gian hoàn thành : 09-11- 2014	

TỔNG MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA - DRAINAGE WATER PLAN



NOTES:

1. NHÀ XƯỞNG - WORKSHOP 30m x 100m
2. NHÀ VĂN PHÒNG - OFFICE 12m x 16m
3. NHÀ ĂN - CANTEEN 12m x 16m
4. NHÀ XE - BICYCLE SHED 5.5m x 24m
5. BỂ NƯỚC NGẦM - GROUND WATER TANK 150m3
6. THUỶ ĐÀI - WATER TOWER 5m3
7. TRẠM ĐIỆN - TRANSFORMER HOUSE 4.4m x 8m
8. NHÀ VỆ SINH - TOILET 3m x 18m
9. NHÀ BẢO VỆ - GUARDHOUSE 4m x 4.8m
10. CỔNG, BẢNG HIỆU - GATE, NAME BOARD
11. CỘT CỜ - FLAG POLE
12. PHÒNG HÚT THUỐC - SMOKING ROOM 3m x 5m
13. PHÒNG RỬA PHIM - FILM ROOM 2m x 2m

KHU ĐẤT MỞ RỘNG - EXPANSION AREA
HỐ GA THOÁT NƯỚC MƯA
HỐ GA KHU CÔNG NGHIỆP
ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
TRÊN VỈA HÈ DÙNG ỐNG BTLT VỈA HÈ
ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
TRÊN ĐƯỜNG DÙNG ỐNG BTLT H30
MƯƠNG BTCT NẮP BẰNG BÊ TÔNG ĐỤC LỖ
MƯƠNG XÂY GẠCH NẮP BẰNG BÊ TÔNG

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
(DESIGN EVALUATION OF AUTHORITIES)

THOẢ THUẬN CHỦ ĐẦU TƯ
(APPROVAL OF EMPLOYER)

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
(ISSUED FOR)

TK CƠ SỞ	☑	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☐	YOUR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	REFERENCE
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	☐	REVISION
HOÀN CÔNG	☐	AS-BUILT

CÔNG TRÌNH (PROJECT)

E.Z SPORTS VINA Co.,LTD

HẠNG MỤC (ITEM)

TỔNG MẶT BẰNG

ĐỊA ĐIỂM (SITE)

KCN NHƠN TRẠCH 1 - ĐỒNG NAI

BẢN VẼ (DRAWING)

TỔNG MẶT BẰNG
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

HOÀN THÀNH (COMP DATE)	05-2008
BẢN VẼ SỐ DRAWING No	TT-03

VIET NAM URBAN AND INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT INVESTMENT CORP
IDICO URBAN AND INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT CO., LTD
IDICO - URBIZ
H.OFFICE: NHON TRACH I INDUSTRIAL ZONE
NHON TRACH - DONG NAI PROVINCE
TEL: 0613560475 FAX: 0613560471
Website: www.idico-urbiz.com.vn
email: urbizco@hcm.vnn.vn

GIÁM ĐỐC (DIRECTOR)

ENG:

Q.L KỸ THUẬT (TECH. MANAGER)

ARCH. HÀ HUY THANH

CHỦ TRÌ TK (PRESIDED BY)

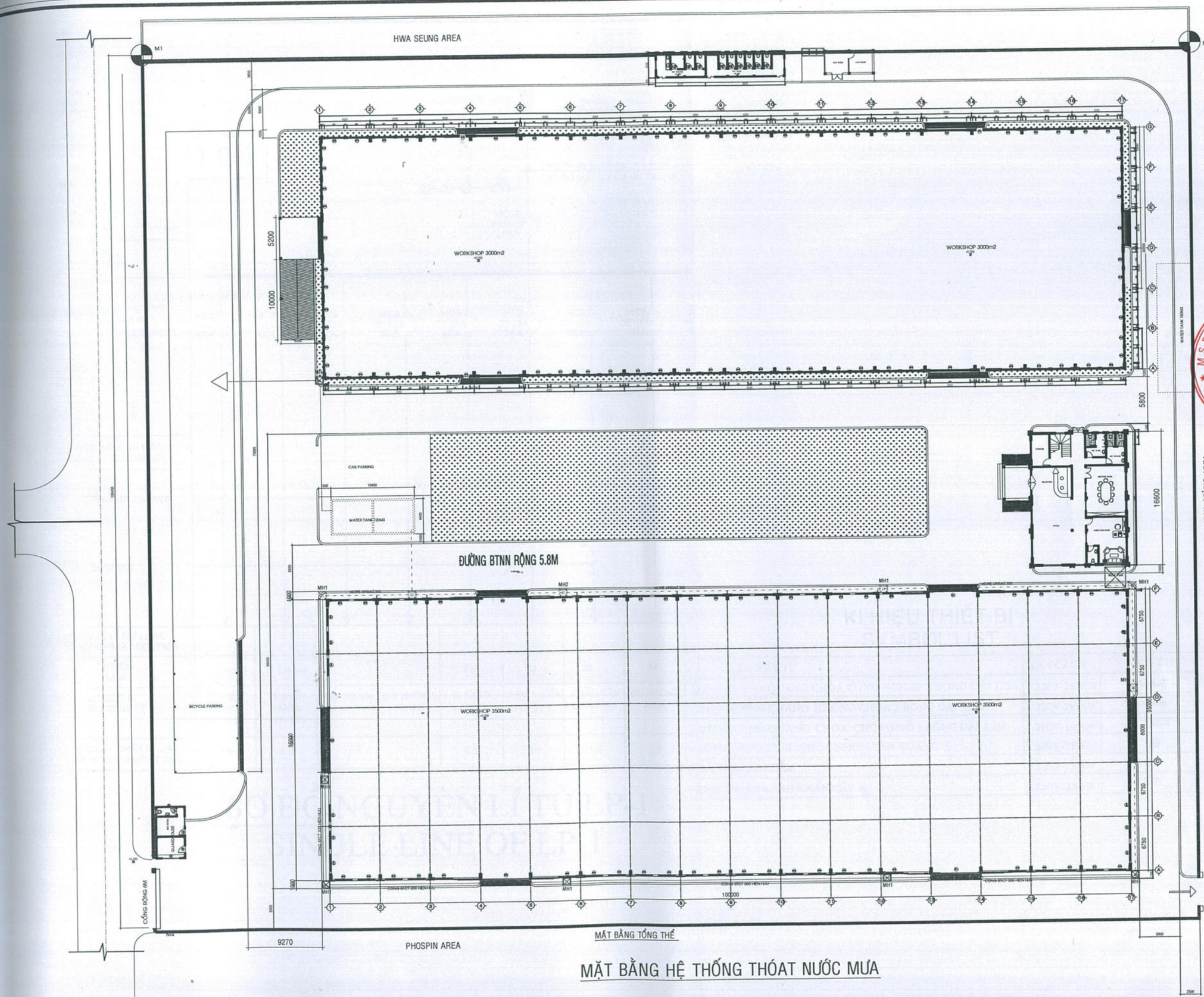
ENG: ĐOÀN ĐẮC HIẾU

THIẾT KẾ (DESIGNED BY)

ENG: NGUYỄN THANH THẢI

KIỂM TRA (CHECKED BY)

ENG: TRỊNH HOÀNG THANH



MẶT BẰNG TỔNG THỂ

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
E.Z SPORT

TỔNG GIÁM ĐỐC : CHOI MOON HYUN

GIÁM ĐỐC : BYUN WON CHUL

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ&THI CÔNG

CÔNG TY TNHH TM-XD TOÀN THÀNH PHÁT

Địa Chỉ : Kp Nhị Đồng 2-P.Dĩ An,Tx.Dĩ AN, Bình Dương
Tel : 0650 - 6256588; 0917.66.00.77 (GIÁM ĐỐC)
Fax : 0650-3736671
E-mail : Toanthanhphat1vn@gmail.com

GIÁM ĐỐC : LÊ VĂN KHÁNH

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN : LÊ VĂN KHÁNH

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ -CHT CÔNG TRÌNH: TRẦN MINH HỒ

THIẾT KẾ : NGUYỄN QUANG THIỆN

KỸ THUẬT THI CÔNG NGUYỄN AN KHANG

CÔNG TRÌNH :

NHÀ MÁY E.Z SPORT VINA

ĐỊA CHỈ :

ĐƯỜNG 6B KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 1
TỈNH ĐỒNG NAI

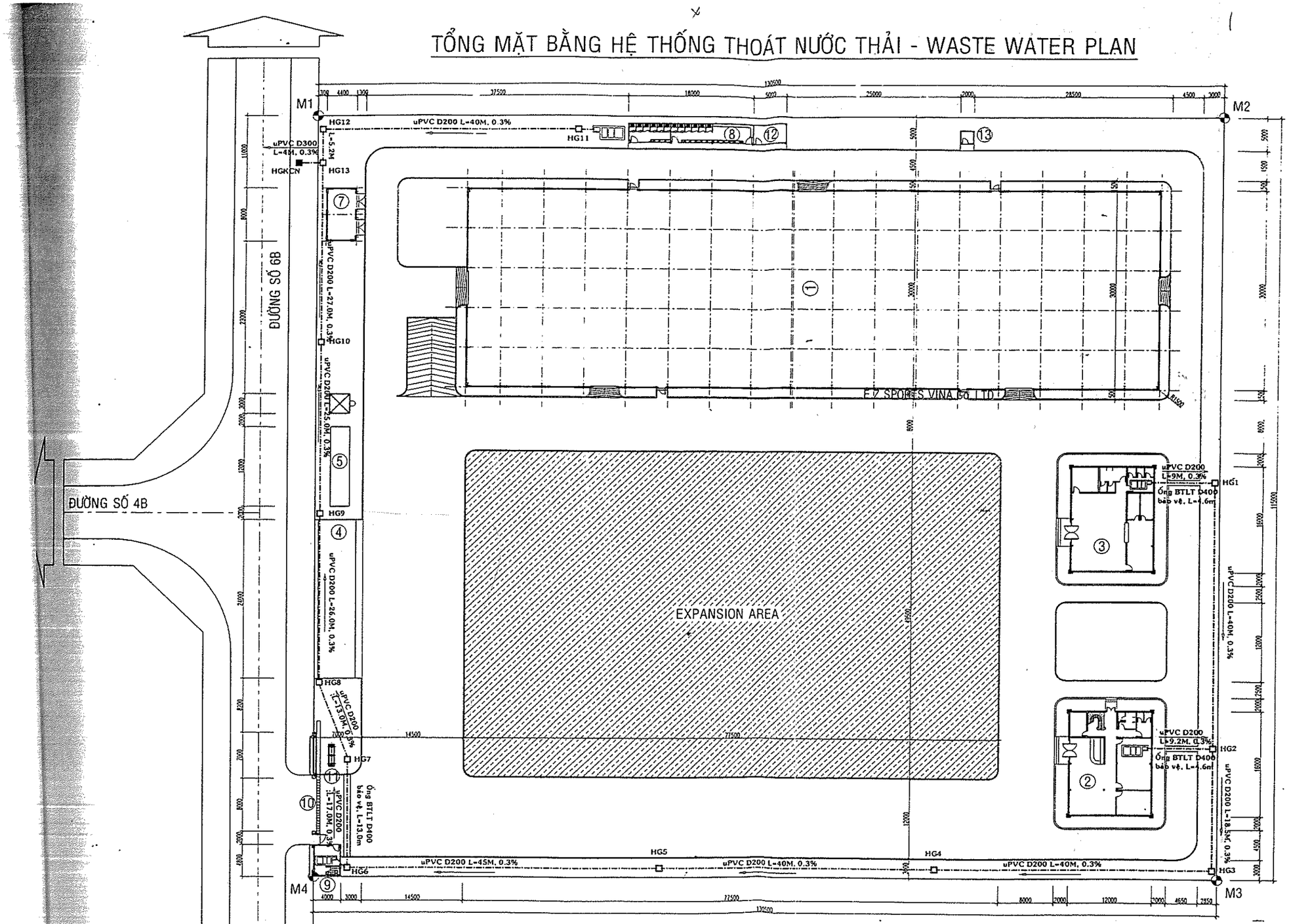
HẠNG MỤC :

MẶT BẰNG HT THOÁT NƯỚC MƯA

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ký hiệu bản vẽ :	Ghi chú :
MBTNM - 01	
Tỉ lệ : 1/100	
Thời gian hoàn thành : 09-11- 2014	

TỔNG MẶT BẰNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI - WASTE WATER PLAN



NOTES:

1. NHÀ XƯỞNG - WORKSHOP 30m x 100m
2. NHÀ VĂN PHÒNG - OFFICE 12m x 16m
3. NHÀ ĂN - CANTEEN 12m x 16m
4. NHÀ XE - BICYCLE SHED 5.5m x 24m
5. BỂ NƯỚC NGẦM - GROUND WATER TANK 150m3
6. THUỶ ĐÀI - WATER TOWER 5m3
7. TRẠM ĐIỆN - TRANSFORMER HOUSE 4.4m x 8m
8. NHÀ VỆ SINH - TOILET 3m x 18m
9. NHÀ BẢO VỆ - GUARDHOUSE 4m x 4.8m
10. CỔNG, BẢNG HIỆU - GATE, NAME BOARD
11. CỘT CỜ - FLAG POLE
12. PHÒNG HÚT THUỐC - SMOKING ROOM 3m x 5m
13. PHÒNG RỬA PHIM - FILM ROOM 2m x 2m

KHU ĐẤT MỞ RỘNG - EXPANSION AREA

HỐ GA THOÁT NƯỚC THẢI

HỐ GA THOÁT NƯỚC THẢI KCN

ĐƯỜNG ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ
(DESIGN EVALUATION OF AUTHORITIES)

THOẢ THUẬN CHỦ ĐẦU TƯ
(APPROVAL OF EMPLOYER)

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
(ISSUED FOR)

TK CƠ SỞ	☒	PRELIMINARY
TRÌNH DUYỆT	☐	YOUR APPROVAL
THAM KHẢO	☐	REFERENCE
THI CÔNG	☐	CONSTRUCTION
HIỆU CHỈNH	☐	REVISION
HOÀN CÔNG	☐	AS-BUILT

CÔNG TRÌNH (PROJECT)

E.Z SPORTS VINA Co.,LTD

HẠNG MỤC (ITEM)

TỔNG MẶT BẰNG

ĐỊA ĐIỂM (SITE)

KCN NHƠN TRẠCH 1 - ĐỒNG NAI

BẢN VẼ (DRAWING)

TỔNG MẶT BẰNG
HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

HOÀN THÀNH (COMP DATE)	05-2008
BẢN VẼ SỐ DRAWING No	TT-04

VIỆT NAM URBAN AND INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT INVESTMENT CORP

IDICO URBAN AND INDUSTRIAL ZONE DEVELOPMENT CO., LTD

IDICO - URBIZ

H OFFICE NHON TRACH 1 INDUSTRIAL ZONE
NHON TRACH - DONG NAI PROVINCE
TEL 0613560475 FAX 0613560477
Website www.idico-urbiz.com.vn
email urbizco@hcm.vnn.vn

GIÁM ĐỐC (DIRECTOR)

ENG

QL KỸ THUẬT (TECH MANAGER)

ARCH HÀ HUY THANH

CHỦ TRÌ TK (PRESIDED BY)

ENG ĐOÀN ĐẮC HIẾU

THIẾT KẾ (DESIGNED BY)

ENG NGUYỄN THANH THẢI

KIỂM TRA (CHECKED BY)

ENG TRỊNH HOÀNG THANH

BẢN VẼ HỆ XLKT & BỤI KT

CÔNG TY EZ SPORTS VINA

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
EZ SPORTS VINA

GIÁM ĐỐC:

CHO MYUNG HWAN

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ
THẢI (EZ SPORTS VINA)

ĐỊA ĐIỂM:

KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 1 - HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

**CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT
THƯƠNG MẠI THIÊN LỘC PHÁT**

334/5 Ấp Bến Sắn, Xã Phước Thuyền,Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
Tel: 0949717744
MST : 3603631848

TÊN BẢN VẼ:

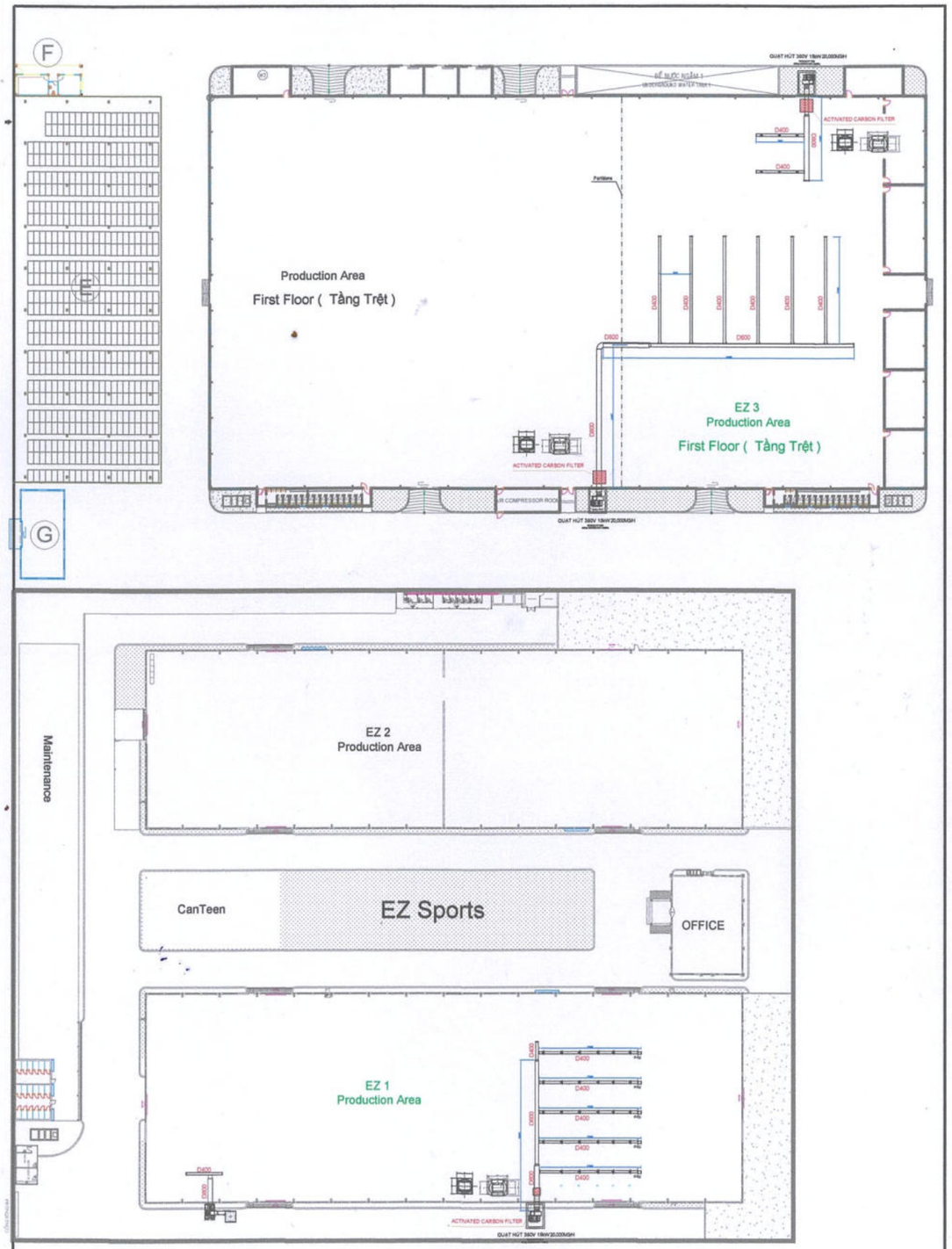
HỆ THỐNG XỬ LÝ
KHÍ THẢI CÔNG
SUẤT 20.000 M3/GIỜ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR)		
T.K CƠ SỞ	☐	CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐	APPROVAL
THI CÔNG	☐	EXECUTION
HIỆU CHỈNH	☐	REVISION
HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT DRAWING

GIÁM ĐỐC:

NGUYỄN QUÂN VƯƠNG

Chủ trì:	KS. NGUYỄN QUÂN VƯƠNG
Thiết kế vẽ:	KS. T.Q VINH
Kiểm tra:	KS. NGUYỄN QUÂN VƯƠNG
NGÀY HOÀN THÀNH:	
BẢN VẼ:	BẢN VẼ CHI TIẾT
KÝ HIỆU:	BVCT-18



MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI THAN HOẠT TÍNH

STT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Ống tiêu âm	Đường kính D= 800mm	Ống	1
2	Quạt hút	Công suất 20.000m3/h Quạt hút 380v , 15KW	Cái	1
3	Đặc tính hộp lọc	Kích thước hộp lọc 1.300 x 1.000 x 1.000mm Kích thước tấm lọc 1.000 x 650 x 100mm Số lượng : 2 Tấm	Cái	1
4	Ống thải	Ø600 mm H = 12->14m	Ống	1

CÔNG TY TNHH-KT-TM TLP

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 11 tháng 10 năm 2025

Người lập	Chỉ huy trưởng	Người giám sát của CĐT

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
EZ SPORTS VINA

GIÁM ĐỐC:

CHO MYUNG HWAN

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
(XƯỞNG EZ SPORTS)

ĐỊA ĐIỂM:

KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 1 - HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI THIÊN LỘC PHÁT

334/5 Ấp Bến Sắn, Xã Phước Thuyền,Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
Tel: 09-97177744
MST : 3603631848

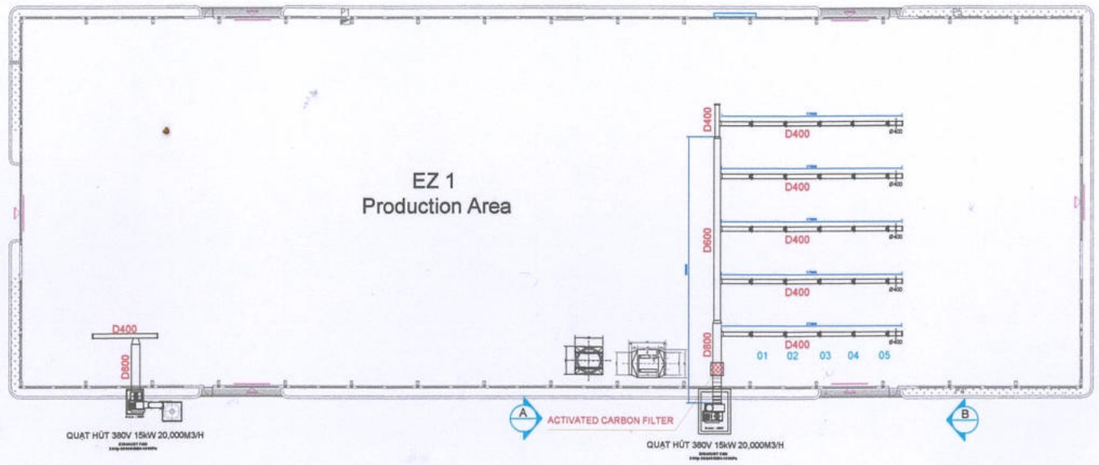
TÊN BẢN VẼ:

HỆ THỐNG XỬ LÝ
KHÍ THẢI CÔNG
SUẤT 20.000 M3/GIỜ

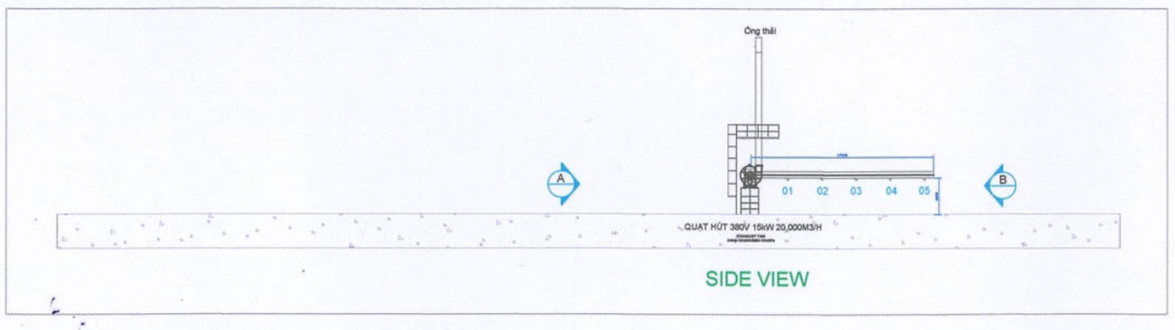
MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR)

T.K CƠ SỞ	☐	CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐	APPROVAL
THI CÔNG	☐	EXECUTION
HIỆU CHỈNH	☐	REVISION
HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT DRAWING

GIÁM ĐỐC:	NGUYỄN QUẢN VƯƠNG
Chủ trì:	KS. NGUYỄN QUẢN VƯƠNG
Thiết kế về:	KS. T.Q VINH
Kiểm tra:	KS. NGUYỄN QUẢN VƯƠNG
NGÀY HOÀN THÀNH:	
BẢN VẼ:	BẢN VẼ CHI TIẾT
KÝ HIỆU:	BVCT-18



HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI THAN HOẠT TÍNH				
STT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Ống tiêu âm	Đường kính D= 800mm	Ống	1
2	Quạt hút	Công suất 20.000m3/h Quạt hút 380v , 15KW	Cái	1
3	Đặc tính hộp lọc	Kích thước hộp lọc 1.300 x 1.000 x 1.000mm Kích thước tấm lọc 1.000 x 650 x 100mm Số lượng : 2 Tấm	Cái	1
4	Ống thải	Ø600 mm H = 12->14m	Ống	1



SIDE VIEW

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI (EZ1)

CÔNG TY TNHH-KT-TM TLP

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 21.. tháng 10 năm 2025

Người lập	Chỉ huy trưởng	Người giám sát của CĐT

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
EZ SPORTS VINA

GIÁM ĐỐC:

CHO MYUNG HWAN

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
(XƯỞNG EZ SPORTS)

ĐỊA ĐIỂM:

KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 1 - HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI THIÊN LỘC PHÁT

334/5 Ấp Bến Sắn, Xã Phước Thuyền,Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
Tel: 0949717744
MST : 3603631848

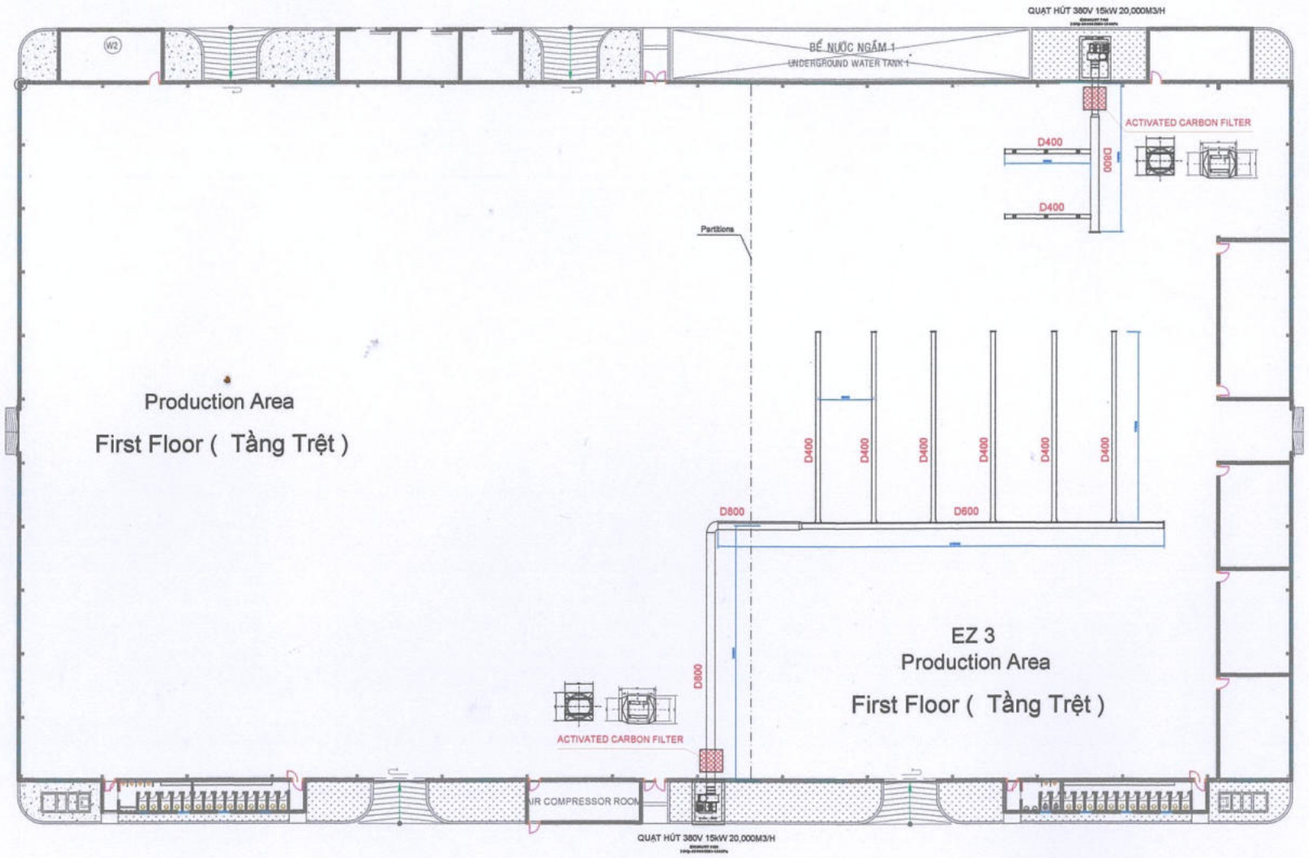
TÊN BẢN VẼ:

HỆ THỐNG XỬ LÝ
KHÍ THẢI CÔNG
SUẤT 20.000 M3/GIỜ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR)		
T.K CƠ SỞ	☐	CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐	APPROVAL
THI CÔNG	☐	EXECUTION
HIỆU CHỈNH	☐	REVISION
HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT DRAWING

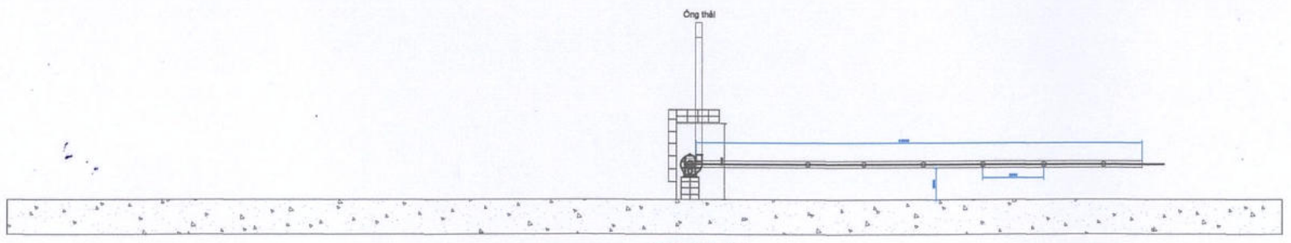
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN QUẢN VƯƠNG

Chủ trì:	KS. NGUYỄN QUẢN VƯƠNG	
Thiết kế về:	KS. T.Q VINH	
Kiểm tra:	KS. NGUYỄN QUẢN VƯƠNG	
NGÀY HOÀN THÀNH:		
BẢN VẼ:		BẢN VẼ CHI TIẾT
KÝ HIỆU:		BVCT-18



HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI THAN HOẠT TÍNH

STT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Ống tiêu âm	Đường kính D= 800mm	Ống	1
2	Quạt hút	Công suất 20.000m3/h Quạt hút 380v , 15KW	Cái	1
3	Đặc tính hộp lọc	Kích thước hộp lọc 1.300 x 1.000 x 1.000mm Kích thước tấm lọc 1.000 x 650 x 100mm Số lượng : 2 Tấm	Cái	1
4	Ống thải	Ø600 mm H = 12->14m	Ống	1



SIDE VIEW

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI (EZ3)
(TẦNG TRỆT)

CÔNG TY TNHH-KT-TM TLP

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày 21.. tháng 10 năm 2025

Người lập	Chỉ huy trưởng	Người giám sát của CĐT

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
EZ SPORTS VINA

GIÁM ĐỐC:

CHO MYUNG HWAN

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
(XƯỞNG EZ SPORTS)

ĐỊA ĐIỂM:

KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 1 - HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI THIÊN LỘC PHÁT

334/5 Ấp Bến Sắn, Xã Phước Thuyền,Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
Tel: 0949717744
MST : 3603631848

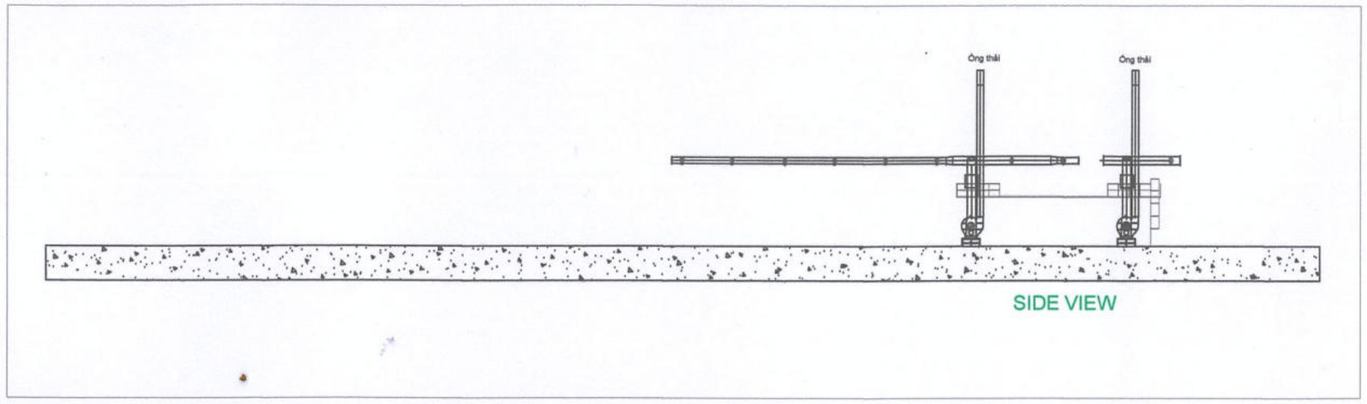
TÊN BẢN VẼ:

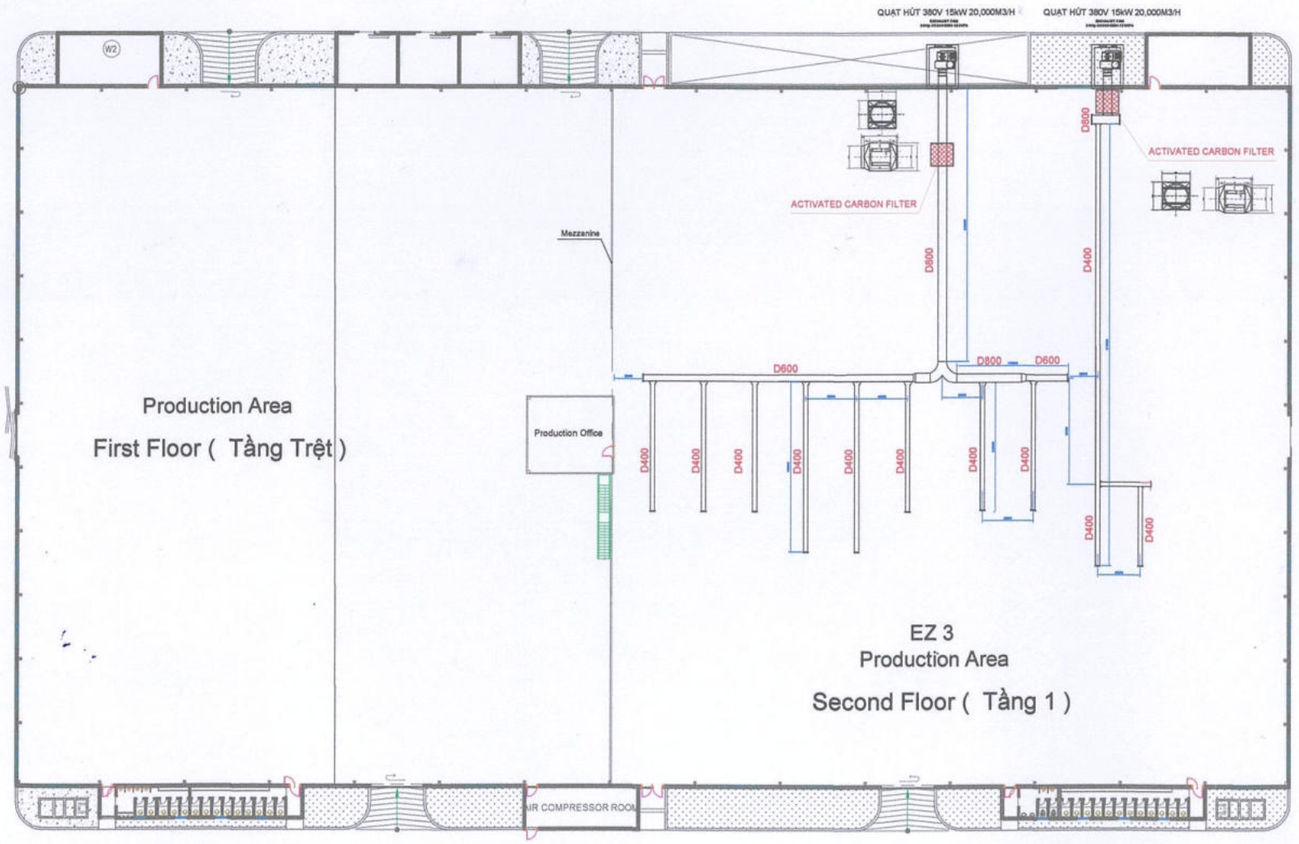
HỆ THỐNG XỬ LÝ
KHÍ THẢI CÔNG
SUẤT 20.000 M3/GIỜ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR)		
T.K CƠ SỞ	☐	CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐	APPROVAL
THI CÔNG	☐	EXECUTION
HIỆU CHỈNH	☐	REVISION
HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT DRAWING

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN QUÂN VƯƠNG

Chủ trì: KS. NGUYỄN QUÂN VƯƠNG	
Thiết kế vẽ: KS. T.Q.VINH	
Kiểm tra: KS. NGUYỄN QUÂN VƯƠNG	
NGÀY HOÀN THÀNH:	
BẢN VẼ:	BẢN VẼ CHI TIẾT
KÝ HIỆU:	BVCT-18





MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI (EZ3)

(TẦNG 1)

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI THAN HOẠT TÍNH

STT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Ống tiêu âm	Đường kính D= 800mm	Ống	1
2	Quạt hút	Công suất 20.000m3/h Quạt hút 380v , 15KW	Cái	1
3	Đặc tính hộp lọc	Kích thước hộp lọc 1.300 x 1.000 x 1.000mm Kích thước tấm lọc 1.000 x 650 x 100mm Số lượng : 2 Tấm	Cái	1
4	Ống thải	Ø600 mm H = 12->14m	Ống	1

CÔNG TY TNHH-KT-TM TLP

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 11.. tháng 12. năm 2025

Người lập	Chỉ huy trưởng	Người giám sát của CĐT

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
EZ SPORTS VINA

GIÁM ĐỐC:

CHO MYUNG HWAN

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
(XƯỞNG EZ SPORTS)

ĐỊA ĐIỂM:

KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 1 - HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI THIÊN LỘC PHÁT

334/5 Ấp Bến Sắn, Xã Phước Thuyền,Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
Tel: 0949717744
MST : 3603631848

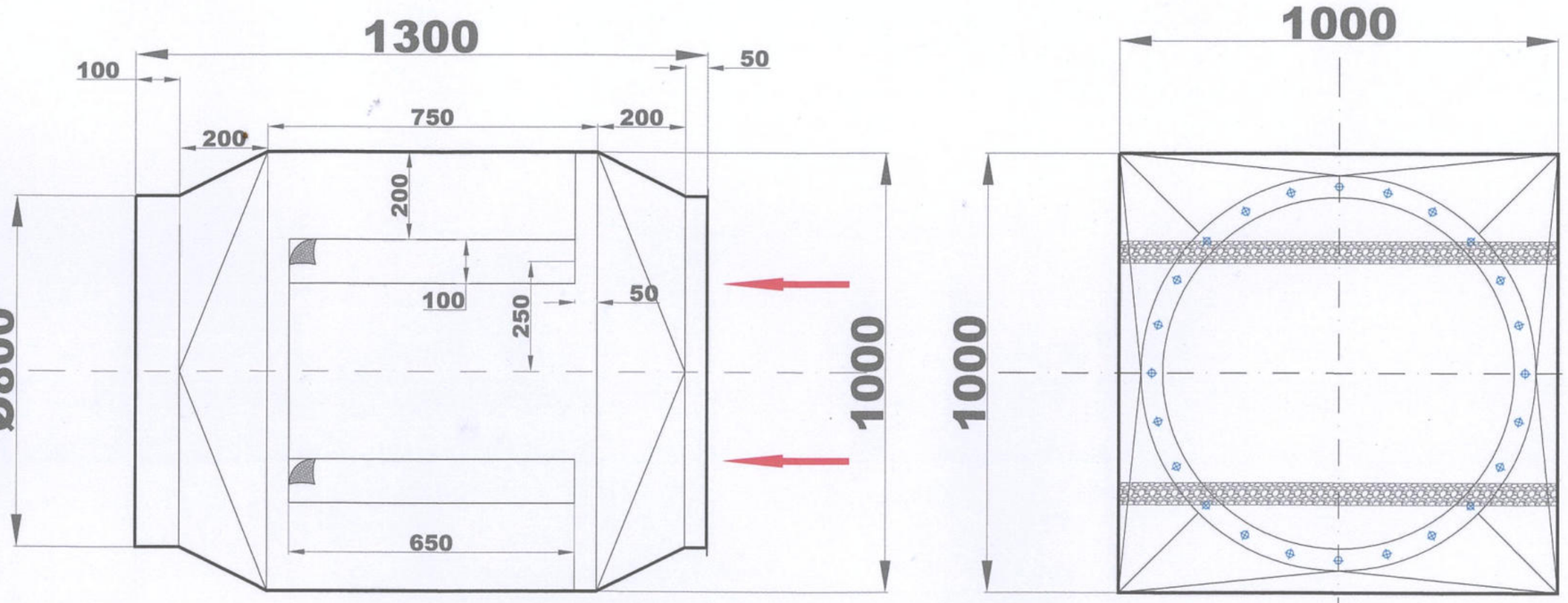
TÊN BẢN VẼ:

HỆ THỐNG XỬ LÝ
KHÍ THẢI CÔNG
SUẤT 20.000 M3/GIỜ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR)		
T.K CƠ SỞ	☐	CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐	APPROVAL
THI CÔNG	☐	EXECUTION
HIỆU CHỈNH	☐	REVISION
HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT DRAWING

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN QUẢN VƯƠNG

Chủ trì:	KS. NGUYỄN QUẢN VƯƠNG
Thiết kế về:	KS. T.Q VINH
Kiểm tra:	KS. NGUYỄN QUẢN VƯƠNG
NGÀY HOÀN THÀNH:	
BẢN VẼ:	BẢN VẼ CHI TIẾT
KÝ HIỆU:	EVCT-18



CHI TIẾT THÙNG LỌC THAN HOẠT TÍNH 2 LỚP
1.300X1.000X1.000mm

CÔNG TY TNHH-KT-TM TLP		
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Ngày 24... tháng 10. năm 20.25		
Người lập	Chỉ huy trưởng	Người giám sát của CĐT

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
EZ SPORTS VINA

GIÁM ĐỐC:
CHO MYUNG HWAN

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI (EZ SPORTS VINA)

ĐỊA ĐIỂM:
KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 1 - HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI THIÊN LỘC PHÁT

334/5 Ấp Bến Sắn, Xã Phước Thuyền,Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
Tel: 0949717744
MST : 3603631848

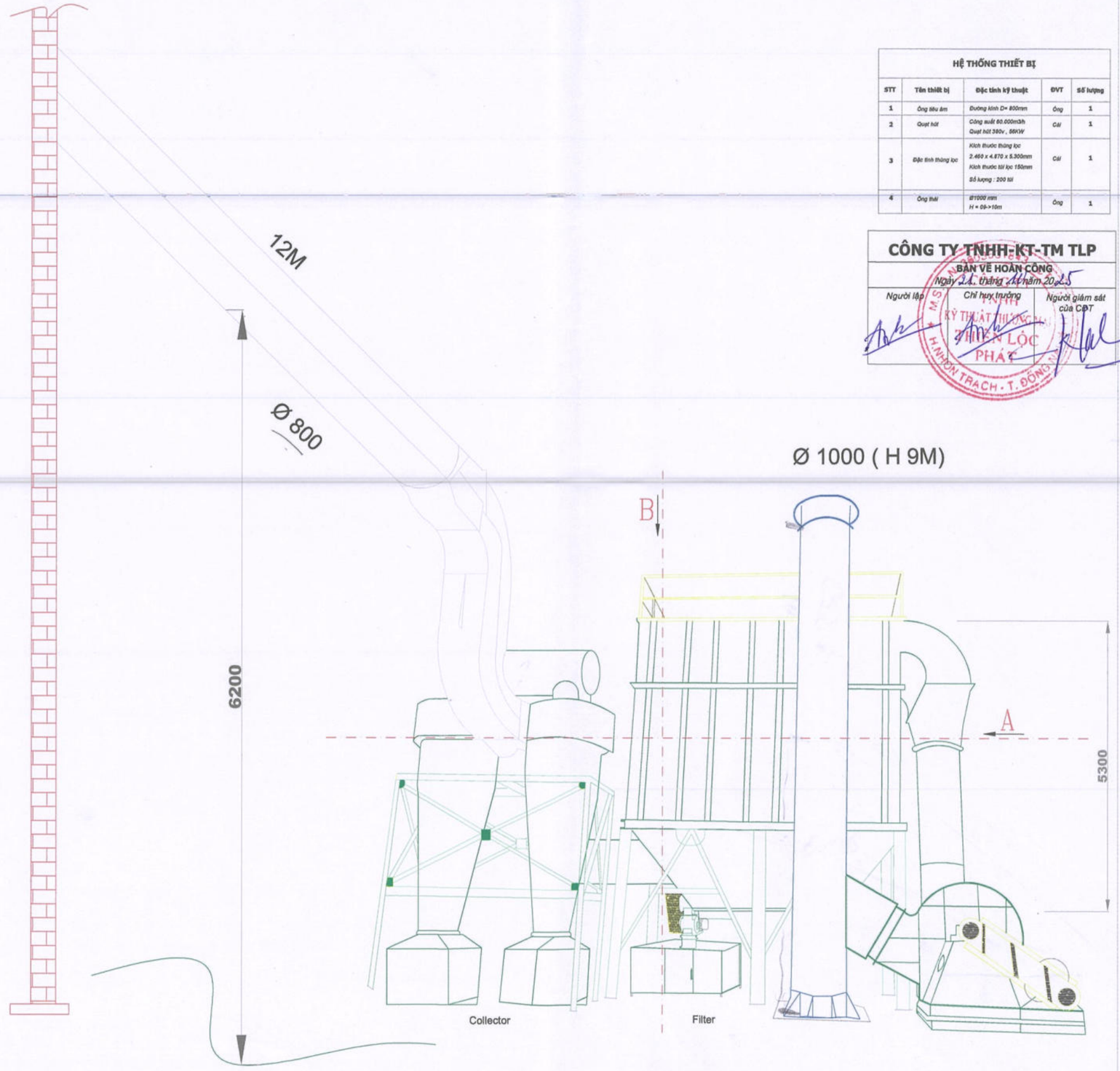
TÊN BẢN VẼ:

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI CÔNG SUẤT 20.000 M3/GIỜ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR)		
T.K CƠ SỞ	☐	CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐	APPROVAL
THI CÔNG	☐	EXECUTION
HIỆU CHỈNH	☐	REVISION
HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT DRAWING

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN QUÂN VƯƠNG

Chủ trì: KS. NGUYỄN QUÂN VƯƠNG	
Thiết kế vẽ: KS. T.Q VINH	
Kiểm tra: KS. NGUYỄN QUÂN VƯƠNG	
NGÀY HOÀN THÀNH:	
BẢN VẼ:	BẢN VẼ CHI TIẾT
KÝ HIỆU:	BVCT-18



HỆ HÚT BỤI KT

HỆ THỐNG THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Ống tiêu âm	Đường kính D= 800mm	Ống	1
2	Quạt hút	Công suất 60.000m3/h Quạt hút 380v , 56KW	Cái	1
3	Đặc tính thùng lọc	Kích thước thùng lọc 2.460 x 4.870 x 5.300mm Kích thước túi lọc 150mm Số lượng : 200 túi	Cái	1
4	Ống thải	Ø1000 mm H = 09->10m	Ống	1

CÔNG TY TNHH-KT-TM TLP

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 24 tháng 12 năm 2025

Người lập	Chỉ huy trưởng	Người giám sát của CĐT

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
EZ SPORTS VINA

GIÁM ĐỐC:

CHO MYUNG HWAN

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI KT
(XƯỞNG EZ SPORTS)

ĐỊA ĐIỂM:

KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 1 - HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI THIÊN LỘC PHÁT

334/5 Ấp Bến Sắn, Xã Phước Thuyền,Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
Tel: 0949717744
MST : 3603631848

TÊN BẢN VẼ:

HỆ THỐNG XỬ LÝ
BỤI KT CÔNG SUẤT
60.000 M3/GIỜ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR)

T.K CƠ SỞ	☐	CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐	APPROVAL
THI CÔNG	☐	EXECUTION
HIỆU CHỈNH	☐	REVISION
HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT DRAWING

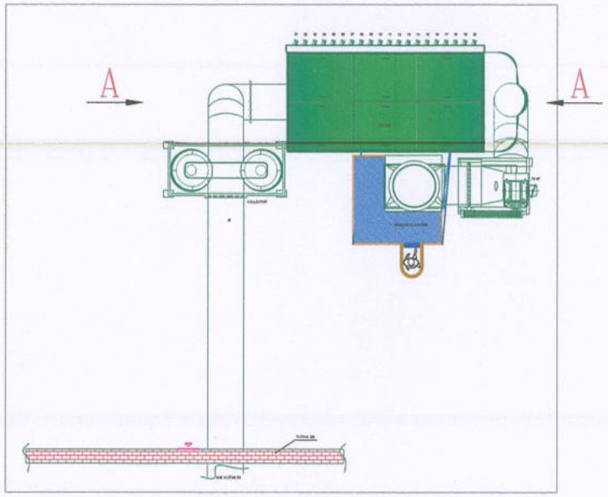
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN QUẢN VƯƠNG

CHỦ BỊ:

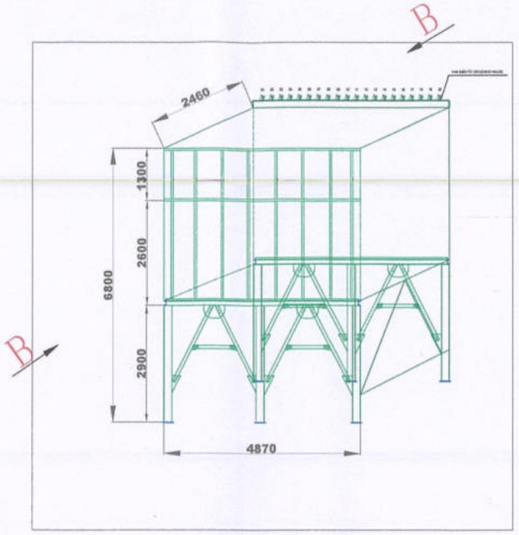
THIẾT KẾ VẼ:

KIỂM DUYỆT:

NGÀY HOÀN THÀNH:	
BẢN VẼ:	BẢN VẼ CHI TIẾT
KÝ HIỆU:	BVCT-20



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B

HỆ THỐNG THIẾT BỊ

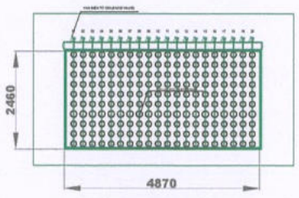
STT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Ống tiêu âm	Đường kính D= 800mm	Ống	1
2	Quạt hút	Công suất 60.000m3/h Quạt hút 380v , 55KW	Cái	1
3	Đặc tính thông lọc	Kích thước thông lọc 2.460 x 4.870 x 5.300mm Kích thước tới lọc 150mm Số lượng : 200 túi	Cái	1
4	Ống thải	Ø1500 mm H = 09->10m	Ống	1

CÔNG TY TNHH-KT-TM TLP

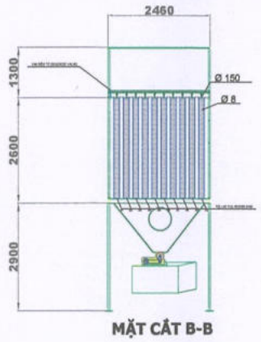
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 01 tháng 04 năm 2025

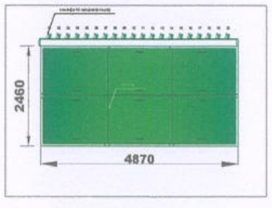
Người lập	Chỉ huy trưởng	Người giám sát của CĐT



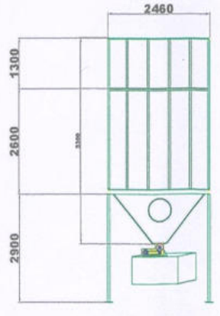
MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B



MẶT CẮT A-A



MẶT CẮT B-B

CHI TIẾT MẶT CẮT A-A VÀ B-B CỦA HỆ BỤI KT

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
EZ SPORTS VINA

GIÁM ĐỐC:

CÔNG TY TNHH CHO MYUNG HWAN E.Z SPORTS VINA

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI KT
(XƯỞNG EZ SPORTS)

ĐỊA ĐIỂM:

KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 1 - HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI THIÊN LỘC PHÁT

334/5 Ấp Bến Sắn, Xã Phước Thuyền,Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
Tel: 0949717744
MST : 3603631848

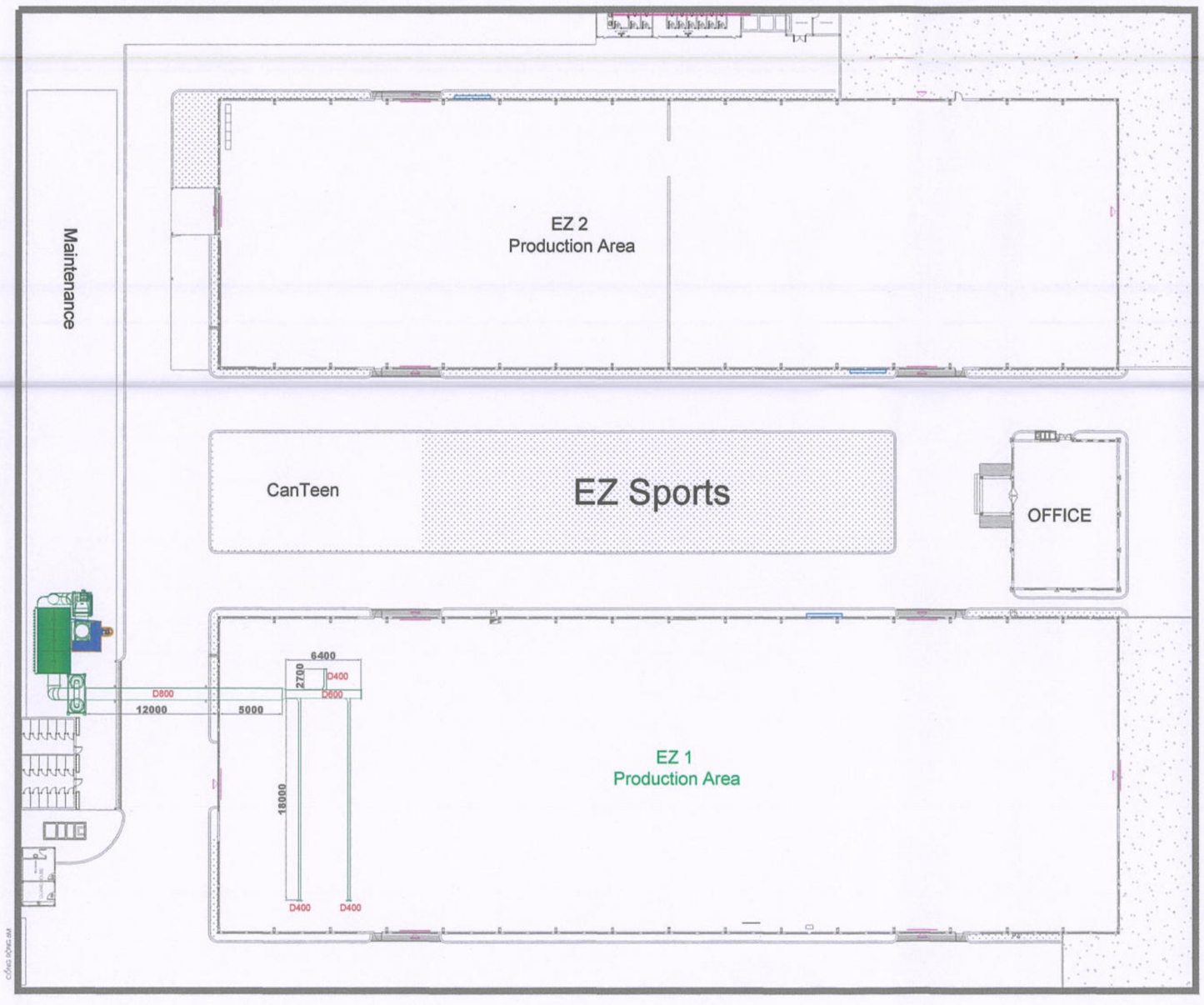
TÊN BẢN VẼ:

HỆ THỐNG XỬ LÝ
BỤI KT CÔNG SUẤT
60.000 M3/GIỜ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR)		
T.K CƠ SỞ	☐	CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐	APPROVAL
THI CÔNG	☐	EXECUTION
HIỆU CHỈNH	☐	REVISION
HOÀN CÔNG	☑	AS-BUILT DRAWING

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN QUÂN VƯƠNG

CHỦ TRÌ:	KS. NGUYỄN QUÂN VƯƠNG	
THIẾT KẾ:	KS. TÔ VINH	
KIỂM TRA:	KS. NGUYỄN QUÂN VƯƠNG	
NGÀY HOÀN THÀNH		
BẢN VẼ:		BẢN VẼ CHI TIẾT
KÝ HIỆU:		BVCT-20



MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ XỬ LÝ BỤI KT

HỆ THỐNG THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Ống tiêu âm	Đường kính D= 800mm	Ống	1
2	Quạt hút	Công suất 60.000m3/h Quạt hút 380v , 96KW	Cái	1
3	Đặc tính thùng lọc	Kích thước thùng lọc 2.460 x 4.870 x 5.300mm Kích thước túi lọc 150mm Số lượng : 200 túi	Cái	1
4	Ống thải	Ø1000 mm H = 0b->10m	Ống	1

CÔNG TY TNHH-KT-TM TLP

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 21 tháng 11 năm 2025

Người lập	Chỉ huy trưởng	Người giám sát của CĐT

GHI CHÚ:

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
EZ SPORTS VINA

GIÁM ĐỐC:

CHO MYUNG HWAN

CÔNG TRÌNH:

HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI KT
(XƯỞNG EZ SPORTS)

ĐỊA ĐIỂM:

KHU CÔNG NGHIỆP NHƠN TRẠCH 1 - HUYỆN NHƠN TRẠCH - TỈNH ĐỒNG NAI

ĐƠN VỊ TƯ VẤN - THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT THƯƠNG MẠI THIÊN LỘC PHÁT

334/5 Ấp Bến Sắn, Xã Phước Thuyền,Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
Tel: 0949717744
MST : 3603631848

TÊN BẢN VẼ:

HỆ THỐNG XỬ LÝ
BỤI KT CÔNG SUẤT
60.000 M3/GIỜ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH (ISSUED FOR)		
T.K CƠ SỞ	☐	CONCEPT DESIGN
TRÌNH DUYỆT	☐	APPROVAL
THI CÔNG	☐	EXECUTION
HIỆU CHỈNH	☐	REVISION
HOÀN CÔNG	◪	AS-BUILT DRAWING

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN QUÂN VƯƠNG

CHỦ ĐỀ: KS. NGUYỄN QUÂN VƯƠNG	
THIẾT KẾ VẼ: KS. T.Q.VƯƠNG	
KIỂM DUYỆT: KS. NGUYỄN QUÂN VƯƠNG	
NGÀY HOÀN THÀNH:	
BẢN VẼ:	BẢN VẼ CHI TIẾT
KÝ HIỆU:	BVCT-28

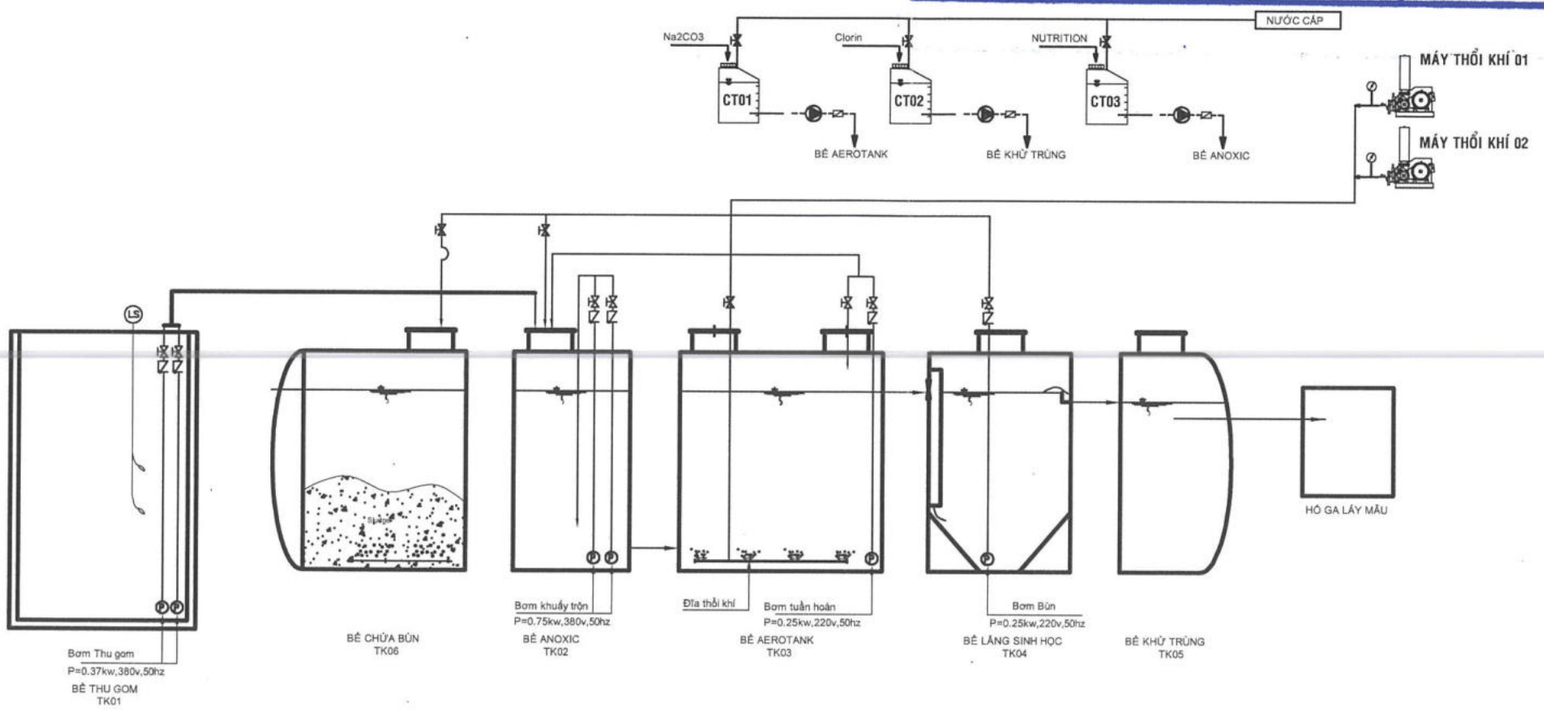
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DAE YUN

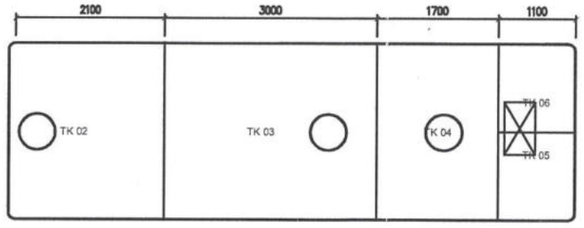
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..01..tháng..11..năm..2025

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
Nguyễn Quang Vũ	Nguyễn Thái Cường	

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT
CÔNG SUẤT 50 M3/NGÀY ĐÊM





MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TÊN DỰ ÁN /PROJECT NAME :
NHÀ MÁY E.Z SPORTS VINA

CHỦ ĐẦU TƯ /CLIENT:
CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA
Đc:KCN Nhơn Trạch I, Xã Phú Hội Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
CHO MYUNG HWAN

CHẤP THUẬN: APPROVAL BY :

NHÀ THẦU /CONTRACTOR :
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DAE YUN
Đc:Số 11A(R4-90) đường nội khu Hưng Gia 1, Phường Tân Hưng, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

CHẤP THUẬN: APPROVAL BY : Min Won Ki

CHECK BY:		
THỰC HIỆN: CREATE BY:		

- ☐ BẢN VẼ THIẾT KẾ / DESIGN DRAWING
- ☐ BẢN VẼ THI CÔNG / SHOP DRAWING
- ☒ BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS-BUILT DRAWING

TÊN BẢN VẼ /DRAWING TITLE :

NGÀY /DATE :

SỐ BẢN VẼ /DRAWING NO : | TỈ LỆ:

ĐIỀU CHỈNH/ REVISIONS:

NGÀY / DATE	MÔ TẢ / DESCRIPTION

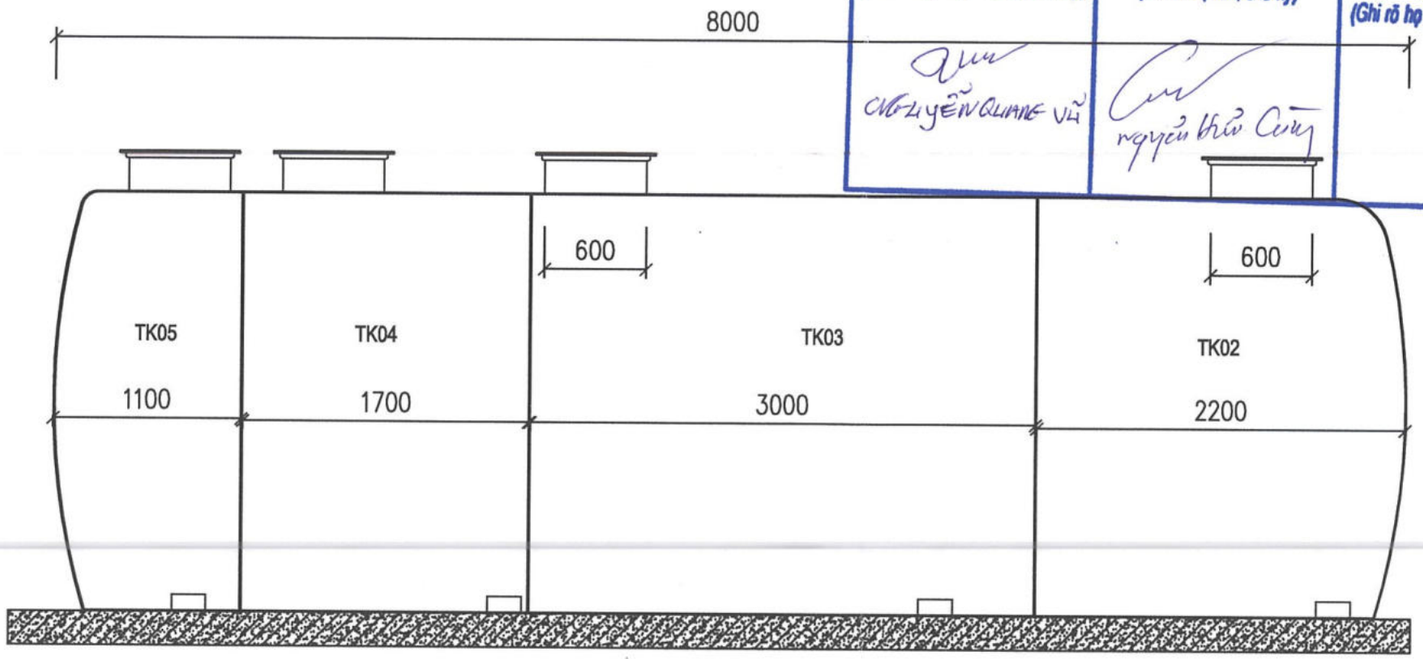
HẠNG MỤC
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DAE YUN

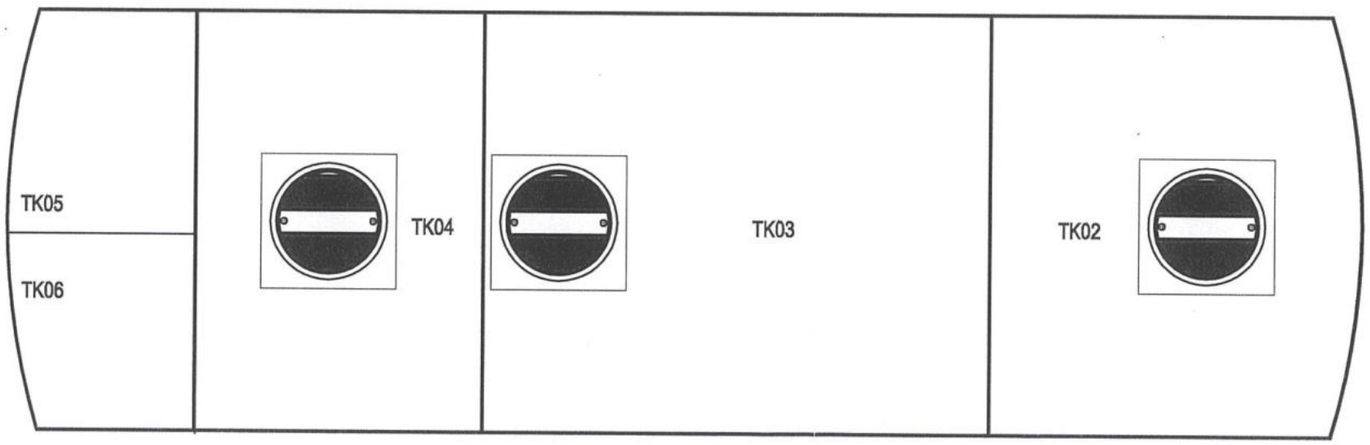
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..21..tháng..11..năm..2025

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký)	Chỉ huy trưởng (Ghi rõ họ tên, ký)	Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư (Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký)
Choi Yeon Quang Vũ	Nguyễn Khắc Cường	



MẶT ĐỨNG



MẶT BẰNG

TÊN DỰ ÁN /PROJECT NAME :
NHÀ MÁY E.Z SPORTS VINA

CHỦ ĐẦU TƯ /CLIENT:
CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA
Đc:KCN Nhơn Trạch I, Xã Phú Hội Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
CHO MYUNG HWAN

CHẤP THUẬN: APPROVAL BY :

NHÀ THẦU /CONTRACTOR :
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DAE YUN
Đc:Số 11A(R4-90) đường nội khu Hưng Gia II, Phường Tân Hưng, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

CHẤP THUẬN: APPROVAL BY : Min Won Ki

CHECK BY:
THỰC HIỆN: CREATE BY:

- ☐ BẢN VẼ THIẾT KẾ / DESIGN DRAWING
- ☐ BẢN VẼ THI CÔNG / SHOP DRAWING
- ☒ BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS-BUILT DRAWING

TÊN BẢN VẼ /DRAWING TITLE :

NGÀY /DATE :

SỐ BẢN VẼ /DRAWING NO : | TỈ LỆ:

ĐIỀU CHỈNH/ REVISIONS:

NGÀY / DATE	MÔ TẢ / DESCRIPTION

HẠNG MỤC

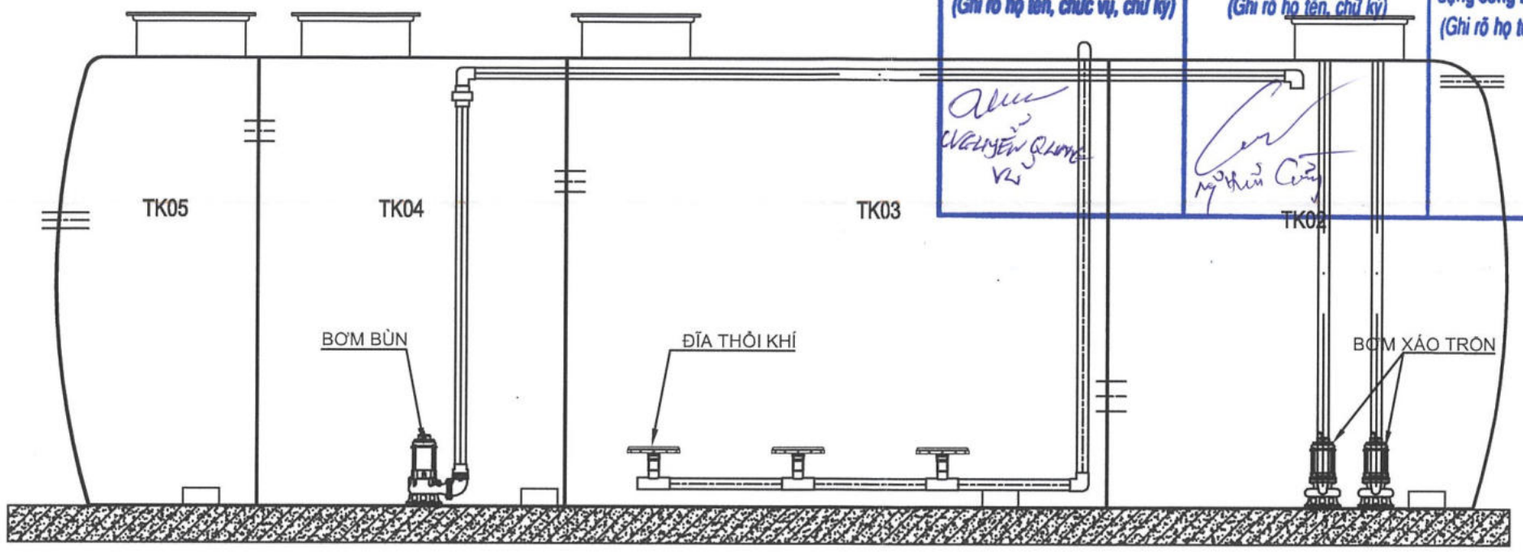
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DAE YUN

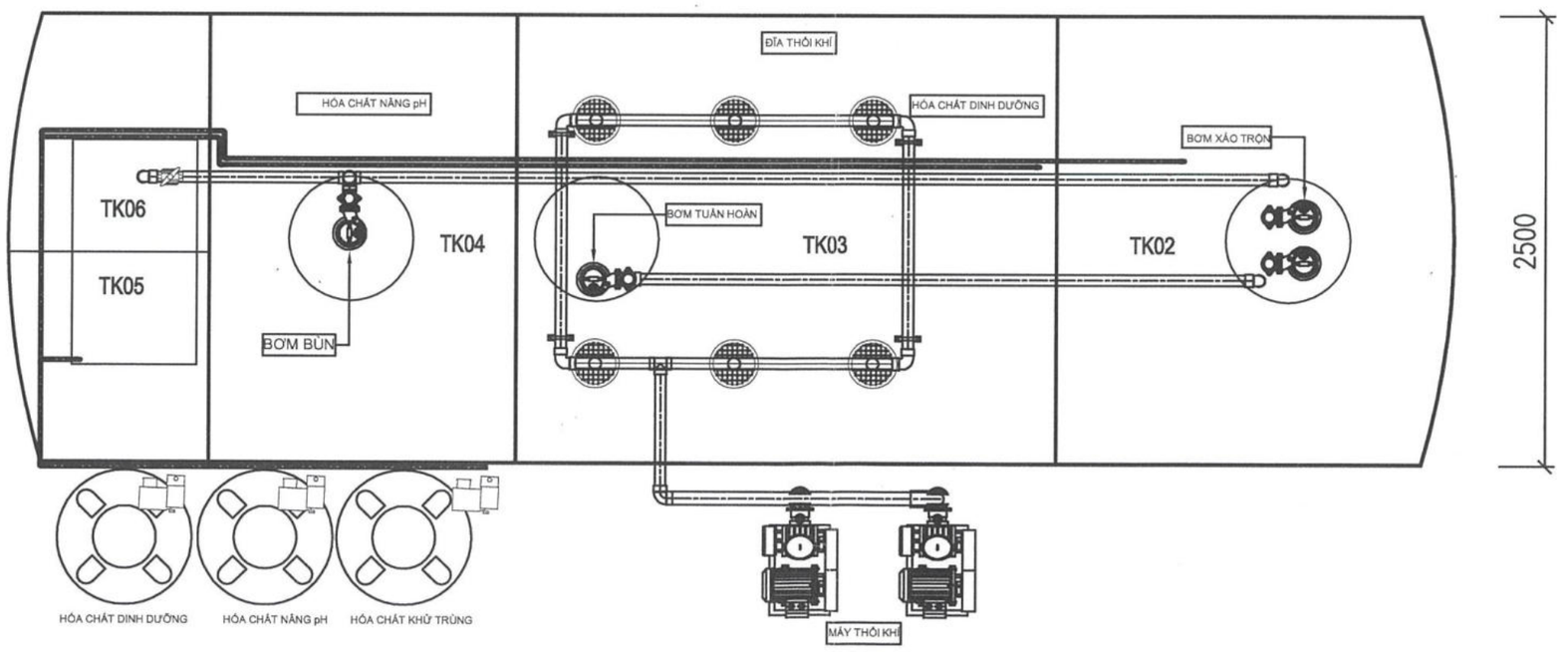
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..01...tháng..11...năm..2025

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
NGUYỄN QUỐC VŨ		



MẶT CẮT LẮP THIẾT BỊ



MẶT BẰNG LẮP ĐƯỜNG HÓA CHẤT

TÊN DỰ ÁN /PROJECT NAME :
NHÀ MÁY E.Z SPORTS VINA

CHỦ ĐẦU TƯ /CLIENT:
CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA
Đc:KCN Nhơn Trạch I, Xã Phú Hội Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CHO MYUNG HWAN

CHẤP THUẬN: APPROVAL BY :

NHÀ THẦU /CONTRACTOR :
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DAE YUN
Đc:Số 11A(R4-90) đường nội khu Hưng Gia 1, Phường Tân Hưng, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

CHẤP THUẬN: APPROVAL BY : Min Won Ki

CHECK BY:	
THỰC HIỆN: CREATE BY:	
☐	BẢN VẼ THIẾT KẾ / DESIGN DRAWING
☐	BẢN VẼ THI CÔNG / SHOP DRAWING
☒	BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS-BUILT DRAWING

TÊN BẢN VẼ /DRAWING TITLE :

NGÀY /DATE :

SỐ BẢN VẼ /DRAWING NO : | TỈ LỆ:

ĐIỀU CHỈNH/ REVISIONS:

NGÀY / DATE	MÔ TẢ / DESCRIPTION

HẠNG MỤC

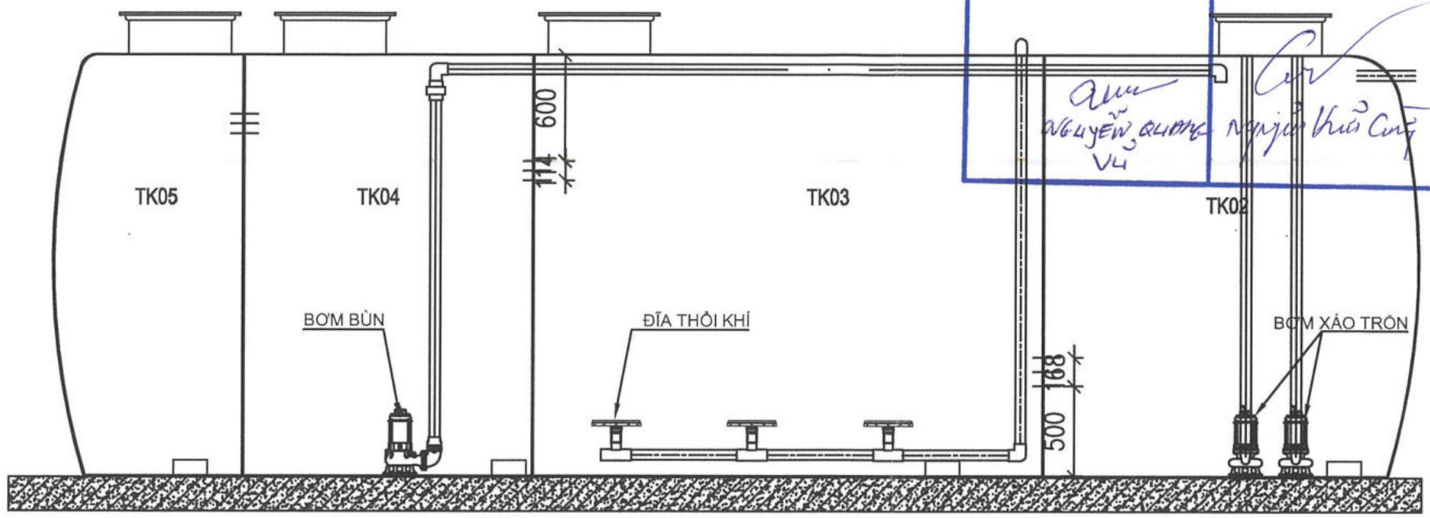
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DAE YUN

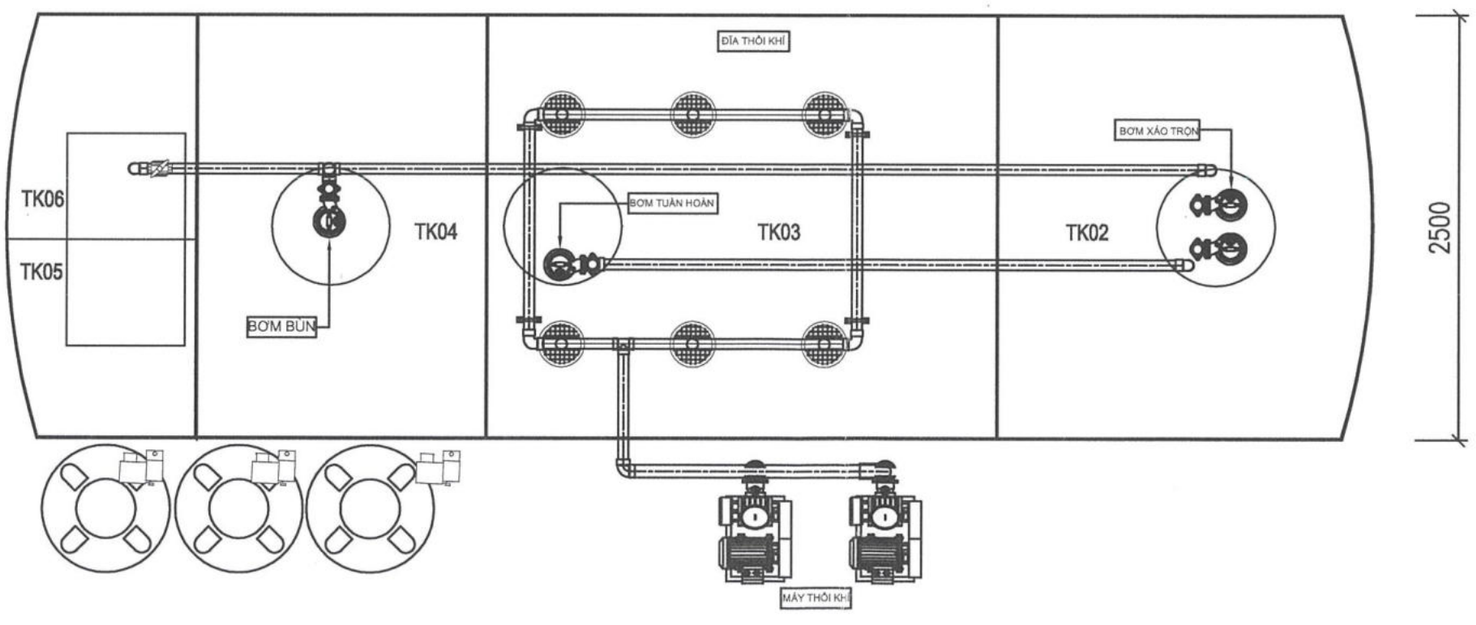
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..01...tháng..11..năm..2023..

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
NGUYỄN QUỐC VŨ	Nguyễn Khắc Công	



MẶT CẮT LẮP THIẾT BỊ



MẶT BẰNG LẮP ĐƯỜNG KHÍ

TÊN DỰ ÁN /PROJECT NAME :
NHÀ MÁY E.Z SPORTS VINA

CHỦ ĐẦU TƯ /CLIENT:
CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA
Đc:KCN Nhơn Trạch I, Xã Phú Hội Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CHẤP THUẬN/ APPROVAL BY : CHO MYUNG HWAN

NHÀ THẦU /CONTRACTOR :
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DAE YUN
Đc:Số 11A(R4-90) đường nội khu Hưng Gia 1, P.Phường Tân Hưng, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

CHẤP THUẬN/ APPROVAL BY : Min Won Ki

CHECK BY:	
THỰC HIỆN/ CREATE BY:	
☐	BẢN VẼ THIẾT KẾ / DESIGN DRAWING
☐	BẢN VẼ THI CÔNG / SHOP DRAWING
☒	BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS-BUILT DRAWING

TÊN BẢN VẼ /DRAWING TITLE :

NGÀY /DATE :

SỐ BẢN VẼ /DRAWING NO : | TỈ LỆ:

ĐIỀU CHỈNH/ REVISIONS:

NGÀY / DATE	MÔ TẢ / DESCRIPTION

HẠNG MỤC

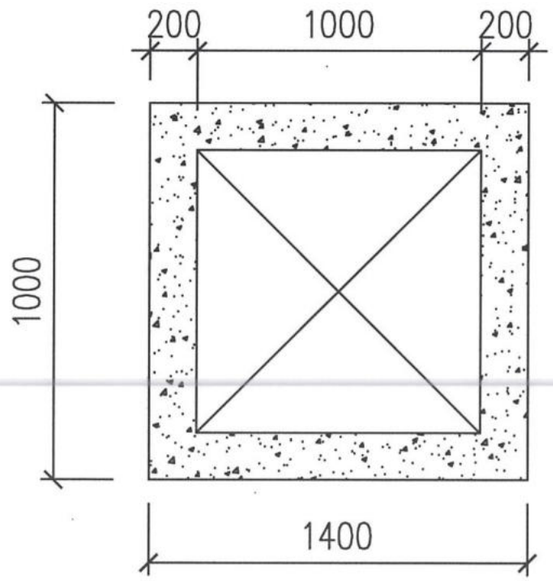
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DAE YUN

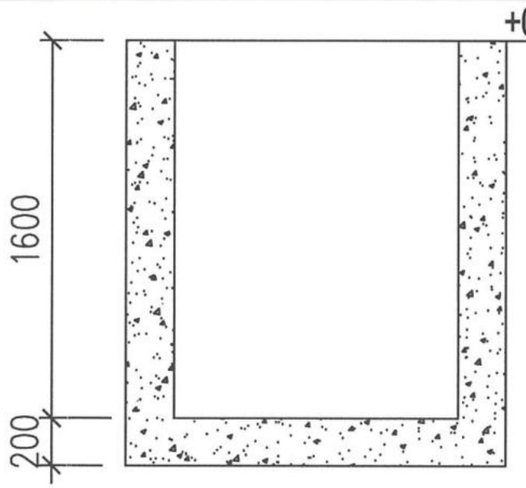
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.01...tháng...11...năm..2021

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
CVC HUYỀN QUANG VŨ	Nguyễn Khắc Cường	



MẶT BẰNG



MẶT CẮT

HỐ GA THU GOM

TÊN DỰ ÁN /PROJECT NAME :
NHÀ MÁY E.Z SPORTS VINA

CHỦ ĐẦU TƯ /CLIENT:
CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA
Đc:KCN Nhơn Trạch I, Xã Phú Hội Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
CHO MYUNG HWAN

CHẤP THUẬN: APPROVAL BY :

NHÀ THẦU /CONTRACTOR :
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DAE YUN
Đc:Số 11A(R4-90) đường nội khu Hưng Gia 1, Phường Tân Hưng, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
Min Won Ki

CHẤP THUẬN: APPROVAL BY :

CHECK BY:
THỰC HIỆN: CREATE BY:

- ☐ BẢN VẼ THIẾT KẾ / DESIGN DRAWING
- ☐ BẢN VẼ THI CÔNG / SHOP DRAWING
- ☒ BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS-BUILT DRAWING

TÊN BẢN VẼ /DRAWING TITLE :

NGÀY /DATE :

SỐ BẢN VẼ /DRAWING NO : | TỈ LỆ:

ĐIỀU CHỈNH/ REVISIONS:

NGÀY / DATE	MÔ TẢ / DESCRIPTION

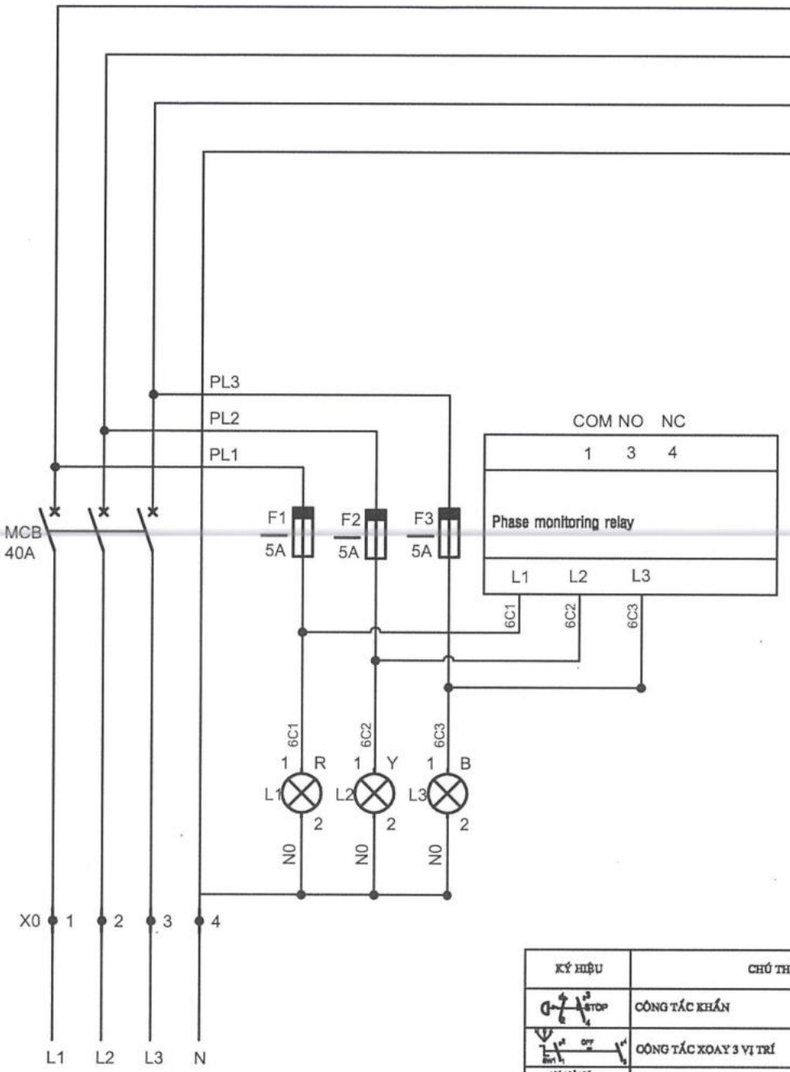
HẠNG MỤC
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DAE YUN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..11..tháng...11..năm..2023

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
CVC LUYỆN QUANG VŨ	Nguyễn Thế Cường	



KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH	KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH
	CÔNG TẮC KHẨN		TIẾP ĐIỂM THƯỜNG MỞ, THƯỜNG ĐÓNG
	CÔNG TẮC XOAY 3 VỊ TRÍ		CUỘN COIL RƠ LE
	CB TẤP 3P		TIẾP ĐIỂM THƯỜNG MỞ PHAO MỰC NƯỚC
	CONTACTOR		TIMER
	RƠ LE NHIỆT BẢO VỆ MOTOR		ĐÈN BÁO
	TERMINO		CẦU CHÌ

TÊN DỰ ÁN /PROJECT NAME :
NHÀ MÁY E.Z SPORTS VINA

CHỦ ĐẦU TƯ /CLIENT:
CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA
Đc:KCN Nhơn Trạch 1, Xã Phú Hội
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
CHO MYUNG HWAN

CHẤP THUẬN: APPROVAL BY :

NHÀ THẦU /CONTRACTOR :
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DEA YUN
Đc:Số 11A(R4-90) đường nội khu Hưng Gia 1, Phường Tân Hưng, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

CHẤP THUẬN: APPROVAL BY : Min Won Ki

CHECK BY:
THỰC HIỆN: CREATE BY:

☐ BẢN VẼ THIẾT KẾ / DESIGN DRAWING
☐ BẢN VẼ THI CÔNG / SHOP DRAWING
☒ BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS-BUILT DRAWING

TÊN BẢN VẼ /DRAWING TITLE :

NGÀY /DATE :

SỐ BẢN VẼ /DRAWING NO : | TỈ LỆ:

ĐIỀU CHỈNH/ REVISIONS:

NGÀY / DATE	MÔ TẢ / DESCRIPTION

HẠNG MỤC

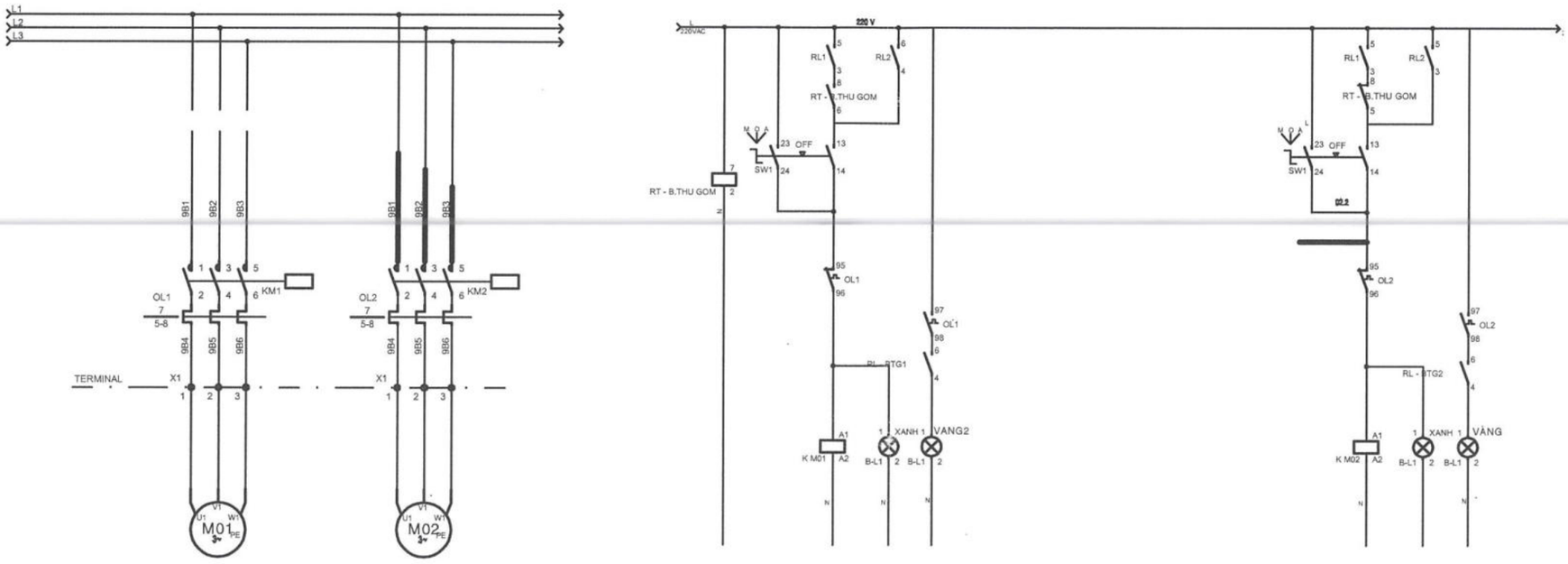
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DAE YUN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.01...tháng..11...năm.2022

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
NGUYỄN QUANG VŨ		



MẠCH ĐỘNG LỰC VÀ MẠCH ĐIỀU KHIỂN BƠM THU GOM

TÊN DỰ ÁN /PROJECT NAME :

NHÀ MÁY E.Z SPORTS VINA

CHỦ ĐẦU TƯ /CLIENT:

CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA

M.S.D.N: 3600... CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA TỈNH ĐỒNG NAI

Đc:KCN Nhơn Trạch 1, Xã Phú Hội
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CHO MYUNG HWAN

CHẤP THUẬN: APPROVAL BY :

NHÀ THẦU /CONTRACTOR :

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DEA YUN

M.S.D.N: 0305809099 CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DAE YUN TP HỒ CHÍ MINH

Đc:Số 11A(R4-90) đường nội khu Hưng Gia 1, Phường Tân Hưng, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

CHẤP THUẬN: APPROVAL BY : Min Won Ki

CHECK BY:

THỰC HIỆN: CREATE BY:

☐ BẢN VẼ THIẾT KẾ / DESIGN DRAWING

☐ BẢN VẼ THI CÔNG / SHOP DRAWING

☒ BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS-BUILT DRAWING

TÊN BẢN VẼ /DRAWING TITLE :

NGÀY /DATE :

SỐ BẢN VẼ /DRAWING NO : | TỈ LỆ:

ĐIỀU CHỈNH/ REVISIONS:

NGÀY / DATE	MÔ TẢ / DESCRIPTION

HẠNG MỤC

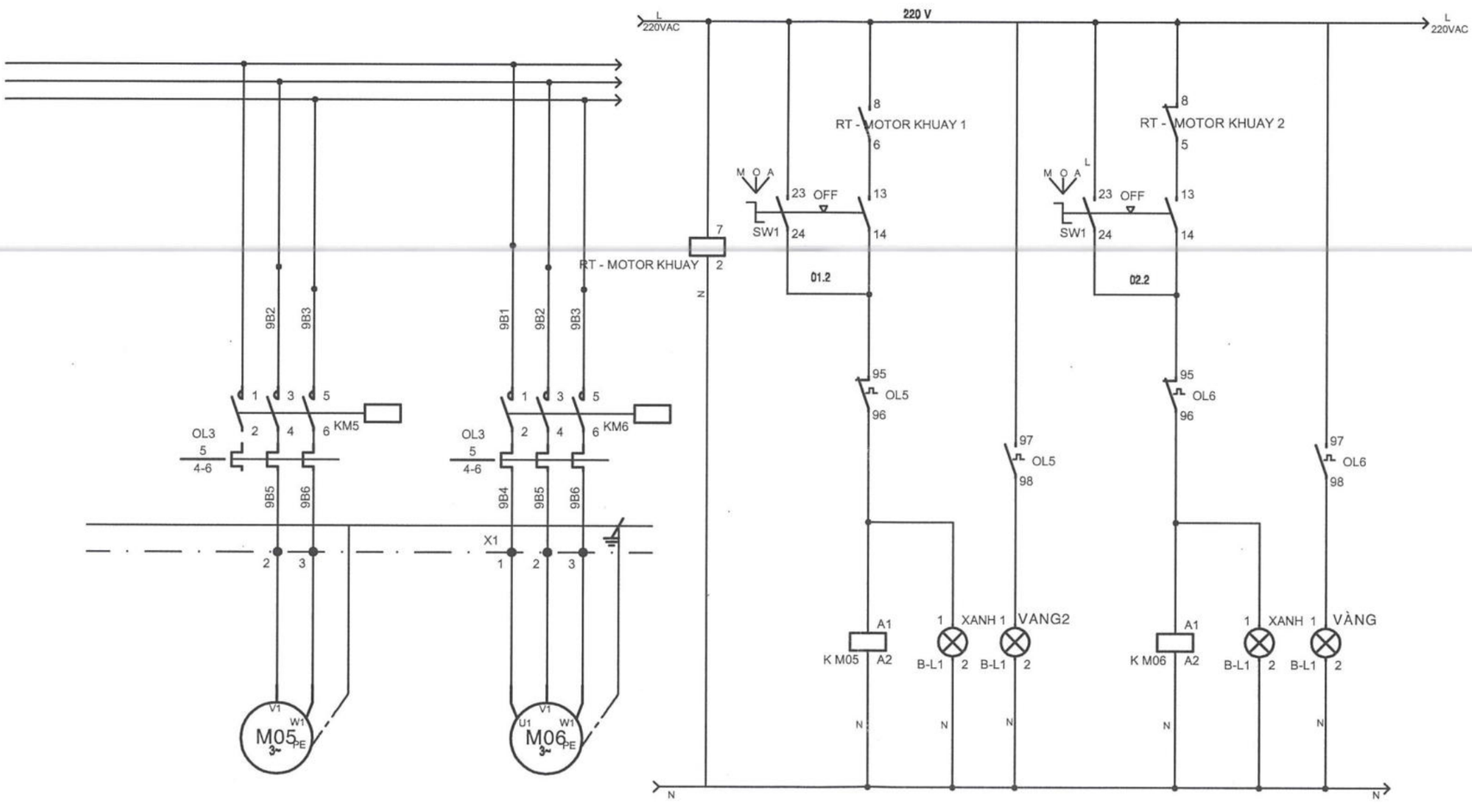
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DAE YUN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..01..tháng..11...năm..2025.

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
NGUYỄN QUANG VŨ	Nguyễn Khắc Cường	



MẠCH ĐỘNG LỰC VÀ MẠCH ĐIỀU KHIỂN BƠM XÁO TRỘN

TÊN DỰ ÁN /PROJECT NAME :
NHÀ MÁY E.Z SPORTS VINA

CHỦ ĐẦU TƯ /CLIENT:
CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA
Đc:KCN Nhơn Trạch I, Xã Phú Hội Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CHẤP THUẬN/ APPROVAL BY : CHO MYUNG HWAN

NHÀ THẦU /CONTRACTOR :
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DEA YUN
Đc:Số 11A(R4-90) đường nội khu Hưng Gia 1, Phường Tân Hưng, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

CHẤP THUẬN/ APPROVAL BY : Min Won Ki

CHECK BY:
THỰC HIỆN/ CREATE BY:

- ☐ BẢN VẼ THIẾT KẾ / DESIGN DRAWING
- ☐ BẢN VẼ THI CÔNG / SHOP DRAWING
- ☒ BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS-BUILT DRAWING

TÊN BẢN VẼ /DRAWING TITLE :

NGÀY /DATE :

SỐ BẢN VẼ /DRAWING NO : | TỈ LỆ:

ĐIỀU CHỈNH/ REVISIONS:

NGÀY / DATE	MÔ TẢ / DESCRIPTION

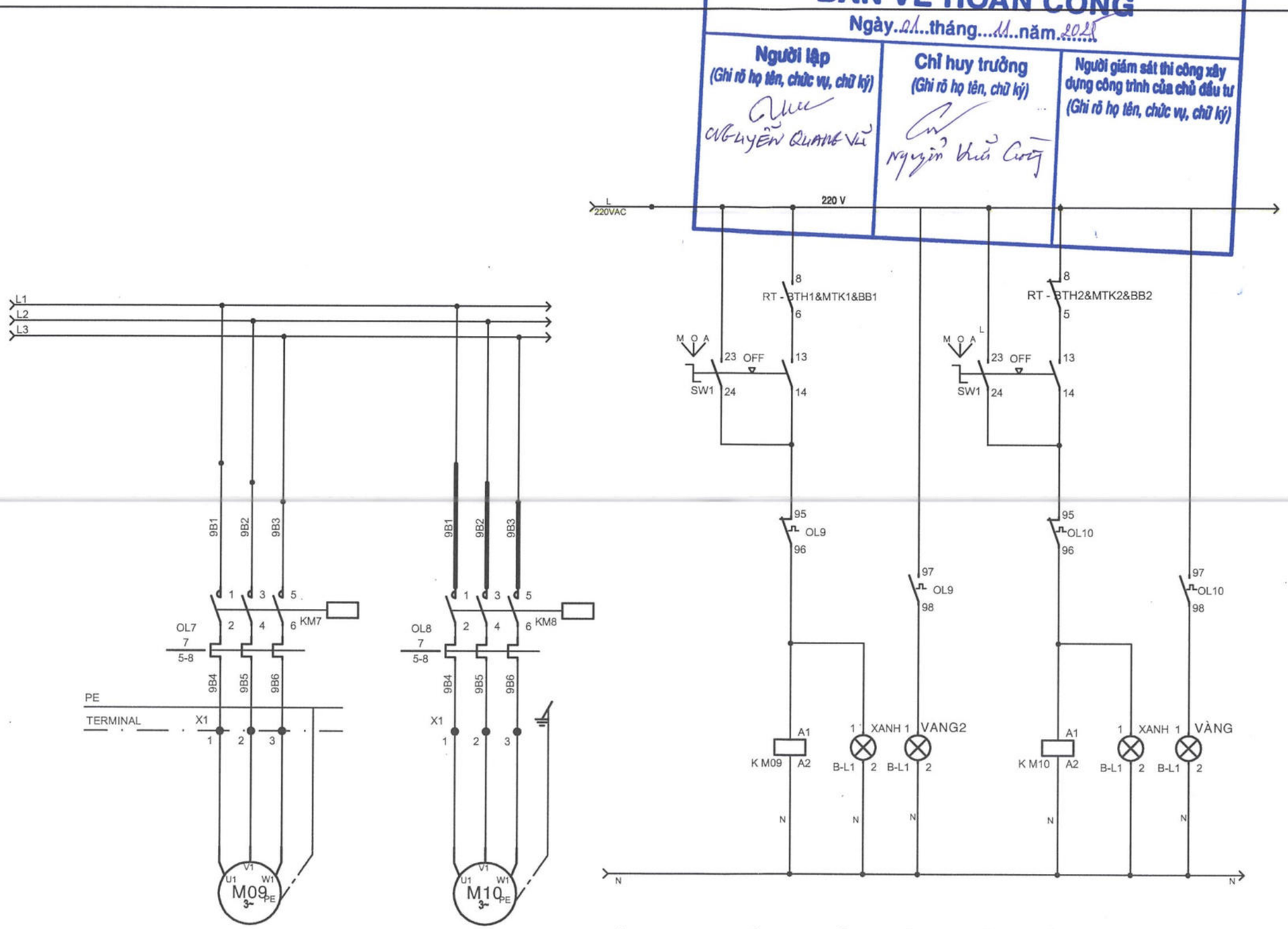
HẠNG MỤC
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DAE YUN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..01..tháng...11..năm..2021

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
NGUYỄN QUANG VŨ	Nguyễn Khắc Cường	



MẠCH ĐỘNG LỰC VÀ MẠCH ĐIỀU KHIỂN MÁY THỔI KHÍ

TÊN DỰ ÁN /PROJECT NAME :

NHÀ MÁY E.Z SPORTS VINA

CHỦ ĐẦU TƯ /CLIENT:

CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA

Đc:KCN Nhơn Trạch I, xã Phú Hội Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CHẤP THUẬN: APPROVAL BY : CHO MYUNG HWAN

NHÀ THẦU /CONTRACTOR :

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DEA YUN

Đc:Số 11A(R4-90) đường nội khu Hưng Gia 1, Phường Tân Hưng, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

CHẤP THUẬN: APPROVAL BY : Min Won Ki

CHECK BY:		
THỰC HIỆN: CREATE BY:		

- ☐ BẢN VẼ THIẾT KẾ / DESIGN DRAWING
- ☐ BẢN VẼ THI CÔNG / SHOP DRAWING
- ☒ BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS-BUILT DRAWING

TÊN BẢN VẼ /DRAWING TITLE :

NGÀY /DATE :

SỐ BẢN VẼ /DRAWING NO : | TỈ LỆ:

ĐIỀU CHỈNH/ REVISIONS:

NGÀY / DATE	MÔ TẢ / DESCRIPTION

HẠNG MỤC

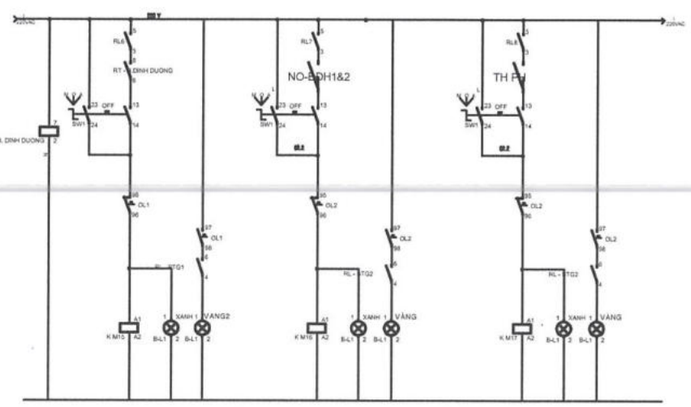
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

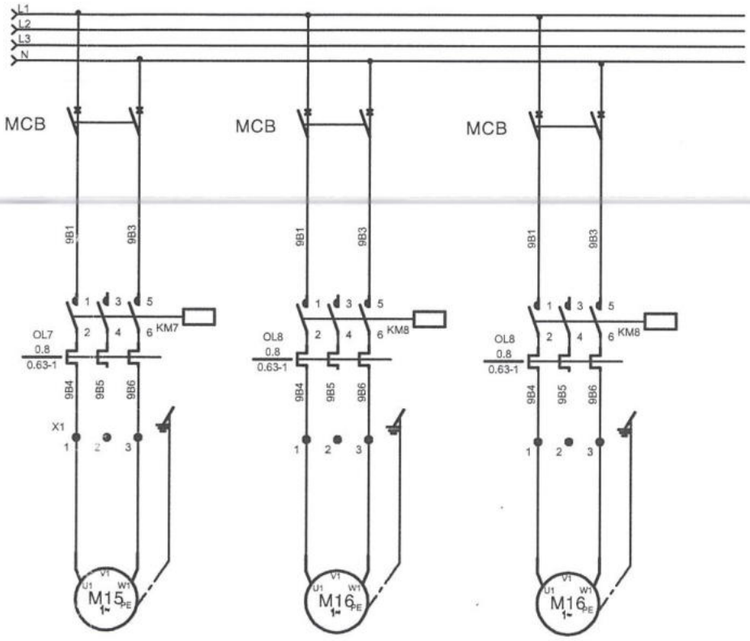
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DAE YUN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.01..tháng.10.....năm.2025

Người lập (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	Chỉ huy trưởng (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	Người giám sát thi công xây dựng công trình của chủ đầu tư (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
UB HUỲNH QUANG VŨ	Nguyễn Thế Cường	





KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH	KÝ HIỆU	CHÚ THÍCH
	CÔNG TẮC KHẨN		TIẾP ĐIỂM THƯỜNG MỞ, THƯỜNG ĐÓNG
	CÔNG TẮC XOAY 3 VỊ TRÍ		CUỘN COIL RƠ LE
	CB TẾP 3P		TIẾP ĐIỂM THƯỜNG MỞ PHAO MỰC NƯỚC
	CONTACTOR		TIMER
	RƠ LE NHIỆT BẢO VỆ MOTOR		ĐÈN BÁO
	TERMINO		CẦU CHÌ

MẠCH ĐỘNG LỰC VÀ MẠCH ĐIỀU KHIỂN BƠM ĐỊNH LƯỢNG

TÊN DỰ ÁN /PROJECT NAME :
NHÀ MÁY E.Z SPORTS VINA

CHỦ ĐẦU TƯ /CLIENT:
CÔNG TY TNHH E.Z SPORTS VINA
Đc:KCN Nhơn Trạch 1, Xã Phú Hội Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CHẤP THUẬN: APPROVAL BY : CHO MYUNG HWAN

NHÀ THẦU /CONTRACTOR :
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DEA YUN
Đc:Số 11A(R4-90) đường nội khu Hưng Gia 1, Phường Tân Hưng, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

CHẤP THUẬN: APPROVAL BY : Min Won Ki

CHECK BY:
THỰC HIỆN: CREATE BY:

- ☐ BẢN VẼ THIẾT KẾ / DESIGN DRAWING
- ☐ BẢN VẼ THI CÔNG / SHOP DRAWING
- ☒ BẢN VẼ HOÀN CÔNG / AS-BUILT DRAWING

TÊN BẢN VẼ /DRAWING TITLE :

NGÀY /DATE :

SỐ BẢN VẼ /DRAWING NO : TỈ LỆ:

ĐIỀU CHỈNH/ REVISIONS:

NGÀY / DATE	MÔ TẢ / DESCRIPTION

HẠNG MỤC
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI